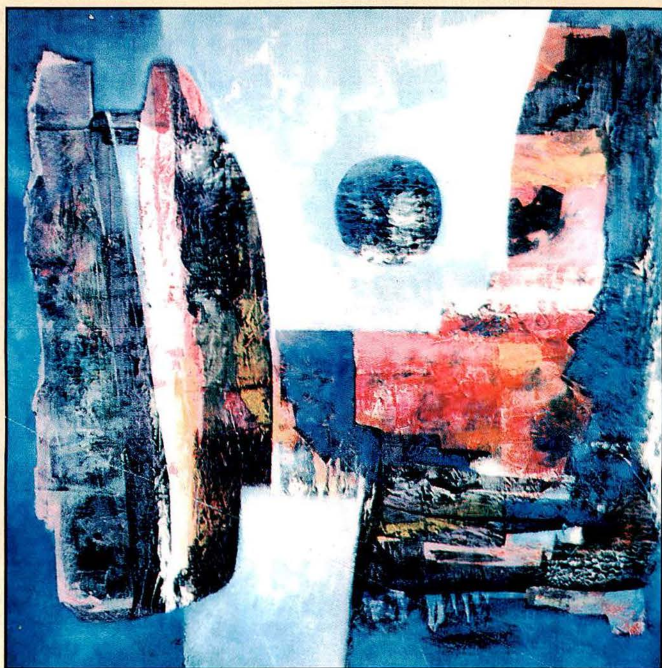
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO



số 35
6 & 7, 1997

HÒA ĐA • NGUYỄN XUÂN QUANG • NGUYỄN VĂN HẠNH • NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH • NHƯ TRỊ BÙI CHÁNH THỜI • TẠ TRỌNG HIỆP • PHAN HUY LÊ • CLAUDINE SALMON • NGUYỄN HỮU LÊ

DOÃN QUỐC SỸ • DU TỬ LÊ • VÕ ĐÌNH • NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC • PHAN THỊ VÀNG ANH • PHAN NHẬT NAM • PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN • LÊ LẠC GIAO • HEINRICH BOLL • L.T.LINH • BERNARD MALAMUD • NGU YÊN • NGUYỄN ĐÔNG HOÀNG • Y BAN • NGỤY NGỮ • ĐỖ QUANG NGHĨA • ĐINH LINH • NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG • NGUYỄN MẠNH TRINH • ĐỖ THÌ KÊNH G. • ĐỖ QUYÊN • HUỆ THU • HUY TƯỞNG • BÙI HOẰNG VỊ • NGUYỄN NHƯ MÂY • THẬN NHIÊN • PHẠM NHÃ DỰ • QUẾ SƠN • PHAN NHIÊN HẠO • NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT • THƯỜNG QUÁN • LÊ MINH HÀ • QUỲNH THI



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

http://members.aol.com/tchl/hopluu.htm

Tel: (714)537-5229 • E-mail: tchl@aol.com

Phát hành hai tháng một kỳ • Số 35, tháng 6 & 7/1997

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419 • *Đại diện tại Houston, TX*: Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 • *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408)294-2413 • *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris. France / Tel: 33 (0) 1 45.83.19.12 • *Đại diện tại Na Uy:* Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway • *Đại diện tại Canada*: Trân Sa / Tel: (416)762-4659 &Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514)342-8018 • *Đại diện tại Australia*: Thường Quán / Tel: 61.3/ 8071.797 • *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21. 37284 - Waldkappel. Germany

Chủ trương

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Phan Tấn Hải, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh N.H, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ

chủ biên

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài

Kèm theo bài xin ghi địa chỉ, số điện thoại. Bài gửi cho *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trong trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, tránh bôi xóa quá nhiều. Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết bằng computer xin gửi bài kèm đĩa (ghi rõ dạng đang sử dụng: VNI, VNU, VPS..., và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau ba số không thấy xuất hiện, tác giả tùy nghi sử dụng. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Có thể gửi bài qua E-mail.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa KỳL ISSN: 1065-9323



HỢP LƯU

Số 35, tháng 6 & 7 năm 1997

TUYỂN TẬP THƠ VĂN



MỤC LỤC

Bìa

Tranh sơn dầu của **Đinh Cường**





THƯ TÒA SOẠN



Sau liên tiếp những số chủ đề, ban biên tập cảm thấy thấm mệt. Những vị nào từng ít nhiều liên hệ với báo chí, đều hiểu, để thực hiện được những số báo chủ đề có phẩm chất như *Hợp Lưu* đã làm, hẳn không dễ dàng, nhất là trong hoàn cảnh khó khăn về mọi mặt mà ai cũng biết. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn quan niệm, làm báo, không có nghĩa chỉ đơn thuần chọn lựa, tập hợp mỗi số một ít sáng tác thơ văn, rồi cho đánh máy, trình bày, in và tung ra thị trường, là xong. Công việc ấy không phải không cần thiết. Trái lại, nó là nhịp cầu nối liền người đọc và người viết, nó giúp độc giả có cơ hội tiếp cận với từng bước thăng trầm của đời sống văn học. Công việc ấy đã có vài tạp chí bạn đảm trách, và trong chừng mực nào đó, những tờ tạp chí này đang là những diễn đàn uy tín. *Hợp Lưu,* sinh sau đẻ muộn, nếu chỉ làm cái công việc không mấy nhọc công là bám sát gót các đàn anh: cũng tập hợp mỗi số một ít sáng tác thơ, văn, cũng cho đánh máy, trình bày, mang in và phát hành, thì phỏng có ích gì thêm cho sinh hoạt chữ nghĩa? Nếu không muốn nói, trái lại, nó khiến cho lực lượng cầm bút vốn đã ít, còn bị chia năm xẻ bảy, trở nên suy yếu. Vì hiểu được điều đó, ngay từ số ra mắt, *Hợp Lưu* tự vạch cho mình một hướng đi khác: là điểm hội tụ mọi dòng chảy của mọi chủng tộc, mọi khuynh hướng, mọi thời kỳ. Là nơi truy tầm và bảo tồn những di sản quí báu mà dân tộc Việt Nam nói riêng, nhân loại nói chung, đã sinh sản. Ngoài việc giới thiệu các sáng tác văn thơ mới lạ và tiêu biểu của các cây viết đương đại trong, ngoài nước, cũng như của thế giới, *Hợp Lưu* không quên thực hiện các số chủ đề. Cũng trong chừng mực nào đó, *Hợp Lưu* đã tạo được nhiều thành quả tốt đẹp. Các số chủ đề về Văn Cao, Mai Thảo, Hoàng Xuân Hãn, Phan Khôi, Tạ Trọng Hiệp, Tô Thùy Yên, Hội Họa Việt Nam Hiện Đại, Thơ Ca Việt Nam Hiện Đại, Âm Nhạc

Việt Nam... đều là những số báo, theo đánh giá chung của giới cầm bút và độc giả trong, ngoài nước, là những số báo phong phú và giá trị nhất từ trước đến nay của làng báo Việt Nam. Nhận xét ấy tạo cho *Hợp Lưu* một niềm hưng phấn lớn, nhưng cũng trở thành một áp lực không mấy nhẹ, *Hợp Lưu* hiểu, sẽ không thể không lưu tâm, chừng nào tờ báo còn tồn tại.

Để có thể tiếp tục đảm nhận trọng trách nặng nề vừa đề cập, *Hợp Lưu* số này tự cho phép mình "nghỉ ngơi" lấy sức. Tuy nói "nghỉ ngơi", nhưng nếu độc giả lướt mắt sơ qua phần *Mục Lục,* cũng sẽ nhận thấy một nội dung hết sức đa dạng và phong phú.

Phần biên khảo, nhận định, lý luận, chúng ta có: Hòa Đa với "Vài cảm nghĩ về tình tự dân tộc", Nguyễn Xuân Quang với "Hùng Vương, vua mặt trời", Nguyễn Văn Hạnh với "Tác phẩm và người đọc", Nguyễn Thị Chân Quỳnh với "Mối tình giữa Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du", Như Tri Bùi Chánh Thời với " Tế Hanh, quãng đời (thơ) đánh mất". Ngoài ra, *Hợp Lưu* tiếp tục cho đi nốt phần còn lại các bài viết của giáo sư Tạ Trọng Hiệp: Góp phần nghiên cứu Lê Quí Đôn: khảo đính văn bản Văn Đài Loại Ngữ và các bản dịch; Đọc cuốn hiệu chú Bích Câu Kỳ Ngộ của ông Hoàng Xuân Hãn ; Và cùng với Phan Huy Lê, Claudine Salmon, Tạ Trọng Hiệp giới thiệu và ghi chú cuốn Hải Trình Chí Lược của Phan Huy Chú.

Phần sáng tác thơ văn, độc giả sẽ được đọc các sáng tác mới nhất của các cây bút: Phan Thị Vàng Anh, Đỗ Thì Kênh G., Đỗ Quyên, Lê Lạc Giao, Huệ Thu, Huy Tưởng, Bùi Hoằng Vị, Ngu Yên, Heinrich Boll, Lý Thu Linh, Nguyễn Như Mây, Bernard Malamud, Thận Nhiên, Nguyễn Đông Hoàng, Phạm Nhã Dự, Quế Sơn, Y Ban, Nguyễn Mạnh Trinh, Phan Thị Trọng Tuyến, Phan Nhiên Hạo, Ngụy Ngữ, Nguyễn Thị Hồng Ngát, Võ Đình, Phan Nhật Nam, Đỗ Quang Nghĩa. Lê Minh Hà, Đinh Linh, Du Tử Lê, Nguyễn Hoài Phương, Quỳnh Thi, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Hữu Lê...

HỢP LƯU

HỢP LƯU

số 36, tháng 8 & 9/1997

thanh và tục trong văn chương

Mời văn hữu, độc giả đóng góp bài vở
Thời hạn chấm dứt nhận bài: trước ngày 10/8/1997



HÒA ĐA

VÀI CẢM NGHĨ VỀ TÌNH TỰ DÂN TỘC:



Vài thập niên gần đây, đã có nhiều học giả và sử gia, cả trong lẫn ngoài nước, viết về cội nguồn dân tộc Việt Nam. Họ đã cống hiến những công trình và ý kiến đáng chú ý. Có những công trình dựa trên những luận cứ khoa học, đưa ra những suy luận hợp lý; nhưng cũng có những ý kiến chủ quan lồng ít nhiều tính triết lý chung chung, mơ hồ... Tuy nhiên tất cả đều nhận rằng chúng ta là *Con Rồng Cháu Tiên*, nhưng vẫn chưa thống nhất được với nhau về cội nguồn.

Ở đây chúng tôi xin nêu lên vài suy nghĩ khi đọc những công trình và ý kiến ấy. Cũng xin nói ngay là những suy nghĩ đó có tính thông thường, thấy lạ hay không rõ thì nêu lên, mong nghe được những ý kiến khác trong tinh thần học hỏi nhau.

1. Truyền thuyết Họ Hồng Bàng theo Lĩnh Nam Chích Quái .

Chúng ta thường nhớ tới bài học Lịch sử đầu tiên trong cuốn Việt Nam Sử Lược của cụ Trần Trọng Kim : *Đế Minh, cháu ba đời vua Thần Nông* **bên Tàu,** *đi tuần thú ở phương Nam, kết duyên cùng Vụ Tiên (1) sinh một trai là Lộc Tục. Đế Minh giao cho Lộc Tục làm Vua phương Nam hiệu là Kinh Dương Vương, đặt tên nước là Xích Quỷ, ... Lộc Tục lấy con vua Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm, Sùng Lãm thay cha lên ngôi lấy hiệu là Lạc Long Quân, kết hôn cùng Âu Cơ(2): sinh một bọc trăm trứng. Nở ra trăm con trai. Một hôm,*

Lạc Long Quân nói với Âu Cơ: " Ta vốn giòng dõi Rồng sống dưới nước, nàng là giống Tiên(3), sống trên cao, thủy hỏa tương khắc. Nay ta đem năm mươi con xuống biển, nàng cùng năm mươi con ở lại đất liền, chia nước mà trị, có việc cùng nghe, không được bỏ nhau". Âu Cơ cùng các con ở lại Phong Châu, tôn người con Trưởng làm Vua, lấy hiệu Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang, truyền ngôi liên tục được 18 đời... Trước Trần Trọng Kim, Ngô Sĩ Liên cũng viết như thế. Truyền t trên do Trần Thế Pháp chép trong cuốn Lĩnh Nam Chích Quái

Điều đáng cho chúng ta suy gẫm là nội dung của truyện được ghi lại bởi Trần Thế Pháp, người Hoa sống vào cuối thế kỷ 14 dù có muốn xóa bớt dấu tích Việt đến mấy cũng không thể chối bỏ được Việt tính trong câu chuyện. Chẳng hạn như cách gọi tên: Đế Minh, Thần Nông nếu gọi theo cách người Hoa sẽ được chuyển thành Minh Đế, Nông Thần. Chúng ta thường tự nhận là con Rồng cháu Tiên vì Sùng Lãm (Lạc Long Quân) thuộc giòng giống rồng (mẹ là Long Nữ con vua Thủy phủ Hồ Động Đình) và bà nội Sùng Lãm là Tiên (Vụ Tiên) và sự kiện này cũng được xác minh trong chuyện. Người Hoa luôn muốn xâm lăng và đồng hóa Việt Nam. Hơn ngàn năm đô hộ, Hoa luôn tìm cách xóa cho hết những nét đặc thù của Việt, cho nên chúng ta chẳng lấy làm lạ khi thấy họ cho rằng Việt là một dòng thuộc Hoa. Vả lại dù cố gắng truy tìm trong sử của Trung Hoa, người ta cũng không thể tìm thấy hậu duệ nào của vua Thần Nông có tên là Đế Minh, Đế Nghi, Đế Lai. Chuyện của Trần thế Pháp chỉ là sự gán ghép chủ quan nguồn gốc H Sùng Lãm Lạc Long Quân. Thành ra chúng ta chỉ nên coi chuyện Họ Hồng Bàng trong Lĩnh Nam Chích Quái như dựa trên chuyện kể dân gian nào đó, thêm thắt những chi tiết cho có vẻ ly kỳ. Các nhà viết sử cho đến thời cận đại với xu hướng chỉ tin vào những gì do Trung Hoa ghi chép nên cũng đã lập lại gần như nguyên văn những ý kiến cũ.

2. Giả thuyết Bách Việt

Bách Việt là tên chung mà người Hoa dùng để chỉ những sắc dân **phi Hoa** (không phải người Hoa) sống ở phía Nam lưu vực sông Dương Tử (4), gồm

(1) Có nơi chép là kết hôn với con gái của Vụ Tiên
(2) Con gái Đế Lai, cháu nội Đế Nghi (cũng có nơi chép là ái thê của Đế Lai)
(3) Lẽ ra phải nói "nàng là người thường..."
(4) Thời nhà Chu, sứ giả nước Việt Thường sang triều cống, dâng chim Trĩ và sừng tê, phải qua ba lần thông ngôn mới hiểu nhau, lúc về vua cho đóng xe có kim chỉ hướng Nam để theođó mà tìm đường về. Điều này chứng tỏ người Hoa cũng công nhận Việt Thường là một xứ không chuộc chủng tộc Hoa, có ngôn ngữ riêng(ba lần thông dịch) , ở rất xa mãi tận phương Nam

các sắc dân U, Mân, Đông, Nam, Âu, Lạc... sống rải rác ở các vùng đồng bằng và đồi núi thuộc các tỉnh nam Trung Quốc và Bắc Việt Nam ngày nay. Âu Việt và Lạc Việt là hai sắc dân đã kết hợp với nhau tạo thành Âu Lạc, tiền thân của dân tộc Việt Nam bây giờ, những sắc dân khác hoặc đã bị người Hoa đồng hóa tại chỗ, hoặc tản mác ra các vùng trung du chung quanh thành các sắc dân thiểu số của Trung Hoa và Việt Nam ngày nay. Tư Mã Thiên đã nhiều lần nhắc đến nhóm Bách Việt này. Sách Sử Ký có nhắc đến : *Người Âu Lạc cắt tóc ngắn, xâm mình, chắp tay và mặc áo có vạt khép về phía trái.* Trong đoạn nói về Việt Vương Câu Tiễn, sách Sử Ký viết: *Tổ tiên của Câu Tiễn gốc người Yu (Âu?), có tục vẽ mình, cắt tóc và có những tập quán giống người Việt ở phương Nam.* Sách Giao Châu Ngoại Vực chí cũng nhắc đến nhóm Lạc Việt cư ngụ trong vùng Giao Châu(5) : *Đất g chỉ ngày xưa đã chia thành quận huyện. Đất đai có Lạc Điền, làm ruộng theo thủy triều lên xuống, dân khai khẩn ruộng, gọi là Lạc Dân, bầu lên Lạc Vương, Lạc Hầu cai trị các quận huyện....*

Hoàng Văn Chí cho rằng Lạc Việt là tên Hán Việt mà người Hoa dùng để chỉ nhóm Việt (phi Hoa) sống bằng nghề trồng lúa (Lúa, người Mường đọc là Ló, Tàu phiên âm là Ló, đọc theo âm Hán Việt là Lạc)(6)

Những học giả Pháp(7) cũng nói đến sự có mặt của nhóm Bách Việt sinh sống phía Nam sông Dương Tử, bao gồm vùng Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Hải Nam ... và lan xuống đến vùng trung du và đồng bằng Bắc phần của Việt Nam ngày nay.

Các tác giả Kim Định, Nam Thiên còn đi xa hơn, cho rằng chính tộc Việt ở vùng Động Đình Hồ và lưu vực sông Dương tử là cái nôi của văn hóa Đông phương, bao gồm cả triết lý sống, văn tự... Tộc Hoa khi xâm lăng Tộc Việt đã chiếm dụng những di sản văn hóa và văn minh của Tộc Việt và mạo nhận là của mình(8).

3. Nguồn gốc Việt Nam qua Nhân chủng học - Khảo cổ học.

Các nhà nghiên cứu sau này đã sử dụng những phương pháp khoa học hơn về khảo cổ, nhân chủng học, tập tính học... đã đưa ra một giả thuyết khác

(5) Tên gọi xưa của vùng của người Việt cổ sinh sống

(6) Mạc Định Hoàng văn Chí - Duy Văn Sử Quan- Cành Nam xb trang 79.

(7) Edouard Chavannes trong "Les Memoires Historiques de Se-Ma-Tsien" Leonard Aurousseau trong bài "La première Conquête Chinoise des Pays Annamites"
Madrolle trong bài "Les Populations de l'Indochine" (Theo Nguyễn Khắc Ngữ trong cuốn Nguồn Gốc Dân Tộc Việt Nam , Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Montréal 1985)

(8) Kim Chí - Hưng Việt, An Việt Houston xb. 1987 - Nam Thiên, Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng xb, Brisbane Australia 1993

về nguồn gốc của dân tộc Việt Nam . Họ cho rằng dân Việt bắt nguồn từ nhóm thổ dân ở quần đảo Polynesia, thuộc chủng tộc Melanesian, có cùng huyết thống với người Mã Lai, Nam Dương và các sắc dân khác ở bán đảo Đông Dương. Nhóm cư dân này đã phân bố trong một vùng rất rộng, bao gồm các quần đảo Nam Dương, Mã Lai, Đông Nam Á (Thái, Miến, Việt Miên Lào) quần đảo Phillipin, lan đến Nam Trung Quốc ngày nay. Nhóm này đã bị pha trộn với giống Mongoloid từ phía bắc tràn xuống.

Đến đây chúng ta thấy có nhiều nhận định khác nhau:

1. Trần Quốc Vượng cho rằng trong quá trình hình thành dân tộc Việt, trong sự pha trộn các chủng Mongoloid, Australoid và Melanesian, những dấu chỉ của chủng Mongoloid đã đẩy lui các yếu tố của các chủng kia.

2. Nguyễn Khắc Ngữ lại cho rằng trong sự pha trộn ấy, tính Mongoloid không át nổi những đặc điểm của các sắc dân từ hải đảo phía nam đi lên(9). Nguyễn khắc Ngữ đã dựa vào các công trình đo đạc các chỉ số trên sọ người tiền sử qua nhiều giai đoạn, từ cổ sơ đến cận đại, đào được tại nhiều nơi của các nhà khảo cổ để đi đến kết luận trên.

3. Một số học giả khác dựa vào cấu trúc của âm điệu trong tiếng Việt, để cho rằng người Việt tiên khởi là một sự hợp chủng của những cư dân nói tiếng Môn - Khmer (gốc hải đảo) với dân nói tiếng Thái (gốc Nam Á)(10) hay người Việt có nguồn gốc Malayo-Polenisean khi so sánh tiếng Việt và tiếng Chàm cổ(11).

4. Hoàng văn Chí lại cho rằng người Việt (và các giống dân cư ngụ trong vùng) phát xuất từ vùng Bắc Ấn Độ chuyên trồng lúa. Sau kỳ băng giá cuối cùng, họ di chuyển dần lên phía Bắc khi thời tiết ấm dần cách đây non 5000 năm(12).

Nhưng vết tích rõ nét về văn minh và văn hóa Việt Nam cổ là Trống Đồng, đào được rất nhiều trong các công trình khảo cổ. Những Trống Đồng này được Nhưng vết tích rõ khai quật ở những nơi có người Việt cổ sinh sống, phân bố trong một vùng rộng bao gồm các tỉnh phía nam Trung quốc và bắc Việt Nam(13). Hai địa điểm tập trung nhiều Trống Đồng nhất là Đông Sơn và Ngọc Lũ (Bắc phần Việt Nam). Các tác giả khi viết về văn minh Việt Nam đều nói đến Trống Đồng như một biểu tượng của Việt Nam cổ. Những hình ảnh được khắc trên Trống Đồng cho thấy những sinh hoạt, y phục, nghi lễ múa hát... có tính cách riêng biệt không tìm thấy trong văn hóa Hoa, và là lý chứng rõ nhất chứng tỏ người Việt không phải là một chi hay nhánh của Tộc

(9) Nguyễn Khắc Ngữ - sđd

(10) Vương Hoàng Tuyên - Các dân tộc gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam - Hànội 1957 (Theo Nguyễn Khắc Ngữ - sđd)

(11) Nguyễn Khắc Ngữ - sđd.

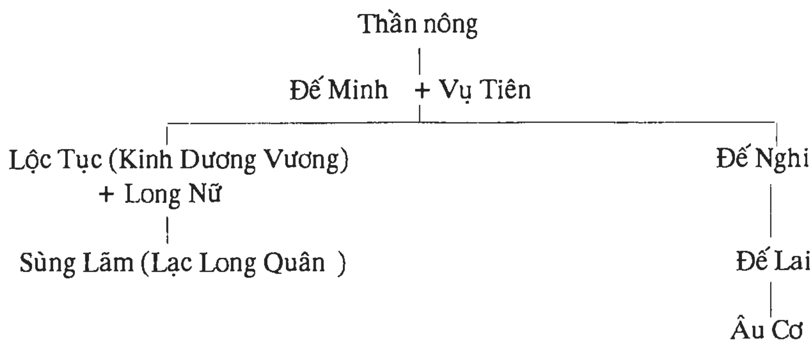
(12) Hoàng Văn Chí - Sđd trang 80,93

13) Có vài Trống Đồng tìm thấy ở Bắc Thái Lan và Lào.

Hoa. Cấu tạo của Trống Đồng phản ánh một trình độ cao về kỹ thuật đúc đồng cũng như về điêu khắc.

4. Vài Nhận Xét

Cứ theo những gì chúng ta đã học được từ tinh thần khoa học và trọng sự thật của phương Tây: chân lý xuất phát từ những hoài nghi hợp lý. Giải đáp được những vấn nạn một cách khoa học và hợp lý nhất, là chúng ta đã giải quyết được căn bản của vấn đề. Gác lại một bên những cách nhìn có tính tự tôn hay tự ti , chúng tôi nêu ra đây vài nhận xét những thuyết nói về nguồn gốc của dân tộc ta .
1. Truyền thuyết nói chúng ta là con cháu Rồng Tiên. Ở đây chúng ta không nói đến tính thần thoại trong truyền thuyết . Nhưng qua truyền thuyết, chúng ta thấy rất rõ, dân tộc Việt Nam khởi nguồn bằng sự kết hợp giữa *một nhóm thuộc vùng đồng bằng thấp và một nhóm thuộc vùng đồi núi*. hay cũng có thể thấy đó là sự kết hợp giữa một nhóm di dân và *một nhóm cư dân địa phương*. Qua lăng kính bá quyền, người Hoa đã cố ý hay vô tình gán ghép cho dân tộc Việt Nam có nguồn gốc Trung Hoa: Thần Nông. Đế Minh, Đế Nghi, Lộc Tục đều là người Tàu; cho nên , Đế Lai, Sùng Lãm, Âu Cơ đều là người Tàu. Tính theo phả hệ thì Lạc Long Quân và Âu Cơ là chú cháu, đây không phải là cách hôn phối của người Việt, người cùng huyết thống dù bên nội hay ngoại đều không được kết hôn với nhau. Biểu hiện Tiên Rồng trong chuyện họ Hồng Bàng của Trần Thế Pháp trong Lĩnh Nam Chích Quái chỉ thấy vết tích ở Vụ Tiên (vợ Đế Minh) và Long Nữ (vợ Lộc Tục) - xem cây phả hệ:



Thành ra khi chúng ta cứ lập lại những gì người trước đã viết, vô tình chúng ta đã không coi mình như là con cháu Rồng Tiên . Nhiều thần thoại

Việt Nam cho thấy người Việt không phải là hậu duệ của một chi hay nhánh nào của tộc Hoa. Những chuyện Bánh Dầy Bánh Chưng, Sơn Tinh Thủy Tinh, Trầu Cau... là những chuyện của một dân tộc sống bằng Nông nghiệp và không thấy những dị bản hay tương tự trong thần thoại Trung Hoa. Trái lại, thần thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ hay chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh lại có những chuyện tương tự trong thần thoại của người Mường (chuyện Vua Dịt Dàng và chuyện Thần Núi, Thần Sông). Cũng vậy, tục ăn trầu, quấn khăn, ăn mắm của các loài giáp xác (cua, tôm, tép, ruốc...) và các loại hải sản khác, không thấy trong sinh hoạt của người Tàu, nhưng lại khá phổ biến với các cư dân các vùng lân cận như người Miên, Thái.

Những điều nói trên cho thấy người Việt Nam có cội nguồn riêng biệt, chứ không phải phát xuất từ Hoa như Ngô Sĩ Liên hay Trần Trọng Kim đã chép lại từ Lĩnh Nam Chính Quái, hay từ những tài liệu của Tàu.

2. Người Tàu dùng chữ Bách Việt để chỉ chung nhóm cư dân phi Hoa (không phải người Hoa) sống ở phía nam sông Dương Tử, giống như người Mỹ dùng chữ Indians để chỉ chung các bộ lạc Da Đỏ trên đất Mỹ, hay như người Việt dùng chữ Đàng Thổ để chỉ người Chàm, Miên hoặc chữ Mọi để gọi chung những sắc dân thiểu số sống dọc Trường Sơn, cao nguyên Trung Phần. Chữ Bách có nghĩa là trăm, nhưng Bách Việt không có nghĩa là có một trăm giống dân Việt, mà chỉ có nghĩa là nhiều giống dân Việt. Nam Việt của Triệu Đà là một (và có thể chẳng có liên hệ huyết thống gì với Âu Lạc), Quảng Đông, Quảng Tây còn có tên là Đông Việt, Tây Việt. Điều đó cho thấy Đông, Tây, Nam, U, Mân, Âu, Lạc Việt... đều là những nhóm phi Hoa nhưng chưa chắc là cùng huyết thống như chúng ta thường ngộ nhận. Khi tộc Hoa xâm chiếm vùng nam sông Dương Tử, một số cư dân trong nhóm Bách Việt bị Tàu thôn tính và đồng hóa; một số khác chống lại, bị tiêu diệt ; một số khác di cư, tạo thành những nước khác như Thái, Miến, Lào, Việt hay biến thành những sắc dân thiểu số hiện vẫn còn như Tày, Mường, Hmong, Dao... ở Việt Nam hay Nùng, Tiều... ở Trung Quốc. Chính những nhóm Việt trong nhóm Bách Việt là cư dân có sẵn trong vùng. Truyền thuyết kể rằng *Đế Minh đi tuần thú ở phương Nam thì điều này đã chứng tỏ phương Nam đã có cư dân sinh sống từ trước rồi* . Cũng thế tên Âu Cơ khiến chúng ta liên tưởng đến nhóm Âu Việt, như vậy Âu Cơ chỉ có nghĩa là cô gái xứ Âu, cư dân có sẵn từ trước. Sùng Lãm kết duyên cùng Âu Cơ cho thấy rõ đây là sự kết hợp của một di dân với một thổ dân, và đây có thể là diễn tiến hợp lý nhất. An Dương Vương Thục Phán sau khi diệt Văn Lang của Hùng Vương lại đặt tên nước là Âu Lạc cho thấy có sự kết hợp của hai nhóm Âu Việt và Lạc Việt. Còn cho rằng vùng đất phía nam núi Ngũ Lĩnh, Động Đình Hồ, nơi phát sinh người Việt là cái nôi của văn hóa, văn tự và cả triết lý mà người Hoa đã cưỡng chiếm của người Việt là một nhận định có tính tưởng tượng, thiếu luận cứ hợp lý, không có tính thuyết phục.

3. Người tây phương có thể nhầm chúng ta, người Việt, với người Tàu, Nhật, Hàn, nhưng chúng ta có thể nhận ra những khác biệt rất rõ giữa những chủng tộc này. Với những nhận xét có tính thông thường nhất, chúng ta thấy người Việt , Thái, Lào, Miến có vẻ thuộc một nhóm, người Hoa, Nhật, Hàn thuộc nhóm khác, trong khi Miên, Chàm và một số dân thiểu số ở cao nguyên trung phần lại thuộc một nhóm khác. Theo Nguyễn Khắc Ngữ, qua những luận cứ về nhân chủng học, tổ tiên của người Việt là những người sinh sống ở quần đảo Polynesia thuộc Indonesia ngày nay. Những giống dân này giỏi nghề đi biển, đã di chuyển lên phía Bắc Á tạo thành các giống dân đầu tiên của Nhật, Hàn, Eskimo; đến tận Mỹ châu, tạo thành các thổ dân da đỏ; một số đã di cư đến vùng đông nam Á châu tạo thành các nhóm cư dân đầu tiên. Như vậy họ phải là những người rất năng động, ưa phiêu lưu, nhất là phiêu lưu bằng đường biển. Điều này dường như ngược lại với những biểu hiện của người Việt. Thật vậy, người Việt có *rất tính phiêu lưu, mạo hiểm*. Họ ít chấp nhận rủi ro, nếu chưa lâm vào đường cùng. *Ăn chắc mặc bền* là cách sống thường thấy, họ không thích *thả mồi bắt bóng*. Cả một chặng đường hơn bốn ngàn năm phát triển của dân Việt là sự phát triển dọc theo đồng bằng. Đó là tính chất của một giống dân chuyên về nông nghiệp. Lịch sử Việt Nam cho thấy *dân tộc ta đã khuếch tán dần về phương Nam dọc theo những đồng bằng canh tác được cây lúa và các nông sản phụ*. Người Việt đã sinh sống cạnh một bờ biển hơn hai ngàn kilomet và rừng núi bạt ngàn của Bắc phần và Trung phần, nhưng người Việt không có khuynh hướng phát triển về hai hướng đó. *Nhứt phá sơn lâm, nhì đâm hà bá*(14) là hai nghề bất đắc dĩ mà người Việt chịu làm, khi không còn lối thoát nào khác; trái lại công việc nông tang lại được chúng ta coi là căn bản. Chỉ cần nhìn vào thành phần dân Việt vào khoảng đầu thế kỷ 20, chúng ta đã thấy ngay thành phần nông dân Việt Nam chiếm đến hơn 90%. Làm thế nào để giải thích một dân tộc nông nghiệp như dân Việt lại có nguồn gốc từ một dân tộc sống ở hải đảo, là giống dân chuyên sống dựa vào hải sản?

Những điểm tương đồng trong ngôn ngữ hay dụng cụ, thức ăn... của người Việt và các giống dân thuộc chủng Melanesian mà các học giả đưa ra để làm luận cứ bảo vệ giả thuyết của mình có thể giải thích một cách hợp lý là khi có sự tiếp xúc nhau thì ắt có sự giao lưu về văn hóa, phong tục. Trong một vùng có nhiều sắc dân sinh sống thì sự ảnh hưởng qua lại về tập quán, ngôn ngữ...giữa những sắc dân đó là chuyện tự nhiên. Người Việt trong Nam dùng lá dừa để gói bánh nếp nhân đậu hay nhân chuối (một biến thể của bánh tét), dùng phảng (một nông cụ của người Miên) để làm ruộng, dùng khăn rằn của người Miên như một phần trong trang phục hàng ngày, đàn ông quấn quanh cổ, đàn bà quấn trên đầu; chúng ta không thấy khăn mỏ quạ hay thắt lưng nhiễu ở Nam Phần. Đó chỉ là những hình tượng của sự giao lưu về sinh

---

(14) Có nghĩa; "Thứ nhất là phá núi rừng, thứ nhì là bắt tôm cá"

độ Mẫu hệ, người Tàu gọi chung là Bách Việt. Nhờ điều kiện địa dư thuận lợi họ có một mức phát triển tương đối cao.hoạt mà thôi. Ấy là chưa kể đến những biểu hiện về văn hóa khác như ca múa cung đình có dáng dấp và âm điệu của Chàm; dân ca Nam phần có nguồn gốc pha trộn giữa dân ca Bắc phần và Hồ do nhóm người Tàu phản Thanh phục Minh đến định cư ở Nam phần trước khi người Việt tràn đến... Thành thử những hình thuyền mũi cong, nhà mái cong, hải điểu bay trên thuyền, trên các Trống Đồng Đông Sơn, Hoàng Hạ hay trên thạp Đào Thịnh tuy là những vết tích đáng chú ý nhưng chưa phải là những chứng cớ mạnh chứng tỏ tổ tiên người Việt là những thổ dân từ quần đảo Polynesia theo gió mùa dong thuyền đi lên.

5. Sự Liên Hệ giữa Việt và Mường

Khi xét về phong tục, tập quán, ngôn ngữ... Hoàng Văn Chí cho rằng hai nhóm mà sách Tàu chép là Âu và Lạc có thể là hai nhóm Mường và Tày vốn có rất nhiều liên quan về chủng tộc, văn hóa và lịch sử. Người Mường gọi những vùng họ ở là Mường (có nghĩa là làng) : Mường Lam (hay Klam) là Lam Sơn của Lê Lợi; trong khi người Tày gọi làng của họ là Chiêng : Làng Chiêng là tên Nôm của làng Yên Kênh, quê mẹ của Trịnh Kiểm.

Sự liên hệ giữa người Việt và người Mường (hiện đang sống rải rác ở các vùng cao thuộc các tỉnh Thanh Nghệ trở ra Bắc) cũng là điều đáng lưu ý. Không kể đến sự giống nhau đến kỳ lạ giữa người Việt và người Mường, chúng ta còn thấy: - Người Mường còn giữ nhiều trống Đồng và chỉ đem ra sử dụng trong những dịp trọng đại như Thổ Lang chết hay có nơi dùng trong dịp lễ cưới, Tết(15) . Có điều cần nêu rõ là người Việt ngày nay không còn giữ Trống Đồng, vậy phải chăng người Mường chính là người Việt cổ?

- Hầu hết các họ của người Việt và người Mường giống nhau như Bùi, Cao, Đinh, Hà, Hoàng, Lê, Nguyễn, Phạm, Phùng, Quách, Trần , Trịnh, Vũ...Ệ những họ này tuy do người Tàu ghi chép , nhưng không phải là ngẫu nhiên mà người Việt không có những họ riêng biệt của Tàu như Lâm, Lưu, Tăng, Tần, Trương...

- Thần thoại Mường và Việt có nhiều chuyện giống nhau.

- Tiếng Việt và tiếng Mường, theo Hoàng văn Chí, Nguyễn Khắc Ngữ, rất giống nhau, thậm chí có những tiếng Việt còn dùng ở vùng Thanh Nghệ... là tiếng Mường như *côi trốt* là cái đầu; *bọ* là *bố; bầm,* bu là *mẹ*; *mi* là *mày*... Nhân viết đến đây xin kể một chuyện có thật mà chính người viết là người trong cuộc. Lúc đó, vào năm 1965 hay 1966 gì đó, đang học Đại Học Sư Phạm Saigon, tôi có người bạn quê ở An Cựu, Huế. Những lúc đùa cợt vô ý thức,

(15) Nguyễn Khắc Ngữ, sđd tr. 99

bọn chúng tôi ưa nhại giọng Huế để trêu đùa. Có một lần anh ta bảo:

-Nì, tau nói một câu, tiếng Việt hẳn hoi, thằng mô hiểu được tau nói gì, tau hứa danh dự cõng hắn đi một vòng Saigon. Rồi chưa? *Khọ côi trốt bọ mi là gì ?*

Cả bọn nhao nhao hỏi đi hỏi lại, cuối cùng đành chịu... Sinh viên Saigon lúc đó thường hay dạy kèm để kiếm sống, tôi cũng thế. Trong số học trò tư gia của tôi, có một cô là người Huế, nguyên là nữ sinh Đồng Khánh theo gia đình vào Saigon. Thế là hôm sau đến giờ học kèm, thày nhất định bắt trò phải giải thích câu trên, trò nghe xong rũ ra cười, nhất định không nói... cuối cùng trò chỉ chấp nhận giải nghĩa trên giấy mà thôi. Vâng, bạn đọc đã hiểu tại sao trò lại không dám nói ra vì câu đó có nghĩa là : *gõ* (khọ, khỏ) *trên đầu* (côi trốt) *cha mày*. Tất nhiên hôm sau nữa thằng bạn người Huế của tôi lãnh đủ vài thoi.

Ta có thể nói người Mường chính là người Việt cổ thuần chủng, còn người Việt ngày nay đã có sự pha trộn rất nhiều về văn hóa và chủng tộc với người Tàu khi tiếp xúc với tộc Hoa. Nhiều nhân vật trong lịch sử chúng ta là người Mường như Đinh Bộ Lĩnh, Phùng Hưng, Lê Lợi...

6. Đâu là Cội Nguồn?

Câu hỏi **"Đâu là cội nguồn Dân Việt?"** là một câu hỏi chưa được trả lời dứt khoát với những luận cứ khoa học, khả tín. Trả lời được cho câu hỏi này cần một công trình khảo cứu đồ sộ, đòi hỏi công sức của rất nhiều học giả thuộc nhiều lãnh vực. Chúng tôi thử đưa ra một hình ảnh đáng tin cậy nhất về cội nguồn dân tộc và mong được nghe những ý kiến của những bậc cao minh.

Tất cả người Việt đều tin mình là cùng một bọc mà ra, con cháu Tiên Rồng. Ý thức đó làm người Việt biết mình khác người Hoa, người Miên... và cũng nhờ ý thức đó giúp Tộc Việt tồn tại, phát triển và không bị Hoa đồng hóa, dù chịu lệ thuộc cả ngàn năm. Có rất nhiều dữ kiện cho thấy người Việt và người Hoa là hai chủng tộc riêng biệt, tuy có ảnh hưởng trực tiếp đến nhau. Người Hoa, thuộc giống dân du mục nên có tinh thần thị tộc (cùng một họ được coi như bà con nhau); trong khi người Việt có tinh thần xóm làng, vết tích của tinh thần bộ tộc ngày xưa còn sót lại. Ngay cả đến bây giờ, người Việt đi đâu gặp người cùng làng, cùng tổng, thậm chí cùng huyện hay cùng tỉnh, cũng mừng rở coi như gặp bà con .

Qua những thần thoại, chuyện cổ tích, di tích khảo cổ, nhân chủng... chúng ta có thể thấy cội nguồn dân Việt như sau:

> *Thoạt đầu, trong vùng Nam sông Dương Tử có rất nhiều nhóm cư dân, sinh sống bằng nông nghiệp, theo chế độ Mẫu hệ, người Tàu gọi chung là Bách Việt. Nhờ điều kiện địa dư thuận lợi họ có một mức phát triển tương đối cao. Người Hoa có nguồn gốc Mongoloid, chuyên về du mục, nên giỏi về chiến đấu, lấn chiếm về phía Nam. Các nhóm Bách Việt chống không lại, một số bị thôn tính, một số di tản về phía Tây, nam và Tây Nam. Một trong những nhóm này là nhóm Lạc Việt của Sùng Lãm, sống chuyên về trồng lúa và đánh cá vùng sông nước. Chàng trai di dân họ Lạc kết duyên cùng cô gái họ Âu, có thể là thủ lãnh của Âu Việt, nhóm cư dân canh tác nông nghiệp trên vùng cao. Sự kết hợp này tạo thành một nhóm mạnh hơn:* **Âu Lạc**, *và đó là tiền thân của Việt Nam.*

Câu hỏi chưa được giải đáp thỏa đáng là các nhóm cư dân có sẵn trong vùng Nam sông Dương Tử có cội nguồn từ đâu ? Họ là những nhóm chuyên canh về lúa từ phía Bắc Ấn Độ, di chuyển dần về phía Bắc và Đông Bắc, khi thời tiết ấm dần sau thời kỳ Băng Giá cuối cùng (theo Hoàng Văn Chí) hay là những thổ dân Melanesian từ quần đảo Polynesia theo gió mùa đi lên bằng thuyền (theo Nguyễn Khắc Ngữ)?

Về truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ, ta vẫn có thể hiểu một cách tích cực những lời nói của Bố Lạc nói với Mẹ Âu : *"Ta là nòi Rồng, đứng đầu Thủy tộc*, (nên hiểu là Ta chuyên sống vùng sông nước) *Nàng là giống Tiên, sống trên núi cao* (Nàng là người đẹp sống bằng nghề nông trên vùng cao) *tuy khí âm dương hợp lại mà sinh ra con, nhưng thủy hỏa tương khắc* (hai vùng thấp cao có khác nhau) , *khó ở lâu với nhau được* (ở lâu với nhau không lợi bằng...), *nay ta đem năm mươi con về Thủy phủ chia trị các xứ* (...Ta đem năm mươi con về vùng sông nước để giữ đất). *Năm mươi con theo Nàng về ở trên đất, chia nước mà trị* (Năm mươi con ở lại với Nàng, chia nhau cai trị các địa phương). *Lên núi, xuống biển, hữu sự phải báo cho nhau biết, đừng quên."* Xem thế rõ ràng Lạc Long Quân biết rất rõ hiểm họa diệt vong, và đã bàn với Âu Cơ chia lực lượng để làm thế ỷ giốc. Nhân chuyện chia con, có người cho nhận xét truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ cho thấy nền tảng gia đình Việt Nam khởi đầu bằ sự ly dị; nhận xét đó vô cùng hời hợt. *Sự chia con, mà ta nên hiểu là chia dân, là một chiến lược mà tổ tiên ta đã nghĩ ra để sinh tồn, tương trợ nhau*. Và có lẽ nhờ thế mà tộc Việt tồn tại sau cả ngàn năm Bắc Thuộc. (Cho đến ngày nay, việc *chia để sinh tồn* vẫn còn trong huyết quản của người Việt. Sau 54, hơn một triệu người Việt di cư vào Nam, đã không biết có bao nhiêu gia đình đã chia con làm hai, chồng mang một nửa, vợ mang một nửa, rủi ro có chuyện gì cũng chỉ mất có một nửa mà thôi. Đến giai đoạn 75, một lần nữa chúng ta lại thấy bản năng sinh tồn này lại bộc phát mạnh

mẽ. Khi vượt biên, gia đình thường tách làm hai: nửa đi, nửa ở hay cả hai nửa cùng đi nhưng theo hai hướng hay hai chuyến khác nhau. Định cư được rồi, nửa này tương trợ hay bảo lãnh nửa kia. Hơn ai hết những người Việt hiện đang định cư trên xứ người cảm nhận được điều này sâu sắc nhất...)

Lạc Long Quân Sùng Lãm chỉ là một thủ lãnh trong số rất nhiều chàng trai di dân tránh họa xâm lăng của Tộc Hoa, và sách Lĩnh Nam Chích Quái chỉ chép chuyện của Sùng Lãm thôi, tất nhiên thêm thắt những yếu tố về nguồn gốc tộc Hoa cho Sùng Lãm. Người Tàu sang cai trị nước ta, dùng chữ Tàu để ghi chép sự việc, giấy tờ, công văn. Nên nhớ chữ Tàu chỉ xuất hiện từ thời Thương, thế kỷ 15 TTL., trong khi chuyện về nước Văn Lang, Hùng Vương xảy ra trước đó 13 thế kỷ, người Tàu nghe kể và ghi chép lại theo ý của họ, làm sao tránh được thiên lệch, và đó cũng là lý do giải thích tại sao chúng ta lại có rất ít sử liệu về đời Hùng Vương: 25 thế kỷ mà chỉ có 18 đời Vua Hùng (Thục Phán diệt Văn Lang vào năm 227 TTL). Vậy thì mỗi vua Hùng trị vì khoảng 140 năm hay người Tàu chép chuyện chỉ nghe kể chuyện của 18 vị vua Hùng sáng giá mà thôi? Trong khi đó những chuyện cổ tích truyền trong dân gian lại có rất nhiều (Sự tích Trầu Cau, Bánh Dầy Bánh Chưng, Sơn Tinh Thủy Tinh, Phù Đổng Thiên Vương...). Chúng ta không thể tin vào những gì sách Tàu chép về chúng ta.

Như đã trình bày, việc truy tìm cội nguồn của dân tộc Việt Nam đòi hỏi nhiều công sức của nhiều học giả, thuộc nhiều ngành khác nhau và đó là một công trình đồ sộ. Bằng những phương pháp khoa học và những suy luận hợp lý, chúng ta tin sẽ tìm được cội nguồn của dân tộc. Những ý tưởng nêu trên chỉ là một hướng nhìn mới có tính tích cực về Cội nguồn Dân tộc, mong ước được nhận những ý kiến khác từ những bậc trí giả.

HÒA ĐA
Houston, tháng 7/1996

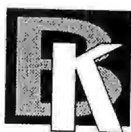
VŨ THƯ HIÊN

ĐÊM GIỮA BAN NGÀY

(Hồi Ký Chính Trị Của Một Người Không Làm Chính Trị)

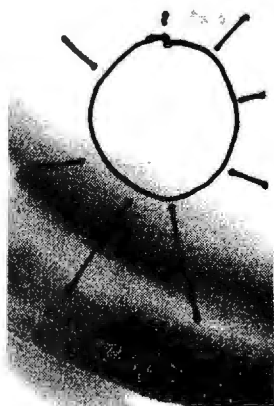
Bìa Kh. Trường. Dày ngót 800 trang. Giá 28MK. Ngoài Mỹ thêm 4MK

Văn Nghệ *xuất bản*
P.O.Box 2310 Westminster, CA 92683. USA • 714-527-5761



NGUYỄN XUÂN QUANG

HÙNG VƯƠNG, VUA MẶT TRỜI



LTG: *Trước đây qua bài viết "Ađuốk Ông là Ai? (Y Tế Phổ Thông số 27, bộ III, tháng 3, 1995, tr.36-39)" và "Nhận Diện Danh Tính Vua Tổ Hùng Vương" (Y Học Thường Thức, số 13 tháng 4, 1996, tr.3-8), chúng tôi đã chứng minh là vua Hùng là vua Mặt Trời và đi sâu hơn nữa là vua Hừng tức vua Mặt Trời Mọc, Vua Hừng Rạng. Năm nay nhân mùa giỗ tổ Hùng vương chúng tôi xin đưa ra thêm những dữ kiện ngôn ngữ trong việc nhận diện danh tính vua Tổ Hùng vương.*

*

Nhận diện danh tính và chân tướng Hùng vương đã là một đề tài tốn rất nhiều giấy mực và tranh cãi của nhiều học giả việt Nam gần cả thế kỷ nay. Còn nhiều điều mù mờ chưa rõ về vị vua tổ của chúng ta. Thậm chí có người còn nêu nghi vấn có vua Hùng thật sự hay không? Hùng vương và Lạc vương là một hay là hai? Sự kiện này đã gây ra tranh cãi nhiều. Kẻ nói không, người nói có.

Các tác giả trước đây Nam cũng như Bắc dưới thời phong kiến , thời thực dân Pháp thuộc cho tới nay thường tranh cãi về Hùng vương hay Lạc vương nhưng rất ít có người đi tìm nghĩa Hùng vương là gì. Muốn biết rõ Hùng vương có thật hay không và có phải là Lạc vương hay không trước hết ta phải hiểu Hùng là gì? Lạc là gì? Trong phạm vi bài viết này xin giới hạn trong việc truy tìm danh tính vua Hùng qua ngữ học. Rồi sau đó sẽ bàn đến vua Hùng

và vua Lạc là hai hay là một? Trước hết xin duyệt qua các ý kiến, những khảo cứu của các tác giả trước đây.

CÁC TÁC GIẢ MIỀN NAM TRƯỚC 1975

Phái chống lại Hùng vương:

• Nguyễn Phương: Hùng vương không có thật chỉ là "những truyện trâu ma rắn thần" (Bách khoa số 197).

• Phạm văn Sơn trong Việt sử tân biên dựa theo H. Maspero cho rằng chữ Hùng và chữ Lạc viết nhầm lẫn với nhau.

Phái Hùng vương:

Phái này cho là có Hùng vương gồm Bùi hữu Sủng, Phạm Hoàn Mỹ, Nguyễn Khắc Kham, Vương Hồng Sển, Đỗ Trọng Huề, Nguyễn Hiến Lê, Lê ngọc Trụ, Trần Viêm, Hà Duy Thuần, Bình Nguyên Lộc. Lê Kim Định...

CÁC TÁC GIẢ MIỀN BẮC

Các tác giả miền bắc qua bốn hội nghị "chuyên đề" nghiên cứu thời đại Hùng vương do Viện Khảo cổ học, Viện Sử học, Viện Bảo tàng lịch sử, Trường Đại học tổng hợp phối hợp tổ chức trong 4 năm liền 1968, 1969, 1970 và 1971 đã đi đến nhiều kết luận, trong đó có vấn đề thừa nhận là '"Các vua Hùng" , ít ra các vua cuối cùng, đã là những nhà vua thực sự' (Phạm Huy Thông, Báo cáo Chung, Hùng Vương Dựng Nước,'HVDN',t.II, tr.28). Nhưng về danh tính chân tướng Hùng vương các tác giả miền Bắc cũng chưa tìm được nghĩa thật sự của hai từ Hùng và Lạc, phần lớn tán đồng theo tác giả Trần Quốc Vượng cho vua Hùng là vua "người cầm đầu" (xem dưới) và cho rằng việc tìm chính danh Hùng vương là việc làm "khảo chứng": "Có bạn đã đánh giá rất đúng rằng sa lầy vào những cuộc tranh cãi lủn mủn đó, mất nhiều công sức mà không có mấy ý nghĩa, là kinh viện là lạc lõng. Bàn về Hùng vương, miền Nam Saigon những năm trước và có lẽ cả hiện nay nữa, vẫn đang ngụp trong vũng 'học thuật' đó" (Phạm Huy Thông, HVDN, tr.III, tr.14, tháng 7, 1973).

Tóm lại cho đến nay nói chung thì các học giả Việt đều công nhận có vua Hùng. Chúng ta coi Hùng vương là vua tổ khai quốc ra nước Việt.

Nhưng danh tính, chân tướng thật sự của vua Hùng vẫn ... bí vì vẫn ở vào ngõ cụt và nhiều học giả Việt Nam hiện nay đành làm ngơ và cho rằng đi tìm danh tính đích thực của Hùng vương là mắc bệnh "khảo chứng". Chúng tôi không quản ngại bị bệnh "khảo chứng", bị chê bai, bôi nhọ, mạ lị (vì đã dùng

thuốc phòng ngừa)... nên lại đi vào ngõ cụt này để nhận diện chân tướng Hùng vương vì nghĩ rằng đây là một vấn đề trọng đại. Một dân tộc không biết vua tổ mình là ai? tên nghĩa là gì?... quả thật là một điều đáng buồn và không chấp nhận được. Bài viết này giới hạn vào ngôn ngữ học.

Trước khi đưa ra những ý kiến của chúng tôi xin duyệt xét lại các ý kiến của các tác giả trước đây.

• Ở miền Nam

- có người thừa nhận Hùng có nghĩa là con Gấu tượng trưng cho sức mạnh (Nguyễn khắc Kham, Đại học, số 34, tháng 8, 1963).

Như thế vua tổ Hùng của chúng ta là vua Gấu? Hiển nhiên là không. Không một người dân dã Việt Nam nào cho là vậy. Dân dã còn có câu chửi "hỗn như gấu"! Như thế vua Hùng của chúng ta không thể có nghĩa là vua Gấu.

Tuy nhiên chúng tôi không hoàn toàn loại hẳn nghĩa gấu ra. Từ Hùng của các Việt Nho viết chỉ Vua Hùng của chúng ta dĩ nhiên không phải là từ 'Hùng gấu' nhưng chúng ta biết Hùng vương là một vị vua của một hợp chủng quốc Văn Lang gồm nhiều bộ "lạc" chắc chắn sẽ có một "lạc" nhận vua Hùng là gấu, lấy gấu làm vật tổ. Bài vị tại đền Hùng còn viết "Hùng thị". Một thị tộc có nhiều ngành, nhiều chi. Chi gấu có thể thuộc vào Hùng thị của chúng ta. Biết đâu chẳng có một đời vua "Hùng gấu". Dựa vào câu chửi "hỗn như gấu" chúng ta biết rõ một điều là chúng ta không phải là ngành Hùng gấu. Có thể hùng gấu cùng thị tộc với chúng ta sau đó trở thành "hùng gian", Hùng "ly khai", trở thành thù nghịch với chúng ta nên bị chửi là "đồ gấu". "hỗn như gấu"... Ví dụ các vua Hùng nước Sở như Hùng Dịch, Hùng Cừ viết bằng chữ Hùng gấu này. Chúng tôi sẽ khai triển thêm khi viết về nước Sở. Sở cũng là một thứ Man Di không phải Hán.

- Cụ Bình Nguyên Lộc cũng đã cố gắng đi tìm nghĩa từ Hùng. Cụ đưa ra điểm các sắc tộc Tây nguyên gọi vua Hùng là vua Ađuốk và chúng ta là dân Ađuốk:

"Từ người Khả Tu đến người Pacók đến người Bru, ở trên địa bàn Sơ Đăng, đều gọi ta là dân AĐUỐK. Chắc chắn vua Hùng thuộc bộ lạc AĐUỐK, là bộ lạc đa số ở lưu vực sông Hồng Hà.

Ađuốk chẳng có nghĩa gì cả trong ngôn ngữ của bất cứ nhóm thượng nào. Có lẽ đó là danh tự xưng và phải có nghĩa trong bộ lạc Ađuốk..." (Bình Nguyên Lộc, Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam tr.77)

Cụ đã dựa vào lý luận sau đây để quả quyết rằng vua AĐUỐK là vua

HÙNG: "Như đã nói, bia trên đền Hùng đã nói đến HÙNG. Đó là các cụ nhà Nho đã Hoa hóa một danh xưng Việt, chắc chắn là như vậy, chứ Việt ngữ thuần túy không có tiếng Hùng. Các cụ Hoa hóa, nhưng vẫn Hoa hóa một cái gì chớ không phải là sáng tác, mà cái gì đó thì hiện nay không ai còn nhớ nữa, chỉ thấy đồng bào ở Bắc cao Nguyên gọi là Ađuốk.

....

Ta cứ tạm kết luận rằng AĐUỐK có nghĩa là HÙNG" (Tr.92-93).

Trong bài viết Ađuốk Ông Là Ai? chúng tôi đã truy tìm nguyên ngữ của từ Ađuốk (sẽ nói lại một phần ở dưới).

• Miền Bắc trước 1975 có tác giả Trần Quốc Vượng cũng đã có một cách giải nghĩa từ Hùng bằng ngôn ngữ học. Theo ông "Phải chăng Hùng cũng là chữ phiên âm một từ Việt cổ chỉ một chức vụ thủ lĩnh, "người cầm đầu" dân tộc? Con trai vua là 'lang' (quan lang, phụ đạo)... Vùng Mường trước đây có lang có nàng. Lang có lang đạo, lang cun (cun-kun). Đạo (con trưởng ngành thứ dòng nhà lang) cai quản một xóm, cun (con trưởng ngành trưởng nhà lang) cai quản một mường... Hùng cũng là con trưởng ngành Âu Lạc. Ngoài từ cun ở ta còn có từ khun: khun là chức vị người cầm đầu (=tù trưởng) và cũng là tiếng chỉ các quí tộc nói chung, người được tôn kính ở các dân tộc thuộc ngữ hệ Môn-Khơ-me và Thái như La-ba, Kháng, Xinh-mun, Khmu, Thái Tây Bắc, Lào... Vài ví dụ Khun Bô-rom: người tù trưởng nửa huyền thoại, nửa lịch sử của người Lào, người đã đem bộ tộc mình xuống đất Lào hiện nay. Khun Quằng, Khun Mun, Khun Piền... là những tù trưởng của người La Ha và Kháng... Người Mun-da... có từ khunst, một chức vị xã hội chỉ "người cầm đầu" gia tộc (tổ tiên) hay cầm đầu các lãnh vực đời sống tôn giáo... Hoạ sĩ Nguyễn Đỗ Cung còn cho biết, ngày trước ở Sơn Tây, trẻ con chửi nhau có câu "tiên sư ông Khuấn nhà mày". Khuấn, coi như ông tổ, người cầm đầu một gia tộc, như khunzt của người Mun-da' (Hùng Vương Dựng Nước, t.III tr.354). Tác giả Trần Quốc Vượng dùng các qui luật chuyển âm học lịch sử kết luận k, kh, h dễ dàng chuyển hóa cho nhau và kết luận "Vậy phải chăng Hùng cũng là một chữ phiên âm một từ Việt cổ, từ ấy tương tự về ngữ âm và ngữ nghĩa với các từ kun, khunzt... chỉ người cầm đầu dân tộc Việt thuở xa xưa? Nếu quả vậy thì: Lại một lần nữa ta thấy ngôn ngữ cổ là bà con gần gũi của những ngôn ngữ Nam Á, Thái... những ngôn ngữ phương Nam nói chung..."

Nhiều tác giả miền Bắc trước đây và ở Việt Nam hiện nay chấp nhận sự giải thích này cho là từ Hùng có nghĩa là "người cầm đầu".

Sự giải thích này dĩ nhiên đúng về phương diện chuyển hóa âm học lịch sử. Hiển nhiên là có sự chuyển hóa giữa k, kh và h, không những trong tiếng Việt ví dụ như cùi = hủi mà trong Ấn Âu nữa ví dụ card- = heart (tim), corn

= horn (sừng); collina, đồi (Tây Ban Nha) = hill (Anh ngữ) và giữa Việt ngữ và Anh ngữ corner (góc) có cor- = hóc, góc như trong câu hát "Coi kìa con cóc, nó ngồi trong hóc, nó đưa cái lưng ra ngoài, ấy là cóc con"... nhưng tác giả Trần Quốc Vượng chưa đi tới nơi tới chốn về nghĩa ngữ.

•Trước hết tác giả Trần Quốc Vượng kết luận cun " gần gũi của những ngôn ngữ Nam Á, Thái... những ngôn ngữ phương Nam nói chung..." Ông dùng ngôn ngữ Nam Á vì các nhà ngữ học hiện nay cho rằng Việt ngữ nằm trong hệ ngôn ngữ Môn-Khmer thuộc đại tộc Nam Á. Ông dùng ngôn ngữ Nam Á để làm nền móng cho luận cứ của mình đứng vững. Không. Từ Hùng, Cun, Khun còn gần gũi nhiều tộc ngôn ngữ khác nữa ngoài ngữ hệ Nam Á, vượt ra ngoài biên giới vùng Nam Á, Thái... ví dụ Mông cổ ngữ khan là người cầm đầu, lãnh tụ, người số một, thủ lãnh tương đương với vua như Gengis khan (Thành Cát Tư Hãn); Đại Hàn khun, kun là người cầm đầu, vua, Đại Hàn có vua tổ tên là Tan kun, tức vua 'Tan'; Anh ngữ king là vua; Breton ngữ kenta, thứ nhất; Ai Cập có hình ngữ tức là "chữ của trời" (God's word, hieroglyph) 'khnt':

*

	khenty	foremost

khnt có thể đọc là khenty, khunty, khonty, khanty... vì cổ ngữ Ai cập không có nguyên âm. Ngày nay chưa ai rõ các hình ngữ cổ Ai cập phát âm như thế nào. Các nhà ngữ học về cổ tự Ai cập ngày nay thường cho nguyên âm e vào sau phụ âm như n đọc là ne, t là tê, p là pê... nên hình ngữ trên đọc theo ngày nay là khenty, có nghĩa là 'foremost', đứng đầu, cầm đầu. Thổ dân "con trời" Mỹ châu, bộ tộc Macro-Tucanoan: tộc Nambikwara phía Bắc có từ kanà:ka là một (one); thị tộc Tucano: tộc Waikina: kanoa là một; bộ tộc Penutian: tộc Miwak: Sierra Trung, California: kenge, tộc Marin: kene; Chinook ngành Tsimshian k'al là một... Nếu đào tìm nữa chắc chắn khun, cun của tác giả Trần Quốc Vượng có thể sẽ có trong nhiều ngôn ngữ khác nữa. Ở đây chúng tôi giới hạn vào các chủng tộc "con trời", thờ vũ trụ giáo qua biểu tượng mặt trời: chúng ta Mán Mường Di, Việt, Xá... đều là con trời, từ trời xuống; Man, Mán, Mường có nghĩa là Người, là Ngời, là Trời, là Con Trời (Xem Tôi, Nguyễn Xuân Quang, hãnh diện là man di Xích Quỉ của Hừng Việt), Maya-Naga (Ấn độ tiền Aryan) cũng thờ mặt trời là biểu tượng

cho mẹ Tạo hóa Rắn Naga, Ai Cập thờ mặt trời, Thổ dân Mỹ châu là con trời... tất cả đều có khun, cun, khan, kaan-, k'al, ken- là cầm đầu, là số một... Tất cả đền có thể chuyển hóa với hùng, hung hun... Điều này cho thấy cun, khun có nghĩa là 'người cầm đầu', số một là chuyển hóa của hùng có nghĩa là mặt trời. Chúng tôi xin chứng minh thêm cho hai năm rõ mười nữa. Trong bát quái hai quẻ chính là Càn Khôn có nghĩa là trời đất. Càn là Trời. Càn khôn không hẳn là Hán ngữ gốc như chúng tôi đã viết trong bài Nguồn Gốc Kinh Dịch. Ở đây ta thấy rõ Càn gần cận với cun, khun, khan, kaan... như thế tất cả cun khun, khan, kaan... đều hàm nghĩa càn là trời. Càn đọc thêm hơi vào là chàn là tràn. Chàn là đồ đan trẹt lòng giống như cái sàng mà mặt nhặt: tràn bún (Lê Ngọc Trụ, Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị):

Em bán chi, dưới bợ trên tràn
Dầm sương phản mại, cảm thương hàn ai nuôi
(ca dao)

(phản mại là đi lại buôn bán.)

Cái chàn, cái tràn, cái sàng ruột thịt với cái mẹt mang hình ảnh mặt trời tròn. Mẹt là mặt (người miền Trung có chỗ phát âm mặt là mẹt và mắc là méc mà ông Nguyễn Cao Kỳ đã nổi tiếng một thời với hai chữ "théc méc"). Mặt mẹt. Mặt là mặt trời. Cái càn, cái chàn, cái tràn mang hình ảnh mặt trời. Ta cũng cò từ chàng như chàng hoa, chàng hạt... có nghĩa là vòng, hình vòng tròn nghĩa là hình mặt trời tròn. Càn liên hệ với Phạn ngữ chandra 'sun, having hot rays' (mặt trời, có tia nóng), Phạn ngữ chand, to shine, Latin candere (chiếu sáng), Anh ngữ candescence (cháy phát quang), candle (nến), kindle, cháy, Cổ ngữ Nordic kynda, cháy... với Maya Trung Mỹ 'kin' (mặt trời, ngày...) với Anh ngữ king (vua); vua là con trời, thiên tử.

Như thế khun, cun... với nghĩa "người cầm đầu" chỉ có thể là nghĩa phụ của mặt trời mà thôi.

Cun, khun một từ rất cổ, có trong Ấn Âu ngữ, Altaic ngữ, Á-Phi ngữ, Amerind ngữ... không hoàn toàn chỉ có trong ngữ hệ Nam Á như tác giả Trần Quốc Vượng đã viết và dùng làm nền móng cho luận cứ của mình. Hùng, cun với nghĩa "người cầm đầu", người số một, chỉ là những nghĩa phụ. Cái nền móng Nam Á của tác giả Trần Quốc Vượng như thế không vững.

• Điểm tới nữa là nghĩa "người cầm đầu" chưa phải là nghĩa chính của từ Hùng. Ở đoạn trên cùng bài viết, tác giả Trần Quốc Vượng cũng đã viết '"Hùng" cũng không phải là tên họ: Đại Việt sử lược và những nguồn sử cũ báo: đây là tên tự xưng của con trưởng Lạc-Âu'. Theo kinh Lễ thì một người "Viêm Việt" từ thời khuyết sử có đến 5 tên: tính, nhũ danh, danh, tự (hiệu)

và thụy (Kim Định, Việt Lý Tố Nguyên tr.344). Tên tự hay "Tên tự xưng" là tên hiệu, chúng ta thường nói xưng hiệu. Tên hiệu là một "khẩu hiệu cho người được gọi, bởi vậy người ta hay gọi tên này" (Kim Định VLTN tr.347). Hùng vương tự xưng hiệu là "người cầm đầu"? "người số một"? nghe không ổn. Vả lại như đã thấy Đại Hàn gọi vua tổ của họ là Tan cun như thế cun, khun chỉ có thể là "người cầm đầu", người số một, vua, không phải là "tên tự xưng" của Hùng vương được. Tên hiệu phải là một biểu tượng có thể dùng làm "bảng hiệu", biểu hiệu, có nhãn có hình ảnh. Như thế phương pháp dùng phiên âm theo chuyển hóa h=k của tác giả Trần Quốc Vượng đã đi chệch ra ngoài "chính nghĩa" của từ Hùng.

Bây giờ chúng tôi xin truy cứu nghĩa chính thức của từ Hùng.

• Trước hết tại sao chúng ta không tìm nghĩa của từ Hùng ở nguyên dạng Hùng mà không cần qua dạng chuyển hóa? Chuyển hóa làm nghĩa gốc đôi khi đi chệch qua bên. Nói một cách khác là từ Hùng là một từ Hán Việt phiên âm trực tiếp từ Việt ngữ chỉ trại âm đi một tí mà thôi.

Theo chúng tôi Hùng phiên âm thẳng từ những Việt ngữ:

• hung

Việt ngữ Hung là đỏ như hung hung đỏ. Đỏ là mặt trời. Hán ngữ hùng, hồng cũng có nghĩa là đỏ. Chúng ta có một chứng sử mà ngày nay không ai biết tới nữa. Đó là con bọ hung. Theo nghĩa gốc bọ hung là bọ "đỏ", bọ trời. Con bọ hung ngày nay đen trùi trụi mà được gọi là bọ "đỏ" vì sao? vì nó là vật biểu của Mặt Trời rạng đông, vật biểu của đấng Tạo hóa. Con bọ hung chính là con bọ Scarabeus biểu tượng cho Thần Mặt Trời Mọc Khepri của Ai cập. Trong Cảo thư Papyrus của Anana, "Trưởng ký tự" (Chief Scribe) và là cố vấn của Vua cho Seti II có viết "Đối với người Ai cập, con bọ hung không phải là thần thánh nhưng là một biểu tượng của đấng Tạo hóa, bởi vì nó lăn giữa chân nó một viên phân và đẻ trứng trong đó nở ra con giống như đấng Tạo hóa lăn thế giới xoay tròn và tạo ra sự sống". Con bọ hung là biểu tượng của thần mặt trời rạng đông tượng trưng cho tạo sinh, tái sinh mỗi ngày sau đêm đen. Rõ ràng hung là hừng đông hừng rạng. Con bọ hung là con bọ hừng rạng, con bọ mặt trời mọc. Bọ hung cùng loài với con cánh cam hay kiến cam. Ngày nay chúng ta thường gọi con kiến cam là con cánh có màu xanh nhưng cũng có loại màu vàng, đỏ. Chứng tích này thấy trong "Đẻ Đất Đẻ Nước" của Mường Việt cổ:

Rắn cong hà đưa quân lên vó Núc
Kéo lên khúc bò vàng

Trương Sỹ Hùng Bùi Thiện trong Vốn Cổ Văn Hóa Việt Nam, Đẻ Đất,

Đẻ Nước giải thích "bò vàng trùng tên với con loại bọ cam" (nxb VHTT Hà Nội 1995 tập I tr. 767). Bò vàng là bọ vàng cùng loại bọ cam. Vàng với vang (đỏ) một vần. Màu cam là màu đỏ vàng. Bọ vàng, bọ Hung (đỏ) bọ cam, bọ scarabeus là một (chúng tôi có bài viết riêng về con bọ Hung này).

•hun

từ nôm hun hay un là đốt, nóng như hun lửa, hun khói, un lửa, un khói, hun đúc liên hệ với lửa với mặt trời. Nếu dùng chuyển hóa h=s như hói = sói (tóc), ta có hun = sun. Ta có hun, hung chuyển hóa với Anh ngữ sun, mặt trời.

•hừng: là rạng, sáng liên hệ với mặt trời mọc (xem "Nhận Diện Danh Tính Vua Tổ Hùng Vương").

•hong

làm cho khô dưới nắng, gió hay lửa như hong cau. Hong liên hệ với lửa, mặt trời

•hòn

vật hình tròn như hòn bi. Theo chuyển hóa h=c, hòn = còn, chòn, tròn. Phụ nữ Mường có tục tung còn tức 'gieo cầu", tung trái cầu tròn để tìm duyên. Hòn tròn liên hệ với mặt trời. Mặt trời trong cổ ngữ được biểu tượng bằng vòng tròn. Ta có câu "mẹ tròn con vuông" ngày nay hiểu là mẹ con được an bình lúc sanh nhưng có thể trước kia mẹ tròn con vuông hiểu là mẹ trời tròn con đất vuông.

•hỏn

là đỏ như đỏ hỏn. Đỏ là mặt trời. Theo h=s ta có hỏn = son, son là đỏ. Son liên hệ với Đức ngữ sonne, Tây Ban Nha sol, Ý sole, Latin sòl, Latin thông dụng solem, Pháp soleil, Anh ngữ sun là mặt trời. Việt ngữ son cũng còn có nghĩa là một, một mình, ở độc thân, không vợ, chồng; ở một mềnh (Alexandre de Rhodes, Từ Điển Việt-Bồ-La). Từ son trong câu:

Ra đường thiếp hãy còn son,
Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng.

phải hiểu theo nghĩa cổ như trong từ điển Việt Bồ La của Alexandre de Rhodes là còn "ở một mềnh". Ra đường thiếp hãy còn là người còn "ở một mềnh" chưa có chồng con, về nhà thì thiếp đã năm con cùng chàng. Với nghĩa là "một mình" này son liên hệ với sol, solo, solamente, seul... Trời là số một nên son liên hệ với mặt trời qua cả hai nghĩa đỏ và một. Ta cũng thấy rõ Việt

ngữ giống như Ấn Âu ngữ một, một mình liên hệ với mặt trời. Một cùng vần với mặt nghĩa là trời và rõ ràng Hùng hiểu theo tác giả Trần Quốc Vượng là "người cầm đầu", với nghĩa đứng đầu, cầm đầu là số một, là hiểu theo nghĩa đã bị chuyển hóa theo h=k, nghĩa của mặt trời đã bị chuyển hóa thành số một, đứng đầu, cầm đầu như sol là mặt trời thành sol, solo... Chính nghĩa của Hùng phải là mặt trời.

Ta có thể kiểm chứng qua:

• Maya-Naga Ấn

Naga-Maya là thổ dân sống ở Bắc Ấn trước thời bị người Aryan thẩm nhập và đồng hóa thành dân Ấn Độ ngày nay. Tộc này gọi mình là Naga theo vật tổ Rắn Naga, giống chúng ta là "con dòng" (rắn), "con thuồng luồng", "con rồng" (cháu tiên). Naga-Maya và chúng ta cùng trong liên bang mặt trời.

Maya-Naga-Ấn ngữ (tiền Aryan) 'hun' có nghĩa là một.

Hun viết dưới dạng hình ngữ (hieroglyph) là một đĩa tròn hình mặt trời



Nếu có một vạch chia đôi hình đĩa mặt trời



Lahun, two

thì gọi là Lahun, có nghĩa là hai; "hai trong một, một trong hai". Đây là khởi đầu tiến trình phân cực cái- đực, âm dương. Nếu giải thích theo Việt ngữ thì La là lã là nước, hun là trời. La Hun là nước-trời tức là hai phần tròng trong nông-không và tròng đỏ mặt trời của trứng Vũ trụ (cosmic egg). Ở đây ta thấy rõ hun là một, viết dưới dạng đĩa tròn mặt trời, hun là một, là mặt trời. Hun là trời trong Lahun là Nước-Trời. Lahun cho ra hình trứng hỗn mang âm dương:



•Maya Trung Mỹ

đấng tạo hóa tối cao tối thượng nghĩa là vị thần tổ số một đứng đầu của

người Maya Trung Mỹ có tên là Hunab-ku 'One-God' (Thần-Số Một). Ta thấy hunab là một và ku gần cận với kun, cun, khun. Điều này cho thấy ku, kun, cun chỉ là tiếng danh từ chung chỉ người đứng đầu, thần, vua... Ở đây ku các tác giả Tây phương dịch là God. Maya thờ mặt trời, biểu tượng cho đấng tạo hóa Vũ Trụ. Rõ ràng ta thấy (Tổ) Hùng của chúng ta gần cận với Hunab.

•Avestan
là một trong những ngôn ngữ cổ Iranian Batư. Ba Tư cổ ruột thịt với Aryan những kẻ đã thẩm nhập và chiếm Maya-Naga Á châu biến thành Ấn độ ngày nay. Ngôn ngữ Avestan vì thế có nhiều từ gần cận với Maya-naga Ấn và Phạn ngữ. Avestan ngữ hùrò là mặt trời. Hùrò gần cận với hùng.

•'Đại Hàn
hana, han là một và hae là mặt trời.

•Pháp ngữ un : một, đọc thêm hơi vào là Hun.

•Anh ngữ one: một

•Ai Cập On : tên thành phố Mặt Trời.

•Việt ngữ ên, ơn là một, một mình như mình ên, mình ơn.

Úp chén úp dĩa,
Dĩa ngu dĩa ngốc,
Con cóc cụt đuôi,
Ở bờ, ở bụi,
Ai nuôi mày lớn,
Dạ thừa thầy, con lớn mình ên...
(đồng dao)

mình ên là một mình, tự mình.

Ên là một, một mình liên hệ với Đan Mạch ngữ en, Thụy Điển ngữ en, Hòa Lan ngữ e:n, Đức ngữ ein; Hy Lạp ngữ enas, Anh ngữ a, an, one, Pháp ngữ un; Tây Ban Nha ngữ un, uno, Welsh un, Phạn ngữ eka... là một. Trời là số một. Ta cũng thấy ên, ơn là một cũng có nghĩa là trời: nhờ ơn là nhờ trời; tạ ơn là tạ trời...

Đọc thêm hơi vào ên thành hên có nghĩa là đỏ (thằng đó đánh bài hên quá = thằng đó đánh bài đỏ quá). Đỏ là đẻ là Trời.

Tất cả han, un, one, ên, hên đều gần cận với un, hun, hung, hùng.

Hán Việt Hùng Là Gì?

Bây giờ ta kiểm chứng qua ý nghĩa của từ Hán Việt Hùng xem thử các Việt Nho và Hán Nho có hàm ý gì khi dùng từ Hùng chỉ dòng vua tổ của chúng ta?

Theo Đào Duy Anh, Hán Việt từ điển thì từ Hán Việt hùng là loài chim đực - Loài thú đực - Người có sức mạnh- Dũng cảm; hùng: con gấu.

Như thế Hùng có hai nghĩa chính là "con chim đực" như hùng trĩ, "loài thú đực" và một nghĩa phụ là "con gấu". Cả hai nghĩa chính bao hàm nghĩa đực như thư hùng. Con chim nào biểu tượng là con chim đực mà có tên là Hùng? Qua bài viết Vật Tổ Chim Việt của Hừng Việt chúng ta đã biết con chim Rìu, chim Việt Bồ Cắt có mỏ to nhọn là loài chim biểu tượng cho cái giống phái nam, cho đực, cho dương, cho mặt trời thuần dương và ta cũng biết chim rìu Bồ Cắt có tên chữ là chim Hồng Hoàng (Nguyễn Xuân Quang, Y Học Thường Thức, xuân Đinh Sửu, số 21, tháng 11-2, 1997, tr.127-137). Con chim Bồ cắt vật biểu của mặt trời thuần dương này còn khắc ghi lại trong bộ cổ sử đồng Đông Sơn như trên trống Đồng Duy Tiên, trống Ngọc Lũ I, sông Đà, trên thạp đồng Đào Thịnh... Hồng hoàng có thể gọi tắt là chim Hồng chim Hùng. Vậy rõ như ban ngày là Hùng "con chim đực" chính là con chim Hồng, chim Hồng hoàng biểu tượng cho mặt trời. Như thế vua Hùng là vua có biểu tượng là "con chim đực" Bồ Cắt Hồng Hoàng, chim biểu của Mặt Trời. Vua Hùng là vua Mặt Trời. Điều này ăn khớp với Viêm Đế Mặt Trời có Viêm là Tiêm là chim.

Bây giờ xét đến nghĩa thứ hai của từ Hùng theo Đào Duy Anh là "loài thú đực". Con thú nào biểu tượng cho "loài thú đực"? cái gì biểu tượng cho loài thú đực? Biểu tượng cho loài thú đực là cái dùi, cái cọc nhọn. Đó là cái sừng. Loài vật nào có sừng mà có nghĩa là hùng (đực). Ta biết hươu là con nai đực gọi theo cái sừng. Hiêu, hươu liên hệ với horn là sừng. Anh ngữ hart là con hươu đực. Theo h =g như hóc = góc, hồi = gồi (đầu), ta có hart = gạc, sừng. Con hươu nào có nghĩa là hùng, hung (đỏ)? Đó chính là con hươu có lông màu hung đỏ, hươu trời gọi là con mang. Theo chuyển hóa m=v=b, mang = vang = bang; vang, bang là đỏ (xem Tôi, Nguyễn Xuân Quang...). Trong từ điển cũng cho biết mang là giống nai lông màu hung đỏ. Như thế hùng với nghĩa "loài thú đực" chỉ loài hươu hay những con vật có sừng hay vật nhọn như nanh vuốt biểu tượng cho mặt trời ăn khớp với họ Khương của mặt trời Viêm đế.

Hãy nói đến nghĩa thứ ba của hùng là con gấu. Con gấu không có sừng nhưng có móng vuốt nhọn. Con gấu cũng có thể dùng làm tiêu biểu cho con thú đực có tên Hán Việt là hùng mặc dầu không chính thống bằng con vật có sừng là hươu và hơi gượng ép một chút. Điều này có thể giải thích ngành gấu cũng nhận vua Hùng là vua tổ hay họ nguyên thủy là một tộc Hùng Hươu Trời (Mang) sau đó ly khai hay vì lý do nào khác như thổ ngơi, địa bàn sống

có nhiều gấu nên lấy gấu làm vật tổ thay thế cho vật tổ Hươu Trời. Người Đại Hàn cho rằng vua tổ Tan kun của họ do mẹ gấu đẻ ra. Đại Hàn và Nhật Bản trong truyện thần thoại nói rất nhiều về gấu. Thổ dân Hà Di, Ainu ở Nhật Bản còn tục thờ gấu và nuôi gấu con cho đến khi lớn lên dùng làm lễ tế trời hàng năm. Ta cũng thấy các tộc khác như ở Mỹ châu lấy báo, mèo làm vật tổ... thay vì là Hươu Trời.

Chúng ta vẫn chính thống vì vẫn giữ vật tổ Hươu. Hươu có sừng là biểu tượng cho "loài thú đực" đúng nghĩa trăm phần trăm của từ Hán Việt Hùng là "loài thú đực" và ăn khớp không sai trật một ly nào với họ của Viêm đế. Viêm đế có họ Khương có nghĩa là Sừng. Rõ ràng hươu sừng tức "loài thú đực" là một bộ mặt thứ hai của Mặt trời Viêm đế. Đây là "con người thứ hai" của Viêm đế ở trên mặt đất (Chim Hồng, chim Hùng Bồ cắt là con người thứ nhất ở cõi trời). Như thế hùng qua nghĩa "loài thú đực" cũng là mặt trời.

Điểm cuối cùng, chúng tôi xin đi tiếp tới đích của con đường của cụ Bình Nguyên Lộc đã đi mà chưa tới đích: "Ta cứ tạm kết luận rằng AĐUỐK có nghĩa là HÙNG" (Tr.92-93). Trong bài viết Ađuốk Ông Là Ai? chúng tôi đã truy tìm ra Ađuốk là Đuốc. Đuốc là Lửa là Mặt Trời. Vua Hùng là vua Đuốc, vua Mặt Trời. Ta có thể kiểm chứng với cổ sử Ai cập. Thần Mặt trời của Ai Cập có tên là Atum, Atam. Thay đ = t, ta có Ađuốt = Atuốc rất gần cận với Atum, Atam. Tum, tam, tom là 'đóm', đuốc (Cổ sử Việt và Ai cập có nhiều điểm song hành, có bài viết riêng). Vậy chúng ta có thể kết luận là vua Ađuốk là vua Hùng vua Mặt Trời.

Tóm lại, qua ngôn ngữ không còn gì để nói thêm nữa Hùng vương là vua Mặt trời. Dĩ nhiên còn cần phải kiểm chứng qua nhiều địa hạt khác nữa. Chúng tôi cũng đã trình bày một vài khía cạnh khác qua bài viết "Nhận Diện Danh Tính Vua Tổ Hùng Vương" và "Ađuốk Ông Là Ai?" trước đây và về địa hạt khảo cổ học qua những bài viết về Khai Quật Kho Tàng Cổ Sử Việt Nam chúng tôi cũng đã trình bầy những khám phá về cổ sử đồng Đông Sơn. Trên trống đồng còn khắc ghi hình chim Việt Bồ Cắt, hình hươu nai (không bao giờ thấy hình gấu, điều này cho thấy gấu không phải là tộc chính thống). Vua Hùng là vua mặt trời còn để lại biểu hiệu trên trống đồng. Không một trống đồng nào mà không có hình mặt trời. Dựa vào hình mặt trời hừng rạng ở giữa mặt trống thì Hùng vương không những là vua mặt trời nói chung mà có thể là vua Hừng vương tức vua Mặt Trời Mọc hay ít ra cũng có một đời vua Mặt Trời Hùng vương lấy tên hiệu là vua mặt Trời Mọc Hừng vương. Dần dà chúng tôi sẽ cống hiến thêm nhiều dữ kiện khác nữa.

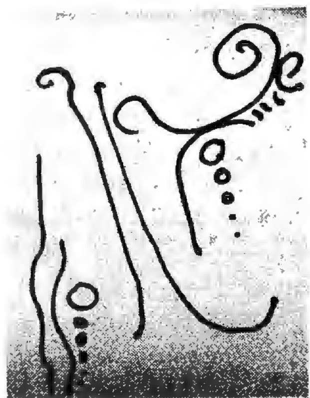
NGUYỄN XUÂN QUANG

HỢP LƯU trên internet: http://members.aol.com/tchl/hopluu.htm



NGUYÊN VĂN HẠNH

TÁC PHẨM VÀ NGƯỜI ĐỌC



Mối quan hệ giữa tác phẩm và người đọc là vấn đề trung tâm cú lí thuyết tiếp nhận văn học, một ngành khoa học tương đối mới mẻ không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới. Trong quá trình hình thành và phát triển của nó, lí luận văn học đã chú ý đến tác phẩm như là kết quả sự sáng tạo của nhà văn, xuất hiện trong một hoàn cảnh lịch sử - xã hội nhất định. Lí luận văn học truy tìm bản chất của sự sáng tạo đó. Từ đây, các nhà lí luận đã nhìn thấy ở tác phẩm văn học một cấu trúc thẩm mĩ với một kiểu tổ chức độc đáo, bao gồm các yếu tố thuộc về ngôn từ, hình tượng, kết cấu - thể loại và tư tưởng. Năng lượng thẩm mĩ của cấu trúc này không phải là một cái gì nhất thành bất biến. Bởi vì khi nhà văn kết thúc trang viết cuối cùng của tác phẩm, thì lúc đó tác phẩm mới bắt đầu vòng đời của đó, như đứa con đã được cắt rốn khỏi lòng mẹ. Nói cách khác, quá trình hoạt động của tác phẩm không phải là một chu trình đóng kín, mà nó mở ra về phía đời sống. Và đối với những tác phẩm lớn, thì cuộc đời của nó luôn luôn ẩn chứa những khả năng mới sẽ bộc lộ khi nó viễn du qua không gian và thời gian. Nhà thơ Beaudelaire đã phát biểu một ý tưởng sâu sắc rằng: "Một tác phẩm đã hoàn thành chưa nhất thiết đã hoàn tất" (1). Sự hoàn thành là do nhà văn; còn sự hoàn tất là do bạn đọc, do thời gian, do lịch sử mà nhiều khi nhà văn không can dự vào.

Sau khi được in ra và phổ biến trong bạn đọc, tác phẩm văn học giống như

---

(1) Dẫn lại theo Nguyễn Văn Trung *Lược khảo văn học*, tập 3, Nxb Nam Sơn, Sài Gòn, 1968, Tr. 357.

một bức thư đã bỏ vào thùng thư. Từ đó cho đến khi tác phẩm được tái bản, tác giả của nó, với tư cách là người sáng tạo, không còn có thể thay đổi gì nữa, sửa chữa gì nữa, thêm bớt gì nữa. Có trường hợp tác giả, bằng ngôn ngữ chính luận, viết ra một văn bản khác để giải thích về ý đồ, nội dung của tác phẩm hầu tránh những ngộ nhận trong công chúng, giúp cho công chúng cảm và hiểu rõ hơn tác phẩm của mình. Nhưng làm sao mà nhà văn có thể đứng ra giải thích tường tận cho tất cả mọi người, ở tất cả mọi nơi. Nhất là khi nhà văn không còn sống trên đời này nữa, mà tác phẩm thì vẫn tiếp tục cuộc hành trình của nó và gây ra những ý kiến bàn luận, những cuộc tranh cãi và những sự đánh giá mới, do ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử cũng như tâm lí tiếp nhận nơi các thế hệ độc giả đến sau.

Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du là một trường hợp tiêu biểu về cách tiếp nhận khác nhau. Dưới thời phong kiến, các nhà Nho trung thành với tư tưởng Khổng Mạnh đã xem tác phẩm này như là minh chứng cho sự chiến thắng của trung, hiếu, tiết, nghĩa. Sang thế kỷ XX, khi Phạm Quỳnh đề cao *Truyện Kiều (Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn)*, bên cạnh thái độ trân trọng đối với di sản văn học dân tộc, không thể phủ nhận một ý đồ chính trị nằm trong chính sách văn hóa của thực dân Pháp. Rồi *Đoạn trường tân thanh* lại được các nhà văn lãng mạn tập trung khai thác ở nội dung giải phóng cá tính và khát vọng về hạnh phúc cá nhân. Khi quan điểm mác-xít trở thành quan điểm chính thống trong nghiên cứu văn học, *Đoạn trường tân thanh* được chú ý ở giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo, ở tiếng nói phản kháng trật tự phong kiến và bênh vực những số phận bi kịch, những con người bị bách hại và ngược đãi. Trong khi đó, ở miền Nam trước 1975, tác phẩm này hoặc vẫn được đánh giá dưới quan điểm đạo đức phong kiến, hoặc được tô đậm ở triết lý định mệnh qua thuyết tài mệnh tương đố, hoặc được vận dụng để minh chứng cho sức sống của tư tưởng hiện sinh. Tất cả những lí giải đó chắc hẳn không hoàn toàn nằm trong dự tưởng của Nguyễn Du. Và nói cho cùng, không ai biết Nguyễn Du nghĩ thế nào về sự lí giải, khai thác và phán xét mà người đời sau dành cho tác phẩm của ông. Những điều đó đã và sẽ diễn ra ngoài tầm chi phối của nhà thơ, đến mức có ý kiến cho rằng việc truy tìm bản thân cách hiểu của Nguyễn Du về tác phẩm của mình không phải là điều quan trọng. Điều quan trọng là tôi, là anh, là chị hiểu *Đoạn trường tân thanh* như thế nào theo cách riêng của mỗi người. Hệ quả của quan niệm có tính chất chủ quan chủ nghĩa này là sự giản lược giá trị tự thân của tác phẩm vào cách tiếp nhận giá trị đó. Và như vậy việc tìm hiểu nội dung và hình thức vốn có của tác phẩm trở thành thứ yếu trước yêu cầu cắt nghĩa tác phẩm đó đã được khúc xạ qua lăng kính của sự cảm thụ như thế nào.

Thật ra, với tư cách là một lí thuyết khoa học, lí luận tiếp nhận là một bổ sung cần thiết cho khoa nghiên cứu văn học nhằm khám phá đầy đủ hơn thực

thể văn học và sự vận hành của thực thể đó trong đời sống. Ở đây lí luận tiếp nhận không phủ định mối quan hệ giữa tác phẩm với nhà văn và môi trường sinh thành của nó, không phủ định tác phẩm như kết quả của một quá trình sáng tạo và như một cấu trúc thẩm mĩ. Có điều, lí luận tiếp nhận đã trục xuất mối quan hệ đó, để nhấn mạnh mối quan hệ giữa người đọc và tác phẩm, cũng tức là xem tác phẩm như một đối tượng thẩm mĩ. Toàn bộ cấu trúc văn bản nghệ thuật, bao gồm ngôn từ, hình tượng, kết cấu - thể loại và tư tưởng thẩm mĩ, được khảo sát không phải như một thành quả đã sản sinh mà như một đối tượng của sự tiếp thụ. Và trong quá trình tiếp nhận đó, cấu trúc văn bản kia lại được thổi thêm nguồn sức sống của thời đại mới - những nhân tố xuất hiện khi quá trình sáng tạo của nhà văn đã kết thúc.

Lí thuyết tiếp nhận văn học không xa lạ với truyền thống văn học thế giới. Ở phương Đông, từ xưa bạn đọc đã được xem như người tri âm tri kỉ của người sáng tác. Thơ hay phải có bạn hiền. Câu chuyện Bá Nha đập vỡ cây đàn sau cái chết của Tử Kỳ nói lên mối quan hệ đồng cảm với người đọc như là lẽ sống của nghệ thuật. Qua lời bình của Kim Thánh Thán, *Tây Sương Ký* không còn hoàn toàn là của riêng Vương Thục Phủ mà đã mang vào đó tâm sự, nỗi niềm, xúc cảm của người bình luận.

Ở phương Tây, trường phái phê bình theo chủ nghĩa ấn tượng, mà một trong những người chủ xướng là J. Lemaitre, chủ trương tái hiện những cảm xúc tinh khôi, tươi mới của người phê bình trước văn bản tác phẩm. Cũng trong tinh thần đó, A. France cho rằng đọc là để cho tâm hồn viễn du qua các tuyệt phẩm.

Quan niệm trên đây đã để lại ảnh hưởng khá sâu đậm trong kiểu phê bình trực cảm của Hoài Thanh hay cách cảm thụ nghệ thuật qua những lời thơ tình Xuân Diệu:

Ai đem phân chất một mùi hương,
Hay bản cầm ca! Tôi chỉ thương.
Chỉ lặng chuồi theo dòng cảm xúc,
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương.
(Vì sao)

Trong thế kỉ XX, khoa xã hội học về văn học và lí luận tiếp nhận văn học đã hình thành và phát triển một cách có hệ thống, dần dần trở thành hướng nghiên cứu có triển vọng. Hướng nghiên cứu này lại được tiếp thêm sinh lực bởi các ngành khoa học mới mẻ như lí thuyết thông tin, chú giải học, kí hiệu học v.v... Nhiều tên tuổi trong nghiên cứu văn học đã không giấu sự hứng thú của mình khi đi theo chiều hướng này: đó là Q.D. Leavis, Doulas Waples, Robert Escarpit, Hans Robert Jauss, M. Nauman, Youri Borev...

Trong cuốn sách nhan đề *Vì một nền mĩ học tiếp nhận*, Hans Robert Jauss,

một trong những đại biểu xuất sắc của trường phái Constance, đặt giả thuyết rằng một tác phẩm đồng thời bao gồm văn bản với tư cách là một cấu trúc cho sẵn và sự tiếp nhận văn bản do người đọc. Cấu trúc tác phẩm được cụ thể hóa bởi những người cảm thụ để đạt đến phẩm chất của tác phẩm. Ý nghĩa của tác phẩm không phải là vĩnh hằng, phi thời gian, mà được hình thành trong lịch sử. Mỗi khi những điều kiện lịch sử và xã hội của sự tiếp nhận biến đổi, thì ý nghĩa của tác phẫm cũng thay đổi theo. Không nên quan niệm tác phẩm như một cái gì đó cố định, bất động; trái lại, về hình thức cũng như về nội dung, nó mang ý nghĩa của một cuộc đối thoại. Nếu tác phẩm đi trước thời đại ra đời của nó, tức là nó hàm ẩn một câu trả lời cho thời đại sau. Vì vậy đây là cuộc đối thoại giữa người hiện tại với một văn bản quá khứ. Cuộc đối thoại đó cho thấy tác phẩm văn học chứa đựng cả một chân trời ý nghĩa có thể bừng sáng lên khi cấu trúc thẩm mĩ của nó tự đánh thức hay được đánh thức trong một môi trường tiếp nhận thích hợp (2).

Ở Việt Nam, khoảng hai thập niên gần đây, một số nhà nghiên cứu đã bắt đầu ý thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu văn học theo hướng lịch sử - chức năng. Trong nhiều bài viết trên các tạp chí và một số chuyên khảo xuất bản gần đây, lí thuyết tiếp nhận đã bước đầu được giới thiệu với công chúng Việt Nam.

Lí thuyết tiếp nhận góp phần soi sáng những vấn đề mà lí luận văn học cổ điển trước đây chỉ mới đụng chạm đến chứ chưa giải quyết triệt để.

I/ NGƯỜI ĐỌC - CHỦ THỂ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

Nói đến sáng tạo và tiếp nhận là nói đến cuộc đối thoại giữa tác giả và người đọc thông qua tác phẩm, sau đó là cuộc đối thoại giữa người đọc với người đọc về và từ tác phẩm đó. Điều đó nói lên nhu cầu được giao tiếp, trao đổi, giải bày, thông cảm và chia sẻ giữa người và người. Văn học là nhịp cầu cho sự giao lưu đó, là cánh cửa của mọi đối thoại. Vì vậy, về bản chất, văn học mâu thuẫn với sự phong bế, đóng kín. Viết và đọc tác phẩm chính là mở tâm hồn mình ra, là bộc lộ nguyện vọng vươn tới sự đồng cảm với tha nhân. Bằng con đường của tình cảm, văn học giúp con người mở rộng sự giao tiếp của mình với thế giới. Đó là sự giao tiếp đa chiều và đa dạng: người đọc giao tiếp với tác giả, với thế giới hình tượng và nhân vật được tái hiện trong tác phẩm và giao tiếp với nhau. Đó là sự giao tiếp trong không gian - giữa các dân tộc và các nền văn hóa - và trong thời gian qua - giữa các thế hệ, các thời đại lịch sử khác nhau.

Nói đến chức năng giao tiếp là nói đến tác động qua lại giữa người viết và

---

(2) Theo Jean Yves Tadié - *La Critique Littéraire au XX siècle, Les dossiers belfond,* Paris, 1987, Tr. 180.

người đọc. Trong đời sống văn học, cả hai đều có vai trò quan trọng đối với việc thúc đẩy sự phát triển của tư duy nghệ thuật. Đề cao chức năng giao tiếp là đề cao khả năng làm chủ của bạn đọc đối với các giá trị tinh thần, là đưa văn học thoát khỏi tình trạng phong bế để đáp ứng các nhu cầu xã hội, là góp phần dân chủ hóa nền văn học.

Thông qua sự giao tiếp bằng con đường của tâm hồn, văn học giúp cho con người xích lại gần nhau, sống trong niềm cảm thông và tình hữu nghị. Những tác phẩm văn học lớn trở thành nhịp cầu nối liền các nền văn hóa, các dân tộc. Theo ý nghĩa đó, nhà văn là người mang sứ mạng truyền bá những giá trị tinh thần của dân tộc mình, làm phong phú kho tàng văn hóa thế giới. Tiếp nhận văn học trên tinh thần đối thoại chính là tiền đề để đưa văn học dân tộc hội nhập vào văn học thế giới và ngược lại, thu hút tinh hoa văn học thế giới làm giàu cho văn học dân tộc.

Khác với tác phẩm sân khấu hay điện ảnh, tác phẩm văn học thường không trực tiếp nhận được phản ứng tích cực hay tiêu cực từ phía công chúng. Giao lưu giữa nhà đạo diễn, các diễn viên với công chúng là một sự giao lưu có tính chất trực diện, hầu như không có trung gian. Ở đây những phản hồi của người tiếp nhận bao giờ cũng kịp thời, nhạy bén và thậm chí gay gắt. Người xem tỏ thái độ tán thưởng vở kịch hay bộ phim bằng những tràng vỗ tay, những tiếng cười đồng tình; hoặc chê bai bằng cách bỏ về nửa chừng, bằng những cái ngáp dài, huýt sáo.

Tác phẩm văn học không có được cái "may mắn" đó, vì đây là những *lời*, những *chữ*. Người đọc tiếp nhận tác phẩm văn học một cách gián tiếp thông qua trí tưởng tượng. Và nhà văn khó mà chứng kiến cái phút người dọc xuýt xoa trầm trồ khen ngợi tác phẩm hay bỏ sách xuống với thái độ dè bỉu, chê bai.

Tuy nhiên, bằng một sự hiện diện thầm lặng mà liên tục, người đọc đã chi phối trong suốt cả quá trình sáng tạo, biên tập, phổ biến, phê bình và thưởng ngoạn văn học. Người ta thường nói đến nỗi cô đơn khủng khiếp, rợn ngợp của nhà văn trước trang giấy trắng. Thật ra, khi nhà văn ngồi một mình trước trang giấy trắng, ông ta không hoàn toàn cô đơn. Hình như có một người đọc, thậm chí nhiều người đọc ngồi bên cạnh ông ta hoặc lởn vởn trong đầu ông ta. Người đọc đó tác động đến tư duy nghệ thuật, sự lựa chọn đề tài, sự thể hiện chủ đề, phương thức xây dựng nhân vật, cách kết cấu và nghệ thuật sử dụng ngôn từ của nhà văn. Khi tác phẩm được đặt lên bàn biên tập của nhà xuất bản, đó là lúc nó chịu sự sát hạch đầu tiên bởi một người đọc cụ thể. Người này sẽ góp phần định đoạt số phận của nó: nó có được phép bước vào cuộc đời hay không.

Đồng thời, thị hiếu của người đọc, nhất là những người đọc có thế lực chi phối đời sống văn học và thị trường chữ nghĩa đương thời cũng giữ vai trò rất lớn trong việc công bố và phổ biến tác phẩm. Sau khi đã được phát hành,

tác phẩm lại chịu sự cọ xát giữa dòng xoáy của những luồng dư luận khác nhau mà tiêu biểu là những nhà phê bình, những nhà báo v.v... đại diện cho hàng ngàn, hàng vạn độc giả có tên và không tên.

Như vậy là người đọc đã trở thành một nhân tố của tiến trình văn học bao gồm các khâu sáng tác, phổ biến, chỉ đạo, thưởng ngoạn và phê bình. Nhân tố đó hiện hữu lúc âm thầm lặng lẽ, lúc công khai quyết liệt, để phát huy vai trò của nó đối với toàn bộ đời sống văn học.

Tuy nhiên, không nên hình dung người đọc như một thực thể thuần nhất và toàn vẹn. Có người đọc hữu hình, cụ thể và người đọc vô hình, trừu tượng. Người đọc hữu hình là người đọc hiện diện với đầy đủ tuổi tên và địa chỉ mà nhà văn muốn gửi thông điệp của mình đến. Những bài thơ xướng họa giữa Phan Văn Trị và Tôn Thọ Tường thuộc vào trường hợp này. Nhiều bài thơ thời kì 1932-1945 với những lời đề tặng của tác giả trước hết cũng nhằm đến những người đọc hữu hình (Xuân Diệu viết *Cảm xúc* để *kính dâng các anh Thế Lữ*, Huy Cận viết *Nhạc sầu* để *tặng Nguyễn Gia Trí*, Tố Hữu viết *Cô gái sông Hương* để *tặng tác giả Đời Mưa Gió*...). Ở đây các nhà thơ muốn đối thoại, chia xẻ, tranh luận với một người đọc nào đó mà mình hướng tới.

Trong một xã hội phát triển về thông tin, ngành xuất bản sách báo mở rộng hoạt động, văn học mang tính đại chúng, thì hình ảnh về người đọc là một hình ảnh nhòe, hiện ra đa dạng, phức tạp chứ không phải cụ thể, rõ ràng như những trường hợp nói trên. Người đọc bây giờ là một đám đông phân tán trong không gian nên cũng có thể gọi là người đọc vô hình. Ngay cả trong những trường hợp nhà văn hướng đến người đọc hữu hình như đã nói trên đây, thì chung quanh đó vẫn là một thế giới người đọc vô hình, đông đảo.

Khi vừa được công bố, tác phẩm văn học bước vào đời sống tinh thần của một lớp công chúng cùng thời với nhà văn. Tác phẩm có thể nhận được tiếng vọng và sự cộng hưởng từ lớp độc giả này mà không bị gián cách quá nhiều qua không gian và thời gian. Chẳng hạn, một nhà thơ đọc xong một bài thơ mới trước một cử tọa, có thể cảm nhận được ngay sự khen chê của công chúng. Một nhà văn vừa cho đăng một truyện ngắn trên báo hay in một tiểu thuyết ở một nhà xuất bản cũng có thể nhận được ý kiến phản hồi của dư luận thông qua các bài phê bình hay số lượng tiêu thụ của cuốn sách.

Những tác phẩm có cuộc sống dài lâu không chỉ đối mặt với người đọc đương thời, mà còn với người đọc của các thế hệ tương lai, những người đến với tác phẩm sau khi tác giả đã qua đời. Nguyễn Du đã nghĩ đến lớp người đọc này khi viết: "*Bất tri tam bách dư niên hậu. Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như" (Độc Tiểu Thanh kí)*. Ngoài ra còn có những người đọc tiếp cận gián tiếp với văn bản tác phẩm thông qua bản dịch của một ngôn ngữ khác; có những người chỉ nắm bắt được nội dung tác phẩm khi nó được chuyển sang một loại hình nghệ thuật khác (điện ảnh, sân khấu), thậm chí có cả những người chỉ đọc bản rút gọn hoặc bản tóm tắt của tác phẩm. Tất nhiên những

nhận xét của loại người đọc này thường có độ tin cậy thấp.

Người đọc đông đảo nhất, chiếm áp đảo trong khối lượng công chúng của thị trường văn học là người đọc phổ thông, bình thường. Nhà văn không thể không chịu áp lực của khối người đọc đông đảo này. Nhưng một nhà văn có thiên chức nghề nghiệp bao giờ cũng hình dung ra người độc giả lí tưởng của mình, người độc giả đó là mục tiêu phấn đấu của chính nền văn học. Hướng đến người đọc lí tưởng đó là một cách để nâng cao lên trình độ chung của bạn đọc chúng ta. Đạo đức nghề nghiệp của nhà văn hoàn toàn xa lạ với thái độ xu phụ trước những thị hiếu nghệ thuật tầm thường, thấp kém.

Trong các thành phần đa dạng của công chúng văn học, bao giờ cũng hiện hữu loại người đọc tích cực: đó là những người đọc bày tỏ sự cảm thông, chia xẻ mối lo âu và niềm khát vọng sáng tạo của tác giả. Những người đọc này là nguồn động viên, khuyến khích, hơn nữa là nguồn cảm hứng đối với tác giả. Trong một xã hội dân chủ và có trình độ văn hóa cao, thì thành phần người đọc này chiếm tỉ lệ lớn. bên cạnh đó là loại người đọc tiêu cực có thái độ thiếu sự cảm thông và trân trọng đối với tài năng nghệ sĩ, thường xem nhẹ giá trị tư tưởng - thẩm mĩ của văn học khi đánh giá tác phẩm. Những người đọc này là một trở ngại đối với con đường phát triển của văn học.

Trên đây đã đề cập đến các loại người đọc phổ biến trong mọi thời đại, mọi nền văn học. Ở mỗi nền văn học và mỗi giai đoạn lịch sử, cần khảo sát đặc trưng loại hình của từng nhóm người đọc có trình độ và khuynh hướng khác nhau khi thưởng ngoạn nghệ thuật.

Trong những mốc thời gian cụ thể, những cuộc điều tra xã hội học công phu, tỉ mỉ sẽ giúp chúng ta xác định được tỉ lệ của các thành phần công chúng khác nhau. Tuy nhiên, điều không ai có thể phủ nhận được là công chúng văn học luôn luôn biến đổi, loại hình này hôm nay chiếm đa số nhưng ngày mai có thể trở thành thiểu số và loại hình kia thì ngược lại. Sự biến đổi đó phụ thuộc vào một nhân tố rất quan trọng được mĩ học tiếp nhận gọi là tầm văn hóa của công chúng.

Tầm văn hóa hay tầm đón nhận là một khái niệm do Hans Robert Jauss đề xuất. Ông phân biệt sự tiếp nhận bên trong với sự tiếp nhận bên ngoài. Tiếp nhận bên trong là sự gặp gỡ giữa hai chủ thể có đặc điểm tâm lí riêng, vì vậy có thiên hướng chủ quan, có tính chất cá biệt và diễn ra trên bình diện cá nhân. Còn sự tiếp nhận bên ngoài là sự gặp gỡ bị quy định bởi những điều kiện lịch sử khách quan; sự tiếp nhận ở đây mang những hình thức lịch sử nhất định. Đó là sự gặp gỡ của một truyền thống văn hóa này với tác phẩm của một truyền thống văn hóa khác, vì vậy nó diễn ra trên bình diện xã hội và văn hóa - lịch sử. Chính sự tiếp nhận bên ngoài này mới tác động quyết định đến sự hình thành và chuyển hóa “tầm đón nhận” của độc giả. Tất nhiên, nếu không có sự tiếp nhận bên trong thì sự tiếp nhận bên ngoài không thể nào phát huy tác dụng một cách sâu xa được.

Theo sự giải thích của H. R. Jauss, tầm đón nhận của công chúng là hệ quy chiếu kinh nghiệm văn học của người cảm thụ, nó luôn luôn thay đổi theo dòng lịch sử và tùy thuộc vào tác động của tác phẩm được tiếp nhận. Tầm đón nhận bao gồm "một tập hợp các quy chuẩn thẩm mĩ có thể tái lập được một công chúng văn học xác định, nó có thể và cần phải điều chỉnh được về mặt xã hội học tùy theo những khuynh hướng đặc thù của các tập đoàn, tầng lớp hoặc giai cấp khác nhau và có thể đối chiếu được với những quyền lợi và nhu cầu của tình trạng lịch sử và kinh tế chi phối chúng. (3)

Như vậy, tầm đón nhận chính là tầm văn hóa do điều kiện lịch sử - xã hội và thời đại quy định. Tầm văn hóa đó hình thành trong quá trình tiếp thu các giá trị nghệ thuật đồng thời với sự đào tạo và rèn luyện về mặt văn hóa. Nó gắn liền với một hệ thống chuẩn mực nghệ thuật tương đối ổn định. Cho đến khi người đọc tiếp nhận những tác phẩm văn học mới với một năng lượng thẩm mĩ và chất lượng nghệ thuật khác hẳn, thì người đó có thể sẽ được thuyết phục bởi những chuẩn mực nghệ thuật mới và do đó có thể nâng tầm đón nhận của mình lên. Ngược lại, khi người đọc bị cám dỗ bởi những tác phẩm tầm thường, mòn sáo với những thước đo thẩm mĩ thấp kém, anh ta cũng có thể thay đổi tầm đón nhận theo hướng từ cao đến thấp.

Hệ quả của sự chênh lệch giữa tầm đón nhận có trước của người đọc với chuẩn mực nghệ thuật ở một trình độ cao hơn do tác phẩm văn học mới xuất hiện đem lại là một "khoảng cách thẩm mĩ". Theo H. R. Jauss, khoảng cách thẩm mĩ này được ghi nhận thông qua sự phản ứng của công chúng và thái độ của giới phê bình không chịu từ bỏ những chuẩn mực nghệ thuật cũ (4). Đồng thời, chính bộ phận công chúng cấp tiến và những nhà phê bình tiên phong sẽ góp phần rút ngắn khoảng cách thẩm mĩ đó và đưa hệ quy chiếu nghệ thuật lên một tầm cao mới. Và cứ thế, lịch sử văn học là sự tiếp diễn của những cuộc thay đổi hệ quy chiếu và thay đổi tầm đón nhận. Khi nào diễn ra sự thay đổi toàn diện nhất, quyết liệt nhất, lúc đó có thể nói đến một cuộc cách mạng trong văn học.

Chẳng hạn, có thể xem sự thay đổi hệ quy chiếu nghệ thuật trong thơ thời kì 1932 - 1945 và tầm đón nhận của công chúng văn học thời kì này là một cuộc cách mạng trong thơ ca. Ở đây cần ghi nhận công lao của những người truyền bá thơ mới như Nguyễn Thị Kiêm, Phan Khôi, Lưu Trọng Lư... và nhất là những người đã khai sinh ra những bài thơ mang một năng lượng thẩm mĩ khác hẳn thơ ca trước đó.

Hiện nay cơ cấu tầm đón nhận của công chúng lại tiếp tục thay đổi nhờ họ tiếp nhận những tác phẩm độc đáo của các nhà văn thuộc thế hệ mới, đồng

---

(3) Dẫn lại theo Nguyễn Văn Dân: *Văn học nghệ thuật và sự tiếp nhận*, Viện thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 23

(4) Dẫn lại theo Lê Ngọc Trà: *Lí luận và văn học*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1990, tr. 126.

thời với việc tiếp nhận những tác phẩm lớn của văn học thế giới trong quá trình giao lưu văn hóa đang mở rộng. Chúng ta đang chứng kiến sự cọ xát của những chuẩn mực thẩm mĩ lâu đời với những giá trị nghệ thuật mới và sự thử thách của bản thân những chuẩn mực thẩm mĩ mới qua những cuộc tranh luận cũng như qua tầm đón nhận của các thế hệ độc giả mới.

Muốn văn học phát triển, cần phải mở rộng và nâng cao tầm đón nhận của công chúng. Nói cách khác, nâng cao thị hiếu thẩm mĩ của công chúng là một phương cách hữu hiệu để nâng cao trình độ sáng tạo của chính nền văn học. Phải làm sao cho ngày càng có nhiều người đọc ý thức được giá trị tư tưởng và nghệ thuật của những tác phẩm văn học lớn. Ở đây cần nhấn mạnh rằng tính phổ cập là vấn đề quan hệ chứ không phải là một phẩm chất nội tại của nghệ thuật. Phẩm chất nội tại của nghệ thuật chính là tính nâng cao, là sự tinh lọc, là tinh thần sáng tạo. Người đọc muốn tiếp nhận được toàn vẹn những giá trị đó, để diễn đạt theo một ý kiến của K. Marx, thì cần phải được giáo dục lâu dài và bền bỉ về khả năng thưởng ngoạn nghệ thuật.

Chính trong viễn cảnh sự phát triển của tầm văn hóa nơi công chúng mà chúng ta có thể nói đến sự tiếp nhận văn học như là một sự đồng sáng tạo. Về vấn đề vai trò "đồng sáng tạo" của người đọc, có hai quan điểm khác nhau. Đề cao kinh nghiệm chủ quan của người cảm thụ, một số nhà nghiên cứu khẳng định văn bản được taí hiện trong cảm nhận của người đọc là một sáng tạo mới so với văn bản của nhà văn đã viết nên. Theo Dewey, "Những ai có khả năng đọc thơ đều tạo ra một bài thơ mới" (4). Còn Potevnia thì cho rằng "chúng ta có thể hiểu được tác phẩm thơ ca chừng nào chúng ta tham gia vào việc sáng tạo nó" (5). Nhà phê bình mới người Pháp R. Barthes còn nhấn mạnh hơn đến vai trò quyết định của ý thức chủ quan nơi người đọc đối với ý nghĩa của tác phẩm: "Khi đọc tác phẩm, tôi đặt vào sự đọc cái tình huống *của tôi*... tình huống thay đổi ấy *làm ra* tác phẩm chứ không tìm lại được nó; tác phẩm không thể phản đối, chống lại cái ý nghĩa mà tôi gán cho nó, vào thời điểm mà chính bản thân tôi, tuân theo sự quy định của mã tượng trưng, tạo ra nó, tức là vào thời điểm mà tôi ưng thuận ghi thêm sự đọc của mình vào cái không gian của những tượng trưng... (6).

Bác bỏ quan niệm trên đây, nhà nghiên cứu Xô Viết M. Khrapchenko cho rằng "hiện tượng đồng sáng tạo của người đọc, người xem, người nghe, mà người ta hay nói đến khi phân tích sự tiếp nhận thẩm mĩ, là một ẩn dụ thi vị hơn là một khái niệm được luận chứng về mặt khoa học" (7). Theo M. Khrapchenko, không thể gọi là "đồng sáng tạo" việc thấu hiểu ý nghĩa của tác phẩm văn học trong và sau khi đọc; bởi vì "sáng tạo ra các giá trị nghệ thuật và cảm thụ các giá trị ấy là những quá trình không đồng nhất. Lí thuyết

---

(5) Dẫn lại theo Trần Đình Sử: *Lí luận văn học*, Tập I, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, tr. 284.
(6) (7) Dẫn lại theo M. Khrapchenko: *Sáng tạo nghệ thuật hiện thực, con người*, Tập 1, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1984, tr. 295, 297, 299.

đồng sáng tạo không thể giải thích được sự biến đổi trong sự tiếp nhận, sự biến đổi trong tác động của tác phẩm văn học" (8).

Dĩ nhiên không thể đồng nhất quá trình sáng tạo với quá trình cảm thụ tác phẩm. Nói đến sự đồng sáng tạo của người đọc không phải là nói đến vai trò tham gia *sáng tạo ra văn bản* như người biên tập, người hiệu đính... mà là *sáng tạo ra hiệu quả của văn bản*. Trong quá trình hành chức của tác phẩm, người đọc can thiệp vào văn bản, biến nó nếu không phải từ một "bộ xương" như R. Ingarden đã nói, thì cũng là từ một thế giới ngôn từ của nhà văn thành thế giới hình ảnh của người đọc. Hai thế giới đó không bao giờ trùng khít với nhau. Về mặt này, chúng ta có thể chia xẻ ý kiến của nhà nghiên cứu Đỗ Đức Hiểu: "Đọc trước hết là phát hiện trong văn bản và từ văn bản một thế giới khác, những con người khác. Người đọc sống trong thế giới tưởng tượng của mình, xây dựng cho mình, thông qua tác phẩm, một *xứ sở riêng*. Đọc là một hoạt động tích cực, người đọc "nhập cuộc", "hóa thân" với những cảm xúc riêng của mình, những kỉ niệm, kí ức, khát vọng riêng" (9).

Trong ý nghĩa đó, khẳng định vai trò chủ động và tích cực của người đọc trong đời sống văn học như nhà nghiên cứu Youri Borev là hoàn toàn chính đáng: "Người đọc không chỉ đơn thuần là người có nhu cầu về các sản phẩm nghệ thuật, không chỉ là đối tượng của sự tác động tư tưởng - nghệ thuật của tác phẩm. Người đọc là người cùng tham gia vào tiến trình sáng tạo để xây dựng ý nghĩa của tác phẩm nghệ thuật, người đồng sáng tạo, chủ thể thực hiện quá trình đọc như là một hành động sáng tạo có tính chất xây dựng" (10).

II/ SỐ PHẬN LỊCH SỬ CỦA CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC QUA LĂNG KÍNH CỦA SỰ TIẾP NHẬN

Nói về tính chất biến dịch của thế giới, Héraclite đã viết một cách hình ảnh: "Không ai tắm hai lần trong cùng một dòng sông". Mỗi tác phẩm nghệ thuật đích thực cũng là một dòng sông của Héraclite, nó chảy qua không gian và thời gian, nó mang theo những năng lượng mới do lịch sử thổi vào.

Muốn đánh giá đầy đủ sức sống của một tác phẩm, chúng ta phải tìm hiểu không chỉ lịch sử sáng tác mà lịch sử tiếp nhận của nó. Sợi dây liên kết giữa sáng tác và tiếp nhận, tức là giữa nhà văn và người đọc, là một mạch nối quan trọng mà chúng ta có thể lần theo để phục hiện hoàn chỉnh chân dung và cơ thể sống động của tác phẩm.

---

(8) Dẫn lại theo M. Khrapchenko: *Sáng tạo nghệ thuật hiện thực, con người*, Tập 1, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1984, tr. 295, 297, 299.
(9) Đổ Đức Hiểu - *Đổi mới phê bình văn học*, Nxb Khoa học Xã hội - Nxb Mũi Cà Mau, 1993, tr.77.
(10) *Tiếp nhận nghệ thuật và chú giải học*, Nxb Khoa Học, Moskva, 1985, 1985, tr.6.

Như trên đã nói, khi đi vào thế giới tưởng tượng của người đọc, tác phẩm văn học không đồng nhất với văn bản ban đầu mà nhà văn đã viết ra. Tác phẩm bây giờ là một sự tổ hợp tạo thành bởi văn bản với những hệ số mới do thời gian và công chúng quy định. Hệ số đó biểu hiện cho những biến đổi của hoàn cảnh lịch sử cùng những biến đổi về kinh nghiệm sống, vốn văn hóa và trạng thái tâm lí của người đọc.

Chính vì vậy mà số phận lịch sử của tác phẩm văn học nhiều khi vượt ra ngoài tầm chi phối của tác giả. Lịch sử văn học đã nhiều lần cho thấy rằng trước cùng một tác phẩm đã xuất hiện nhiều cách tiếp nhận khác nhau. Đó là trường hợp những tác phẩm của Cervantès, Shakespeare, Puskin, Stendhal, Tolstoi, Dostoievski... Và trong vô vàn những cách tiếp nhận và lí giải tác phẩm đó, không phải ai cũng có thể tự xem mình là người độc quyền chân lí, có thể đưa ra kết luận cuối cùng về tác phẩm, kể cả khi người đánh giá là nhà văn hay nhà phê bình tầm cỡ.

Nói về sức sống của tác phẩm Puskin, nhà phê bình Belinski viết: "Puskin thuộc về những hiện tượng mãi mãi tồn tại và vận động không dừng lại ở điểm bắt gặp cái chết mà tiếp tục được phát triển trong ý thức của xã hội. Mỗi thời đại sẽ nói lên sự phán xét của mình về những hiện tượng ấy, và cho dù nó có hiểu đúng đến đâu chăng nữa thì bao giờ nó cũng để dành lại cho thời đại tiếp sau nó nói lên một điều gì đó mới mẻ và đúng đắn hơn, và chẳng bao giờ một thời đại nào lại có thể nói hết tất cả" (11).

Lịch sử văn học cũng đã từng chứng kiến những trường hợp tác phẩm văn học bị lãng quên trong quá khứ, nằm im dưới lớp bụi thời gian, một ngày nào đó bỗng được người đọc của một thời đại sau phát hiện lại, đánh thức dậy, lau lại lớp bụi mờ và làm rực sáng lên ý nghĩa của nó. Tìm hiểu và cắt nghĩa những nguyên nhân xã hội và tâm lí đã dẫn đến sự phục sinh của tác phẩm là điều hết sức thú vị.

Chẳng hạn, trong văn học thế giới, nhiều nhà văn nổi tiếng như Racine, Baudelaire, Ronsard, Apollinaire, Bulgakov... đã từng bị chê bai, thậm chí không được thừa nhận. Ở Việt Nam, nhiều tác phẩm của các nhà thơ thuộc phong trào Thơ mới (1932 - 1945) như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Bích Khê... đã từng trải qua "những bước thăng trầm" (Lê Đình Kỵ) trước khi được khôi phục vị trí chính đáng trong văn học sử.

Trên lĩnh vực văn xuôi, Vũ Trọng Phụng là hiện tượng tiêu biểu cho một đề tài khảo sát theo hướng tiếp nhận văn học. Lúc sinh thời, khi Vũ Trọng Phụng đã sáng tạo ra cả một thế giới nhân vật với những số phận may rủi khác nhau, có lẽ chính ông không ngờ rằng bản thân mình rồi cũng sẽ trở thành một "nhân vật" độc nhất vô nhị của lịch sử văn học hiện đại với một số

(11) Dẫn lại theo M. Khrapchenko - *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 294.

phận long đong không kém. Và nếu các nhân vật của Vũ Trọng Phụng đã từng được cảm nhận và lí giải từ nhiều góc độ khác nhau, thì chính tác giả cũng đã chịu sự phán xét và đánh giá lắm khi bất công và oan uổng đến không ngờ.

Người ta có thể tìm hiểu sự tiếp nhận Vũ Trọng Phụng qua các trang hồi tưởng về ông của các nhà văn cùng thời như Ngô Tất Tố, Tam Lang, Nguyễn Tuân, Lê Văn Trương, Vũ Bằng, Nguyễn Công Hoan... Người ta cũng có thể tìm hiểu sự tiếp nhận đó qua các ý kiến và thái độ đánh giá của các nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình với những cách nhìn khác nhau: Nguyễn Đình Thi, Vũ Đức Phúc, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Hoành Khung, Văn Tâm... Tình hình càng trở nên phức tạp khi ở đây từng diễn ra sự mâu thuẫn không chỉ giữa người này và người kia mà ngay trong một con người ở hai thời điểm không cách xa nhau là mấy. Đọc những ý kiến đối chọi như vậy rồi tìm hiểu cái hoàn cảnh mà người viết bị quy định, chúng ta hình dung được tất cả sự nặng nề của cái gọi là "vấn đề Vũ Trọng Phụng" trong quá khứ. Lí thuyết tiếp nhận góp phần cung cấp cho chúng ta chìa khóa phương pháp luận để lí giải nguyên do sự thay đổi trong các sắc thái tiếp nhận và truy tìm những động cơ thực ẩn giấu đằng sau những lời bình luận chứa đầy mâu thuẫn như trên kia đã nói (12).

Khi cuộc sống tiến lên phía trước, có những tác phẩm gây xôn xao dư luận một thời lại bị bỏ rơi ở phía sau. Đồng thời, lại có những tác phẩm vượt lên dự báo những biến đổi trong thế sự và trong lòng người. Ngay trong kiệt tác của các nhà văn lớn, cũng có những yếu tố thuộc về quá khứ và những yếu tố thuộc về tương lai. Ở một thời điểm thích hợp, những yếu tố sau này sẽ được người đọc đón lấy, khai thác, phát triển nó lên, điều mà lúc sinh thời nhà văn cũng không ngờ tới.

Đứng về mặt tính chất và động lực của cuộc cách mạng Nga, Lênin đã đón lấy những yếu tố dân chủ và xã hội chủ nghĩa trong tác phẩm L. Tolstoi khi ông viết những bài báo nổi tiếng về nhà văn này. Theo V. Lênin, ở chỗ nào mà Tolstoi phơi bày bộ mặt thật của nhà nước chuyên chế và nỗi thống khổ của nhân dân lao động, thì dường như ở chỗ đó nhà văn đã rút lại lời khuyên người ta hãy "bó mình vào việc tu dưỡng". Qua bức tranh hiện thực mà L. Tolstoi miêu tả, Lênin muốn rút ra cho người đọc những kết luận khác với những kết luận mà Tolstoi hướng tới. M. Gorki cũng nhận xét rằng: "Tất cả các tiểu thuyết và truyện của L. Tolstoi phủ nhận tận gốc triết lí của ông. Hiện thực là một quá trình thường xuyên trôi đi, biến đổi, quá trình đó luôn luôn rộng hơn và sâu hơn mọi khái quát có thể có".

Tác phẩm nghệ thuật, qua sự hình dung của A. Gornfeld, chẳng khác nào

---

(12) Xem Trần Hữu Tá - Vũ Trọng Phụng - *Hôm Qua Và Hôm Nay,* Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1992; Nguyễn Hoành Khung và Lại Nguyên Ân - *Vũ Trọng Phụng - con người và tacl phẩm*, Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1994.

như một hạt giống được gieo xuống đất, đất cằn cỗi thì cây yếu ớt, đất màu mỡ thì cây xum xuê. Ông còn nói: "Mỗi một thế hệ, mỗi một độc giả có một Hamlet của mình. Họ sử dụng hình tượng của nhà thơ vĩ đại để thông qua đó mà biểu hiện tâm trạng của mình" (13).

Cùng trong chiều hướng đó, P. Valéry khẳng định: "Một tác phẩm chỉ tồn tại bao lâu nó có thể xuất hiện khác hẳn khuôn mặt mà tác giả đã tạo cho nó" (14) Và nhà thơ bổ sung : "Tôi cho rằng một tác phẩm khi đã xuất bản, tác giả không còn quyền gì đối với độc giả để có thể giải thích điều mình viết. Bản viết là một sự kiện. Bản viết là một sự vật. Từ nay nó ở ngoài quyền hạn của người tạo ra nó, quyền gán cho nó một ý nghĩa hay một giá trị nào"... (15)

Đằng sau những ý kiến cực đoan như vậy không phải không có những hạt nhân hợp lí. Điều đó có cơ sở từ một thực tế là số phận lịch sử của tác phẩm văn học phụ thuộc rất lớn vào sự tiếp nhận của người đọc. Qua sự tiếp nhận đó, các thế hệ người đọc đã thổi sức sống của thời đại mình vào các tác phẩm, khám phá lại phát hiện lại, làm cho chúng không bao giờ già cũ mà luôn luôn mới mẻ.

Tuy nhiên, không thể vì đề cao người tiếp nhận mà lại xem nhẹ cái được tiếp nhận - chính là văn bản. Trong mối tương quan với người tiếp nhận, những giá trị ở dạng tiềm thể của văn bản trở thành giá trị ở dạng hiển thể. Và khi văn bản đi vào văn cảnh, không những văn bản bị biến dạng trong văn cảnh mà chính văn cảnh cũng bị tác động và biến thể bởi chính văn bản. Như vậy không thể nói đến văn cảnh mà bỏ văn bản, hay ngược lại. Cả hai trường hợp đều phiến diện như nhau.

Theo. M. Khrapchenko, có thể so sánh tác giả văn học với một máy phát có nhiều dải sóng mà người nhận là kẻ chỉnh sóng để bắt được đúng cái "chương trình" mà mình mong đợi. Bản thân cấu trúc của máy phát có nhiều dải sóng đó đã là đa trị và đa nghĩa. Nó chứa đựng những yếu tố hình tượng - ngôn từ với những khả năng lí giải khác nhau. Và sự lí giải này trong văn học rất khác với sự lí giải trong khoa học. Ở đây các khả năng lí giải nhiều khi không loại trừ nhau, mà dung nạp nhau, bổ sung cho nhau, tạo nên sự đa dạng trong tiếp nhận văn học. Ở giai đoạn lịch sử này hay ở không gian văn hóa này, tác phẩm được khai thác và lí giải chủ yếu ở phương diện kia. Đến một giai đoạn lịch sử khác hay một không gian văn hóa khác, tác phẩm lại được khai thác và lí giải chủ yếu ở phương diện nọ. Có một thời giá trị của *Đoạn trường tân thanh* được tô đậm chủ yếu ở cảm hứng phê phán, nội dung xã hội và khía cạnh báo ân báo oán... Bây giờ đây hẳn là hợp lẽ khi người đọc tìm thấy ý nghĩa nhân văn của tác phẩm sâu sắc hơn ở những cảnh Thúy Kiều

---

(13) Dẫn lại theo M. Khrapchenko: *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, Sdd, tr. 308.
(14), (15) Dẫn lại theo Nguyễn Văn Trung, Sdd, tr.310, 350.

đánh đàn, Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích...

Nói một cách hình ảnh, có thể xem tác phẩm văn học như một quả pháo bông bắn lên bầu trời. Bản thân nó phải có thuốc pháo và các hợp chất hóa học khác mới tạo nên ánh sáng và màu sắc trên nền trời. Nhưng vẻ đẹp đó còn phụ thuộc vào chính không gian và bầu trời: trong sáng hay không có sương mù... Qua lăng kính của sự tiếp nhận, ý nghĩa khách quan của tác phẩm không bao giờ đồng nhất với tư tưởng chủ quan mà tác giả gửi gắm vào đó. Trong ý định chủ quan của mình, Lỗ Tấn viết *Nhật kí người điên* là nhằm vạch trần những tệ nạn do chế độ gia tộc và lễ giáo phong kiến gây ra. Nhưng truyện ngắn đó đã mở rộng ý nghĩa phê phán đến cả chế độ bóc lột tô tức, đến cái "truyền thống ăn thịt người hơn 4.000 năm" mà tinh thần của nó toát ra từ giữa các dòng chữ khắp những trang cổ sử. Ngày nay, đọc lại *Nhật kí người điên*, liên hệ với những tai họa mà cách mạng văn hóa ở Trung Quốc đã gây ra, hẳn người ta phải giật mình trước ý nghĩa khái quát của tác phẩm về cái "lịch sử ăn thịt người" đó.

Tất nhiên, ý nghĩa khách quan không phải là một sự gán ghép tùy tiện. Có điều, ý nghĩa khách quan nhiều khi không được quyết định bởi ý nguyện của nhà văn mà là bởi những tương quan xã hội - tâm lí nhất định. Phương thức tư duy hình tượng có khả năng đúc kết chân lí đời sống trong một hệ thống nghệ thuật hoàn chỉnh mà ý nghĩa của nó bao giờ cũng là sự kết hợp biện chứng giữa cái ổn định với cái biến đổi, giữa cốt lõi tư tưởng với những thành phần nghĩa thêm vào và bớt đi do sự vận động của tác phẩm trong không gian và thời gian.

Các nhà nghiên cứu văn học đã từng tranh luận khá sôi nổi về ý nghĩa của hình tượng "non" và "nước" cùng với tư tưởng chủ đề trong bài *Thề Non Nước* của Tản Đà:

Nước non nặng một lời thề
Nước đi đi mãi chẳng về cùng non.
Nhớ lời nguyện ước thề non,
Nước đi chưa lại non còn đứng không.
Non cao những ngóng cùng trông,
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày...

Vấn đề đặt ra ở đây là ẩn dụ "non" và "nước" nhằm ám chỉ điều gì? Hình như Tản Đà chưa bao giờ giải thích điều này. Và câu hỏi đó bây giờ treo lơ lửng trước sự tiếp nhận của người đời sau. Về phương diện phương pháp luận, muốn xác định cho toàn diện ý nghĩa bài thơ *Thề Non Nước*, một mặt chúng ta phải đối chiếu bài thơ với thực tế cuộc sống mà nó phản ánh cũng như với hoàn cảnh trong đó bài thơ đã ra đời; mặt khác, phải đặt bài thơ trong môi trường tiếp thu hiện nay, trong mối quan hệ với cuộc sống và người đọc

bây giờ.

"Về phương diện này, có thể nhận thấy bài thơ *Thề Non Nước* chịu một sự tác động hai chiều. Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước càng cao cả bao nhiêu về mục đích, càng xác định bao nhiêu về phương hướng và kết quả, thì lòng yêu nước kín đáo, bóng gió trong bài thơ càng có tác dụng yếu ớt bấy nhiêu. Như thế là ý nghĩa lòng yêu nước trong bài thơ *tỉ lệ ngược* với sự phát triển nội dung lòng yêu nước trong cuộc sống (...)

Nhưng mặt khác, do chỗ càng xa về thời gian thì người ta càng dễ "độ lượng" với quá khứ, càng có ý thức trân trọng những đóng góp dù nhỏ của cha ông, và trên cơ sở từ "non nước" ngày càng chỉ đất nước, Tổ quốc là chủ yếu, bài *Thề non nước* ngày càng như tăng thêm âm vang xã hội của nó, tăng thêm sức hấp dẫn của nó. Ở đây, ý nghĩa của bài thơ lại được cuộc sống và sự thông cảm của độc giả bồi đắp một cách *thuận chiều* với thời gian" (Nguyễn Văn Hạnh) (16).

Thề non nước không phải là một thí dụ duy nhất về sự bí ẩn của hình tượng nghệ thuật mà nhà văn xây dựng nên. *Tống biệt hành* của Thâm Tâm là một trường hợp thú vị khác:

Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một giã gia đình, một dửng dưng...

Câu hỏi khiến các nhà nghiên cứu băn khoăn: người ra đi trong bài thơ này là ai? Không ít người đã tìm cách trả lời câu hỏi ấy. Thực ra nếu biết người ra đi cụ thể là ai thì bài thơ sẽ mất đi phần lớn sức hấp dẫn. Tính chất hàm súc và kín đáo của ngôn từ đã khiến cho bài thơ "đượm chút bâng khuâng khó hiểu của thời đại" như Hoài Thanh và Hoài Chân đã nói. Và sự độc đáo của bài thơ là ở chỗ đó. Nhờ "chút bâng khuâng khó hiểu" đó mà bài thơ đã chừa ra một khoảng không cho sự liên tưởng của người đọc. Từ hình tượng của một cuộc chia li vừa dứt khoát vừa đau đớn đến tái tê, người đọc có thể ứng vào những tình huống "tống biệt" cụ thể để nói lên cái chí khí tứ phương và giấc mộng lãng du của con người. Nếu cắt nghĩa cho được dứt khoát điều bí ẩn "ta" là ai, "người" là ai, thì bài thơ sẽ không còn ý nghĩa khái quát nữa.

Khi nghiên cứu số phận lịch sử của tác phẩm văn học, một điều cũng rất thú vị là tìm hiểu xem nội dung tác phẩm khúc xạ thế nào qua lăng kính của các tác phẩm nghệ thuật khác. Trường hợp khá phổ biến là cảm tác của các nhà thơ về một kiệt tác nào đó. Chẳng hạn Tản Đà, Tố Hữu, Chế Lan Viên,

---

(16) Tạp chí Văn học, Hà Nội, Số 1/1975, tr. 138.

và nhiều nhà thơ khác đều có tác phẩm lấy đề tài từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Lại có trường hợp tác phẩm văn học được chuyển thể thành kịch bản và đưa lên sân khấu, màn ảnh. Tác giả kịch bản và nhà đạo diễn tùy theo quan niệm của mình và đặc trưng loại hình, thường chỉ tập trung khai thác một số phương diện nào đó của tác phẩm văn học. Chẳng hạn, từ tiểu thuyết *Tắt Đèn* của Ngô Tất Tố đến phim *Chị Dậu* của Phạm Văn Khoa, nhà đạo diễn đã tô đậm vấn đề số phận và nhân phẩm của người phụ nữ nông thôn hơn là vấn đề bóc lột bằng tô tức của giai cấp địa chủ. Cũng vậy, tiểu thuyết *Bão Biển* của Chu Văn bao gồm hai chủ đề: vấn đề đấu tranh để cải tạo sản xuất nhỏ, đưa nông thôn miền Bắc đi vào con đường hợp tác hóa và vấn đề giải phóng phụ nữ khỏi những trói buộc của Thần quyền và thiên kiến tôn giáo. Khi dựa vào tác phẩm này để làm phim *Ngày Lễ Thánh*, nữ đạo diễn Bạch Diệp đã dừng lại và đào sâu chủ đề thứ hai mà lướt qua chủ đề thứ nhất.

Đối với những bộ tiểu thuyết trường thiên như *Những người khốn khổ* của V. Hugo, *Chiến tranh và hòa bình* của L. Tolstoi, *Sông Đông êm đềm* của Solokhov, thì sự khai thác của các nhà điện ảnh có thể nói là vô cùng. Khi xây dựng những bộ phim hoành tráng từ các tác phẩm trên, các nhà làm phim đã cố gắng tìm ra từ đó những câu trả lời cho các vấn đề của thời đại mình. Phân tích các bộ phim cùng được dựng từ một kiệt tác như *Chiến tranh và hòa bình*, chúng ta thấy rằng tác phẩm của L. Tolstoi chứa đựng cả một chân trời ý nghĩa mà người làm phim, với "mã nghệ thuật" của mình, đã khám phá và tái hiện lại bằng ngôn ngữ điện ảnh. Trong trường hợp này, tác phẩm văn học đã xuất hiện dưới một số phận khác và nhà đạo diễn cũng như người viết kịch bản tài năng có thể được xem là những người *đồng sáng tạo* với nhà văn.

III/ PHÊ BÌNH VĂN HỌC TRONG HOẠT ĐỘNG TIẾP CẬN VĂN HỌC

Từ góc độ của lí thuyết tiếp nhận không thể quan niệm được một đời sống văn học toàn vẹn mà không lưu ý đến vai trò của người đọc với tư cách là chủ thể của sự tiếp nhận. Tiếp nhận văn học xuất hiện cùng một lúc với sáng tạo văn học, hay nói cách khác, khi con người có ý thức về sáng tạo văn học cũng là lúc con người có ý thức về tiếp nhận văn học.

Phê bình văn học cũng là một phương diện của tiếp nhận văn học, vì vậy cần phải đặt phê bình trong hoạt động tiếp nhận văn học mới thấy hết vai trò của nó đối với đời sống. Tuy nhiên, không phải hễ có tiếp nhận là có phê bình. Bởi vì phê bình là một trình độ cao của tiếp nhận, một sự tiếp nhận có ý thức và có phương hướng. Phê bình, vì vậy chỉ ra đời khi hội đủ những điều kiện cần thiết.

Trong *Physiologie de la critique*, nhà nghiên cứu văn học Pháp Albert Thibaudet đã ghi nhận: "Phê bình, như chúng ta nhận thức và thực hành ngày nay, là một sản phẩm của thế kỉ XIX. Trước thế kỉ XIX, đã xuất hiện những nhà phê bình... nhưng chưa hề có phê bình. Tôi dùng từ này theo nghĩa vật thể của nó: một bộ phận nhà văn ít nhiều chuyên môn hóa, đã chọn công việc bàn luận về những cuốn sách làm nghề nghiệp của mình (17). Cùng chia sẻ ý kiến của A. Thibaudet, các nhà nghiên cứu như J. C. Carloni và J. C. Filloux (18), R. Fayolle (19),... cũng cho rằng để hình thành một nền phê bình thật sự cần phải hội đủ nhiều yếu tố. Trước hết, đó là việc xác định một quan niệm về văn học (littérature) để phân biệt với các lĩnh vực khác như sử học, khoa hùng biện... mà lâu nay vẫn được gộp chung với văn học trong một khái niệm là "belles - lettres". Văn học, đó là hoạt động tinh thần thuộc *loại hình sáng tạo* (type créatif), phân biệt với những hoạt động tinh thần thuộc *loại hình phản ánh* (type réflexif). Điều kiện quan trọng thứ hai làm xuất hiện phê bình chuyên nghiệp là sự biến đổi tầm đón nhận của người đọc, làm hình thành một lớp công chúng thật sự quan tâm đến văn học. Ở đây có vai trò đặc biệt của báo chí, kênh truyền thông quan trọng đã đưa người đọc lại gần với văn học. Đó là những điều kiện đã dẫn đến sự xuất hiện của phê bình chuyên nghiệp ở Pháp trong những năm 1830 - 1880.

Điều thú vị là đúng 100 năm sau, trong một hoàn cảnh xã hội đi vào con đường hiện đại hóa theo hướng Âu Tây, văn học Việt Nam đã chứng kiến sự hình thành của một nền phê bình văn học ít nhiều mang tính chất chuyên nghiệp hóa. Trước đó chúng ta đã thấy xuất hiện hoạt động phê bình của những nhà văn hóa như Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh... nhưng họ không phải là những nhà phê bình chuyên nghiệp. Mãi đến đầu những năm 30, sáng tác văn học mới trở thành đề tài bàn luận của những nhà phê bình chuyên nghiệp. Và từ đây đã ra đời những tác phẩm phê bình văn học đúng nghĩa như *Phê bình và cảo luận* (1933) của Thiếu Sơn, *Dưới mắt tôi* (1939) của Trương Chính, *Thi Nhân Việt Nam* (1942) của Hoài Thanh và Hoài Chân, *Nhà văn hiện đại* (1942) của Vũ Ngọc Phan...

Từ đó, phê bình văn học đã trở thành một nghề trong xã hội. Người ta có thể chê trách, thậm chí bài xích một nhà phê bình, một cung cách phê phán; nhưng người ta không thể coi nhẹ chính nghề phê bình. Sáng tác và phê bình cần thiết cho nhau, tác động hỗ tương với nhau giống như hai chân của một con người. Phê bình đã và sẽ tồn tại như một thực thể hữu cơ của nền văn học, bởi vì nó đáp ứng nhu cầu tự nhận thức của chính văn học.

---

(17) Theo Gérard Delfau và Anne Roche - *Histoire. Littérature, Éditions du Seuil,* Paris, 1977.
(18) La Critique Littéraire, PUF, Paris, 1955.
(19) La Critique Littéraire, Colin, Paris, 1964.

Sáng tác mà không có phê bình chẳng khác nào ném hòn sỏi xuống mặt hồ phẳng lặng, không gợn một tí sóng. Nhà phê bình là một loại người đọc chuyên nghiệp. Họ đọc tác phẩm một cách cân nhắc, điềm tĩnh và suy nghĩ về tác phẩm như một đối tượng thẩm mĩ. Họ thay mặt người đọc (đúng hơn, một bộ phận người đọc) để nêu ra những điều tâm đắc và cả những đòi hỏi đối với người sáng tác. Một nền văn học trưởng thành phải là một nền văn học tự tin: nó sẵn sàng lắng nghe những lời nhận xét nhiều khi không được êm tai. Và có thể nói văn học chỉ thực sự đổi mới khi nào có sự đổi mới cả trên bình diện sáng tác lẫn trên bình diện phê bình. Thậm chí, trong nhiều trường hợp, sự đổi mới ý thức phê bình có tác động quyết định đối với sự đổi mới ý thức nghệ thuật của nhà văn. Những bước tiến của phê bình đã phản ánh những bước tiến chung của văn học và hoạt động phê bình cũng từng là nơi thể nghiệm của những tư tưởng văn học mới. Những lực cản đại diện cho sự trì trệ của ý thức nghệ thuật vẫn thường phản ứng gay gắt đối với các tư tưởng phê bình tiên tiến, chẳng khác nào đối với các sáng tác mà chủ kiến của nhà văn đã được trình bày một cách kín đáo thông qua các hình tượng. Số phận của sáng tác và số phận của phê bình gắn liền với nhau là vì vậy.

Trong ý nghĩa đó, bao giờ chưa có một nền phê bình trưởng thành thì bấy giờ chưa thể nói đến một nền văn học trưởng thành.

Hiện nay vẫn còn không ít người, quan niệm rằng phê bình chẳng qua chỉ là công việc "kí sinh" đối với sáng tác. Họ ví nhà phê bình như một cây tầm gởi hay một tên hề đồng lẽo đẽo chạy theo sau sáng tác nhưng không bao giờ đuổi kịp. Có người cho rằng chức năng chính của phê bình là quảng cáo cho sáng tác, tức là làm sao cho ngày càng có nhiều người đọc biết đến những tác phẩm mới xuất bản.

Không thể nói gì khác hơn rằng đó là một quan niệm thiển cận, biểu hiện một sự nông cạn về văn hóa. Từ bản chất của nó, nói theo V. Belinski, phê bình văn học, là kết quả của sự phát triển "ý thức triết học" về văn chương.

Chức năng của phê bình, trước hết, là khám phá ra giá trị của tác phẩm. Nhà văn phiêu du vào xã hội loài người và thế giới tâm hồn con người. Còn nhà phê bình thì phiêu du vào thế giới ngôn từ của tác phẩm. Cả hai đều đi tìm những giá trị - giá trị nhân văn, giá trị hiện thực, giá trị thẩm mĩ - nhưng một bên thì trình bày giá trị đó thông qua những bức tranh đời sống; còn một bên thì đào sâu và nối dài ý nghĩa của các giá trị đó bằng ngôn ngữ chính luận. Những giá trị tiềm ẩn đằng sau và bên trong văn bản ngôn từ được nhà phê bình khám phá, đánh thức dậy và tô đậm thêm bằng các phương tiện nghề nghiệp của riêng mình: giọng văn cảm xúc, vẻ đẹp của từ ngữ chính luận, các lập luận hợp lô gích, các trích dẫn chính xác và điển hình... Trong nhiều trường hợp, những công trình phê bình tiêu biểu của một giai đoạn lịch sử cũng là "tập đại thành" của những luồng dư luận có chọn lọc và sáng suốt nhất của giai đoạn đó.

Làm được điều đó, phê bình văn học cũng đồng thời trở thành nhịp cầu nối liền nhà văn, tác phẩm với người đọc. Khi nhà phê bình đưa những xác tín của mình vào đời sống một cách dũng cảm và khoa học, ông ta đã tạo nên một "trường" đặc biệt của dư luận xã hội về tác phẩm. Thông qua đó, xã hội góp phần vào việc tác động, định hướng đối với sáng tác. Căn cứ trên ý kiến của những nhà phê bình, nhà văn có thể mở rộng nhãn quan nghệ sĩ, tự điều chỉnh hoạt động sáng tác và hoàn thiện tài nghệ của mình.

Như vậy, phê bình không phải là một hoạt động đứng ngoài văn học, mà nó tham gia vào những nguồn động lực của văn học, tác động đến tất cả các khâu của tiến trình văn học. Từ tác phẩm văn học, phê bình mở rộng sự quan tâm của mình đến tất cả các hiện tượng, khuynh hướng, quy luật có liên quan đến tiến trình nghệ thuật đương đại. Nhà phê bình đích thực góp phần phát hiện tầm cỡ của một nhà văn, ý nghĩa sáng tác của ông ta đối với nền văn hóa dân tộc cùng là những nguyên nhân đã cản trở nhà văn phát huy tài năng của mình.

Trong lịch sử văn học thế giới, chúng ta thấy không hiếm trường hợp những nhà phê bình đã có công lao như vậy: đó là V. Belinski đối với sự nghiệp của Puskin, A. Thibaudet đối với Mallarmé, Hoài Thanh đối với phong trào Thơ Mới...

Vì vậy phê bình văn học đã được xem là "mĩ học đang vận động" (V. Belinski), là "nhân tố tổ chức dư luận xã hội, nhân tố tổ chức tiến trình nghệ thuật" (20), là "một hoạt động tạo điều kiện cho sự hình thành cá tính sáng tạo của nhà văn" (21).

Ý thức được vai trò của phê bình văn học, nhiều người thường đề cao tự do phê bình đi đôi với tự do sáng tác; đồng thời kêu gọi nhà văn và nhà phê bình phải tôn trọng lao động nghề nghiệp và nhân cách của nhau. Trái lại, một số người tìm cách điều kiện hóa phê bình bằng cách vo tròn phê bình cho vừa những cái khuôn lí luận đúc sẵn. Mà như đã nói, điều kiện hóa phê bình cũng tức là gián tiếp điều kiện hóa nhà văn và sự tiếp nhận văn học.

Nói nhà phê bình là người đọc chuyên nghiệp, người đọc có năng lực trong việc thẩm định văn học, điều đó không có nghĩa là mọi nhận xét và đánh giá của nhà phê bình đều bảo đảm tính chính xác và có sức thuyết phục. Thực tế cho thấy là nhiều khi thời gian không đứng về phía nhà phê bình. Chẳng hạn Voltaire đánh giá thấp Shakespeare, còn Belinski thì lại quá đề cao F. Coper và G. Sand. Chúng ta cần phải xem điều này là bình thường, vì nhà phê bình - dù là người có uy tín, có trình độ - cũng chịu những giới hạn nhất định về hoàn cảnh lịch sử, về nền tảng văn hóa và cả về thiên kiến thẩm mĩ nữa. Mà đâu phải chỉ nhà phê bình, ngay những nhà văn lớn như L. Tolstoi cũng tỏ ra không công bằng đối với Shakespeare, Stendhal cũng không nhận ra chân tài

---

(20), (21) Youri Borev - *Vai trò của phê bình văn học trong tiến trình nghệ thuật,* Nxb Kiến Thức, Moskva, 1979, Tr.13

của Walter Scott...

Tình hình đó chỉ có thể khắc phục khi trong xã hội tạo ra được một không khí lành mạnh trong phê bình, khiến cho người đọc có thói quen chấp nhận các phương pháp và phong cách phê bình khác nhau. Trong lịch sử phê bình văn học Việt Nam, từ đầu thế kỉ XX đến nay, đã từng có những nỗ lực nhằm du nhập và vận dụng những phương pháp phê bình hiện đại như phê bình mác-xít, phê bình phân tâm học, phê bình cấu trúc luận, phê bình phong cách học... Tuy nhiên, trừ khuynh hướng phê bình mác-xít, các khuynh hướng khác chưa thực sự đạt được những thành tựu nổi bật. Các hiện tượng văn học cần được soi rọi từ nhiều phía, nhiều chiều, bởi các cách nhìn khác nhau, để đi đến những nhận định và đánh giá thỏa đáng. Mỗi nhà phê bình cần phải đem đến cho công chúng một cách nhìn mới, một cách khám phá mới về nhà văn, tác phẩm và các trào lưu văn học. Muốn vậy, nhà phê bình cần được trang bị phương pháp phê bình hiện đại, kết hợp với năng lực cảm thụ thẩm mĩ và những thao tác của riêng mình trên cơ sở những bài học kinh nghiệm rút được từ thực tiễn phê bình.

Ở nước ta đã từng xuất hiện ba loại phê bình văn học chính sau đây.

Một là loại phê bình "nghệ sĩ", còn gọi là phê bình ấn tượng hay phê bình trực cảm, có nguồn gốc từ truyền thống bình văn, bình thơ của văn học phương Đông. Loại phê bình này thường chú ý đến cái hay cái đẹp của văn chương, nhạy cảm với đặc trưng của nghệ thuật và có những phát hiện sắc sảo, tinh tế về nội dung và hình thức tác phẩm. Một số nhà văn khi cầm bút viết phê bình bằng tay trái cũng có thể xem là những nhà phê bình "nghệ sĩ". Họ rất quan tâm đến những vấn đề nghề nghiệp của sáng tác, nêu ra được những ý kiến bổ ích cho đồng nghiệp, nhưng nhận xét của họ cũng dễ thiên lệch và phiến diện do thiên kiến thẩm mĩ của mình.

Hai là phê bình xã hội học dung tục mà đặc điểm của nó là căn cứ một cách máy móc vào hoàn cảnh xã hội và nguồn gốc xuất thân của tác giả để đánh giá tác phẩm. Loại phê bình này thường đồng nhất cái được phản ánh với cái phản ánh mà không chú ý đến đặc trưng của sáng tạo nghệ thuật và cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ. Cách phê bình này dẫn đến hậu quả tai hại là suy diễn về mặt chính trị và đạo đức, đem những thước đo tiên nghiệm ở ngoài văn học áp dụng vào tác phẩm và đi tới những kết luận xa lạ với tâm lí học sáng tạo văn học. Loại phê bình này ngày nay vẫn còn ảnh hưởng đến đời sống văn học nước ta.

Ba là loại phê bình có tính chất học thuật nghiêm túc, đứng trên lập trường Mác-xít, căn cứ vào những tiêu chí khoa học để đánh giá các hiện tượng văn học. Các nhà phê bình này vốn được chuẩn bị kĩ về nền tảng văn hóa, thường có thái độ cẩn trọng khi phán xét một tác phẩm, một tác giả hay nhận định về một vấn đề văn học. Họ cũng thể hiện rõ nỗ lực khảo sát tác phẩm một cách toàn diện trong mối thống nhất hữu cơ giữa nội dung và hình

thức, đồng thời liên hệ với cả truyền thống văn hóa lâu dài của dân tộc để định vị tác phẩm. Tuy nhiên, do bị ràng buộc bởi những thuật ngữ khoa học, loại phê bình này dễ gây cho người đọc ấn tượng về tính chất "hàn lâm", "kinh viện" với lối diễn đạt không có sức lôi cuốn cho bằng loại phê bình nghệ sĩ.

Trong đời sống văn học, phê bình có vai trò quan trọng như vậy nên không thể hình dung một bộ phận lịch sử văn học toàn diện lại thiếu vắng lịch sử phê bình. Chính lịch sử phê bình sẽ cho chúng ta quan niệm rõ ràng hơn hoạt động tiếp nhận văn học, tức là nhìn văn học trong sự vận động và trong các mối quan hệ chằng chịt của nó với thời đại và công chúng. Ở đây, ngoài phương pháp nghiên cứu văn học theo hướng lịch sử - phát sinh còn gọi là hướng biến sinh - xã hội, cần phải biết vận dụng một cách thành thục hướng nghiên cứu lịch sử - chức năng. Chính M. Khrapchenco cũng phải thừa nhận rằng "phương pháp nghiên cứu văn học theo chức năng là một trong những khuynh hướng rất quan trọng và có triển vọng của ngành nghiên cứu văn học Mác-xít (...) Sự cần thiết của những công trình trong lĩnh vực này được xác định bởi những nhu cầu cơ bản của khoa học về văn học, những nhu cầu của sự liên hệ mật thiết hơn giữa văn học và sự phát triển văn hóa hiện đại" (22).

Tác phẩm văn học, như trên kia đã nói, chỉ đi trọn vòng đời khi nó được người đọc tiếp nhận, khơi mở ra những lớp ý nghĩa tiềm tàng bên trong nó. Tiếng vọng của tác phẩm trong các tầng lớp công chúng khác nhau - mà sự thưởng thức của họ tùy thuộc vào hoàn cảnh xã hội, kinh nghiệm sống, đặc điểm tâm lí... là điều cần được người nghiên cứu quan tâm. Thời gian và công chúng là hai thử thách nghiêm nhặt nhất đối với tác phẩm. Lí giải con đường đi của tác phẩm qua lịch sử là một đòi hỏi của nhận thức nhằm làm sáng tỏ những năng lượng tư tưởng và nghệ thuật tiềm ẩn trong tác phẩm. Ở đây, nhà phê bình là kẻ đại diện ghi lại những cột mốc trên cuộc hành trình đó của tác phẩm.

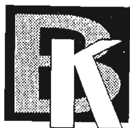
Như vậy tiếp cận tác phẩm văn học theo hướng lịch sử - chức năng là nhằm tìm hiểu tác phẩm đã bộc lộ sức sống của nó qua các tầng lớp, các thế hệ độc giả chứ không đơn thuần là quy kết giá trị, ý nghĩa của tác phẩm là do người đọc đem vào. Hoạt động chức năng và sức sống lâu dài của tác phẩm, suy cho cùng, cũng có nguồn gốc từ những đặc điểm và thuộc tính nội tại của nó. Vì vậy, hướng tiếp cận lịch sử - chức năng phải gắn liền với hướng tiếp cận hệ thống - văn bản.

Tác phẩm văn học, theo ý nghĩa đó, vừa là một đối tượng thẩm mĩ vừa là một cấu trúc thẩm mĩ bao gồm những thành tố, những bộ phận có mối quan hệ khăng khít với nhau và với tổng thể, điều này tạo nên bản sắc của tác phẩm.

NGUYỄN VĂN HẠNH

---

(22) M. Khrapchenko - *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học,* Sdd, Tr.331.



NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

TÌM HIỂU MỐI TÌNH GIỮA NGUYỄN DU VÀ HỒ XUÂN HƯƠNG (Tác giả LƯU HƯƠNG KÝ)



Ít lâu nay, khi đề cập tới Hồ Xuân Hương, sách báo thường nhắc đến mối tình giữa Nguyễn Du và Xuân Hương, bằng vào bài thơ "Cảm cựu kiêm trình Cần Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu", trích trong tập *Lưu Hương Ký*; có người còn dẫn thêm bài thơ "Mộng đắc thái liên" của Nguyễn Du, cho đấy có thể là một bằng chứng.

Mặc dầu mối tình giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương được một số người coi như có thật, sao tôi vẫn lấy làm ngờ, vẫn thấy có những chỗ... chưa ổn, sau khi đã đọc kỹ cả hai bài thơ nói trên.

Trước khi trình bày những điều thắc mắc của tôi, xin nhấn mạnh là Hồ Xuân Hương mà tôi đề cập trong bài trỏ vào tác giả *Lưu Hương Ký* chứ không phải là tác giả những bài thơ truyền tụng ai cũng biết như: "Quả mít", "Tranh Tố Nữ", "Hang cắc cớ", "Động Hương Tích", "Kẽm Trống" v.v... Theo tôi, chưa thể xác nhận hai nàng Xuân Hương này là một bởi nếu ta chấp nhận Chiêu Hổ không phải Phạm Đình Hổ vì văn phong hai người khác nhau thì chúng ta cũng khó mà có thể chấp nhận tác *Lưu Hương Ký* với tác giả những

bài thơ truyền tụng là một, phong cách hai người cũng khác nhau một trời một vực..., nhưng đấy là một vấn đề nhiêu khê, xin hẹn một dịp khác.

I - PHÁT HIỆN LƯU HƯƠNG KÝ VÀ BÀI THƠ "CẢM CỰU"..."

Theo GS Hoàng Xuân Hãn thì khoảng 1956-57, ông Nguyễn Văn Tú, cử nhân Hán học, người làng Hành Thiện, thấy trong tủ sách gia đình có tập *Lưu Hương Ký*, tờ đầu dẫn: "Hoan Trung Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương nữ sử tập", đã cẩn thận đóng lại rồi gởi đến Ban Nghiên Cứu Văn Sử Địa ở Hà Nội, nhưng sau đó không có tiếng vọng.

Đến năm 1963, ông Trần Thanh Mại tình cờ đọc trong *Du Hương Tích Động Ký* thấy có bài tựa tập *Lưu Hương Ký* của Tốn Phong Thị viết tháng 2, 1814. Đọc xong, Trần T. Mại đi tìm Lưu Hương Ký và được ông Tú cho hay nó đã nằm ở ban nghiên cứu Văn Sử Địa 15 năm nay (1).

Trần Thanh Mại đọc *Lưu Hương Ký*, nhận thấy tập thơ không còn nguyên vẹn, chỉ sót lại 24 bài thơ chữ Hán và 28 bài thơ chữ Nôm, nhưng đầu đề vẫn bằng chữ Hán, trong đó có bài "Cảm Cựu..."

Trần Thanh Mại lần đầu công bố bài "Cam cựu...", thơ của Xuân Hương gửi Nguyễn Du, trong tạp chí Văn Học tháng 11, 1964; đến năm 1971, Trương Chính và Lê Thước cũng đề cập đến bài thơ này trong Văn Nghệ số 428 (2).

Sau cùng là giáo sư Hoàng Xuân Hãn xác nhận mối tình có thật và phỏng đoán thời gian hai người có thể dan díu với nhau :

1790 - 1792 ?

1792 - 1795 (3)

Vì các vị trên đều dựa vào bài thơ "Cảm cựu..." nên tôi xin trích lại nguyên bài :

Cảm cựu kiêm trình Cần Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu
(Hầu, Nghi Xuân, Tiên Điền nhân)

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung,
Mượn ai tới đấy gửi cho cùng.
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập
Phấn son càng tủi phận long đong
Biết con mảy chút sương siu mấy
Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng trong (4)

II- PHÂN TÍCH BÀI "CẢM CỰU..."

A. Đối tượng bài thơ là Nguyễn Du?

Tựa đề bài thơ có nghĩa là: "Nhớ người cũ, viết gửi Cần Chánh học sĩ Nguyễn hầu, người Tiên Điền, huyện Nghi Xuân. Dựa vào tựa đề ta có thể tin Xuân Hương ám chỉ Nguyễn Du vì tác giả truyện Kiều:

- đúng là họ Nguyễn
- quê ở Nghi Xuân, Tiên Điền.
- Năm 1805 được phong Du Đức Hầu (5) (tuy rằng chữ "hầu" trong *Lưu Hương Ký* không chỉ vào "hầu tước mà chỉ là một cách tôn xưng, vì Xuân Hương cũng gọi quan Hiệp trấn Sơn Nam Thượng là "Trần hầu").
- Tháng 2, 1813, được Cần Chánh Học sĩ, cử làm Chánh sứ sang tuế cống nhà Thanh.

Từ những chi tiết trên, ta có thể kết luận:

1) Nếu "Nguyễn hầu" đúng là Nguyễn Du thì bài này ắt được sáng tác sau tháng 2, 1813 (khi Nguyễn Du được phong Cần Chánh Học sĩ) và trước tháng 2, 1814 (khi Tốn Phong hoàn tất bài tựa cho *Lưu Hương Ký*).

2) Tuy không biết đích xác bài thơ được viết vào thời điểm nào, nhưng sống cùng thời với Xuân Hương khó có thể có một người thứ hai họ Nguyễn ở Tiên Điền cũng được phong Cần Chánh Học sĩ, cho nên ta có thể chấp nhận đối tượng bài thơ là Nguyễn Du.

B. **Tình ý bộc lộ trong bài "Cảm cựu..."**

a - *Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung,*
Mượn ai tới đấy gửi cho cùng.
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn...

Ba câu thơ trên cho ta thấy:

- Mối tình kéo dài đủ ba năm ("ba năm vẹn")
- Bài thơ được sáng tác sau khi Nguyễn Du đã xa Thăng Long, trên đường sang Trung Quốc ("Dặm khách", "mượn ai", "tới đấy", "gửi").
- Tác giả đang xúc động nhiều ("muôn nghìn nỗi nhớ nhung"). Nếu hai người xa nhau từ năm 1795 theo sự phỏng đoán của GS Hoàng Xuân Hãn, và đến năm không gặp lại nhau trước khi Nguyễn Du đi sứ thì sau năm xa cách không một lần gặp lại liệu Xuân Hương có "muôn nghìn nỗi nhớ nhung" được không? Nhớ đến người cũ thì có, nhưng e rằng tình đã phai nhạt. Nếu Xuân Hương "nhớ nhung muôn nghìn nỗi" như thế thì chắc hai người mới gặp lại nhau.

b - *Xe ngựa trộm* mừng duyên tấp nập,
Phấn son càng tủi phận long đong.

Nếu "xe ngựa" có thể trỏ vào đoàn người tùy tùng Nguyễn Du đi sứ thì "mừng *duyên* tấp nập" khó mà trỏ vào chuyện mừng Nguyễn Du thăng chức; trỏ vào chuyện Nguyễn Du cưới vợ thích hợp hơn.

Theo gia phả họ Nguyễn ở Tiên Điền thì Nguyễn Du chính thức có ba vợ: bà cả, em Đoàn Nguyễn Tuấn, sinh một con trai, bà kế sinh một con trai và bà thiếp sinh mười trai, sáu gái.

Bài thơ làm năm 1813 tất không thể trỏ vào bà cả vì Nguyễn Du đã ẩn ở quê vợ, nhà Đoàn Nguyễn Tuấn, xã Hải An, huyện Quỳnh Côi, Sơn Nam (Thái Bình) trong mười năm, khoảng từ 1786 đến 1796 (vì Nguyễn Du chống Tây Sơn) nghĩa là 1813 Nguyễn Du đã cưới bà cả rồi.

Cũng không thể trỏ vào bà thiếp vì đến năm 1820 Nguyễn Du đã mất. Từ 1813 đến 1820, chỉ vỏn vẹn có bẩy năm, bà không thể sinh cho Nguyễn Du mười sáu mặt con, trừ phi sinh đôi, sinh ba...

Chỉ có thể trỏ vào bà kế hay bà thứ tư mà P.B.T. đã nói đến trong "Hậu duệ Nguyễn Du": "... thực tế Cụ (Nguyễn Du) còn thêm bà nữa. Thành ra giòng giõi Cụ chia làm bốn ngành, tính theo bốn chi: Giáp, Ất, Bính, Đinh." Bốn bà vợ ấy thì "một bà người Thái Bình (bà cả), một bà người Bắc Ninh và hai bà người Nghệ" (6). Tiếc rằng tác giả chỉ đề cập đến hai ngành Giáp và Ất rồi chấm dứt bài ở nửa chừng. Dẫu sao chắc Xuân Hương không phải là một trong hai bà người Nghệ vì nếu đã là vợ Nguyễn Du lại sinh con đứng đầu một trong bốn chi hậu duệ thì việc gì còn "tủi phận long đong"?

Tóm lại, nếu dựa vào bài "Cảm cựu..." thì ta có thể tin giữa Nguyễn Du và Xuân Hương có một mối tình dài "ba năm vẹn", song tình duyên dang dở, Nguyễn Du lấy vợ để Xuân Hương ôm hận:

"Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong".

III - "MỐI TÌNH CHUNG" XÉT QUA VĂN THƠ NGUYỄN DU

1 - Trong tất cả văn thơ của Nguyễn Du không thấy có bài nào chứng thực hai người có quen biết nhau chứ đừng nói có dan díu với nhau. GS Hoàng Xuân Hãn cho là vì năm 1813, Nguyễn Du làm quan to phụng sứ, tính lại dè dặt nên tuy "biết đâu không nghĩ tới" nhưng "không thể đáp ứng mộng Xuân Hương" (7). Cũng có lý, thế nhưng tại sao Nguyễn Du lại không dè dặt đối với "Cô Cầm", một ca kỹ Nguyễn Du đã gặp ở Thăng Long trước đây 20 năm, đến 1813 gặp lại, thấy cô tiều tụy, nếu không nhờ tiếng đàn tuyệt vời của cô thì không sao nhận ra. Trong tiểu dẫn bài "Long thành cầm giả ca" Nguyễn

Du viết: "Sau khi từ biệt (Cô Cầm), suốt trên đường đi (sứ) tôi cảm xúc vô hạn nên làm bài ca để gửi mối cảm hứng". Với một người ca kỹ chỉ gặp có hai lần mà Nguyễn Du còn "cảm xúc vô hạn" sáng tác ra bài thơ danh tiếng, thì tại sao sau khi "tái hợp" với người tình "ba năm vẹn" Nguyễn Du lại không nẩy ra được một bài thơ nào, "suốt dọc đường" chỉ nhớ đến mỗi "Cô Cầm"?

2 - Bài thơ "Mộng đắc thái liên" (Mộng thấy hái sen)

GS Hoàng Xuân Hãn cho rằng khi Nguyễn Du sáng tác bài này "hình như nghĩ tới thời kỳ dan díu với Xuân Hương" và "Tuy bút chứng không trỏ vào ai nhưng lấy mọi bằng chứng mà suy thì tôi đoán đó là Xuân Hương có lẽ cũng hợp lý" (8).

Bài thơ viết bằng chữ Hán, tôi xin trích sau đây bản dịch, văn xuôi, của Ngô Ngọc Linh để giữ đầy đủ ý trong bài thơ, vì khi dịch thành thơ, dịch giả thường bỏ sót ý, chẳng hạn như đoạn 3 trong bài dịch của Lê Thước và Phạm Khắc Khoan đã bỏ sót hai chữ "láng giềng":

Sáng nay đi hái sen
Hẹn cô kia đi với (9)

trong khi bản dịch của Ngô Ngọc Linh là: "Hẹn với cô láng giềng xóm đông", theo sát nguyên văn chữ Hán: "Nãi ước đông lân nữ" (10).

Mộng thấy hái sen
Buộc chặt quần cánh bướm,
Hái sen, chèo thuyền con.
Nước hồ sao lai láng,
Trong nước có bóng người.

Hái, hái sen Hồ Tây,
Hoa và gương sen đều để trên thuyền,
Hoa để tặng người mình trọng,
Gương để tặng người mình thương.

Sáng nay đi hái sen,
Nên mới hẹn với cô láng giềng xóm đông
Chẳng biết đến lúc nào không biết,
Cách khóm hoa nghe tiếng cười nói.

Mọi người đều biết yêu thích hoa sen,
Nhưng ai là kẻ yêu thân cây sen?
Trong thân cây sen rõ có những sợi tơ,
Vấn vương không thể dứt được.

Lá sen sao xanh xanh,
Hoa sen đẹp đầy đặn.
Hái sen chớ làm hỏng ngó,
Sang năm sen không sinh lại được.

Bài thơ hiếm những chi tiết cụ thể để giúp người đọc hiểu thiếu nữ hái sen là ai? Ngoài chuyện hái sen ở Hồ Tây chỉ còn "láng giềng" và "quần cánh bướm" tả cô gái, nhưng chẳng ai biết Xuân Hương có mặc "quần cánh bướm" hay không, và bài thơ chỉ nói "đi hái sen ở Hồ Tây" chứ không nói "người hái sen sống ở gần Hồ Tây", cho nên dù theo truyền thuyết thì Cổ Nguyệt Đường ở gần Tây Hồ nhưng ta không thể xác nhận thiếu nữ hái sen là Xuân Hương.

Chúng ta cũng không biết Xuân Hương và Nguyễn Du có là "láng giềng" của nhau không. Chỉ có bằng chứng cho thấy, ít nhất cũng trong năm 1793, hai người ở khá xa nhau: Xuân Hương ở gần Hồ Tây, phía Tây Bắc thành Thăng Long, còn Nguyễn Du, theo "Long thành cầm giả ca", lại trọ ở gần Giám hồ; mà trên địa đồ, dù thời nhà Lê hay thời nhà nguyên, thì nhà giám cũng ở phía Nam. Nếu Giám hồ là "Hồ Kim Âu" trước cửa Giám" (12) thì đường đi từ nơi Nguyễn Du trọ đến chỗ ở của Xuân Hương đã được GS Hoàn Xuân Hãn vạch rất rõ: "Từ đó (hồ Kim Âu) tới Cổ Nguyệt Đường phải đi đường ngoài thành Thăng Long, vòng góc Tây nam rồi vòng góc Tây bắc, vượt cầu trên sông Tô Lịch ở đấy, qua quán Trấn Vũ rồi theo đê Cổ Ngựa đến Khán Xuân" (13).

Vì không ai biết đích xác địa chỉ của Xuân Hương và Nguyễn Du, không có gì chứng minh hai người có thời gian ở gần nhau, nên bài "Mộng thấy hái sen" chưa thể coi là một bằng chứng của mối tình giữa đôi tài tử này.

IV - THỜI ĐIỂM HAI NGƯỜI CÓ THỂ DAN DÍU VỚI NHAU.

GS Hoàng Xuân Hãn viết "Dù người trong "Mộng hái sen" là một người khác thì tình duyên giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương vẫn là sự có thật" và phỏng đoán thời điểm hai người có thể dan díu với nhau ở Thăng Long:

- hoặc từ 1790 đến 1793
- hoặc từ 1792 đến 1795 (14).

Tại sao ông lại chọn hai thời điểm này mà bỏ qua những quãng thời gian khác mà Nguyễn Du đã sống khoảng ba năm ở Thăng Long?

1 - Thời điểm 1781 - 84. Năm Nguyễn Du từ quê hương lên Thăng Long thi đỗ Tam trường (15); năm 1784 có loạn kiêu binh, nhà Nguyễn Khản bị phá, Nguyễn Du dời kinh đô lên Thái Nguyên ở nhà cha nuôi họ Hà, giữ chức

Chánh Thư Hiệu (một chức quan võ nhỏ).

Tuy Nguyễn Du sống ba năm ở Thăng Long, nhưng Hồ Xuân Hương lại không có mặt ở đó vì, theo gia phả, Xuân Hương sinh ở phường Khán Xuân, về quê sống một thời gian rồi mới quay lại kinh đô, bằng chứng là năm 13 tuổi còn xướng họa với Dương Tri Tạn, một danh sĩ trong làng (16). Thế thì Xuân Hương chỉ có thể ra Bắc sớm nhất vào năm 13 tuổi, tức là:

1772 + 13 = *1785*, khi ấy Nguyễn Du đang ở Thái Nguyên (17).

2 - Thời điểm 1802 - 1805. Mùa hạ năm 1802, Nguyễn Du theo Gia Long ra Bắc, tháng tám bổ tri huyện Phù Dung, có thể gặp Xuân Hương trước khi đi tri huyện.

Năm 1803 và 1804, Nguyễn Du đi tiếp sứ Thanh sang phong cho Gia Long, khi đi, khi về, tất có qua Thăng Long, có thể gặp Xuân Hương.

Cuối năm 1804, đầu 1805 Nguyễn Du được triệu vào làm quan ở kinh.

Tính ra nếu Nguyễn Du gặp Xuân Hương vào mùa hạ 1802 thì đến đầu năm 1805 cũng chưa đủ "ba năm vẹn", thời điểm này không thích hợp.

3 - 1790 - 93. Theo sách sử thì Nguyễn Du chống Tây Sơn, ẩn ở quê vợ mười năm rồi về quê nhà, ở núi Hồng Lĩnh sáu năm, trước khi ra làm quan với nhà Nguyễn. Thời gian ẩn ở quê vợ vào khoảng 1786 - 96. Bằng chứng trong thơ Nguyễn Du:

- Ở nơi u tịch:

Mười năm gió bụi, *rời kinh thành* đi xa,
Quá nửa tuổi xanh lưu lạc nơi góc biển (18).

Nguyễn Du dời kinh đô năm 1784, cộng "mười năm gió bụi" thành:

1784 + 10 = *1794*, Nguyễn Du sống xa Thăng Long, ngụ nơi "góc biển".

- Quỳnh hải nguyên tiêu:

Ba mươi năm nơi chân trời góc bể (19)

Nguyễn Du sinh năm 1765, cộng với 30 năm là:

1765 + 30 = 1795, Nguyễn Du sống ở Quỳnh Hải, quê vợ, nơi "góc bể".

Thời điểm 1790-93 đúng vào lúc Nguyễn Du ẩn ở quê vợ mười năm. Chỉ có mỗi một chi tiết cho thấy Nguyễn Du có mặt ở Thăng Long năm 1793, đấy là bài "Long thành cầm giả ca" viết năm 1813, cho biết hai mươi năm trước đã gặp "Cô Cầm" trong một bữa tiệc ở nhà người anh là Nguyễn Nễ, ở Thăng Long: "Tiệc ấy nhớ lại đến nay (1813) đã hai mươi năm" (20), thế có nghĩa là:

1813 - 20 = *1793* Nguyễn Du có mặt ở Thăng Long. Tiếc rằng không có bằng chứng nào cho thấy Nguyễn Du đã có mặt ở Thăng Long trong ba năm liền , có mặt thôi chứ chưa nói đến gặp gỡ Xuân Hương. Thời điểm này cũng không lấy gì làm chắc.

4 - 1792 - 95. Khi phỏng đoán thời gian hai người có thể dan díu với nhau vào quãng "1790 - 93?", GS đã dè dặt đánh dấu hỏi, nhưng khi đề cập đến quãng thời gian 1792 - 95, GS tỏ ra tin tưởng lớn, còn nói thêm là lúc ấy Nguyễn Du sống ở nhà người anh là Nguyễn Nễ (21), ở cạnh Giám hồ.

Thực ra, theo tiểu dẫn bài "Long thành cầm giả ca", thì khi ấy Nguyễn Du không sống ở Thăng Long mà chỉ "đến kinh đô thăm anh" và cũng không ở nhà anh mà là "trọ ở gần Giám hộ". Bản chữ Hán viết: "Dư thiếu thời, tham huynh đế kinh, lữ túc Giám hồ điếm" (22).

Bản dịch của Nguyễn Quảng Tuân: "Tôi, hồi trẻ đến kinh đô thăm anh tôi, đêm trọ ở quán bên hồ Giám" (23).

Bản dịch của Quách Tấn: "Buổi thiếu niên đến kinh đô thăm anh tôi, tôi trọ gần hồ Giám" (2).

Ngoài ra, năm 1794, Nguyễn Nễ đang làm quan ở kinh nên không có mặt ở Thăng Long bằng vào bài thơ của Nguyễn Du họa vần người anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn, cũng làm quan với Tây Sơn, khi ông này làm thơ từ biệt bạn hữu trước khi lên đường vào Phú Xuân, mùa thu năm Giáp Dần (1794), trong bài họa của Nguyễn Du có câu:

Chuyến đi này nếu như anh tôi có hỏi,
Thì xin nói giùm rằng tôi đang ở bước đường cùng, tóc đã lốm đốm bạc (25).

Kết luận là trong khoảng thời gian 1792 - 95, Nguyễn Du đang sống ở quê vợ, không ở Thăng Long, cũng không ở nhà Nguyễn Nễ mà chỉ đến Thăng Long thăm anh. Tuy nhiên, Nguyễn Du đã có mặt ở kinh đô hai lần: năm 1793, theo "Long thành cầm giả ca", và 1794, dựa vào bài thơ họa vầm Đoàn Nguyễn Tuấn. Nguyễn Du có thể gặp Xuân Hương song "mối tình", nếu có, chỉ là những cuộc gặp gỡ gián đoạn, như mối tình với Tố́n Phong, gặp năm 1807 rồi đến 1814 mới gặp lại.

*

Nếu chỉ dựa vào bài "Cảm cựu..." ta có thể tin hai người đã dan díu với nhau ba năm, nhưng nếu tìm bằng chứng mối tình này trong văn thơ Nguyễn Du thì không có gì cả. Vì tựa đề bài thơ trỏ vào Nguyễn Du nên ta có thể đưa ra hai giả thuyết.

- Nguyễn Du chỉ coi Xuân Hương là chỗ quen biết bình thường, có gặp gỡ, qua lại nhưng dừng ở chỗ ấy, và không gây một cảm hứng gì cho Nguyễn Du. E rằng mối tình nếu không do Xuân Hương tưởng tượng thì cũng chỉ là "tình một chiều". Những câu "mừng duyên tấp nập" và "tủi phận long đong" chứng minh cho thuyết này.

- Tình của Nguyễn Du có "đậm" hơn nhưng được dấu kín, không có một

chi tiết nào trong tiểu sử hay trong thơ văn Nguyễn Du bộc lộ ra (không có trong thơ Nguyễn Du còn có thể nói vì Nguyễn Du dè dặt, nhưng cũng không có cả trong *Lưu Hương Ký* mà Xuân Hương ghi chép cẩn thận đầy đủ những bài xướng họa của Tốn Phong, Trần hầu v.v...) Đã không có bằng chứng thì ta chưa thể đương nhiên xác nhận tình duyên có thật mà chỉ có thể phỏng đoán là có thể có.

Luận như thế có sai bậy chăng?

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH
Châtenay-Malabry, tháng 10, 1996

Xin lưu ý: Vì chưa tìm được bài của các ông Trần Thanh Mại, Lê Thước và Trương Chính nên tôi viện dẫn GS Hoàng Xuân Hãn nhiều hơn.

CHÚ THÍCH:

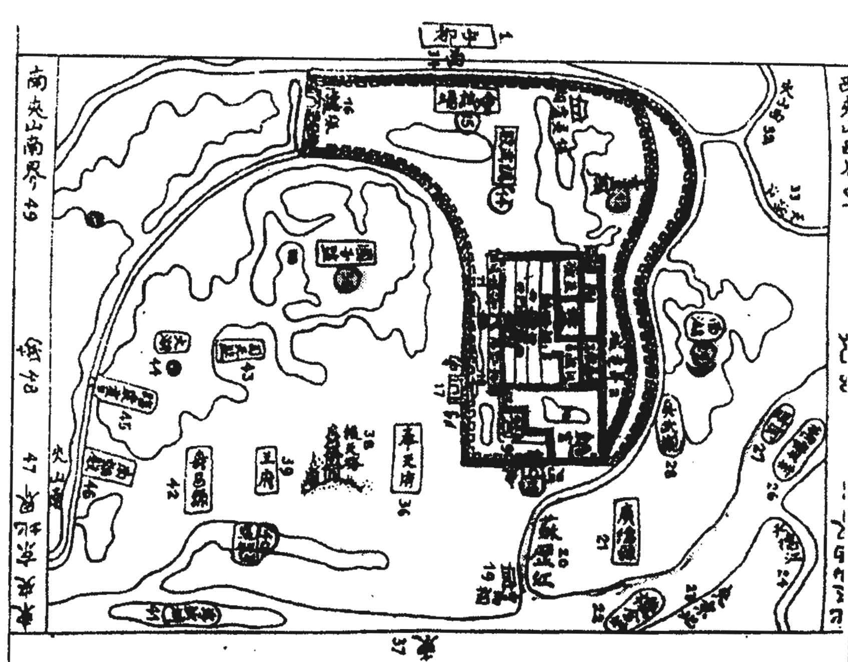
1 - *Thiên tình sử Hồ Xuân Hương*, tr. 234-5.
Không ổn ở chỗ nếu T.T. Mại tìm được *Lưu Hương Ký* năm 1863 thì nó nằm ở Ban nghiên cứu Văn Sử Địa có: 1963 - 1956 = 7 năm, chứ không phải 15 năm.
2 - Văn Nghệ số 428, theo Đào Thái Tôn, ra ngày 24-12-1971, theo Xuân Diệu, lại là 1972 chứ không phải 1971 (*Hồ Xuân Hương và Đời*, tr. 154 & 272).
3 - *Thiên Tình Sử...*, tr. 249 & 268, Hợp Lưu số 29, tr. 99.
4 - *Thiên Tình Sử...*, tr. 244. Bản dịch đã được GS Hoàng Xuân Hãn hiệu đính.
5. *Tố Như Thi*, tr. 119.
6 - P.B.T., *Tập San Văn Hiến*, tr. 45-8.
7 - *Thiên tình sử...*, tr. 246.
8 - " """"""""""""" ", tr. 248.
9 - " " " """"""""""""tr. 247.
10 - *Nguyễn Du Toàn Tập*, tr. 192-5.
11 - *Thiên tình sử...*, tr. 232-3.
12 - """""""""""" " ", tr. 232. Thơ của Tốn Phong viết về Hồ Xuân Hương.
13 - " """""""""""""" " tr. 233.
14 - """""""""""""" " " tr. 268, 248 & *Hợp Lưu* số 29, tr. 99.
15 - Nguyễn Du sinh ở Thăng Long. Năm 10 tuổi mồ côi cha, ba năm sau mồ côi mẹ, về ở với anh là Nguyễn Khản, học vài năm rồi về quê học Tiến Sĩ Nguyễn Hành (theo Quách Tấn, Nguyễn Hành là chú họ Nguyễn Du, theo Ngô Linh Ngọc, Nguyễn Hành là cháu). Sau đó Nguyễn Du trở lại Thăng Long thi đỗ Tam trường, nhưng là thi Hương hay thi Hội, trở lại năm 17, 18 hay 19 tuổi thì mỗi người nói một phách.
Theo tôi, thi Hương bắt buộc phải thi ở chính quê hương mình, chỉ có một trường hợp ngoại lệ là khi người cha đang làm quan thì người con có thể xin được phép phụ thí ở nơi cha đang nhậm chức, song Nguyễn Du mồ côi cha từ năm lên 10, cho nên không được hưởng lệ phụ thí ở Thăng Long, vì quê ở Hà Tĩnh. Nguyễn Du trở lại Thăng Long

là để thi Hội vì cha là Nguyễn Nghiễm làm quan to, con được tập ấm, miễn thi Hương, chỉ trải qua một kỳ khảo sát là được thi Hội.
Nguyễn Du không được thi Hương ở Thăng Long, càng không được phép thi Hương ở Sơn Nam là quê vợ. Những từ "Sinh đồ", "Tú tài" không thể ghép vào tên của Nguyễn Du được vì trở vào người đỗ Tam trường thi Hương. (Nếu quả đúng Nguyễn Du đỗ Tam trường thi Hương thì từ "Tú Tài" cũng phải loại bỏ vì nó chỉ xuất hiện dưới thời nhà Nguyễn, thời nhà Lê gọi là "Sinh đồ".
Theo *Lịch Triều Hiến Chương,* Thăng Long chỉ tổ chức thi Hội vào những năm:
1781 khi Nguyễn Du 17 tuổi ta
1785 khi Nguyễn Du đã dời kinh thành lên Thái Nguyên.
Năm 1783, Nguyễn Du được 18 tuổi tây, 19 tuổi tây, không có khoa thi Hội nào cả.
Cho nên tôi kết luận Nguyễn Du chỉ có thể trở lại Thăng Long năm 17 tuổi ta (1781) để thi Hội.
16 - *Thiên tình sử...*, tr. 223.
17 - " " """""""""""" , tr. 268. Xuân Hương sinh năm 1772.
18 - *Nguyễn Du Toàn Tập;* tr. 44.
19 - " """""""""""""""""""""" , tr. 26.
20 - " """""""""""""""""""""" , tr. 273.
21 - *Thiên tình sử...*, tr. 248, *Hợp Lưu* số 29, tr. 99.
22 - *Nguyễn Du Toàn Tập*, tr. 268.
23 - " """""""""""""""""""" " , tr. 271.
24 - *Tố Như Thi*, tr. 249.
25 - *Nguyễn Du Toàn Tập,* tr. 77.

SÁCH THAM KHẢO

- Bùi Hạnh Cẩn, *192 bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du.* Hà Nội: Văn Hóa Thông Tin, 1995.
- Dương Hồng Ngọc, *Thơ Nguyễn Du.* Paris: Institut de l'Asie du Sud-Est, 1983.
- Hoàng Đạo Thúy, *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội.* Hà Nội: Hội Văn Nghệ, 1971.
- Hoàng Xuân tuyển chọn, Lữ Huy Nguyên giới thiệu, Hồ Xuân Hương, *Thơ và Đời.* Hà Nội: Văn Học, 1965.
- Hoàng Xuân Hãn, *Hồ Xuân Hương, Thiên tình sử.* Hà Nội: Văn Học, 1995.
- Lê Xuân Giáo, "Thân thế, sự nghiệp và tâm tình của Nguyễn Du tiên sinh", *Tập san Văn hiến,* số 1: Tưởng niệm Đại thi hào Nguyễn Du. Không ghi nơi và năm xuất bản.
- Mai Quốc Liên, Nguyễn Quảng Tuân, Ngô Linh Ngọc, Lê Thu Yến, *Nguyễn Du Toàn Tập.* Tập I, Thơ chữ Hán. Văn học xuất bản, 1996.
- *Nguyễn Du, Truyện Kiều.* Hà Nội: Văn Học, 1965.
- Nguyễn Lộc, *Thơ Hồ Xuân Hương.* Hà Nội: Văn Học, 1982.
- " """""""""", *"Nguyễn Du"*, Từ Điển Văn Học II. Hà Nội: KHXH, 1984.
- Nguyễn Phương, "Thời đại Nguyễn Du", Tập san Văn hiến, số 1.
- Nguyễn Tuấn Lương, Đào Phương Bình, Trần Duy Vốn dịch, *Thơ văn Đoàn Nguyễn Tuấn, Hải Ông thi tập*, Hà Nội: KHXH, 1982.
- P.B.T., *"Hậu duệ Nguyễn Du"*, Tập san Văn hiến, số 1.
- Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương,* Khoa mục chí. Hà Nội: Sử học, 1961.
- Quách Tấn. *Tố Như Thi.* Saigon: An Tiêm, 1973; tái bản ở Paris, 1995.

- Thụy Khuê, *"Nói chuyện với bác Hãn", Hợp Lưu* số 29, tháng 6 & 7 năm 1996. California USA.
- Văn Học chú giải, *Truyện Kiều*. Texas, USA: Zieleks, 1976.



BẢN ĐỒ THÀNH ĐÔNG KINH NĂM 1490:

1 - Trung đô
2 - Thăng Long thành
3 - Vạn Thọ điện
4 - Chí Kinh điện
5 - Thị triều
6- Ngọc Hà
7- Đoan Môn
8- Đông cung
9- Phụng Tiên điện
10- Đông Tràng An
11- Tây Tràng An
12- Khán Sơn tự
13- Linh Lang từ
14- Giảng Vũ điện
15- Hội Thí trường
16- Bảo Khánh môn
17- Nam môn
18- Đông môn
19- Bạch Mã tự
20- Tô Lịch giang
21- Quảng Đức huyện
22- Cơ Xá châu
23- Giáp Kinh bắc
24- Thiện Đức giang
25- Bắc giáp Sơn Tây giới
26- Vạn Bảo châu
27- Nhị Hà
28- Trấn Vũ quán
29- Tây Hồ
30- Bắc
31- Tây giáp Sơn Tây giới
32- Giáp Sơn Tây
33- Thiên phù giang
34- Tây
35- Quốc Tử Giám
36- Phụng Thiên phủ
37- Đông
38- Bảo Thiên tháp
39- Vương phủ
40- Hoàn Kiếm hồ
41- Phù sa châu
42- Thọ Xương huyện
43- Tứ Thiên giám
44- Đại hồ
45- Lâm Khang cống khẩu
46- Nam Giao điện
47- Đông Giáp Kinh Bắc giới
48- Nam
49- Nam giáp Sơn Nam giới



Như Trị **BÙI CHÁNH THỜI**

TẾ HANH,
QUẢNG ĐỜI (THƠ) ĐÁNH MẤT *



Cũng như Xuân Tâm, Tế Hanh tiêu biểu cho cái đám *"học trò trong Quảng ra thi, thấy cô gái Huế chân đi không đành"* của thế hệ tiền chiến. Trong cái khoảng cách giữa hai cuộc thế chiến, Huế là kinh đô của tình yêu, của thơ và mộng; cuộc sống lặng lờ trôi chảy như mặt nước sông Hương. Những người đến Huế, để rồi ra đi với tâm hồn thi nhân cũng nhiều, trong đó có Huy Cận, Xuân Diệu, Hàn Mạc Tử .... Nhưng Xuân Tâm và Tế Hanh là những người không chỉ vì *"thấy cô gái Huế"* mà, cũng như những người có duyên nợ với Huế, còn cảm cái cảnh *"buồn trông núi Ngự sông Hương, nước xao vành gương"* để rồi trở thành thi sĩ. Cũng như Xuân Tâm, Tế Hanh là nhà thơ của tuổi hoa niên, tuổi học trò của thế hệ 1920, 1930. Những cậu học trò *"trong Quảng"* ở lớp tuổi này, như chúng tôi, vẫn xem Tế Hanh, Xuân Tâm như những nhà thơ của mình. Không mấy ai không nhớ bài *"Nghĩ hè"* của Xuân Tâm mà bốn câu thơ đầu vang Vọng trong những dịp bãi trường :

Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã hết,
Đoàn trai non hớn hở rủ nhau về.
Chín mươi ngày nhảy nhót ở miền quê,
Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ !

Tế Hanh, đối với những cậu *"học trò trong Quảng"*, còn là nhà thơ của quê hương, của "tỉnh nhà", của xứ Quảng, đồng khô nước mặn. Thơ Tế Hanh còn là nguồn cảm hứng cho những người vốn sinh trưởng ở phần đất cực nam của dãy Trường Sơn, đặc biệt là Quảng Ngãi , để tìm thấy hương vị của địa phương mình. Không ai có thể vượt qua Tế Hanh khi nhà thơ tả cảnh buổi sáng ở làng mình, một làng nhỏ thuộc phủ Bình Sơn (Quảng Ngãi), qua bài thơ nổi tiếng một thời; bài thơ ấy cho ta cái hình ảnh tươi sáng của một *"sớm mai hồng"* mà chỉ có người nghệ sĩ mới phô diễn được :

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.
Khi trời trong, gió nhẹ sớm mai hồng,
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Bức tranh trong sáng, hồn nhiên và đầy sinh động ấy, cũng cho ta cảm được cái hương vị mặn nồng, thấm thiết của quê hương, mà vị giác thường không cảm nhận được :

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ

Với tình cảm mặn nồng của quê hương, con người cảm thấy tâm hồn mình trải rộng như biển cả bao la, để rồi cánh buồm của lòng ta "giương to như mảnh hồn làng" và đi vào cõi vô tận...

Mặc dù rất gần gũi, thân thiết với Huy Cận trong thời gian cùng học Quốc Học ở Huế, Tế Hanh dường như đứng cách xa với nỗi buồn lặng lẽ của Huy Cận. Tâm hồn của Tế Hanh không phải là *"một chiếc linh hồn nhỏ, mang mang thiên cổ sầu"* như Huy Cận, mà là một thế giới tình cảm được trao gởi cho cuộc sống, cho cảnh vật quanh mình. Nỗi buồn trong thơ Tế Hanh không thể hiện qua sự dồn nén nội tâm, mà thể hiện qua hình ảnh *"...những chuyến tàu đi đến những ga"*. Bài thơ *"Những ngày nghỉ học"* được xem như tiêu biểu nhất cho trạng thái tâm hồn của những cậu học trò xa nhà, *"...đứng bơ. vơ xem tiễn biệt "* . Lớp học sinh thuở đó, không cứ gì là *"trong Quảng"* mà còn từ nhiều nơi khác đến Huế để học, cùng mang cái tâm trạng ly hương của Tế Hanh, với nỗi cô đơn của *"những ngày nghỉ học" :*

Những ngày nghỉ học tôi hay tới
Đón chuyến tàu đi đến những ga.
Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt,
Lòng buồn đau xót nỗi chia xa.

Tâm hồn của Tế Hanh đơn sơ, mộc mạc; không có những *"đêm mưa nằm nhớ không gian, lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la"* như Huy Cận. Tế Hanh đã tự biến mình thành con đường quê nho nhỏ để *"kéo nỗi buồn không dạo khắp làng"* :

Tôi, con đường nhỏ chạy lang thang,
Kéo nỗi buồn không dạo khắp làng,
Đến cuối thôn kia hơi cỏ vướng,
Hương đồng quyến rũ hát lên vang.
(Lời con đường quê)

Hoài Thanh, trong hợp tuyển Thi nhân Việt Nam (1941) đã viết về Tế Hanh : *"Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi, thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật : sự mỏi mệt say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi khổ đau chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn sầu tủi của một con đường."*

Tế Hanh thành công rất sớm, đã được giải thưởng của Tự Lực Văn Đoàn từ năm 20 tuổi (1939), con đường thi nghiệp trải rộng thênh thang trước mắt. Trong thời gian này, như Hoài Thanh viết : *"Tế Hanh còn trẻ lắm và cũng mới bước vào làng thơ, chưa có thể biết rõ những con đường người sẽ đi"*. Cuộc cách mạng năm 1945 đã thay đổi cuộc đời của nhà thơ. Cũng như bao nhiêu thanh niên yêu nước hồi đó, Tế Hanh nhập cuộc. Con người từng chịu ảnh hưởng của Alfred de Vigny, say mê Sully Prud 'homme đã lột xác, dấn thân hăng say đấu tranh cho độc lập dân tộc.

Sau ngày đình chiến và đất nước chia đôi (1954), Tế Hanh tập kết ra Bắc, trở thành nhà thơ của đảng. Công lao của Tế Hanh đối với đảng đã đưa Tế Hanh đến tột đỉnh vinh quang trong hệ thống đảng quyền của ngành văn học nghệ thuật cộng sản : chủ tịch Hội đồng thơ của Hội nhà văn Việt Nam và là ủy viên trung ương ủy ban Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, với nhiều huy chương, trong đó có huy chương Lênin và huân chương chống Mỹ cứu nước !

Sự nghiệp đảng của Tế Hanh cao ngun ngút, nhưng sự nghiệp thi ca thì sao ? Nếu kể về số lượng thì từ 1953 đến 1985 Tế Hanh đã có đến 13 tập thơ (sáng tác). Nhưng ngoài hai bài sáng tác trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (Người đàn bà Ninh Thuận 1951; Bà mẹ canh biển 1952) và một bài viết về quê hương (Nhớ con sông quê hương, 1956) người ta khó có thể tìm thấy chất thơ trong suốt cuộc hành trình hơn 30 năm thi ca tiếp theo đó của nhà thơ.

Trong hơn ba mươi năm thi ca đó của Tế Hanh, người ta khó có thể tìm thấy những câu thơ chứa chan tình cảm đối với quê hương như đoạn thơ trích sau đây trong bài thơ *"Nhớ con sông quê hương"* :

Tôi nhớ không nguôi ánh nắng màu vàng,
Tôi quên sao được sắc trời xanh biếc;
Tôi nhớ cả những người không quen biết.
Có những trưa tôi đứng dưới hàng cây,
Bỗng nghe dâng cả một nỗi tràn đầy :
Hình ảnh con sông quê mát rượi

Có lẽ đó là những dòng tình cảm tha thiết cuối cùng còn sót lại trong cuộc vượt qua bên kia bờ tư tưởng; lìa bỏ bản ngã thi ca của một thi nhân thuần túy, lìa cái "ta" để tìm đến chủ nghĩa cộng sản :

Sang bờ tư tưởng ta lìa ta
Một tiếng gà lên tiễn nguyệt tà

Tế Hanh đã được giáo dục chủ nghĩa Mác Lênin, đã tỏ ra hết lòng với đảng; nhất là sau khi đã thoát được những hệ lụy trong vụ "Nhân văn Giai phẩm", nhà thơ đã thật sự được đảng trang bị cho chủ nghĩa cộng sản và *"cách nhìn"* thế giới chung quanh và cũng đã tỏ ra quyết tâm xa lìa cái thế giới trước kia của mình :

Vẫn thấy mình không còn bé nữa
Đứng trong vũ trụ vững lòng tin
Chủ nghĩa Mác-Lê-nin bất diệt
Trang bị cho ta một cách nhìn
(Đi học trường đảng)

Trong lời bạt viết cho Tuyển tập Tế Hanh (Nxb Văn Học, 1987), Chế Lan Viên khẳng định rằng : *"Không phải anh* (Tế Hanh, BCT ch. th.) *bị động, bị đưa đi, như kẻ thù chúng ta thường hay nói "bị tẩy não, cải tạo" gì gì..Chính chúng ta chủ động ra đi , sang bên kia bờ tư tưởng"*. Nhưng, thành thật mà nói, chúng ta không thể biết một cách chắc chắn được rằngTế Hanh có thực sự *"lìa ta"* hay lại cũng chỉ như Chế Lan Viên, trước khi chết, đã để lại di cảo để nói lên sự thật rằng cái "ta" kia chẳng bao giờ lìa được và cái chủ nghĩa "bất diệt" kia chỉ là bánh vẽ :

Chưa cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhấm nháp
Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh là phá rối
Đêm vui
Bảo anh không còn có khả năng nhai

Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc
(trích Bánh vẽ, Chế Lan Viên, di cảo)

Chỉ biết rằng, trong quảng đời thơ hơn 30 năm ấy, Tế Hanh không có bài thơ nào sánh được với những *"Quê hương"*, *"Lời con đường quê"*, hay *"Những ngày nghỉ học"* ...Những bài thơ sáng tác trong giai đoạn cộng sản hóa miền Bắc và "chống Mỹ cứu nước", hầu hết chỉ để nói về :

"Ba mươi năm đời ta có Đảng"
Nhớ tất cả anh em khi mưa khi nắng
Và nhớ nhất lời dặn
Của đồng chí lãnh đạo thân yêu trong buổi đầu tiên :
Muốn làm người đảng viên
Phải không ngừng phấn đấu
(Lời dặn, 1960)

Đọc thơ Tế Hanh trong giai đoạn này, người đọc thường gặp lại những lời thơ, những ý thơ "công thức" đã được lặp lại nhiều lần trong những bài thơ tuyên truyền, những khẩu hiệu được phát động ở miền Bắc trước đây :
Ta đưa cơ giới về nông thôn

Máy cày, máy bừa, máy gieo, máy bơm
Cho đất sinh sôi hoa lợi nữa
Vụ mùa chống Mỹ tốt tươi hơn
(trạm máy kéo)

Ngay đến tình yêu, đã từng là những xúc động trong sáng, nhẹ nhàng trong thơ Tế Hanh, đã từng có khi "ta gởi tình ta ở khoảng đường; bước này tưởng nhớ, bước này thương" (Có những con đường, 1941); thì nay, trong thơ tình yêu, cũng phải là tình yêu "chống Mỹ" :

Ta thấy rõ đâu là trời chân lý :
Căm thù là chống Mỹ !
Yêu thương cũng là chống Mỹ !
Thơ nhân đạo nào hơn thơ chống Mỹ !
(Chúng ta đi, - 1965)

Người ta cũng không rõ trong hoàn cảnh nào mà, có lúc, Tế Hanh đã phải tự phủ nhận mình, tự phủ nhận thơ mình. Bài thơ "Vu Vơ" (sau này đổi tựa đề là "Những ngày nghỉ học") là bài thơ nổi tiếng nhất của Tế Hanh, bài thơ đã từng làm rung động bao nhiêu trái tim của lứa tuổi hoa niên, đã bị chính tác giả phủ định. Sau khi được đi học trường đảng (1963 - 1964), Tế Hanh có

sáng tác bài thơ "Ga" như để tỏ ra dứt khoát với quá khứ, như để làm một "phản đề" theo phương pháp biện chứng Mác-xít, chống lại cái "tiền đề" lãng mạn chủ nghĩa trong chính thơ của mình, nghĩa là chống lại chính tâm hồn mình. Trong cái *"tiền đề lãng mạn"* ấy, sân ga chỉ còn là *"Nơi xưa kia ta đến kiếm vu vơ"* ; và :

Nơi tập họp những nỗi buồn một thuở
Nơi vận chuyển những chiều mong sớm nhớ
Nơi con người chỉ có xa nhau
"Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau"
(...)
(Ga, - 1964)

Đó cũng là lý do vì sao Tế Hanh đã bỏ tựa đề cũ (Vu vơ) của bài thơ. Thật ra không có gì ngăn cản một nhà thơ nhìn lại tình cảm của mình ở một giai đoạn nào đó; mỗi giai đoạn có một biểu hiện riêng biệt của tình cảm, của tâm hồn. Nhưng trong lịch sử văn học hiếm có nhà thơ tự kết án và phủ nhận cảm xúc của chính mình ở những giây phút thiêng liêng của thi ca và sáng tạo; có chăng thì, có lẽ, chỉ có trong những bài 'tự" kiểm thảo ở những lớp "cải tạo" của cộng sản mà thôi. Tất nhiên, về phương diện cảm hứng thì bài thơ "Ga" chỉ có thể làm xúc động mấy cán bộ của ban tuyên huấn trung ương đảng, trong chừng mực nào đó.

Mười năm sau khi đất nước thống nhất, có lẽ Tế Hanh đã nhận thấy cái *"Mặt trời chân lý"* của Tố Hữu không phải là tất cả; và, cũng chính cái "mặt trời" ấy đã làm khô cạn nguồn thơ của biết bao nhiêu nhà thơ đã "vượt sang bờ tư tưởng."

Giữa những năm 80, người đọc thơ Tế Hanh cảm thấy có gì thay đổi trong tâm trạng của nhà thơ :

Làm một con người khó lắm ai ơi !
Giữa những năm 80 của thế kỷ hai mươi
(Bài ca sự sống)

Người ta nghĩ rằng Tế Hanh nay đã nhận ra được cái bàn tiệc bánh vẽ mà Chế Lan Viên đã viết trong di cảo, và cả một xã hội con người dưới chế độ cộng sản ngày nay đang bị tha hóa, *"tính người chân chính nhất bị xâm phạm"*... (Trần Bạch Đằng, Ngày Tết nói về Chiến lược con người; Đất Việt số 3/89). Trong xã hội ấy, Tế Hanh thấy *"Người anh hùng trong truyện Kiều là Kiều"* :

Bị vùi dập trong đống bùn chế độ
Suốt cả đời giữ trọn mối tình yêu

Kiều cô đơn giữa một lũ yêu ma
Hoạn Thư, Sở Khanh, Khuyển Ưng, Khuyển Phệ
Miếng mồi ngon cho những tên đồ tể
Mã Giám Sinh, Tú Bà
(....)
Lời nói Kiều còn xúc động lòng ta
Dẫu ta sống trong một thời đại khác
Khi nụ cười có thể sinh ra từ nước mắt
Như nỗi đau có thể hóa lời ca
(Bình luận về Kiều, 1984)

Nàng Kiều ấy có thể là Tế Hanh mà cũng có thể là tâm sự của không biết bao nhiêu con người cộng sản khác còn sót lại, bị vùi dập trong đống bùn của chế độ mafia đỏ ngày nay.

Vào năm 1985 Tế Hanh trở về thăm Huế, Tế Hanh là cựu học sinh trường Quốc Học, nhà thơ có nhiều kỷ niệm với núi Ngự sông Hương. Chuyến trở về này phải chăng để tìm lại chính mình, tìm lại "ta", sau những năm dài hoang tưởng ở bên kia bờ chủ nghĩa để rồi phải chịu *"...cô đơn giữa một lũ yêu ma"*. Trong bài thơ *"Giấc mộng xuân"* Tế Hanh sáng tác vào dịp này, người ta tìm lại được con người thơ Tế Hanh qua những dòng thơ trữ tình thanh thoát của thuở Hoa niên :

Trở lại Huế đêm đầu tiên
Chiêm bao lại thấy gặp em thế này
Mười lăm mười tám thơ ngây
Mắt đầy cả nắng, hồn đầy cả trăng

Con đường đi học sương giăng
Lung linh hoa phượng kết bằng lưu ly
Lòng như tiếng sóng rầm rì
Câu thơ trong giấy nói gì yêu thương

Diệu kỳ thay giấc mộng xuân
Bốn mươi năm lẻ đã ngừng không trôi ?
Hay đôi bạn trẻ ngoài đời
Gặp nhau trong giấc mộng tôi, tình cờ ?

Cám ơn thành phố tuổi thơ
cho tôi sống lại những giờ xa xưa
Từ nay - cùng với Thơ ca
Tình yêu, Tuổi trẻ không già trong tôi.

Gặp lại người yêu 40 năm về trước, hay là gặp lại chính mình ? cuộc gặp gỡ đó là giấc mộng hay chính 40 năm qua là giấc mộng? Bốn mươi năm lẻ là cái mốc của quảng đời (thơ) ngừng lại, để rồi từ đây, thơ ca và tình yêu lại được tái sinh.

Trả lời một câu hỏi của báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật (số 50/94, 18-12-94), Tế Hanh có nhắc đến bài "Giấc mộng xuân" và nói : *"Theo tôi, đời người có ba cái quí nhất : tuổi trẻ, tình yêu, thơ ca. Với Huế, và chỉ Huế tôi có được ba cái đó, sau này tôi không tìm được nơi đâu. Đây là thời gian tôi làm được những bài thơ đầu tiên như Quê hương, Con đường quê, Những ngày nghỉ học... (....) Sau ngày hòa bình, vào năm 1985, tôi có trở lại thăm Huế, thăm cả cái sân ga ngày nào tôi đã làm bài thơ Những ngày nghỉ học, nhưng cảnh vật đã thay đổi quá nhiều."*

Không thấy có lời nào nói ly khai với đảng, với chủ nghĩa cộng sản; nhưng cũng không còn thấy đảng và chủ nghĩa trong thơ, trong tình yêu; mà chỉ xin *"sống lại những giờ xa xưa"*, sống lại quảng đời (thơ) đánh mất. Đó là những gì người yêu thơ Tế Hanh nghĩ rằng mình biết được Tế Hanh của ngày hôm nay.

Như tri BÙI CHÍNH THỜI
(Tháng 12, 1996)

---

* Tiểu tựa phỏng theo tựa đề tiểu thuyết "Quảng đời đánh mất" của Dương Thu Hương.

phụ lục: thơ Tế Hanh

những ngày nghỉ học

Những ngày nghỉ học tôi hay tới
Đón chuyến tàu đi đến những ga
Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt
Lòng buồn đau xót nổi chia xa

Tôi thấy tôi thương những chiếc tàu
Ngàn đời không đủ sức đi mau
Có chi vương víu trong hơi máy
Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau

Bánh nghiến lăn lăn quá nặng nề;
Khói phì như nghẹn nỗi đau tê;
Lâu lâu còi rúc nghe rền rĩ;
Lòng của người đi réo kẻ về

Kẻ về không nói bước vương vương...
Thương nhớ lan xa mấy dặm trường
Lẽo đẽo tôi về theo bước họ
Tâm hồn ngơ ngẩn nhớ muôn phương

(1938, trích Hoa Niên)

ga

Nơi tập họp những nỗi buồn một thuở
Nơi vận chuyển những chiều mong sớm nhớ
Nơi con người chỉ có xa nhau
"Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau"

Nơi người đi tới phương nào chẳng biết
Nơi người về mỏi mòn trong ly biệt
Nơi xưa kia ta đến kiếm vu vơ
Tâm hồn ta
Nơi ta thấy bây giờ

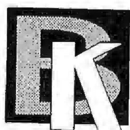
Những đôi lứa đưa nhau đi kiến thiết
(Mắt có khóc cũng chói trời xanh biết)
Quyện câu ca tuổi trẻ bánh xe vần
Cả đoàn tàu thẳng hướng chân trời xuân

Đây phòng riêng đợi chờ người con mọn
Đây dãy ghế gỗ thơm niềm nở đón
Cảm thông nhau, vải, sợi, quặng, than
Nấm về xuôi trao đổi muối lên ngàn

Rừng cây mát bốn mùa chim bạn đến
Hay hải cảng cho tình yêu ghé bến
Cầu nối liền những nhịp sống trăm phương
Hay ước mơ hò hẹn ngã ba đường

Nơi tập họp những bình minh phấn khởi
Nơi vận chuyển những nguồn sinh lực mới
Nơi ta nhìn đất nước lớn lên - Ga
Một tiếng còi réo gọi bao la

(1964, trích Hai Nửa Yêu Thương)



TẠ TRỌNG HIỆP

Góp phần nghiên cứu Lê Quí Đôn
KHẢO ĐÍNH VĂN BẢN
VÂN ĐÀI LOẠI NGỮ VÀ CÁC BẢN DỊCH
Đọc tiếp Vân Đài Loại Ngữ



Yếu mục

I
1. Tiểu dẫn bài kì này

Với những ai chưa có dịp đọc bài kì trước của tôi đã đăng trong Tập san Khoa Học Xã Hội số 5, trang 63-80, in ra cách đây đúng một năm, tôi xin nhắc lại ý nghĩa của những chữ viết tắt tên một số nhân vật và tác phẩm mà tôi đã và sẽ vẫn còn áp dụng, nhằm đạt sự giản tiện, vừa tiết kiệm được giấy mực lại vừa đỡ rườm mắt người đọc, lại thêm phần nhẹ nhõm cho người viết bài (cũng là người đánh máy!). Tôi không lạm dụng thói viết tắt ấy, vì muốn tránh cho người đọc phải học thuộc nhiều chữ tắt quá, hóa ra gai mắt; nhưng thiết tưởng những tên xuất hiện nhiều lần, thật ra không nhiều lắm, gặp mãi cũng hóa quen:

Tên viết tắt: Trước hết là tên "đương sự", LQĐ: Lê Quí Đôn, và tác phẩm

của ông, như VĐLN: Vân Đài Loại Ngữ. Rồi đến tên một vài tài liệu tham khảo (mà Lê Quí Đôn hay trích dẫn) như BTCM: Bản Thảo Cương Mục của Lí Thì-trân; QĐTN: Quảng Đông Tân Ngữ của Khuất Đại-quân; Thông Giám: Tư Trị Thông Giám của Tư-mã Quang (có kèm chú thích của Hồ Tam-tỉnh); Uyên Giám: Uyên Giám Loại Hàm của văn thần đời Khang Hi (1).

Sau phần gai góc trên đây, tôi xin kể một chút kí sự về quãng thời gian một năm tròn giữa bài kì trước và bài kì này, một năm khá đặc biệt trong cuộc đời biên khảo tịch mịch của tôi bấy lâu nay, vì đã cho tôi sống những bước kinh lịch gây hoàn cảnh thuận tiện và khích lệ cho nỗ lực xúc tiến hồ sơ khảo đính văn bản sách Vân Đài Loại Ngữ. Hồ sơ này thật ra không có nhiều bí hiểm, nhưng khá phức tạp, nghĩa là muốn dò ra đích xác văn gốc trong từng mục, từng đoạn, từng câu, từng chữ, và dựa vào đó mà duyệt xem các thoại Vân Đài Loại Ngữ hiện lưu hành (kể cả bản chép tay chữ Hán lẫn các bản dịch của Trần Văn Giáp, và Tạ Quang Phát) đáng tin cậy đến độ nào, phải có nhiều thì giờ để kiểm tra tài liệu cho thật kĩ, thật rộng, phải có điều kiện "đi săn" sách cổ, mà phải không ngã lòng nản chí trong hành trình đơn thương độc mã như tôi đã khởi sự làm. Ở nơi kí ngụ xa xôi này, tuy không phải nỗi quá khốn vì chuyện lo "tương cà mắm muối", nhưng kẻ khảo cứu (nhất là khảo cứu về cổ học) rất dễ thối chí chùn chân, ít nhất thì cũng khó tập trung và chuyên chú, hoặc khó tránh cho công việc rơi vào trừu tượng và khô khan, một khi đã ngâm quá lâu trong tâm trạng thiếu quê hương, dãn xa thực tại cụ thể của đất nước.

Trong năm vừa qua, nhân được cử đi tham gia công tác sử học với viện Đông Nam Á (thuộc Sở Nghiên Cứu Văn Hóa Trung Quốc) của Trung Văn Đại Học ở Hương Cảng, tôi đã có dịp, trong bốn tháng liền, làm hai việc phục vụ sát cho hồ sơ Vân Đài Loại Ngữ. Trước hết là nhân có "địa lợi" (vì nơi đất Cảng này có nhiều thư điếm và nhà phát hành buôn bán và tái bản sách Hán học cổ kim; phương tiện thuê làm ảnh sao (photocopie) cũng phổ biến và khá rẻ), mà tìm được một số nguồn tư liệu mà tôi biết chắc hoặc phỏng đoán là Lê Quí Đôn có tham khảo, không nhiều thì ít, để rút ra những trích dẫn phong phú tụ tập trong sách Vân Đài Loại Ngữ. Ở đây, tôi xin miễn kể ra, dù chỉ là sơ lược, danh sách các tư liệu, bạn đọc sẽ gặp dần khi đọc các khảo đính ở phần II trong bài kì này, và trong các kì sau. Đất Cảng lại có một nếp sinh hoạt gần giống như ở Việt Nam, các công sở cứ đến 5 giờ chiều là đóng cửa, mà các thư viện trung ương vẫn mở cửa cho đến 10 giờ tối. Được cái tiện "thiên thời" ấy, tôi đã có thể dành mỗi ngày chừng bốn năm giờ mà tập trung cân não vào việc đọc sách để khảo duyệt Vân Đài Loại Ngữ, khám phá ra nhiều điều bất ngờ trong văn bản Vân Đài Loại Ngữ hiện hành. Vì cố nhiên là tôi có đem theo hồ sơ Vân Đài Loại Ngữ trong chuyến đi sang cái đất Cảng

---

(1) Hợp Lưu xin mạn phép bỏ hết những chữ viết tắt cho dễ đọc

hoa lệ đầy cám dỗ...

Tiếp theo chuyến đi ấy là một chuyến về, về nước suốt ba tháng liền. Đấy là bước kinh lịch thứ hai của tôi, trong mùa hè vừa qua. Một niềm khích động khó nói. Nhờ sự ân cần chu đáo của Ủy ban Khoa Học Xã Hội, tôi đã có dịp làm việc với các chuyên gia ưu tú của ta về các ngành cổ học, đặc biệt là các anh chị em trong Viện Hán Nôm, có những vị tỏ ra nắm rất sáng suốt, vững vàng tình trạng các tư liệu trực tiếp hay gián tiếp về sự nghiệp của Lê Quí Đôn: vấn học với họ, bổ ích vô ngần. Việc "góp phần nghiên cứu Lê Quí Đôn" của tôi nay không còn như tôi đã tưởng là đơn thương độc mã nữa! Khảo duyệt Vân Đài Loại Ngữ một mình hẳn làm không xuể; nay tôi có thể trông vào sự cộng tác của chuyên gia đồng nghiệp trong nước nữa, còn gì phấn khởi cho bằng? Ấy là chưa kể một hạnh ngộ khác: tôi đã được cùng đi với chuyên gia Viện Hán Nôm đến thăm và làm việc hai lần nơi tỉnh quê của ông Quế Đường, tức là tỉnh Thái Bình gạo trắng nước trong. Ở đấy cũng có chuyên gia về Lê Quí Đôn. Ở đấy, mới và cũ giao thoa, sản xuất giỏi, nổi tiếng toàn quốc, mà không khí cổ học vẫn còn đậm, hầu như nhà nào cũng còn giữ được sách Hán Nôm cổ (nhiều hơn các tỉnh khác thì phải), lắm cụ già vẫn dùng chữ Nôm như ta dùng chữ quốc ngữ vậy. Di tích và di cảo của ông Quế Đường không còn, nhưng có hề gì: bản sao, chép khá kĩ, vẫn bảo tồn trong thư viện trung ương; Toàn tập Lê Quí Đôn đã bắt đầu được dịch, nay đã xuất bản 3 cuốn (*Phủ biên tạp lục, Kiến văn tiểu lục, Lê triều thông sử*); đồng quê xanh mướt đã hun đúc ra vị nhân tài kiệt xuất vẫn còn đó, con cháu đồng hương của ông Quế Đường còn đó: Tôi đã gặp người Thái Bình, và từ nay đây cũng là một gắn bó nữa, một động cơ thúc đẩy tôi chóng xúc tiến và hoàn thành việc khảo duyệt Vân Đài Loại Ngữ nói riêng, và tiếp tục làm việc hữu ích cho ngành Hán Nôm của quê hương xứ sở.

I.2. Bổ sung bài kì trước và đáp độc giả

Trong kì trước, trang 76, mục 9, có hai điều lầm và một chỗ cần bàn thêm. Lầm thứ nhất là niên tuế của Nhan Chi-suy: 531-591 chứ không phải là 391 như đã đánh máy. Lầm thứ hai là các sách hiện còn chép đủ cả ba khúc bài ca *Bách-lí Hề:* chỉ có sách *Nhạc phủ thi tập* (ở mục Cầm ca, trong quyển 60) của Quách Mậu-thiên đời Tống là chép trọn đủ; chứ trong *Bắc đường thư sao* của Ngu Thế-nam đời Đường (quyển 106, không phải q. 28 như tôi đã ghi lầm) chỉ thấy chép sự tích thôi, mà không có khúc ca nào cả; khúc thứ hai cũng có chép trong bộ *Thái bình ngự lãm*, quyển 572.

Chỗ cần bàn thêm là về tên của tác giả sách *Nhan thị gia huấn*: Nhan Chi-*suy*. Tại sao chữ tôi lại chủ trương không nên đọc là *thôi*? Vì nhân vật này có hai tên, tên tục là Chi-suy, tên chữ là Giới; hai tên ấy, nếu đọc liền thì

gợi ra một liên tưởng rất dễ thấy, tức là tên một công thần của Tấn Văn-công đời Xuân-thu: Giới Chi-suy (theo thoại trong *Tả truyện*; theo *Trang tử, Sử kí* và *Hán thư*, cũng là Giới *Tử*-suy), mà ta cũng quen đọc lầm là Giới Tử-thôi (hay Chi-thôi) mỗi khi nói đến tục ăn nguội trong tiết Hàn thực, ngay như trong Vân Đài Loại Ngữ, chương IX (Phẩm vật), mục 140, cả hai bản dịch (bản A, là bản Trần Văn Giáp, có đánh số điều mục, nên dễ kiếm; bản B, là bản Tạ Quang Phát: tập III, tr. 215) đều đọc là Giới Tử-*thôi.*

Nếu chứng minh được rằng tên tục của vị công thần của Tấn Văn-công phải đọc là Chi-suy (cũng là Tử-suy), sẽ chứng minh rằng tên tục của ông họ Nhan cũng phải đọc như thế. Tôi thấy có hai chứng, một chứng Tàu cổ, một chứng Việt cổ.

Chứng 1. Nơi nói về Giới Chi-suy trong *Tả truyện,* Hi công năm 24, có phản thiết của Lục Đức-minh (tác giả sách *Kinh điển thích văn*) ghi cách đọc lái là xương + thùy, tức là *xuy*. Lẽ ra, phải đọc là xuy, nhưng ta chuyển ra suy, như trong các từ kép suy diễn, suy luận, suy nghĩ, suy tính.

Chứng 2. Trong bài *Tứ thời khúc* của Hoàng Sĩ Khải, có đoạn thơ như sau:

Bếp bằng tờ, nhà nhà ăn nguội 89
Nói thì ngừng, đoạn nỗi Tử-**suy** 90
Chẳng hay cấm lửa làm **chi***?* 91
'Long xà' khúc ấy nghĩ **thì** *lại thương* 92

Xét cách gieo vần, nếu muốn cãi bướng thì cũng có thể cho *thì* đọc là *thời* cũng được, ơi vần với ôi là thông lắm, vậy *suy* vẫn nên đọc là *thôi.* Nhưng chữ *chi* thì cắt nghĩa làm sao? Và âm *thời* chỉ là mới có từ năm kiêng húy Tự-đức, chưa chắc gì đời Hoàng Sĩ Khải, cuối Mạc đầu Trịnh, người ta đã nói âm *thời* ấy.

Ngoài mấy điều nêu trên đây, một bạn đọc có lưu ý tôi vài điều khác, cần sửa hoặc cần suy nghĩ thêm. Có hạng rất dễ chấp nhận, có hạng cần bàn thêm. Xin lần lượt ứng đáp như sau.

Chính tả tên riêng:

- Tên tác phẩm: Không nên quên đường gạch ở dưới, như đã quên gạch dưới Thuyết phu trang 70 dòng 10. Xin nhận lỗi.(2)

- Tên người: Đặc biệt là tên người Trung-quốc. Bạn đọc ấy có để ý rằng

(2) Hợp Lưu mạn phép in nghiêng những chữ GS Tạ Trọng Hiệp gạch dưới cho dễ đọc

trong bài kì trước tôi có theo một qui tắc là khi viết đến một người có họ đơn và tên kép thì: 1) không ghép họ với tên, mà để hai bộ phận ấy rời ra; 2) có ghép liền hai thành phần của tên kép bằng cái gạch nối, vì xem hai âm tiết ấy là một từ thuần-nhất có một ý nghĩa duy nhất, thường là nghĩa tốt lành; 3) đã vậy thì chữ đứng đầu âm tiết thứ hai (tức là chữ đứng khít ngay sau gạch nối) phải viết nhỏ, chứ không viết hoa. Vì âm tiết ấy, trong tên kép ấy, không có khả năng đứng một mình (như trong cách gọi nhau của người Việt, xim xem đoạn sau đây).

Vậy thì tôi sơ ý mà viết Hồ Tam Tỉnh -tr. 72 dòng cuối), Khổng Dĩnh Đạt (tr. 75, dòng 13 từ dưới lên), là sai. Cũng xin nhận lỗi. Phải sửa ra Hồ Tam-tỉnh, Khổng Dĩnh-đạt.

Nhưng đến trường hợp Hoàng-phủ Thực (tr. 73 dòng 20) thì có khác: Đây là hiện tượng *họ kép tên đơn,* không riêng gì bạn đọc ấy chưa nhận ra, mà ngay những người có vốn Hán học cũng tỏ ra mơ hồ lắm. Như trong bản dịch Vân Đài Loại Ngữ, xét riêng bản A (là bản Trần Văn Giáp) thì thấy khi đúng khi sai, họ kép sai nhiều, tên kép (kể cả tự, hiệu lẫn tên tục) cũng sai không ít.

Xin kể một vài trường hợp cho được cụ thể (tôi gạch dưới chỗ sai):

Tự kép:

Trương Tử phòng: tập 2, trang 52, chú 5

Trương Tử Phòng: tập 2, trang 52, chính văn (VII.29)

Tên kép:

Lã Bất-vi: tập 2, trang 51, chú 2

Lã Bất-Vi: phần sách dẫn, trang 305

Họ kép:

- viết hợp qui:

Hoàng-phủ Thực: V.33

Công-dã Tràng: VII.42

Công-tôn Hoằng: VII.54

Tôn-thúc Ngao: VI.66

Tư-mã Quang: VII.82

- viết sai:	nên sửa lại:
Trọng Trường Thống: VII.34	Trọng-trường Thống
Thân Đồ Địch: VII.46	Thân-đồ Địch
Gia Cát Lượng: VIII.52	Gia-cát Lượng (xem IX.121)

Độc giả thấy rằng cái gạch nối khi có khi không trong bản dịch A vậy. Sự này không quan trọng cho lắm. Sự viết hoa không đúng cách mới đáng nói, tỏ rằng chưa nhận ra cấu thức và ý nghĩa của từ ngữ (tên riêng cũng là từ ngữ).

Còn tên người Việt thì sao? Xưa kia, ta cũng theo cách xưng hô của Tàu

(ngày nay họ vẫn giữ cách ấy), nghĩa là ai có tên kép thì phải gọi người ấy bằng cả hai âm tiết. Như trong sử *Toàn thư* (đây trích theo bản dịch của Viện Sử học, tập I) có chỗ chỉ gọi Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên là Văn Hưu và Phu Tiên (tr. 265), Lí Ông Trọng là Ông Trọng (tr. 67), Lí Công Bình là Công Bình (tr. 262). Thuở ấy, hai âm tiết đi đôi với nhau trong tên kép, vậy có lẽ tên những nhân vật thời cổ đại ấy, ta có quyền viết: Phu-tiên, Văn-hưu, Ông-trọng, Công-bình.

Nhưng đến thời cận đại (chưa biết niên đại đích xác) thì ta có thói quen gọi "xách mé" (hoặc gọi thân mật?), bỏ rơi âm tiết đầu (đời nay cho là tên đệm), chỉ gọi nhau bằng âm tiết cuối thôi: Ngay như tác giả Vân Đài Loại Ngữ, có người gọi ông là ông bảng Đôn. Âm tiết cuối ấy không còn lệ thuộc vào âm đứng trước nữa, mà chiếm được địa vị tự túc tự lập. Thậm chí lấn át cả cái âm tiết đứng đầu, biến âm này thành 'tên đệm', do đó có người (số này rất đông) quen dùng chữ nhỏ để viết 'tên đệm'.

Qui tắc của tôi là: Hai thành phần của tên kép ngang nhau, nên viết hoa chữ đầu của cả hai, nhưng không ghép bằng gạch nối nữa, vì âm sau này đã độc lập rồi.

Còn vấn đề họ kép thì ta không có, chẳng cần bàn cãi. Hiện nay, hình như chỉ có một mình ông chủ nhiệm trường đại học Tổng hợp Hà Nội là có họ kép thôi. Chứ như những gia đình Cao Xuân ở Nghệ An, Phan Huy ở Sài-sơn, Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, thì thật ra không phải là họ kép, mà cách gọi để phân biệt chi thứ cho con cháu đừng nhận lầm dòng mình: Như trong họ Ngô, cạnh chi Ngô Thì còn có chi Ngô Duy, Ngô Vi...

Trở lên, chỉ là tiểu tiết thôi, lẽ ra không cần rườm lời những hai trang như thế. Tôi đã cố ý biện luận một chút, là nhân có sự chất vấn của một người đọc mà trình vài nhận xét về một hiện tượng xã hội sử và văn hóa sử, ở những nước có nền sử học trưởng thành, người ta đã có một ngành nghiên cứu riêng, gọi là tính thị học, phát triển song song với ngành địa danh học. Với người ở ngoài lĩnh vực nghiên cứu cổ sử, cố nhiên là nó có vẻ rườm rà tế toái. Nhưng nếu không biết viết tên mình cho đúng cũng là một điều đáng tiếc. Hai trang trên đây chỉ là muốn lưu ý các "nhà văn hóa" Việt kiều, qui tắc noi theo chưa chắc đã đúng hẳn, nhưng ít ra cũng có qui tắc, chứ không phải là tùy tiện.

Sau hết, có một chuyện mà tôi đã tiên đoán là thế nào cũng sẽ có người nêu ra, sau khi đọc bài kì trước, và sẽ còn nói nữa sau bài kì này (và các kì sau), mà không phải là tiểu tiết, vậy cũng cần bàn cho rõ lẽ: Bạn đọc kia (thật là một ông bạn quí báu! Bài kì trước của tôi đã có ít nhất là một độc giả, ở cái đất phồn hoa văn vật này) có phản ảnh ý kiến của ban Biên tập Tập san Khoa học Xã hội đã đánh giá tốt bài ấy, "tuy cũng có ý cho là khó đọc" (tất cả mọi bài trong số 5 đều mang chung điều nhận định ấy: Khó đọc); bạn ấy có thêm một đề nghị riêng nữa, là khuyên tôi cứ viết tiếp, nhưng sau này nên "đi vào *nội dung* chương Phẩm vật, có lẽ hấp dẫn hơn".

Sau này, là bao giờ? Theo tôi, một tập sách cổ, lại có tính cách phức tạp như tập Vân Đài Loại Ngữ, ngổn ngang trăm mối, không dễ gì cho ta "đi vào nội dung" nếu chưa có một hình thức văn tự đáng tin cậy: Nếu chưa chỉnh lí văn bản, khảo đính gốc văn (và sửa lại chỗ sai trong các bản dịch) thì làm sao mà biết được trong Vân Đài Loại Ngữ đâu là phần trí tuệ sáng tạo và phê phán của Lê Quí Đôn? Trong từng chương, từng mục, từng đoạn, có khi là từng câu, từng chữ, đâu là phần bình nghị của riêng Lê Quí Đôn, và đâu *chỉ là* văn của *người khác* mà Lê Quí Đôn trích dẫn? Đó là công việc ấn định cho loạt bài này, ngõ hầu tìm ra đáp án tường tận và chính xác cho câu hỏi cơ bản ấy, như đã trình trong bài Dẫn kì trước. Đã vậy thì không thể không khảo chứng, nghĩa là bầy ra một cảnh lởm chởm, vận dụng khá nhiều tư liệu cổ mà người không chuyên môn ít nghe nói; và áp dụng các lề lối biện luận có hơi quanh co, khiến cho người đọc có cái ấn tượng là khó đọc và thiếu hấp dẫn.

Hễ là không chuyên môn về ngành nào thì dễ khó chịu (và thấy chẳng hấp dẫn gì cả!) khi đọc bài về ngành ấy, nhưng hiện tượng ấy có thể đổ lỗi cho người viết không? Người đọc ở ngoài ngành có lẽ cũng chẳng nên đọc những gì không hợp với mình, chứ chẳng nên yêu cầu bất cứ bài nào (như trường hợp trọn cả số Tập san kì trước đã bị) cũng dễ đọc và hấp dẫn.

Yêu cầu ấy mà thắng là chết học thuật, còn ai dám viết gì nữa? "Cao chê dỏng, thấp chê lùn", biết làm sao cho vừa lòng mọi người?

Vấn đề của ban biên tập là phải ấn định cho Tập san một tôn chỉ và một trình độ rõ rệt, tức là đáp câu hỏi: Ta viết cho ai? Ai đọc ta? Ai cần ta? Ta nhằm phục vụ cái gì?

Hình như chỉ có ở đây mới có dư luận khó chịu về trình độ các bài đăng trong số 5 kì trước. Chứ bất cứ ai trong các giới văn hóa (không riêng gì chuyên gia trong Viện Hán Nôm!) mà tôi đã gặp trong chuyến về nước cũng đều rất hoan nghênh số 5 ấy (cố nhiên không phải chỉ vì bài bé nhỏ của tôi, mà phần lớn hình như là vì bài đầu số 5, tức là bài của bản sư Hoàng quân)(3), không thấy ai chê gì cả, mà trái lại chỉ đều yêu cầu chúng ta nhớ gửi về thật nhiều cho họ có tài liệu hay mà tham khảo. Đó, độc giả lí tưởng của ta đó, trình độ văn hóa trong nước bây giờ như thế đó.

Trở lại ý của bạn tôi, khuyên tôi nên đi vào nội dung. Rất phải nhưng xin bạn đừng sốt ruột: Công việc khảo đính mới đang khởi sự thôi, chưa biết bao giờ mới tạm xong. Hiện nay chỉ là bước đầu, *góp phần* phục vụ cho sự chuẩn bị nghiên cứu nội dung, chứ chưa phải là nghiên cứu sâu xa. Vả mỗi ngành có cương vị của nó: Người khảo chứng, giải quyết cho tốt cái khâu văn bản học, cũng đã có công rồi. Nếu có khả năng kiêm cả cái khâu nghiên cứu thì càng hay, nhưng không dễ ai kiếm được nhiều tài năng như thế: Tôi biết gì

---

(3) 2 bài của giáo sư Hoàng Xuân Hãn trong tập san Khoa Học Xã Hội số 5: Văn nôm và chữ nôm đời Trần Lê, Phái thiền Trúc Lâm Yên Tử.

về nông kĩ mà dám phê phán về nội dung những mục liệt kê hàng trăm giống lúa trong Vân Đài Loại Ngữ, chẳng hạn? Ngược lại, chuyên gia về nghề lúa chưa chắc đã rành chữ Hán và chữ Nôm để thấy xem các mục ấy trong Vân Đài Loại Ngữ đã được hai bản dịch A và B đọc đúng đến chừng mực nào.

Nếu cố gắng của tôi có thể đóng góp vào việc cung cấp cho học giới một văn bản Vân Đài Loại Ngữ tương đối có bảo đảm về chính xác tính, giúp học giới bớt bị đánh lừa bởi các bản dịch hiện đang lưu hành chứa đầy sai lầm và mơ hồ, là tôi mãn nguyện rồi.

Xin kết thúc mục này bằng một minh họa, một tang chứng về sự "bất khả kháo" của các bản dịch Vân Đài Loại Ngữ, đã có tai hại ra làm sao. Đó là trường hợp về hai thiên thể là mặt trời mỗi ngày đi hết một vòng đường, và mặt trăng mỗi tháng đi một vòng cho *nên trong nhiều ngôn ngữ* có hiện tượng cũng là một từ mà khi thì chỉ mặt trời, khi thì chỉ ngày; một từ khác, khi là tháng, khi là trăng (như từ mens trong La-tinh). Nhưng đó là xét về gốc nghĩa trong từ ngữ, chứ trong câu nói, hay trong đời sống thì hai nghĩa rất tách bạch, không thể lẫn lộn được. Câu thơ của Xuân Diệu: "Trăng sáng trăng xa trăng rộng quá" chắc không có ai hiểu là "Tháng sáng tháng xa tháng rộng quá". Thế mà đã có sự lầm lộn như vậy trong bản dịch Vân Đài Loại Ngữ!

- Lầm mặt trời ra ngày và trăng ra tháng:

Trong Vân Đài Loại Ngữ, chương II, mục 10 (bản dịch B, I, trang 103) Lê Quí Đôn có trích một đoạn quan niệm về vũ trụ trong thuyết Tuyên dạ, rút từ chương "Thiên văn chí" trong *Tấn thư* (quyển XI), nói rằng "*nhật* (mặt trời) *nguyệt* (mặt trăng) và chúng tinh trôi lững lờ giữa hư không... ẩn hiện thất thường, tiến thối khác nhau, vì không có bám buộc vào đâu cả... Vậy nên Thần-cực (étoile polaire) thường ở nguyên tại chỗ, Bắc đẩu (Grande Ourse) không lặn về tây như các chúng tinh, Nhiếp đề (Jupiter) và Trấn tinh (Saturne) đều đi về đông, *nhật* đi được 1 độ thì *nguyệt* đi được 13 độ, nhanh chậm tùy tiện".

Đoạn này, trong bản chữ Hán Vân Đài Loại Ngữ có chép sai vài chữ, ở đây chưa cần nêu ra hết, chỉ xin nhận xét rằng con số 13 độ (thập tam) trong *Tấn thư* đã bị đảo lộn thành tam thập trong bản chép tay Vân Đài Loại Ngữ, khiến các dịch giả đọc lầm là 30 độ. Hai bản dịch A và B đều ghép lầm hai câu cuối làm một mà dịch lầm như sau:

"Nhiếp đề ... đi về đông, *mỗi* ngày đi một độ, *một tháng* đi 30 độ"

Cố nhiên câu cuối trong đoạn *Tấn thư* ấy là nói về tốc độ đường đi *mỗi ngày* của *nhật* và *nguyệt*, nhưng không thể hiểu hai chữ nhật nguyệt như hai dịch giả!

- Lầm ngược lại: dịch lầm nhật **là mặt trời,** nguyệt **là trăng**

Trong Vân Đài Loại Ngữ, chương VI, mục 23 (bản dịch B, II, trang 142) có trích dẫn mấy tiếng Việt ghi trong bộ *Tiềm xác cư loại thư* của Trần Nhân-tích, cả thảy bốn từ, là 'trời' (thiên), 'đất' (địa), 'ngày' (nhật) và 'tháng' (nguyệt). Bản dịch B dịch đúng. Còn bản Trần Văn Giáp thì sai: Sách Tiềm xác phiên âm từ ngày bằng một chữ có âm Hán Việt là ái (quan thoại đời Minh đọc là ngai), thế là bản A viết rằng "mặt trời là ái". Câu này đã lọt vào mắt một chuyên gia về thiên văn học, và đã đánh lừa ông rất thảm hại: Ấy là ông Bùi Huy Hồng, tác giả một bài rất nổi tiếng, là "Lịch thời Hùng vương trên mặt trống đồng Hoàng-hạ" (tập san *Khảo cổ học* số 14, tháng 2-1974).

Ở trang 57, ông Bùi viết rằng "những vòng tròn khép nhỏ đồng tâm có chấm ở giữa... đều là mô hình thiên cầu từng địa phương nước Văn-lang từ khoảng châu *Ái* tới 24 độ vĩ tuyến bắc".

Ở trang 59, ông lại viết: "Ngôn ngữ Khơ-me gọi mặt trời là A-thít. Âm này có thể là biến âm của tiếng Việt gọi mặt trời là *Ái* hoặc là Ác".

Ở cả hai nơi, ông đều có chú thích liên hệ đến bản dịch Vân Đài Loại Ngữ của Trần Văn Giáp, tức là câu: "Mặt trời là *Ái*" trên đây.

Tục ngữ của ta có câu "Sai một li, đi một dặm", ý hẳn là đây. Một trong những niềm vui của tôi trong hè vừa qua là đã thấy văn bản học đang được đề cao trong giới nghiên cứu Hán Nôm, và ngay cả ở cấp chỉ đạo Ủy ban Khoa học Xã hội nữa: textologie!

Nhưng tôi cũng có gặp dư luận (giống như ở đây) cho rằng nó dễ đưa ta sa đà vào tật chẻ tóc làm tư, bỏ quên nội dung...

I.3. Phàm lệ mới

Mục này lấy lại một phần phàm lệ của bài kì trước, trang 72-73, nhưng có sửa và bổ sung để cho sự trình bày được phân minh hơn nữa.

1. Đối tượng vẫn là chương IX, "Phẩm vật", trong Vân Đài Loại Ngữ, nhưng khi thấy cần liên hệ với nội dung một số mục trong các chương khác, thì cũng trích luôn những mục ấy. Nên bài kì này không gọi là "Đọc chương Phẩm vật" nữa, mà gọi là "Đọc tiếp Vân Đài Loại Ngữ".

2. Vẫn chỉ là tuyển một số mục thôi, cho hợp khuôn khổ Tập san. Vậy độc giả đừng ngạc nhiên khi thấy số thứ tự các điều mục có chỗ đứt đoạn.

3. Tôi vẫn chưa có thể tham khảo các bản chữ Hán nào khác ngoài bản chụp in kèm trong bản dịch B.

4. Xin nhắc lại rằng hai bản dịch mà tôi phê bình ở đây là bản của Trần Văn Giáp (Hà Nội, 1962), gọi là bản A; và bản của Tạ Quang Phát (Sài-gòn, 1972-1973), là bản B. Bản B không có đánh số các điều mục, nên tôi ghi thêm xuất xứ số Tập (I, II, III, tùy trường hợp) và số trang, tiện cho độc giả trong

Nam và ở đây là những nơi mà bản A nay khó kiếm ra.

5. Khi viện chứng trong sách Trung-quốc, thường chỉ cần kể tên thiên chương, hay số quyển, riêng sử *Thông giám* thì chỉ cần ghi năm. Nhưng theo một vài bạn đồng nghiệp trong nước, như thế có khi bất tiện, vì có những chương rất dài. Vậy cũng có khi sẽ ghi thêm số trang (và tên bản in mà tôi dùng).

6. Cách trình bày mỗi mục: Vẫn cố gắng phân biệt cho thật tách bạch hai tầng lớp văn tự, một đằng là văn của "tiên nho" mà Lê Quí Đôn trích dẫn // một đằng là văn bình luận và nhận xét của chính bản thân Lê Quí Đôn. Giữa hai thứ ấy, đặt hai vạch nghiêng: //

Đó là chính văn. Trong phần đó, chỗ cần khảo biện sẽ có đường gạch ở dưới.

Phần khảo biện của tôi đặt ở đoạn nằm dưới chính văn, ngăn cách bằng ba dấu o (ooo).

Trong chính văn, mỗi khi tăng thêm chi tiết, sẽ đặt trong hai ngoặc [ ].

7. Ranh giới từ mục này sang mục kia: một đường vạch dài.

*

Lề lối trình bày bài kì này, như trình trên đây, phản ảnh những gợi ý và đề nghị của một số bạn đọc xa gần. Bài này mà viết được, cũng là nhờ nhiều tấm lòng khuyến luyến của các bạn ấy. Vậy trước khi đọc tiếp Vân Đài Loại Ngữ, xin có lời cảm tạ các vị, nhất là các bạn ở xa, đặc biệt là các bạn tỉnh Thái-bình, con cháu xứng đáng của ông Quế-đường.

•

II. Tiếp tục khảo đính và dịch chương Phẩm vật (Vân Đài Loại Ngữ, IX)

IX. 8 (bản B, III, 126)

// Chu-tử bàn về cung thất, đống vũ (đòn nóc và mái nhà), điện ốc (cung điện), hạ ốc (nhà lớn), giai (thềm), đường (phòng giữa), phòng (các buồng nhỏ), tịch (chiếu?), của đời xưa, khảo cứu cực kì tường tận, chép đủ cả trong *Văn tập* và *Toàn thư*.

ooo

Vừa đúng vừa sai, đúng ít, sai nhiều.

Tôi chưa có dịp tìm đọc *Chu-tử toàn thư*. Sách này nay đã hiếm, vì là sách ngự toản để dâng vua, do Lí Quang-địa tuyển lựa tài liệu rút từ *Văn tập* và *Ngữ loại,* xếp đặt lại theo nội dung, thành 19 môn, dâng vua Khang-hi năm

52 (1713); học giới Trung-quốc cho là một bản bóp méo và xuyên tạc tư tưởng thày Chu, hơn hai thế kỉ nay, chẳng ai thèm tái bản cả. Vậy chưa biết sách này chép ra sao.

Trong *Chu-văn công văn tập* (nhất danh là *Chu tử đại toàn*), ở quyển 68 (đây tôi dùng bản trong *Tứ bộ tùng san* là bản chụp ảnh bản đời Gia-tĩnh), có hai bài khảo về các vấn đề nhà cửa.

Bài thứ nhất, nói về điện ốc và hạ ốc, có thể công nhận là đích xác của Chu-tử, vì không có ai dị nghị cả (sở dĩ có nhiều bộ phận trong *Văn tập* bị đời sau biện bác là không chân xác, là vì con cháu và học trò của Chu-tử, khi biên soạn toàn tập, đã đem vào đó tác phẩm của người khác, tỉ như trường hợp sẽ bàn dưới đây). Nhưng bài này vỏn vẹn có một tờ thôi, vừa ngắn ngủn, vừa không nói gì đến những gì không phải là điện ốc và hạ ốc. Sao có thể cho là "cực kì tường tận" được? Vậy chắc là Lê Quí Đôn muốn nói đến bài thứ hai.

Bài thứ hai, nhan đề là *Nghi lễ thích cung* (khảo thích về chế độ nhà cửa và cung điện trong sách *Nghi lễ*), cả thảy là 13 tờ, quả là một công trình tường khảo, tìm ra nhiều tư liệu ngoài sách *Nghi lễ*, mà chú giải công phu, rất xứng với lời khen của Lê Quí Đôn.

Nhưng bài này thật ra không phải là của Chu-tử! Quả thật Lê Quí Đôn là người chịu khó đọc rộng, đích xác là ông có đọc toàn tập Chu-tử, và có chú ý rút ra những gì có thể bổ túc cho kho kiến văn bách khoa của ông. Nhưng Lê Quí Đôn đã bị bản *Văn tập* kia đánh lừa. Mà khi soạn sách Vân Đài Loại Ngữ (bài tựa của tác giả đề năm 1773), ông không có điều kiện phát giác ra.

Bài ấy, tác giả là Lí Như-khuê (tiến sĩ khoa 1192) chuyên trị về *Nghi lễ*, có soạn ra *Nghi lễ tập thích* (30 quyển) và bài *Nghi lễ thích cung* nói trên. Sách *Trung hưng nghệ văn chí* (nay còn trích dẫn trong sách *Văn hiến thông khảo* của Mã Đoan-lâm) ghi rõ sự ấy, mà ghi thêm rằng Chu Hi đã từng cùng ông ta hiệu đính sách Lễ. Lời ghi này đáng chú ý, hé cho ta hiểu tại sao bài của họ Lí lại nằm trong toàn tập của họ Chu, như sẽ bàn thêm dưới dây.

Nhưng các tác phẩm của họ Lí đã thất truyền từ lâu, ngoài thoại chép tay duy nhất còn được bảo tồn trong pho loại thư *Vĩnh lạc đại điển* đời Minh. Mãi đến khoảng chung quanh những năm 1782, các nho thần được lệnh biên tập bộ *Tứ khố toàn thư* cho vua Càn-long, mới nhân dịp đó mà được đọc *Vĩnh lạc đại điển*, và tìm thấy trong ấy hai tác phẩm nói trên của Lí Như-khuê, có ghi tên và bài Tựa của tác giả. Đã vậy thì nảy ra mối ngờ: Ai là tác giả đích thực bài *Thích cung*? Tại sao văn bản của thoại *Đại điển* lại giống thoại trong *Văn tập* của họ Chu?

Bốn năm trước khi qua đời (Chu mất năm 1200), họ Chu có đốc suất môn sinh soạn ra một cuốn chú giải *Nghi lễ*, nhan đề là *Nghi lễ kinh truyện thông giải*. Trong cuốn này, những chỗ chú giải nhà cửa cung điện không giống tí gì với các lời tường khảo của bài *Thích cung*. Nếu bài này đích là do Chu soạn ra thì không có lí gì mà Chu lại không giao cho môn sinh chép vào *Nghi lễ*

kinh truyện thông giải. Chu có quen biết Lí Như-khuê (xem lời ghi của *Trung hưng nghệ văn chí*, trên đây), một chuyên gia về *Nghi lễ* mà chắc Chu đã muốn tham khảo ý kiến trong khi chuẩn bị điều kiện cho sách *Thông giải*, và họ Lí đã cho họ Chu một bản sao bài *Thích cung*. Bản ấy nằm lẫn với các di cảo khác của họ Chu, và nhóm biên tập *Văn tập* sau khi họ Chu đã qua đời, tưởng rằng bài ấy do Chu soạn ra, nên đã đem nó vào *Văn tập*.

Trở lên là lược thuật sự biện luận của bài Đề yếu trong sách *Khâm định Tứ khố toàn thư tổng mục* (1782), quyển 20, mục Lễ loại, II).

Cố nhiên là Lê Quí Đôn không có điều kiện đọc *Tứ khố đề yếu* (sách này in ra dưới hình thức quan-bản, do nhà công xưởng Vũ-anh-điện, dù khi ấy Lê Quí Đôn còn sống cũng khó mà tìm đọc), lại càng không thể lọt vào hoàng cung của họ mà đọc *Vĩnh lạc đại điền*.

IX. 19 và nửa trên IX.20 (bản B, III, 132-133) Câu "[Ư ngã hồ], hạ ốc cừ cừ" trong kinh *Thi* (thơ "Quyền dư"). Lời chú: "Hạ ốc là đại cụ (cỗ lớn), cừ cừ là cần cần (ân cần). Ý nói đãi ta bằng lễ cỗ lớn mà thết ta, ý tứ ân cần vậy". Ban đầu, không có chỉ gì về ốc vũ (nhà cửa). Trong sách kinh, nói đến hạ ốc, chỉ có chỗ ấy mà thôi.

Đến sách Pháp ngôn của Dương Tử-vân mới nói: "Chấn phong lăng vũ, nhiên hậu trị hạ ốc chi vi biền mông" (có gió lay và mưa trần, sau đó mới biết công che chở của nhà lớn), thế là hiểu lầm 'hạ ốc' là 'ốc vũ' (nhà cửa).

---

o

Trên đây là trọn vẹn mục "Hạ ốc" của sách *Thiên lộc chí* dư (tác giả là Cao Sĩ-kù, 1645-1704), quyển thượng, tờ 84 (tôi dẫn bản khắc lại năm Gia-khánh thứ 4: 1799, trong bộ *Thuyết linh*, tiền tập), một tập bút kí mà Lê Quí Đôn đã trích dẫn hơn mười mấy lần (tuy chỉ ghi rõ xuất xứ có hai lần!), và tôi tin rằng ông đã sao chép ở đây mục "Hạ ốc" rút từ nguồn ấy. Vì lẽ này: Mục ấy gồm hai đoạn, là hai bộ phận khăng khít của một chứng luận (démonstration), không phải do ngẫu nhiên mà đi đôi với nhau. Cũng không phải do ngẫu nhiên mà trong hai sách khác nhau lại có chứng luận dựa vào hai văn liệu giống nhau như thế, (trừ những chữ mà Lê Quí Đôn đã bỏ bớt, tức là những chỗ tôi gạch đít ở dưới).

Đoạn I không nói rõ lời chú về câu trong thơ "Quyền dư" là của ai. Đó là lời *Tiên* (đúng như bản chữ Hán Vân Đài Loại Ngữ của bản dịch B) của Trịnh Huyền (tức là nhân vật ám chỉ trong câu của Hoàng-phủ Thực mà tôi có trích trong bài kì trước, trang 73), một nhà chú giải ngũ kinh, đời Đông Hán, đã có công phát huy *Mao thi* (tức là kinh *Thi* giải theo lời *Truyện* của Mao công).

Ở đây, không thể nói nhiều về cách hiểu câu thơ trong bài "Quyền dư", chỉ xin nhận xét vắn tắt rằng:

a- Thời xưa, không ai hiểu chữ "ốc" trong câu ấy như Trịnh (trừ Khổng Dĩnh-đạt đời Đường, và Mao Thụy-thìn cuối đời Thanh). Trên đây, tạm dịch "đại cụ" là "cỗ lớn", là muốn tôn trọng cái đà lập luận, tuy vẫn cho là gượng ép.

b- "ốc" là nhà, "hạ ốc" là nhà lớn, là cách hiểu tự nhiên, phổ biến, không những ứng dụng trong kinh *Thi* (như Mao công và Chu tử đã hiểu), mà còn thấy trong thiên "Đàn cung" ở *Lễ kí*, "Lục quốc niên biểu" ở *Sử kí*, quyển 15. Chứ đâu đợi đến Dương Hùng (trước Công nguyên 53 - sau Công nguyên 18)!

c- Chớ liên hệ hai chữ "hạ ốc" này với "hạ ốc" trong mục IX.8 trên đây: Trong mục này, chữ "hạ" có bộ Nghiễm; và "hạ ốc" này chỉ thấy trong văn từ đời Tam-quốc trở đi mà thôi.

Nhận xét gộp chung bốn mục IX.31-34 (bản dịch B, III, 138-139)

Gốc văn bốn mục này hình như đều rút từ loại-thư *Tam tài đồ hội* (soạn xong năm 1607), tuy rằng Lê Quí Đôn chỉ nêu xuất xứ ấy ở mục IX.32 thôi. Tôi chưa tiện tìm đọc loại-thư ấy, nên không dịch lại trọn văn bốn mục này. Chỉ xin có vài nhận xét dựa trên những sách gốc của *Tam tài đồ hội.*

a- IX.31. Sách *Thích tạng chỉ qui*, tên gọi đầy đủ là *Thích tạng âm nghĩa chỉ qui* là một sách đã thất truyền, hình như chỉ còn vài đoạn lưa lại trong sách loại-thư đời Minh (và bởi thế mà tôi nghi Lê Quí Đôn chỉ đọc được nó trong *Tam tài đồ hội*). Đời Lục-triều, các văn nhân hay phỏng theo cử chỉ và phong thái các vị sư, những khi đàm luận thì tay cầm cái phất trần làm bằng lông đuôi con chủ (chủ vĩ). Tục ấy thấy kể nhan nhản trong sách *Thế thuyết tân ngữ* của Lâm-xuyên-vương Lưu Nghĩa-khánh. Trong bản *Hiệu tiên* về sách *Thế thuyết,* của giáo sư Dương Dũng (Hồng-kông, 1969, Đại chúng thư cục), mục II.52, chú giải về danh từ "chủ vĩ", cũng thấy ghi xuất xứ là sách *Thích tạng âm nghĩa chỉ qui* : chắc cũng là mượn trong loại-thư.

b- IX.32. Sách *Thực lục,* tên gọi đầy đủ là *Nhị nghi thực lục,* cũng là sách chỉ còn trích đoạn trong loại-thư đời Minh và đời Thanh. Tên sách và tên tác giả là Lưu Hiếu-tôn, thấy ghi trong *Quốc sử kinh tịch chí*, q. III, sử loại, mục Xa phục, của Tiều Hoằng (1541-1620) (xem bản *Minh sử Nghệ văn chí,* kiêm *Bổ biên* và *Phụ biên* của nhà xuất bản Thương vụ, Thượng-hải, 1959, II, 889).

Sách *Uyên giám*, q. 381/13b, cũng trích dẫn đoạn văn giống như ở mục IX.32 này, mà ghi xuất xứ là *Nhị nghi thực lục.*

c- IX.33. c-1 Câu đầu, cả hai bản dịch A và B đều hiểu sai câu trích sách *Thuyết văn giải tự* của Hứa Thận, mục chữ Trất (thiên thứ 6, thượng, bộ Mộc, chữ thứ 271). Câu ấy, đáng lẽ phải đọc: "Trất, sơ tì tổng danh dã" (Trất là tên gọi chung lược thưa và lược khít), lại bị hai dịch giả đọc lầm ra: "Trất-sơ, tì

tổng danh dã" (A: Trất sơ là tổng danh của lược; B: Trất sơ là tiếng gọi chung các thứ lược).

c-2 Câu thứ hai: "Nam nữ bất đồng cân trất" (trai gái không dùng chung khăn lược), xuất xứ là Lễ kí (thiên "Khúc lễ", thượng, 24) chứ không phải là *Gia lễ* (như ghi trong bản dịch A), cũng không mơ hồ như bản B đã hiểu (Theo lễ thì...).

c-3 Lược khít, răng nhỏ và mau, ta gọi là lược bí, đó chính là dạng âm cổ của một từ Hán có mấy cách viết (比,枇,篦) và mấy cách đọc Hán Việt khá rối loạn, như phản ảnh trong cách phiên âm của hai bản dịch A và B (trong hai mục IX.33 và 34: **tỳ, bế, bị**). Trên đây, khi dẫn câu trong *Thuyết văn*, tôi đã **tạm** đọc là **tì**, là muốn ghi âm Hán Việt thông thường, theo qui tắc âm b- (đứng trước i) Hán cổ chuyển ra t- Hán Việt. Nhưng cái tên lược **bí** của ta chứng tỏ rằng âm 'nôm' lưu truyền trong tiếng nói bình dân bảo tồn âm cổ bền hơn âm 'nho' Hán Việt.

Nay có lẽ nên thống nhất cách đọc, và chọn âm **bí**. Để chấm dứt tình trạng phiên âm tùy tiện như trong bài *Tì bà hành* có câu (câu 49, diễn ca của Phan Huy Thực là: 'Vành lược bạc gãy tan nhịp gõ') nguyên tác là 'Điền đầu ngân **bí** kích tiết toái', các sách tuyển dịch thơ Đường, hoặc biên tập riêng về Tì bà hành, phiên âm chữ 篦 là **tì** (nhóm Hoa Bằng và Tảo Trang), là **bề** (Trần Trọng Kim và hầu hết các sách trong Nam), là **bí** (Trần Trọng San).

d- Gốc văn:

d-1 IX.33 Câu:

"Vậy lược bí là do lược thưa mà chế ra. Lược bí ngày nay là chế theo kiểu nhà Chu" không phải là nhận xét của Lê Quí Đôn, cũng không phải của *Tam tài đồ hội,* vì đã thấy trong sách *Cổ kim sự vật khảo,* 6/27b, của Vương Tam-sính, tiến sĩ khoa 1535. Sơ bản, in năm 1563, nay còn (nhà Thương vụ ở Đài-loan có chụp ảnh, tái bản năm 1973).

d-2 IX.34 Câu:

"Nhà tu dưỡng gọi lược thưa là Mộc xỉ đan, cho rằng mỗi ngày, vào sáng sớm, chải đầu 1000 lần, từ trên chải xuống, thì tóc bền và khử phong (đuổi được gió tà?), mặt mày sáng sủa"
như tôi thấy chép trong sách *Ngũ tạp tố* (nhất danh: *Ngũ tạp* trở, như ở bản in trong bộ *Quốc học trân bản văn khố* của nhà Thương vụ năm 1935, và như Lê Quí Đôn cũng đã ghi 3 lần trong Vân Đài Loại Ngữ, IX.82, 94, 181) của Tạ Triệu-chế, tiến sĩ khoa 1592 (tức là tác giả Tạ Tại-hàng mà Vân Đài Loại Ngữ có ghi tên ở mục IX.195; Tại-hàng là tên chữ của họ Tạ này), có lẽ là gốc văn mà Lê Quí Đôn đã sử dụng (và có bỏ đi mấy chữ mà tôi gạch dưới; và có đổi vài chữ). Mà là chép trực tiếp từ *Ngũ tạp tố* (q.XIII/20b, trong bản khắc đời Vạn-lịch do nhà Tân hưng thư cục chụp ảnh in lại, Đài-loan, 1971), chứ không cần xuyên qua *Tam tài đồ hội*, vì có chứng (như tôi đã kê) tỏ rằng Lê Quí Đôn có đọc sách ấy.

d-3 Đào Cốc (dẫn ở IX.34) là người đầu đời Tống, mất năm 970 (xem truyện trong *Tống sử* 269), tác giả sách *Thanh dị lục* (như bản dịch B, III, 139, có chú thích) mà Vân Đài Loại Ngữ có trích dẫn và ghi xuất xứ 6 lần: IX.28, 28, 49, 56, 207, 209. Câu trích ở IX.34 chắc cũng là rút từ đó. Thoại *Thanh dị lục* mà Lê Quí Đôn sử dụng có thể là bản trong *Thuyết phu* 119. (Tôi chưa có dịp tìm đọc Thuyết phu, nhưng mỗi khi gặp tên sách trong Vân Đài Loại Ngữ mà, bằng cách tra trong *Trung-quốc tùng thư tổng lục*, tôi biết là có in trong *Thuyết phu*, hay *Thuyết phu tục*, tôi nêu lên, để tiện cho những ai (không cứ hẳn là tôi, mà là bạn đồng nghiệp xa gần) sẽ tiếp tục bổ sung cho việc hạch chứng văn bản Vân Đài Loại Ngữ.)

d-4 IX.35 Truyện Cao lực sĩ: Xem Thuyết phu 111.

Nhận xét gộp chung về IX.37 và 38 (bản B, III, 140-141), nói về đóm diêm.

a- Gốc văn: Trừ câu cuối IX.38 là của Lê Quí Đôn, nói rằng cách làm đóm diêm của người nước ta cũng giống như bên Tàu, còn thì trọn vẹn văn hai mục ấy đều là rút từ một gốc duy nhất, và trực tiếp, là thiên *Ủy hạng tùng đàm*, mà Lê Quí Đôn có ghi tên ở đầu mục IX.37, và tưởng lầm là của một tác giả đời Tống. Hai dịch giả A và B lại tưởng lầm rằng đó là một cuốn sách.

Thật ra chỉ có một thiên, gồm 5 chương, trong sách Tây hồ du lãm chí dư của Điền Nhữ-thành (tiến sĩ khoa 1526). Sách chuyên sưu tập dật sự về sinh hoạt ở Hàng-châu đời Nam-Tống (vì vậy mà Lê Quí Đôn tưởng là tác phẩm đời Tống), rút từ các sách tạp kí đời cuối Tống và đời Nguyên: Xem bản in lại của Trung-hoa thư cục, Bắc-kinh, 1965, trong ấy thiên "Ủy hạng tùng đàm" nằm ở quyển 21 đến 25, và trọn văn trích trong Vân Đài Loại Ngữ/IX.37-38 nằm ở quyển 25, trang 450, không có gì là nghi ngờ được cả.

Nhưng Lê Quí Đôn hình như không có đọc cuốn Tây hồ của họ Điền, mà chỉ biết văn của ông này qua thoại trích thiên "Ủy hạng" trong *Thuyết phu tục*, 18.

b- Gốc của gốc: Nhữ-thành là người đời Minh, khi kể chuyện về phong tục đời Tống, chắc cũng phải lấy văn liệu của sách đời Tống hay gần đời Tống chứ? Vậy gốc của ông là gì?

b-1 Gốc có ghi rõ, ở đoạn thứ hai (Vân Đài Loại Ngữ/IX.38), là sách *Thanh dị lục* của Đào Cốc (tôi mới nói đến ở trên) mà Lê Quí Đôn cũng có thể đọc trực tiếp trong *Thuyết phu* 119. Tôi chưa đọc Thuyết phu. Nhưng tra mục "Hoả thốn" trong *Dai Kan Wa jiten* (Đại Hàn Hoa từ điển) của Morohashi Tetsujo (Chư-kiều Triệt-thứ), VII.365.3, cũng thấy trích *Thanh dị lục* (mà là trích cẩn thận, đó là điểm sở trường của bộ từ điển này, hơn hẳn tự vì Tàu và tự vị ta nhiều lắm; lại có ghi chi tiết tường tận: thiên "Khí cụ", mục "Hoả thốn"), tôi thấy có thể tin vào sự giống nhau của hai thoại trích

Thanh dị lục (1: bản in sách *Tây hồ* của nhà Trung-hoa thư cục; 2: Morohashi Tetsujo) mà sửa một chữ chép sai trong bản dịch A (chứng rằng bản Vân Đài Loại Ngữ mang kí hiệu A.141 mà Trần Văn Giáp đã cho là chính xác nhất trong các bản chép tay, có chỗ cũng chưa đảm bảo cho lắm): Người Hàng-châu gọi đóm diêm là 'dẫn **quang** nô' (thoại Vân Đài Loại Ngữ chữ Hán của bản B không chép lầm, chứng rằng lầm của bản A.141 không thể đổ lỗi cho Lê Quí Đôn), chứ không phải là 'dẫn **hỏa** nô'.

b-2 Gốc không ghi rõ, ở đoạn đầu (Vân Đài Loại Ngữ/IX.37), làm như văn đoạn này là của tác giả thiên *Ủy hạng tùng đàm*. Đấy là khuyết điểm lớn của Điền Nhữ-thành: các gốc văn mà ông vay mượn, ông không ghi xuất xứ ở mỗi điều trích dẫn, mà chỉ kê gộp ở một danh sách nằm rất hẻo lánh trong quyển 21 của sách *Tây hồ* (xem bản in 1965 đã dẫn, tr. 386-387). Tôi đã thấy chứng hé cho biết gốc văn đoạn này: Đó là sách *Chuyết canh lục* của Đào Tông-nghi (người đã biên tập bộ *Thuyết phu*, cuối Nguyên, đầu Minh, nửa sau thế kỉ XIV). Tuy chưa có dịp tìm đọc *Chuyết canh lục*, nhưng tra trong sách Thông tục biên của Địch Hạo (tiến sĩ khoa 1754), cũng thấy đoạn văn ấy, mà có ghi xuất xứ là *Chuyết canh lục* (xem bản *Thông tục biên* của nhà Thương vụ, Thượng hải, chụp ảnh in lại ở Đài-loan, 1977, quyển 26, trang 592), tôi nghĩ rằng đó là gốc cổ nhất. Đó là hướng để khảo chứng thêm, khi nào tiện.

Đoạn này (IX.37), bản dịch A có mấy chỗ chưa ổn: Người ta chẻ gỗ thông ra thành phiến mỏng như giấy, rồi đun lưu hoàng cho chảy ra và bôi vào đầu phiến gỗ kia (y như diêm ngày nay), chứ đâu có đem **nấu** gỗ mỏng ấy trước khi dúng vào lưu hoàng! (Thật ra bản A in lầm chữ **nấu** ra **đấu**, càng vô nghĩa). Bản B dịch đúng hơn.

Đóm diêm ấy, người Hàng-châu gọi là phát-chúc, cũng gọi là **thối**-nhi .

Chữ thối, bản A đọc lầm (hoặc in lầm) là thốt. Bản B cũng lầm, lầm cách khác, đọc là **suất**, vì không kiểm tra văn gốc, bị bản chữ Hán chép tay đánh lừa. Bản này viết lầm ra chữ .

IX.39

(bản dịch B, III, 141), chép về cống phẩm vua Trần nước ta sai đem sang cho nhà Nguyên: Có giả sơn (hòn non bộ) bằng gỗ trầm hương, trấn chỉ (vật chắn giấy) bằng ngà voi, giá gác bút bằng thủy tinh.

Xuất xứ ghi là *Nguyên sử*. Đoạn này là một sử liệu đáng chú ý. Thế mà không thấy các sử gia hiện đại sử dụng. Có lẽ vì khi kiểm tra lại, họ chưa tìm ra đoạn ấy nằm ở chỗ nào trong *Nguyên sử*, nên chưa tin cho lắm.

Đoạn ấy ở trong quyển 130: Xem bản Nhị thập **ngũ sử** của nhà Khai minh thư điếm, trang 6444, cột 2.

IX.40

Sách *Đông thiên thanh lục* của Triệu Hi-hộc đời Tống: Trong *Thuyết phu* 95.

IX.41 (bản dịch B, III, 141-142)

(Mục này gồm tầng thứ khá rắc rối. Tôi sẽ đánh số mỗi đoạn riêng để tiện chú thích. Sau đây, tôi dịch trọn:)

1) Khổng Dĩnh-đạt nói:

2)" Giản là trát.

3) "Sách là giản. Thể chế: cái dài thì 2 xích (thước),

cái ngắn thì nửa cái dài.

4) Cầm từng thẻ trát một, gọi đó là giản. Bện liền các giản, mới gọi là sách.

5) Giản chỉ chứa được một hàng chữ thôi. Độc là ván vuông (phương bản),

ván rộng hơn giản, có thể chứa được mấy hàng chữ.

6) Xưa, **việc lớn chép vào sách, việc nhỏ chép vào giản [độc].**

o

a- Câu 6, trừ chữ "xưa" (do Lê Quí Đôn thêm vào) là một câu trong bài Tựa của Đỗ Dự (222-284) đặt trước sách *Tả truyện* mà Đỗ là người chú giải. Câu 6 này là **chính văn** (bởi thế nên tôi in đậm) mà Khổng Dĩnh-đạt (574-648) chú giải.

b- Câu 1 ám chỉ lời 'Sớ' (tức là chú giải mới để giải thích chú giải cũ) của Khổng Dĩnh-đạt, cũng gọi là *Tả truyện chính nghĩa,* nay in gộp với 'Sớ' về các kinh truyện khác trong bộ *Thập tam kinh chú sớ.* Các câu từ 2 đến 5 đều nằm trong lời 'Sớ', nhưng chỉ có hai câu 4 và 5 là lời **nói** của Khổng Dĩnh-đạt, còn câu 2 và 3 là lời của người khác mà Khổng Dĩnh-đạt trích dẫn để minh họa cho lời bàn của mình. Chỉ cần giở *Chính nghĩa* ra mà tra thì thấy ngay 'người khác' đó là ai.

c- Câu 2 là định nghĩa trong chú giải của Quách Phác (276-324) về sách *Nhĩ nhã*, thiên "Thích khí".

d- Câu 3 là trích sách *Độc đoán* của Sái Ung (133-192).

e- Câu 4 và 5 mới thật sự là lời của Khổng Dĩnh-đạt chú giải thêm cho rõ nghĩa của hai câu 2 và 3 và nhất là của câu chính văn (câu 6). Trong câu 6 này, ở cuối, có chữ độc (mà các bản chép tay Vân Đài Loại Ngữ chữ Hán bỏ sót), vì thế mà câu 5 mới so sánh **giản** với **độc**. Nếu bỏ đi chữ độc, ta sẽ không hiểu tại sao Lê Quí Đôn lại trích dẫn câu 5 làm gì.

Về vật liệu dùng để viết lách, và về thể chế liên quan đến các vật liệu ấy,

trong sách Vân Đài Loại Ngữ còn có vài mục ghi chép, nằm ở chương khác. Trước khi đọc tiếp tới các mục IX.42-45, tưởng cũng nên gộp lại ở đây, cho tiện tham khảo, đỡ phân tán:

VI.70 (bản dịch B, II, 156) 1)

Qui điền lục của Âu-dương Tu: "Người đời Đường tâu việc, nếu không phải là biểu hay là trạng, gọi đó là 'bảng tử', cũng gọi là 'lục tử'. Nay gọi là 'tráp tử'.

2) Sách *Ngôn chinh* [của Lữ Chủng-ngọc, quyển thượng] trong bộ *Thuyết linh* [hậu tập] nói:

"Cô là tấm 'độc' (ván gỗ) để học viết, hoặc để kí sự (chép việc); gọt gỗ mà làm ra, hoặc 6 hoặc 8 mặt đều có thể viết chữ; vì có góc cạnh, nên gọi là 'cô'. Trong *Văn tuyển* có chữ 'thao cô' (và) 'tiến độc' (giơ cô, dâng độc).

o

Nhận xét:

a- Câu 1 đích là có trong sách đã dẫn: quyển 2/10b, cũng tức là quyển 127 trong *Âu-dương Văn-trung-công văn tập* (có bản chụp ảnh in lại, trong *Tứ bộ tùng san*). Nhưng chưa chắc là Lê Quí Đôn đã tham khảo thoại của *Văn tập*, mà có lẽ chỉ đọc bản *Qui điền lục* tách rời ra khỏi *Văn tập* và có in trong *Thuyết phu* 40.

Trong Vân Đài Loại Ngữ, có 10 xuất xứ ghi là trích dẫn *Qui điền lục:* IV.43,, V.39, VI.70, VIII.35 (không phải là VI.35 như sách dẫn của bản dịch A, trang 292, đã in lầm) , VIII.57, IX.90, 123, 202, 208. Lại có một trích dẫn bỏ sót xuất xứ: VI.59.

Chữ **nay** ở đoạn cuối câu 1 là nguyên văn của thoại *Văn tập*. Người đời sau đổi ra 'người Tống' (như trong Vân Đài Loại Ngữ). Sách *Ngôn chinh* (quyển hạ) có trích câu ấy (mà không ghi xuất xứ: đây là khuyết điểm lớn của sách này, tôi sẽ nêu thêm chứng cứ dưới đây, và của một sách khác trong *Thuyết linh* mà Lê Quí Đôn ưa trích dẫn là *Thiên lộc chí dư*), cũng đổi chữ **nay** ra **người Tống**. Nhưng không bỏ rơi câu "Cũng gọi là 'lục tử'" như trong Vân Đài Loại Ngữ.

Trong danh từ **tráp tử,** chữ **tráp** bị bản dịch A đọc lầm là **tháp**. Âm tráp chính là âm bảo tồn trong tiếng Việt thông thường, mà Trần Văn Giáp có nhắc đến trong chú thích, mà không ngờ đó cũng là âm 'nho' chính xác (như có ghi trong tự vị của Thiều Chửu, tuy tự vị này viết sai chính tả ra cháp).

b- Đoạn 2, mà Lê Quí Đôn đã rút từ *Ngôn chinh*, thật ra Lữ Chủng-ngọc đã chép (mà không ghi xuất xứ. Không bao giờ họ Lữ chịu ghi xuất xứ. Thật là "nhai văn nhá chữ nghĩ mà buồn tênh". Buồn cho tác phong của văn nhân cuối Minh, đầu Thanh) một đoạn y nguyên (chỉ bỏ bớt vài chữ) trong sách

Tô-thị diễn nghĩa của Tô Ngạc, tiến sĩ khoa 886, năm Quang-khải thứ 2, đời Đường Hi-tông: Xem bản của nhà Thương vụ, Thượng-hải, 1956, in gộp với *Cổ kim chú* của Thôi Báo (đời Tấn) và *Trung-hoa cổ kim chú* của Mã Cao (đời Hậu Đường), quyển hạ, trang 18.

Cả mấy chữ trong *Văn tuyển* cũng là mượn lại trích dẫn của *Tô-thị diễn nghĩa!*

Mấy chữ bí hiểm ấy là lấy ra từ hai nơi khác nhau trong tập *Văn tuyển* của Chiêu-minh thái-tử (Tiêu Thống) đời Lương:

* **thao cô,** lấy từ quyển 17, trong bài "Văn phú", câu 29, của Lục Cơ (261-303):

"Hoặc **thao cô** dĩ suất nhĩ"
(có khi giơ tấm gỗ 'cô' mà viết lia lịa)

Xem chú giải về bài phú nổi tiếng này trong *Nguy Tấn Nam Bắc triều văn học sử tham khảo tư liệu* (1962, nhà Trung-hoa thư cục, Bắc-kinh, in lần thứ 5 năm 1978, tr. 257, chú thích 11) và trong *Hán Ngụy lục triều phú tuyển* (1964) của Cù Thuế-viên (Cù Tuyên-dĩnh), tái bản 1979 của nhà Thượng-hải xuất bản xã, trang 122, chú thích 43.

* **tiến độc,** lấy từ quyển 13, trong bài "Nguyệt phú", câu 8, của Tạ Trang (421-466):

Trừu hào **tiến độc**
(rút bút lông và dâng ván viết).

Xem Cù Thuế-viên, sách đã dẫn, trang 184, chú 18.

Bản chữ Hán Vân Đài Loại Ngữ của bản dịch B có chép câu:

gọt gỗ mà làm ra (tước mộc vi chi)

Câu này không thấy trong bản dịch A: Thêm một chứng về nhược điểm của bản chữ Hán Vân Đài Loại Ngữ mang kí hiệu A.141.

Câu đầu trong đoạn 2, bản A cũng dịch sai là:

Cô là thứ ván gỗ, để học, hay viết.

Chỗ gạch dưới, không có trong nguyên văn, vậy nên bỏ đi.

VI.83 (bản dịch B, II, 160)

1) Đời xưa, thẻ giản dài hai thước, cái ngắn thì nửa cái dài.

2) Vương Lăng đời Ngụy nói Tư-mã Ý: "Cứ vời tôi bằng cái chiết giản". // Chiết giản, cũng như cái giản ngắn một nửa (trên đây).

o

a- Câu 1 chính là câu định nghĩa (của Sái Ung) mà ta đã đọc ở câu số 3 trong mục IX.41 trên đây mấy trang. Vì vậy tôi không khảo chứng lòng

thòng, mạnh dạn chữa chữ nói về bề dài của **thẻ giản dài: hai thước**, chứ không phải **một** thước như các bản Vân Đài Loại Ngữ chữ Hán đã viết lầm (lầm nhị ra nhất) và đã đánh lừa hai dịch giả A và B.

b- Trong câu 2, nhân vật thứ nhất là một người sống cuối đời Tào Ngụy (Tam-quốc), họ Vương, tên Lăng; chứ không phải ông ta họ Ngụy, tên Vương Lăng; như hai bản dịch A và B đã phiên âm một cách cẩu thả, có thể gây hiểu lầm cho độc giả bây giờ không rành chuyện đời Tam-quốc nữa.

Câu nhận xét của Lê Quí Đôn về nghĩa của danh từ "chiết giản" có phần gượng ép, e là không đúng. Đời Tam-quốc, không còn ai dùng thẻ giản. Chữ giản đã chuyển nghĩa, và chỉ có nghĩa là thư từ viết trên giấy thôi. "Chiết giản" là tờ giấy bé, ngắn, vỏn vẹn vài chữ

(xem tiếp kì sau)

TẠ TRỌNG HIỆP
(trích Tập San Khoa Học Xã Hội *số 6, tháng 12-1979, trang 39-54)*

CHÚ THÍCH TÒA SOẠN:
Sau bài này, gs Tạ Trọng Hiệp đã không viết tiếp được nữa; việc khảo đính đến đây dang dở. Hợp Lưu ước mong các học giả trong và ngoài nước tiếp tục công việc này.

Thơ
phát hành mỗi ba tháng

Chủ trương
lê bi, trang châu, nguyễn thị thanh bình, phạm việt cường, triều hoa đại, phan tấn hải, khế iêm, đỗ kh., trầm phục khắc, nguyễn hoàng nam, n.p., chân phương, thường quán, trân sa, vũ tiến thủy, huỳnh mạnh tiên, trịnh y thư, nguyễn tiến văn, nguyễn tiến, lê thị thấm vân, ngu yên.

Liên lạc thư từ, bài vở:
THƠ
P.O.Box 1745, Garden Grove, CA 92842



PHAN HUY LÊ, CLAUDINE SALMON

&TẠ TRỌNG HIỆP *giới thiệu*

HẢI TRÌNH CHÍ LƯỢC của PHAN HUY CHÚ



Lời dẫn

Biển rất rộng lớn. Ở về Đông Nam, dân Di sống trên các đảo kể có hàng trăm, giữa mây mù sóng nước. Cho nên xưa nay người thân sĩ chưa ai tới đó. Nay Hoàng thượng ta đức độ và uy danh vang xa, biển trời yên bình. Hàng năm sai thuyền tới các nơi xa đều được sóng yên gió lặng, đi lại yên ổn như trên đất bằng. Các bậc nho giả đi công cán thường thu được nhiều điều bổ ích, mở rộng thêm điều tai nghe mắt thấy, và tăng thêm sự hiểu biết của mình. Thế thì các nơi đường biển đi qua há chẳng phải là điều đáng ghi chép hay sao?

Chú này tài hèn, mắc tội(1), náu mình nơi thôn cùng, đội ơn Thánh thượng thương xót, không nỡ bỏ đi. Mùa đông năm ngoái sai theo thuyền Thụy Long(2) sang Giang Lưu Ba(3) để hiệu lực. Nhưng chẳng lập nên công trạng gì, thế mà lại được ngồi trên thuyền của nhà nước rong chơi nơi biển trời mây nước. Được đi xem các xứ lạ, mở rộng suy tư, quả là một niềm hạnh phúc vào cuối đời vậy.

Các vùng biển mà thuyền đã qua, núi non, cảnh sắc ra sao tôi bèn lược ghi. Cũng như đến các xứ Gia Ba, Lưu Ba(4), trải xem phong tục vật sản, và hỏi rộng thêm về sự tích ở đó, tùy theo những điều nghe biết, xin ghi lại hết. Cộng lại hơn 40 điều, khi trở về chép lại đầy đủ và vì thế, lấy tên là **Hải trình**

chí lược. Nhưng đấy chỉ là những ghi chép sơ lược, thấy gì tạm ghi lại, không dám nói là tường minh. Duy về sự trạng người Man Di ở các đảo xa, tình hình người vật ở các xứ lạ, cũng xin kể lại sơ sài để biết đại khái. Ngõ hầu có thể góp một phần nhỏ cho việc quan phong(5) của Thánh triều, như loại sách Bại Hải(6) vậy.

Năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), tháng trọng hạ (tháng 5 âm lịch), tuần đầu, ngày tốt.
Kẻ bề tôi có tội là Phan Huy Chú *kính chép.*

1. Các cửa tấn Quảng Nam và Quảng Ngãi

Đảo Đại Chiêm ở Quảng Nam là một ngọn núi tiêu chí thứ nhất của hải trình, tục gọi là Cù Lao Chàm(7). Đảo này cách cửa tấn ước hơn một canh(8) đi bằng thuyền. Trên đảo có phường Tân Hợp(9), cư dân khá trù mật. Trên núi có nhiều yến sào(10. Triều trước đặt ra đội Hoàng Sa để lấy tổ yến. Một xóm dân ở chiếm riêng cõi mây nước sóng gió này. Đây cũng là một nơi thắng cảnh(11). Từ Đà Nẵng vượt biển một ngày đêm mới tới đây. Trông xa chỉ thấy núi non xanh thẳm. Qua chỗ này, vượt qua các đảo Hòn Nam, Bàn Than(12), đến cửa Tiểu Áp(13). Ngoài là Tiểu Man(14) mới hết vùng biển Quảng Nam. Gần cửa tấn Thái Cần(15) của Quảng Ngãi có đảo tục gọi là Cù-lao Lý, đó là tiêu chí ngoài biển của tỉnh thành này. Thuyền đi hơn hai canh mới đến bờ biển của đảo này. Trên đảo cây cỏ um tùm, đất cát bằng phẳng. Hai ấp An Vĩnh và An Hải, dân cư nộp thuế dầu lạc(16). Sinh sống nơi mặt nước chân mây, phong tục chất phác, cổ sơ như người thời Vô Hoài, Cát Thiên(17) vậy. Thuyền đi qua đây, trời đã xế chiều, nhìn xa chỉ thấy khói mây, và sóng cả nhấp nhô giữa đảo xanh biếc tưởng như bãi biển. So với Đại Chiêm, cảnh trí ở đây đẹp hơn. Từ đây trở vào bốn cửa tấn Sa Kỳ, Cổ Lũy, Mỹ Á, Sa Huỳnh(18), không có cảnh sắc ấy.

2. Bình Định: cửa Thời Phú, núi Vọng Phu, cửa Thị Nại

Cửa tấn Thời Phú(19) của Bình Định không có đảo. Trên bờ biển của cửa này, ở nhà kho của nhà nước (quan thương)(20) thì núi chạy bao quanh. Từ khe nước đi (thuyền) độ hơn một canh mới tới tấn sở. Chỉ thấy một dải thôn xóm xen lẫn cồn cát và bến bãi mà thôi. Năm trước (1829) Chú này đã vâng mệnh phát bán thóc gạo qua đây, đã từng từ nhà kho (quan thương) dưới chân núi, đi thuyền theo khe nước đến cửa biển. Nay qua đây nhìn lại, thấy cảnh sắc còn hình dung ra được. Qua Thời Phú(21) tới cửa tấn Đề Di(22).

(Từ) ngoài biển (thấy) một ngọn núi truyền gọi là núi Vọng Phu. Câu truyện thực hư ngày xưa diệu vợi khó biết.

Tương truyền xưa có một đôi vợ chồng già, sinh được một trai một gái. Khi còn nhỏ, đang đùa nghịch, anh đánh em gái sứt đầu máu chảy không cầm. Bố mẹ giận đuổi người anh đi. Sau đó gặp lúc đói kém lưu tán, vợ chồng già đều chết. Người con gái không nơi nương tựa, đi tới dưới núi này, có một người con trai yêu nàng, rồi hai người lấy nhau, có con. Họ rất yêu nhau. Sau một lần chồng chải tóc cho vợ nhìn thấy vết sẹo, trong lòng mới biết đó là em gái mình. Anh ta xấu hổ vì đã loạn luân. Anh thác cớ đi buôn, trốn vào Gia Định không trở về nữa. Người vợ ôm con lên núi, nhìn về hướng nam trông ngóng lo buồn. Lòng tinh thành xúc cảm, chung qui hoá thành đá rồi trở thành thần. Phàm các thuyền qua đây, ai muốn cầu gió nam, làm lễ kỳ đảo đều ứng nghiệm. Trên núi có một hòn đá rất giống người đàn bà ôm con, nên đặt tên là núi Vọng Phu(23). Đó là truyền thuyết, các sách *(Lĩnh Nam) chích quái, (Việt điện) u linh* đều không thấy chép.

Qua đây, đến cửa Thi Nại(24) ở cuối địa giới, núi non quanh co, thuyền bè san sát, đó là cảng khẩu lớn. Hơn 30 năm trước, Tây Sơn chiếm cứ bởi vì đất này là bến ra vào của chiến tranh(25)

Từ ngày quốc triều bình định, trời đất yên, sóng biển lặng, khí yêu ma biến mất. Nay nhìn xa ngoài biển chỉ thấy độ ba bốn chiếc thuyền buôn(26) đi lại giữa vách đá và sóng nước. Cảnh sắc thanh bình thật đáng vui thích. Ông Âu Dương nói(27): "Thấy cảnh núi cao nước trong thì biết rằng thiên hạ thái bình đã lâu." Câu ấy có thể dùng để nói về cửa biển này chăng?

(trích Hải Trình Chí Lược *của* Phan Huy Chú
Phan Huy Lê, Claudine Salmon & Tạ Trọng Hiệp
dịch và giới thiệu Cahier d'Archipel 25, 1994 Paris, *tr. 1139-144)*

---

1) xem phần I, Cuộc đời và sự nghiệp Phan Huy Chú, tr. 120, đoạn gần số chú thích 23,

2) xem phần I, Cuộc đời và sự nghiệp Phan Huy Chú, tr. 120, đoạn gần số chú thích 25.

3) Giang Lưu Ba tức Kelapa/Batavia, nay là Jakarta ở Indonesia. Người ta tin theo các tác giả Hà Lan, tưởng rằng Batavia do Jan Pietersz thành lập năm 1619. Thực ra đó là một cảng đã có ghi từ thế kỷ XV trong một tư liệu địa phương (Noorduyn, 1982, tr.419) dưới tên Kelapa rồi Jakatra hay Jayakarta và nay là Jakarta. Địa danh Kelap (từ tiếng Mã Lai, chỉ cây dừa) cũng được chép trong Minh sử (q. 325, mục Hòa Lan) dưới tên phiên âm Giao Lưu Ba và trong *Đông Tây dương khảo* (của Trương Nhiếp, bản Tùng Thư Tập Thành, q.3, tr. 27; bản chú giải của Tạ Phương, Bắc Kinh, Trung Hoa Thư Cục, 1981, tr.44) dưới tên phiên âm *Gia Lưu Ba* và ngày nay còn được dùng trong một vài nhóm người Hoa ở Jakarta. Người ta còn dùng tên dịch là Da Thành (thành phố

Dừa).

4) Gia Ba là tên viết tắt Tân Gia Ba tức Singapour. Lưu Ba là viết tắt Giang Lưu Ba tức Kelapa/Jakarta.

5) Quan phong là quan sát phong tục, thời cổ vua Trung Quốc cử người ghi chép phong tục của các nước để phân biệt cái hay và cái dở.

6) Bản HV. 197 của Viện Sử Học chép tỳ hải nghĩa là "biển nhỏ" thì trong văn cảnh này, không có nghĩa. Trong thư tịch Trung Quốc, *Bại hải* là một sưu tập những chuyện của các tác giả thời Đường, Tống, gồm 10 tập, do Thương Tuấn (Shang Jun, thế kỷ XVI-XVII) biên soạn (xem *Trung Quốc Tùng Thư Tổng Lục/Zhongguo congshu zonglu,* 1959, t. 1, tr. 759-760 và Morohashi, t. 8, tr. 593). Theo chú giải của *Hán Thư (Hanshu), Bại quan* là chức quan có nhiệm vụ thu thập những câu chuyện dân gian để tâu lên vua những phong tục của những nước nhỏ. Đó rõ ràng là mục đích của Phan Huy Chú như tác giả viết trong lời dẫn này. Hơn nữa, do khiêm tốn, tác giả coi những chuyện ghi chép của mình cũng chỉ như những chuyện trong *Bại hải.*

7) Đảo Đại Chiêm hay Cù-lao Chàm là một đảo nằm ngoài cửa sông Thu Bồn, nay thuộc thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Trước năm 1471, cửa sông Thu Bồn là một cảng thị lớn của Champa, mà kinh đô một thời đóng ở Trà Kiệu (gần dó có thánh địa Mỹ Sơn) ở thượng lưu sông này. Vì vậy cửa sông Thu Bồn còn có tên cửa Đại Chiêm và hòn đảo ngoài cửa sông mang tên đảo Đại Chiêm hay Cù-lao Chàm. Đảo này còn có tên Chiêm Bất Lao, đảo Tiêm Bút, đảo Ngọa Long (*Đại Nam Nhất Thống Chí,* q. 7, t. 2, tr. 315). Trên Cù-lao Chàm có di tích tháp Chàm, mới bị hủy hoại năm 1977, và một loại giếng địa phương gọi là *giếng Chàm*. Hiện nay, trên đảo còn chùa Đại Tạng, đền thờ Phục Ba (Mã Viện), đền thờ Thần yến sào, miếu thờ Tiên Hiền. Gần đây, tìm thấy nhiều gốm sứ cổ mang niên đại nhiều thời của Việt Nam, sứ Trung Quốc và sứ Perse thế kỷ IX, một lư hương đúc bằng gang mang niên hiệu Khang Hi 1 (1662) do thương nhân Phúc Kiến tặng đền thờ Phục Ba.

8) *Canh* là một đơn vị đo thời gian (xem Manguin, 1972, tr. 54-55).

9) Phường Tân Hợp, nay là xã Tân Hợp, gồm 2 thôn: Bãi Làng, Bãi Hương và gần đây lập thêm thôn Bãi Ông, dân số hơn 2500 người. Cư dân tập trung ở phía tây nam đảo và sống chủ yếu bằng nghề đánh cá kết hợp với trồng lúa, hoa màu (diện tích hơn 14ha) và khai thác yến sào.

10) Yến sào là một đặc sản nổi tiếng của Cù-lao Chàm và các hải đảo ven biển miền nam Trung Bộ. Yến sào là tổ của một loại chim yến (Collocaliafuciphaga Germaini Oustalet) sống và làm tổ trong các hang đá vùng hải đảo có đủ những điều kiện môi sinh thích hợp. Tại các hang Khô, Tai, Cá, Tò Vò... trên các đảo thuộc Cù-lao Chàm từ lâu đời đã có chim yến cư trú và khai thác yến sào là một nghề truyền thống của cư dân vùng này (xem Sallet, 1930, tr. 24-31; *Phố Cổ Hội An/Ancient town of Hoi An,* tr. 190-193).

11) Có thể đối chiếu với đoạn mô tả Cù-lao Chàm và các đảo xung quanh của Crawfurd

đến Việt Nam vào 9-1822: "Tối cuối cùng chúng tôi qua quần đảo Cù-lao Chàm ở cách cửa phía bắc vào cảng Đà Nẵng ước chừng non vài hải lý. Nhóm đảo ấy gồm 8 đảo, chỉ có một đảo có diện tích lớn đáng kể, dài chừng 4 hải lý. Các đảo đều hoang vu, bụi cây mọc thấp, chỉ thấy đầy những tảng đá rải khắp trên bờ lẫn trong đảo. Các đảo đều bỏ hoang, trừ một vũng ở phía tây nam đảo lớn nhất có một làng chài" (Crawfurd, 1967, tr. 231). Lý Văn Phức (*Tây hành thi lược*, tr. 35) ghi chú rằng tàu thuyền cập bến đảo này để làm lễ tại một ngôi đền mà theo Thích Đại Sán (Dashan, 1985, tr. 86) là đền thờ Phục Ba Mã Viện. Đền đó hiện nay vẫn còn trên đảo.

12) Văn bản chữ Hán chép "các đảo Nam Phàm, Bàn Than" (Nam Phàm, Bàn Than chư đảo). Theo bản đồ *An Nam đại quốc họa đồ* của Taberd năm 1838 và bản đồ *Đại Nam toàn đồ* năm Minh Mệnh 19 (1838, xem phụ bản 3) thì giữa Cù-lao Chàm và Cù-lao Ré chỉ có Hòn Nam và Hòn Bàn Than, không có đảo Nam Phàm. *Hòn* là chữ Nôm, viết như chữ *hoàn* và do tự dạng gần giống chữ *phàm* nên đã viết nhầm *hòn* thành *phàm* và *Hòn Nam* thành *Nam Phàm* (Nam Hòn). Đại Chiêm và Bàn Than là hai đảo và cũng là tên hai cảng đối diện với đảo cùng tên trên đất liền. Lê Quý Đôn cho biết từ Đà Nẵng đến cửa Đại Chiêm đi thuyền hết 3 canh và từ đây đến cửa Bàn Than hết 5 canh (*Phủ biên tạp lục*, q. 2, 19a, bản dịch 1977, tr. 111). Đối chiếu vị trí Hòn Nam trên bản đồ Taberd với bản đồ hiện đại, tỷ lệ 1/50000 thì có thể xác định Hòn Nam là Hòn Ông hay Hòn Chồng ở phía nam Cù-lao Chàm. Xung quanh Cù-lao Chàm có 8 hòn đảo nhỏ: Hòn Mô, Hòn Dài, Hòn Lao ở phía tây; Hòn Khô Mẹ, Hòn Khô Con, Hòn La ở phía bắc; Hòn tai, Hòn Ông (hay Hòn Chồng) ở phía nam. Trong số 8 đảo đó, Hòn Ông lớn nhất và có lẽ Hòn Nam là tên dịch (Ông=Nam) của hòn đảo này được sử dụng hồi thế kỷ XIX. Hòn Bàn Than đối diện với cửa Bàn Than. Bản đồ của *Đồng Khánh địa dư chí lược* (tỉnh Quảng Nam) ghi rõ địa danh Bàn Than là một đảo nhỏ ở khoảng giữa cửa Tiểu Áp phía bắc và cửa Đại Áp phía nam. Đối chiếu với bản đồ hiện đại tỷ lệ 1/50000 có thể xác định đó là hòn đảo đối diện với mũi An Hoà.

13) Cửa Tiểu Áp, ở 7 dặm phía nam cửa Đại Áp. Cửa Đại Áp còn có tên là cửa Hoà Hiệp, là nơi sông Tam Kỳ và Bến Ván đổ ra biển đã bị bồi lấp thời Minh Mệnh (*Đại Nam nhất thống chí,* q. 7, t. 2, tr. 329).

14) Bản chữ Hán chép "Tiểu Man". Chúng tôi chưa tra cứu và xác minh được hai chữ này, tạm dịch theo mặt chữ và để tồn nghi.

15) Cửa Thái Cần là cửa sông Trà Bồng đổ ra Vũng Quýt (hay Dung Quất), thuộc huyện Bình Sơn, phía bắc Quảng Ngãi (*Đại Nam nhất thống chí,* q. 8, t. 2, tr. 378). Trên bản đồ hiện nay, cửa này gọi là cửa Sa Cần. Một nhánh phía nam của sông Trà Bồng đổ ra cửa này vẫn gọi là sông Thái Cần.

16) Cù-lao Lý hay Lý Sơn, thường gọi là Cù-lao Ré, một đảo thuộc huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi. Trên đảo có 2 phường An Hải và An Vĩnh, cư dân sống bằng nghề đánh cá, trồng ngô, khoai, lạc (đậu phụng). Sau này lập thành 2 xã Bình Vĩnh (An Vĩnh) và Bình Yến (An Hải), nay đổi tên là xã Lý Vĩnh (An Vĩnh) và Lý Hải (An Hải) gồm hơn 11000 người, thuộc huyện Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi. Gần đây cư dân trên đảo có thêm nghề trồng tỏi xuất khẩu. Chữ Hán là đậu du tức dầu đậu phụng hay dầu lạc, một sảm phẩm của Cù-lao Ré mà từ thời Nguyễn, cư dân đã phải nộp thuế dầu lạc.

17) Vô Hoài, Cát Thiên là hai vua huyền thoại trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, tương truyền thời đó dân được sống yên vui.

18) Cửa Sa Kỳ là cửa sông Sa Kỳ thuộc huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi.
- Cửa Cổ Lũy hay Đại Cổ Lũy là cửa sông Trà Khúc và sông Vệ đổ ra biển, thuộc huyện Chương Nghĩa, nay là huyện Tư Nghĩa.
- Cửa Mỹ Á nay là cửa sông Trà Câu đổ ra biển thuộc huyện Mộ Đức, nay là huyện Đức Phổ.
- Cửa Sa Huỳnh là cửa đầm Nước Mặn thuộc huyện Đức Phổ.
- Bốn cửa tấn trên cùng với cửa Thái Cần là 5 cửa tấn thuộc tỉnh Quảng Ngãi (*Thông quốc diên hải chử, Đại Nam nhất thống chí*, q. 8, t. II, tr. 378-380, thêm tấn Lý Sơn trên Cù-lao Ré là 6 tấn)

19) Bản chữ Hán do kiêng húy vua Tự Đức nên *chữ thời* chép thành chữ *tư* (bỏ bộ nhật). Cửa Thời Phú là cửa sông Lại Giang đổ ra biển thuộc huyện Bồng Sơn, sau đổi tên là cửa An Dụ, nay thuộc huyện Hoài Nhơn. Từ bắc vào, đó là cửa tấn thứ hai của Bình Định sau cửa Kim Bồng. Cửa Thời Phú thường hay bị cát bồi lấp.

20) Kho nhà nước (quan thương) ở gần cửa biển Thời Phú, dưới chân một ngọn núi đến nay vẫn mang tên Núi Kho. Đây là kho Phú An đã có từ thời chúa Nguyễn (Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, q. 4, tr. 238). Từ kho này có một khe nước nối với Lại Giang chảy ra cửa Thời Phú. Thuyền vận chuyển thóc gạo thường theo khe này đến tận nhà kho.

21) Bản chữ Hán chép nhầm thành *Thôn Phú.*

22) Cửa Đề Di là cửa đầm Nước Ngọt thông với biển, thuộc huyện Phù Cát. Sông La Tinh và các sông nhánh đổ nước vào Nước Ngọt rồi qua cửa Đề Di thông với biển. Đây là cửa tấn thứ 4 của Bình Định theo *Thông quốc diên hải chử.*
23) Núi Vọng Phu là một ngọn núi cao ở phía bắc dãy núi Càn Dương (hay núi Bà), gần cửa Đề Di (xem Quách Tấn, *Nước non Bình Định,* tr. 299-309). Bản đồ năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) có nghi ngọn núi này (xem phụ bản 3). Ở Việt Nam, ngoài Bình Định còn có núi Vọng Phu ở Lạng Sơn, Thanh Hoá. Chủ đề của truyền thuyết này tìm thấy trên một không gian địa lý khá rộng từ Trung Quốc ở phía bắc đến Sumatra ở phía nam.

24) Cửa Thi Nại là cửa thứ 5 theo *Thông quốc diên hải chử* và là cửa cuối cùng của Bình Định. Thi Nại (*Đại Việt sử ký toàn thư,* q. 11, tr. 61b, q. 12, tr. 61b, 62a) hay Thi Lị Bì Nại (*Đại Việt sử lược*, q. 2, tr. 13b) là phiên âm địa danh tiếng Chàm là Cri Bonei. Từ thế kỷ X đến XV, đây là một cửa biển trọng yếu bảo vệ kinh đô của Champa đóng ở thành Vijaya, tư liệu Việt Nam phiên âm là Chà Bàn hay Đồ Bàn (Nguyễn Văn Hiển, *Đồ/Chà/Bàn thành ký*). Gần đây khảo cổ học đã phát hiện ở tây bắc đầm Thi Nại một tháp Chàm và di tích một toà thành cổ của Champa (Đỗ Bang, 1986). Cửa Thi Nại thời Lê-Nguyễn là của đầm Thi Nại thông với biển, nay thuộc thành phố Qui Nhơn với tên cảng Qui Nhơn.
25) Năm 1776 Nguyễn Nhạc xưng vương, sửa lại thành Chà Bàn làm đô thành và năm

1778 đổi tên là thành Hoàng Đế. Di tích của thành Chà Bàn và thành Hoàng Đế nay vẫn còn trên địa phận xã Nhơn Hậu và xã Đập Đá huyện An Nhơn, cách thành Bình Định 10km và cách thành phố Qui Nhơn 27km về phía bắc (Phan Huy Lê, 1977, tr. 75-83). Xung quanh thành Hoàng Đế, quân Tây Sơn đã sử dụng nhiều thành lũy cũ của Champa và trong hệ thống phòng vệ đó, cửa Thi Nại giữ một vị trí quân cảng trọng yếu. Từ đây, quân Tây Sơn đã nhiều lần xuất phát tiến vào Gia Định cũng như tiến ra Bắc Hà. Cũng tại cửa biển này đã xẩy ra nhiều trận đánh ác liệt giữa quân Tây Sơn với quân Nguyễn Ánh vào những năm 1792, 1793, 1799, 1801 (*Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, q. 30; bản dịch, Huế, 1993, t. 2, tr. 491-540; Maybon, 1919, tr. 334-336). Trên bán đảo Phương Mai án ngự phía đông cửa Thi Nại còn di tích một hệ thống đồn lũy thời Lê, Tây Sơn và Nguyễn.

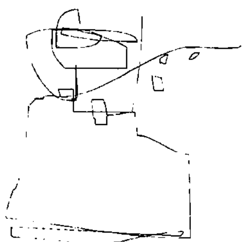
26) So sánh với nhận xét của viên y sĩ nước Anh George Finlayson đã đến Đàng Trong năm 1821, có ghi rằng: "Thật khó mà lí giải vì sao một nước đông người như thế lại có thể làm thương nghiệp một cách tủn mủn tiểu qui mô đến thế". Xem Woodside, 1988, tr. 30.

27) Âu Dương Tu (1007-1072) là nhà văn hóa và chính trị nổi tiếng đời Tống, tác giả của *Tân ngũ đại sử, Tân Đường thư* và nhiều tác phẩm khác. Trích hai câu trong bài "Phong lạc đình kí" của Âu Dương Tu, miêu tả một cảnh quan giống như ở đây: một nơi trước đây là đất dụng võ, nay được thanh bình yên vui, quên hẳn thời cơ khổ, ấy là nhờ công đức bình định của bản triều. Nguyên văn trong *Âu Dương Văn trung công tập*, I, Cư sĩ tập, q. 39 (Văn liệu do ông Quách Chính Trung mách). Xem bản dịch ở cuốn Cổ văn của Hoàng Khôi, Sài Gòn, 1970, t. 3.

văn

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

phát hành hàng tháng



chủ nhiệm: MAI THẢO

Chủ bút: NGUYỄN XUÂN HOÀNG

10602 Melric Ave., Garden Grove, CA 92843

Tel: 714-531-7297

Giá báo dài hạn một năm:

Nội địa Mỹ: Bulk Rate: US$40.00. First Class: US$52.00

Ngoài Mỹ: Canada US$59.00. Âu châu: US$76.00. Á & Úc châu: US$86.00



TẠ TRỌNG HIỆP

ĐỌC CUỐN HIỆU CHÚ "BÍCH CÂU KÌ NGỘ" CỦA ÔNG HOÀNG XUÂN HÃN

(Tiếp theo số trước, và hết)



7) Nhận xét về hai bản PT và TVG

Ta biết rằng cả hai đều do ô. TVG phiên âm từ bản Vũ Quốc Trân. Bản này có nhiều ưu điểm mà bản HXH đã tiếp thu; đặc biệt là có một số chữ chép đúng như ô. HXH đã giả thiết. Hai bản lại thêm một ưu điểm khác, là người phiên âm cũng khá thông cổ văn và chữ nôm, ta có thể tin rằng ông đã đọc đúng nhiều chữ khó, như: *trên gò* (v.25, bản Tân Việt lầm ra *liền khu*), vào *nhòng* (v.62), đầy *khe* (v.72), *ỏi tai* (v.179), *thiu thỉu* (v.282), *trót* giờ lâu (v. 297), *nhắp* sầu (v.364), *đỉnh* nưã(v.558). Nhất là chữ *thóp* ấy, đáng gọi là phiên âm "hoán nhiên băng giải".

Tuy vậy, có chỗ khiến ta phải nghi ngờ, như *thừa lưa* (v.27) mà tôi đoán rằng ông không hiểu nghiã nên đổi làm *thờ ơ,* khiến câu văn thành lẩn thẩn. Có chỗ "lạ tai" mà ta không biết bản nôm chép vậy hay chỉ do ô.TVG, như vế 239 mà ông chép*: Là ta trước những chẳng tin* (bản PT bỏ sót dấu huyền: *La ta.*) trong khi các bản nôm in đều chép *Lạ tai* nghe những chẳng tin; đối

với lời giải của TVG, cho rằng *là ta* là "ngờ vực", tôi chưa dám tin cho lắm, vì ông không có dẫn chứng nào tỏ rằng trong Việt ngữ cổ thật quả có từ ngữ *là ta* ấy, hoặc nếu có thì nó thật có nghiã ấy hay không; ngược lại, thoại của các bản nôm in rất giống câu *Lạ tai nghe chưả biết đâu* trong Kiều (v. 947), xét mạch văn trong BC cũng khá hợp, nên tôi chưa tin đó là thoại sai.

Cũng vì vậy, tôi tiếc rằng thay vì phụ lục ảnh chụp các bài thơ trong nguyên tác TK, bản TVG không chụp trọn bản nôm Vũ Quốc Trân (tôi cũng tiếc rằng bản HXH không chụp lại một bản nôm nào cả): ngày nào chưa được nom thấy bản nôm, ta chưa hoàn toàn tin vào thoại phiên âm. Nhất là tôi dò kĩ hai bản PT và TVG, nhận ra một điều rất lạ là tuy cả hai đều chỉ có một gốc, lại đều do một tay phiên âm, thế mà hai bản khác nhau khá nhiều ! Nhân bản HXH chỉ mới biết có bản PT mà thôi, tôi tưởng cũng cần ghi ở đây các dị điểm của bản TVG:

Số vế (theo HXH)	HXH	TVG	PT
95	dờn dờn	rờn rờn	rung rinh
97	côn ngọc lan hoa	lạt nguyệt sờn hoa	lạt ngọc sờn hoa
174	tiệc mồi	*idem*	tiệc mời
179	ởi tai	*idem*	oi tai
190	ghẽ mây	vén mây	rẽ mây
239	lạ tai	là ta	la ta
308	dẫu mạc	dầu mạc	đầu bạc
331	phơi phới	nhoen nhoẻn	mủn mỉn
364	nào ngơi	*idem*	nào nguôi
376	vả	*idem*	đến
380	sờ sờ	*idem*	cờ cờ
428	trước án	trước mái	trước chái
470	gieo	reo	đem
474	năm dễ	chưa dễ	nên dễ
477	chia ương	vò nhang	vò hương
530	còn sai	còn sơi (?)	
547	quyết tìm	quyết tâm	quyết tâm
584	nhảy sóng	*idem*	rẽ sóng
661	bàn vây	*idem*	bàn mây

Ta có thể nhận xét như sau:

a) Bản PT phiên âm chưa kĩ, có một số sơ suất mà ta thấy bản TVG đã chưã kịp, khiến ta thấy rằng thoại Vũ Quốc Trân *không khác* các bản khác

ở những vế 174, 364, 376, 380, 584, 661.

b) Vài chỗ tưởng có khác, thật ra không khác. So với thoại HXH, thoại TVG chỉ khác giọng hoặc khác chính tả mà thôi: vế 95 (d / r), 308 (*dẫu / dầu*, đều đúng; nếu hiểu *dầu* là *dù, dù* là "nếu", thì *dẫu* đúng hơn (cf. Tự vị trong bản HXH), 470 (*reo* là sai chính tả, nhưng ta hiểu rằng ô. TVG hiểu đúng, ý muốn viết *gieo*), 547 (*tìm / tầm*, đều đúng, một âm nôm, một âm Hán của một từ mà thôi).

c) Sở dĩ tưởng có khác, chỉ vì bản PT sắp sai chữ khi in, như vế 174, 308, 380, 547. Đáng chú ý nhất là chữ in sai ở vế 661, ông HXH không có bản nôm (vì đây là phần đuôi đã đứt trong các bản in, chỉ xem một bản PT mà đoán là sai, tái lập *bàn mây* ra *bàn vây*, hoàn toàn đúng với thoại TVG mà khi ấy ông chưa đọc!

Trên đây tôi nói đến một ngẫu nhiên thú vị: một phần thú vị cũng là ở chỗ đó nữa. Cũng nhân cái ngẫu nhiên đem đến tay chúng ta hai bản hiệu chú BC của HXH và TVG, mà ta có thể so sánh thiệt hơn, thấy nổi thêm giá trị của bản HXH: bản TVG chưa phải là hiệu đính, chỉ mới có khảo dị mà thôi; chính văn giới thiệu một loại nôm quý báu, nhưng thoại phiên âm chưa thật đáng tin; tuy là có khảo dị nhưng cũng chưa đạt cho lắm (vì đáng lẽ so sánh trực tiếp bản Cẩm Văn Đường mà ông có trong tay, ô TVG lại đi tham khảo bản phiên âm thất cách của Đinh Gia Thuyết(71); phần chú giải tinh nghĩa và điển cố còn bỏ sót rất nhiều chỗ khó, chứ không tỉ mỉ đầy đủ như trong bản HXH.

8) Thương xác thêm về bản HXH

Tôi nghĩ rằng, với bản BC/HXH này, đại đa số các điểm ngờ hay khó trong BC nay đã được giải quyết ổn thoả; nhờ nó mà thanh niên chúng ta có thể đi thật sâu vào các ngõ ngách của một áng văn đẹp, đẹp nhưng kín đáo. Nhân tôi thấy vài chỗ cũng cần bàn thêm nên không quản tiếng múa rìu qua mắt thợ mà trình ý của tôi như sau, trước khi ngừng bút.

a) Thêm chứng để củng cố giải thuyết của bản HXH.

Nhân cái dư luận trách ông "sửa văn cổ nhân", tôi xin dẫn một thí dụ chứng tỏ rằng thật ra ông có ý niệm rất chính xác về sự tồn cổ chứ không võ

---

(71) Nhà Tân Việt xuất bản. Ông Đinh Gia Thuyết nói là có dựa vào bản nôm in (bản Cẩm Văn Đường chăng ?), nhưng phiên âm của ông bất thông một cách không thể tượng được. Như *quạnh hiu* lầm ra *quỳnh dao* (vế 15), *trên gò* lầm ra *liền khu* (v. 25), *thưa lưa* lầm ra *thưa hư* (v.27), *khoi* lầm ra *nguồi* (v.54), *đói no* lầm ra *lôi thôi* (v.53), *giũ (rũ)* lầm ra *dẫu* (v.58)...

đoán như ta tưởng.

+ Trong văn chương ta, có một cái lầm vì tự dạng là *xuân* đọc lầm ra *thung* trong danh từ *xuân huyên* (điển cố trỏ cha mẹ, lấy chữ trong *Trang Tử* và *Kinh Thi*). Nếu theo đúng sách trung Hoa thì phải đọc *xuân huyên*. Nhưng đọc như vậy thì không đúng nguyên thoại cuả tác giả nôm đời xưa. Bởi vậy mà Hoàng quân giữ âm *thung huyên* (BC, vế 19) và dẫn hai chứng biện cho lối đọc ấy: một chứng trong tự vị De Rhodes (sơ ấn:1651), một chứng gieo vần trong Kiều (vế 1353-1354: Ở trên còn có nhà thung / Lượng trên trông xuống biết lòng có thương ?) tỏ rằng Nguyễn Du đọc *thung* chứ không đọc *xuân*. Mà chẳng riêng gì Nguyễn Du, tôi còn thấy nhiều người khác cũng vậy: "Tống Trân số phận long đong / Lên ba bỗng bị nhà thung chầu trời" (*Tống Trân Cúc Hoa*, 25-26), "Tuyết sương trắng điểm cành thung / Phan phu nhân mới rướm dòng nước hoa" (*Phan Trần*, 35-36, ý nói cha đã già mới sinh Phan Tất Chính; bản Durand giải đúng ý điển nhưng đọc *xuân*, khiến lạc vần), "Con giữ đạo tam tòng / Riêng còn một cội huyên thung / Muộn mằn chưa nảy chồi lan quế" (chèo *Quan Âm Thị Kính*),"Tủi thân sớm vắng nhà thung / Lấy aidạy dỗ cậy trông sau này ?" (*Thạch Sanh*, 115-116),"Chị nhờ em gánh hiếu trung / Chồi huyên gần cỗi gốc thung gần già" *(Nhị Độ Mai,* 973-974).

+ Chữ *giâm* (BC 68: Mấy thu hạt ngọc Lam Điền chưa giâm), Hoàng quân giải nghiã là "gieo hạt hoặc cấy mầm cho cây mọc giống". Trong Hoa Tiên (HT) có chỗ dùng đúng như vậy: "Nhớ ngày nào liễu đã giâm" (vế 563). Chữ nôm viết *bộ thủ + trâm,* mà ô. HXH cho là khắc lầm, có thể là nôm thông dụng hồi thế kỉ XIX chứ không phải là lầm. Tự vị Taberd và Génibrel cũng viết như vậy.

+ Về điển *non Thần* (BC 162), tôi có thấy một văn liệu giải thích rất giống như Hoàng quân: thơ Từ Thúc vịnh cảnh tiên, trong *Mạn Lục*, có câu: *Thanh quang sái sái bức tam Thần* (nghiã là "trong sáng lầu lầu hơn cả ba núi Thần"), nguyên chú cuả sách nói rằng "Tam Thần là núi thần giưã biển: Bồng lai, Phương trượng, Doanh châu".

+ *Cánh mây* (BC 348), trong phần Tự vị, ông giải thích gốc chữ theo lối giả tá, cho rằng *mây* là dịch *vân, vân* này thông giả với *vân* (cỏ) trong chữ *vân song.* Giải như vậy có vẻ kì lạ, riêng tôi tin là có thể đúng: trong Hán văn chỉ có danh từ *vân song (vân* là cỏ vân, bộ thảo, chứ không có *vân* là mây); cánh mây trong BC và trong Kiều (v.283) mà Hoàng quân đã dẫn, phải hiểu theo "cấp hai" như vậy, nhất là nếu ta xét câu "Quyển vàng lần mở song mây" (*Quân Trung Đối*). Có thể nói rằng đây là một lối chơi chữ lắt léo cuả thi sĩ nhóm Hồng sơn chăng?

+ *Bén* (423: Phím loan từ thuả bén dây), phần Tự vị giải là "quen thuộc, quen thích nhau". Giải như vậy giúp ta hiểu được mấy câu ca dao này: "Bao giờ cho hương bén hoa / Cho đào bén túi, cho ta bén mình" " Vì ai cá chẳng bén câu / Lược chẳng bén đầu, chỉ chẳng bén kim"(72).

+ *Chong* (BC 559: Mắt nhìn chong cả con ngươi), ông nhận xét rằng "các bản đều lầm ra *chung*, ý là "cả đôi bên". Nhưng ý không thông. *Chong* trỏ ngọn đèn để cháy lâu; nghiã rộng trỏ con mắt mở lớn và lâu không chớp. Trong *Nhị Thập Tứ Hiếu* (v. 37) cũng có chứng như vậy: "Ba năm hầu hạ thường như một ngày / Mắt chong bóng, dám say giấc ngủ / Áo liền mình, dám xổ đai lưng"; o. Dương Quảng Hàm giải "chong" là "thức suốt đêm" kể cũng khá đúng tuy chưa tinh tế như lời giải cuả Hoàng quân. Các bản NTTH khác không hiểu tiếng cổ, đổi làm "Mắt *trông* bóng..."

+ *Ba đỉnh mười châu* (BC608): Hoàng quân có tinh tế lắm mới nhận ra rằng thoại chín châu cuả các bản làm lạc tứ văn cuả cả đoạn. Xin bổ chứng thoại HXH bằng văn liệu rút từ điều *Du tiên* chẩm trong *Từ Hải* (dẫn sách *Khai Nguyên Thiên Bảo Di Sự*): "nước Cưu Tư (Koutcha) tiến dâng một chiếc gối màu sắc như mã não, trơn nhẵn như ngọc, chế tác thật công phu. Gối lên mà ngủ thì *mười châu ba đảo bốn biển năm hồ* thảy đều hiện trong mộng. Nhân đó vua đặt tên là gối du tiên." Bốn điển công thức trong văn liệu này đều trỏ chốn tiên (: do đó mà gọi gối là gối chơi tiên), lại đều thấy dùng trong BC (Dọc ngang bốn bể năm hồ / Khắp trong ba đỉnh mười châu mặc dầu), vậy thì thoại HXH có khả năng ăn khớp với mạch văn hơn là thoại *chín châu.*

b) Bổ chính hiệu đính và vài chú giải từ ngữ.

Nhân tôi có dịp tham khảo các bản nôm mà Hoàng quân đã dùng (một bản Thịnh Văn Đường, hai bản Cẩm Văn Đường), tôi thấy có một chỗ ông đã sơ suất, là chữ *trăng* ở vế 181 (Có khi ngắm bóng trăng tàn), không hiểu tại sao ông lại chép làm vậy, vì các bản nôm (và bản PT, TVG) đều chép là *sao* (nôm: lao+tinh).*Sao* hay *trăng* thật ra không quan trọng cho lắm, nhưng thoại *sao* có rành rành trong văn bản, tôi chưa thấy lẽ gì đổi đi như ông đã đổi.

Ngoài ra có vài từ ngữ mà tôi xin đề nghị một cách đọc và hiểu như sau:

+ *Trưng lừng* (BC 72: nức nô cảnh Phật, trưng lừng hội xuân), ông cho rằng có thể đọc là chưng lừng (tôi cũng nghĩ vậy), nhưng không thấy ông giải nghiã, chỉ thấy ông liên hệ đến những văn liệu như thành ngữ "đèn sáng chưng", hoặc câu "Ngày nắng chưng chưng lưỡi chó lè" trong tập thơ Hồng

---

(72) Nguyễn Văn Ngọc, *Tục Ngữ Phong Giao II*, Bốn Phương xuất bản, trang 30 và 160

Đức, như nay còn nói "nắng chang chang". Theo tôi, ông liê ntưởng rất đúng, chỉ tiếc rằng sau đó ông không nói cách hiểu cuả ông ra sao. Tôi hiểu *chưng lừng* là "tưng bừng" và "vang lừng"; không cần tra tự vị nào, tacòn vài văn liệu bảo tồn nghiã như tôi xác định:" Thốt thôi cả mở tiệc mừng / Dặt dìu chén chuốc, chưng lừng khúc ca" (*Quân Trung Đối* 989-990)(73); "Xiêm nghê chan chưá, lần mây rủ / Khúc phượng chưng lừng, tiếng đá vang" (thơ *vịnh động Từ Thức* cuả trịnh Sâm (1739-1782) trong *Tâm Thanh Tồn Duy Tập*)(74); "Đông Tây sĩ nữ đều mừng, Huyền Hoàng dâng(?) phỉ, chừng lừng gần xa" (vế 392-393) trong thơ diễn ca cuả Nguyễn Bá Lân, dịch đoạn trong Kinh Thư, thiên Vũ Thành: "tuy quyết sĩ nữ, duy qu nữ, phỉ quyết huyền hoàng, chiêu ngã Chu Vương, thiên hưu *chấn động*, dụng phụ ngã đại ấp Chu", nghiã là "vỗ yên nam nữ, nam nữ dâng giỏ đựng luạ màu xẫm và màu vàng, làm rạng đức vua Chu nhà ta, phúc trời chấn động, khiến trăm họ theo về đại ấp nhà Chu ta"(75).

Trong *chưng lừng*, có hai tiếng gốc là: *lừng* có nghiã "cái gì nổi lên và đập mạnh vào giác quan ta" (trỏ mùi: thơm lừng, ngát lừng; trỏ tiếng: vang lừng, lừng lẫy; trỏ màu: đỏ lừng), và *chưng* cùng gốc với *tưng* trong *tưng bừng*. Xét rộng, hình như tiếng Việt có một chuỗi tiếng vần *ưng* (hoặc *-ang, -ăng*)đồng nghiã như: sáng chưng, tưng bừng, hừng, hửng, bừng, phừng, rựng, vang lừng...; *tưng tưng* là trời vưà rạng sáng. *Tưng* đối chuyển với *chưng* như *tần vần* với *chần vần* (cf. điều tần vần, trong Tự vị bản BC/HXH),như *châu chấu* với *tâu tấu* (trong phương ngôn tỉnh Thái Bình).

Trong Phan Trần 894 có bản nôm khắc hai chữ *bộ khẩu+tăng* và *bộ khẩu+lăng* (cf. bản Durand, I, trang 166) mà ta đọc là *tưng lừng*, đối chuyển trực tiếp với *chưng lừng*.

+ *Tăm rắp* (BC 500: cánh hồng tăm rắp, hạt sương đầm đià), ông giải là "thẳng đều một mạch, không sai lệch". Lời giải đúng về nghiã, nhưng cần chua về âm rằng đó là tiếng cùng gốc với răm rắp. Thoại *bộ thuỷ + tâm* và *bộ thuỷ (*hoặc *bộ thủ) +lập* cuả bản nôm có thể đọc tăm rắp, nhưng nếu đọc răm rắp cũng vẫn đúng âm nghiã: chữ nôm hay dùng hài thanh **t-** để ghi âm nôm **r-**, như: *ráo* (hài thanh *táo*): Kiều 701: thề hoa chưa ráo chén vàng; *rảo* (hài thanh *tạo*): Kiều 52: nàng thì vội trở buồng thêu / sinh thì rảo gót sân đào vội ra; *rập rình* (hài thanh tập *tình*): Kiều 2286: Om thòm trống trận rập rình nhạc quân; *rúc rích* (hài thanh *tích*): Trinh thử 251: khi vui rúc rích đầu hè; *rốn* (hài thanh *tốn*): Kiều 1486: Dễ dò rốn bể, khôn lường đáy sông - Trinh thử 774: bây giờ cấn rốn lại còn được ru ?; *rốt* (hài thanh *tốt*): Kiều 13: Một

---

(73) cf. chú giải cuả Nghiêm Toản trong *Luận Đàm* tháng 1-1962, tr. 60, chú 373: *"chưng lừng"* là tưng bừng và rực rỡ. Ta thường nói: sáng chưng, đỏ lừng.

(74) tôi chưa được đọc bản nôm; đây dẫn theo Phạm Văn Diêu, VHVN, I, tr. 746.

(75) bản dịch Thượng Thư cuả Nhượng Tống, Tân Việt, Saigon 1963, 107-108.

trai con thứ rốt lòng; *rút* (hài thanh *tốt*): Kiều 593: Giường cao rút ngược dây oan, 1580: Rút dây sợ nhỡ động rừng lại thôi, 2721: Đoạn trường sổ rút tên ra; *rắn* (hài *tán*): trong kinh Phật *Báo phụ mẫu ân trọng* khắc đầu thế kỉ XVIII, 29 a/cột 8 (dịch chữ *xà* là *rắn*).

+ *Nảy* và *đơm* (Bc 36: Thôi đồng nảy lá lại đào đơm hoa). Nửa vế trên là trỏ muà thu (cf. lời bàn về tiếng *nảy* dưới đây), nửa vế dưới trỏ muà xuân là muà cây đào ra hoa, *đơm* hoa.

Đơm là thoại hiệu đính cuả Hoàng quân, thay cho thoại *buông* mà ông cho là khắc lầm vì tự dạng (chữ nôm *đơm* và *buông* gần giống nét). Ý hẳn ông cho buông là lầm vì ông đã hiểu tiếng ấy theo nghiã thông thường là "thả ra, bỏ cho rơi xuống, rủ xuống". Theo nghiã ấy, buông hoa gần như "rụng hoa". Bởi vậy Hoàng quân mới cho là không hợp với tứ văn, và tìm cách hiệu đính.

Thoạt tiên, tôi cũng tưởng rằng bản nôm khắc sai; nhưng nghĩ lại thì tôi cho rằng thoại *buông* là đúng: hiểu cho thật lọn nghiã thì tiếng ấy có nghiã là "trả lại tự do cho cái gì bị trói buộc cầm giữ chặt chẽ". Khi hoa chưa nở, cánh hoa còn khép kín, bó chặt thành nụ; đến muà nở, cánh hoa được tự do mà xoè rộng ra: *buông hoa* là nở hoa.

Xưa ta học chữ nho theo lối "nghe nghiã" cuả *Tam Thiên Tự*, các cụ dạy ta chữ *phóng* là *buông* (như *khu: đuổi, khước: ruồng, phóng: buông, khiên: dắt*...). Mà khẩu hiệu *bách hoa tề phóng* nay ta chẳng dịch ra *trăm hoa đua nở* là gì ! Đã biết *phóng* là *buông*, lại biết *phóng* là *nở*, vậy biết rằng *buông* là *nở*. Tìm thêm văn liệu, tôi thấy trong hát quan họ có chỗ dùng nghiã *buông* như ở đây, có điều là dùng theo "cấp hai", nghiã là theo lối ví von (métaphore), ví miệng người đẹp với nụ hoa nở: "Một tôi nhớ đến bạn chung tình. Hai tôi nhớ yểu điệu. Ba nhớ tiếng nói. Bốn nhớ người đồng tâm. Năm nhớ người *buông* nụ cười, nên tôi phải nhớ..."(76)

Về chữ *nảy*, trỏ về lá cây ngô đồng, có hai vấn đề.

Thứ nhất, ai cũng biết nảy có nghiã là "mới mọc ra"; nảy lại có một nghiã nưã là "rơi xuống, rụng", nay không còn thông dụng. Ô. HXH xác định được nghiã này bằng rút chứng từ tự vị De Rhodes, thơ Nguyễn Công Trứ, và từ kinh nghiệm bản thân (tập quán trong phương ngôn vùng Nghệ). Tôi còn thấy nảy dùng với nghiã ấy trong bài Văn tế Quang Trung thường gán cho công chuá Ngọc Hân:" Ôi gió lạnh buồng đào, rơi cầm nảy sắt. Sương pha cung đỏ, hoen phấn mờ gương"(77), trong diễn ca *Tì Bà Hành* cuả Phan Huy Thực: "Mâm ngọc đâu bỗng *nảy* hạt châu", diễn thật sát nguyên tác: Đại

---

(76) (cf. Dân Ca Quan Họ Bắc Ninh cuả nhà Văn Hoá, Hà nội 1962, tr. 189, bài "Mười nhớ").
(77) Thi Văn Bình Chú cuả Ngô Tất Tố, I, tr. 133.

châu tiểu châu *lạc* ngọc bàn", tả tiếng đàn như hạt trai lớn nhỏ *rơi xuống* mâm ngọc(78); trong Hoa Tiên 1508, theo bản nôm của Đỗ Hạ Xuyên, có câu: "Thấy tên *nảy* xuống, nộp vào trình xem", các bản khác không hiểu tiếng cổ, tự đổi ra "Thấy quân bẩm được thư nào trình xem", hoặc "Thấy tên dưới trướng, nộp vào trình xem".

Vấn đề thứ hai là đặt *nảy* vào mạch văn ở đây thì trong hai nghĩa tương phản của nó, nghĩa nào thích hợp hơn. Theo tôi, một khi ta biết rằng ý nghĩa tượng trưng của cây ngô đồng bao giờ cũng là *trỏ mùa thu,* theo vật hậu học ta lại biết rằng thu là lúc ngô đồng *rụng* lá, vậy thì chỉ có một cách hiểu thôi: đồng nảy lá là đồng rụng lá. Hoàng quân cũng hiểu như vậy, không hiểu sao ông còn tỏ ra lưỡng lự rằng: "đồng mọc là ý nói mùa xuân, đồng rụng lá thì ý nói mùa thu. Tuy ý nào hình như cũng có lí..." Không, ý *mọc* ở đây hoàn toàn không có lí, vì trong cổ thi không bao giờ ngô đồng có dính dáng gì đến mùa xuân; hễ nói đến ngô đồng là muốn nói đến thu, ngược lại hễ nói thu sang thì thấy nói đến ngô đồng: BC 317-318 (Êm trời vừa tiết sang thu / Ngàn sương chất bạc, lá ngô rụng vàng), Hán thi ("Ngô đồng nhất diệp lạc / Thiên hạ cộng tri thu", "Ngô đồng nhất diệp báo thu lai"). Trong thơ nôm, ta thấy BC 39 và 317-318 thoát từ hai câu đầu trong *Chiêu Hồn Ca* của Nguyễn Du: "Tiết tháng bảy dầm sùi sụt / Toát hơi may lạnh ngắt xương khô / Não người thay buổi chiều thu / Ngàn lau nhuốm bạc, lá ngô rụng vàng".

Vậy tôi đề nghị chữa chữ *xuân* ra *thu* trong lời giải nghĩa xuôi của đoạn này (trang 10): "hết thu này xuân khác". Đem thu ghép với xuân để trỏ ý các mùa đổi thay, lấy xuân thu để khái quát cả bốn mùa, thật ra rất cân đối, rất hợp thủ pháp *cử ngung.* Giống như ở BC 643 (Lần thâu gió liễu trăng đồng), ô. HXH giải rất đúng ý là "tả gió xuân thổi rung lá liễu, và trăng thu dọi lá đồng", ý cả vế là "lần lần qua mùa này sang mùa khác". Đúng lắm. Ý hai vế BC 35-36 cũng chỉ có vậy mà thôi.

Nảy ở đây là rơi rụng. Nhưng tại sao bản nôm lại viết bằng chữ *nảy* có bộ *thảo* đầu ? Đó là vì trong vế có những tiếng *đồng, lá, đào buông hoa,* đều trỏ về thực vật: người viết để khắc bản in có một thứ ám ảnh giăng trải trước mắt, không những đã thêm thảo đầu trên nảy lại thêm mộc bàng bên chữ thôi ở đầu vế. Dũ Việt, trong *Cổ Thư Nghi Nghĩa Cử Lệ* (lệ 80) gọi loại sai ngoa này là *thêm bộ vì ảnh hưởng của thượng hạ văn.* Chữ Hán đã vậy, chữ nôm ta cũng vậy.

Không những *nảy* ở BC 36 có nghĩa là *rụng*, mà cả ở vế 260 ("Chờ sau mai *nảy* thơ đào chẳng lâu") nó cũng có nghĩa ấy nưã, chứ không có nghĩa *mọc* ra như Hoàng quân đã hiểu (cf. lời bàn trong các chú thích 36 và 260).

BC 260 dùng hai điển, đều lấy trong Kinh Thi, để ám chỉ việc hôn nhân đến kịp thì, đến nhằm lúc. Một điển lấy từ "thơ Đào Yêu", Hoàng quân đã

(78) bản Tì Bà của ô. Thê Húc (Saigon 1952) giải nảy là vọt lên, tuy không thật sai, nhưng cũng không đúng hẳn nghĩa của *nảy* (và của *lạc* trong nguyên tác).

hiệu thích rất đúng (nguyên chữ *thơ* khắc lầm ra *thì*; trong *Nhị Độ Mai,* vế 2727-2728, có câu: "Trai tài gái sắc hai bên kịp thì / *Thơ đào* ngợi chữ vu quy ", có thể củng cố cho hiệu đính của Hoàng quân). Một điển, tức là mai nảy, lấy từ "thơ Phiếu Hữu Mai". Tác giả BC nôm dùng điển rất đắt: o83 đoạn này, Hà Sinh khuyên Tú Uyên đừng có sốt ruột, vì tuổi Uyên đang xuân, chẳng bao lâu sẽ gặp buổi hôn kì. "Tâm sự" người con gái trong thơ Phiếu Hữu Mai cũng vậy: cố ấy thấy mai chín và rụng dần (mười phần rụng ba còn bảy, càng rụng thì mười phần rụng bảy còn ba) thì cũng "sốt ruột" như Tú Uyên; cô e rằng nếu người bạn lành không đến đính hôn ngay thì sẽ lỡ mất giai kì. Gọi là giai kì vì mai rụng vào tháng trọng xuân (tháng tư) tức là mùa cưới gả vợ chồng, theo phong tục ghi trong *Chu Lễ* (chương Địa Quan, mục Môi thị).

Nếu tôi gán sai điển Phiếu Mai cho hai chữ *mai nảy* thì *nảy* chỉ có thể là *rụng* mà thôi, vì *phiếu* (có người đọc là *xiếu*) là *rụng.*

Tôi tự tin là không gán ghép điển một cách gượng gạo, vì trong truyện Kiều cũng có chỗ vận dụng hai điển Phiếu Mai và Đào Yêu để diễn ý cưới gả kịp thì (và chỉ để diễn ý ấy thôi, chứ không phải là trỏ tuổi cô Kiều như các nhà chú giải đã hiểu lầm). Khi Thuý Vân nói (ở vế 3075-3076): "Quả mai ba bảy đương vừa / Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì", là muốn nói rằng sau 15 năm luân lạc, Kiều đã được đoàn tụ với Kim Trọng, vậy nay *chính là lúc* Kiều nên kết hôn với chàng để nối lại lời nguyền xưa: hôn nhân đến rất nhằm lúc, rất kịp thì, chẳng nên do dự dùng dằng gì nưã. Các nhà nho chú giải không chịu hiểu giản dị như thế, ngộ nhận ý của điển, đã tưởng rằng *đào non* trỏ tuổi Kiều còn son trẻ, lại tưởng rằng *quả mai ba bảy* là trỏ tuổi quá lứa (=lỡ thì, "hơi già rồi"), nên người thì trách Nguyễn Du vụng dùng điển, người thì miả mai rằng *đào non* đâu còn hợp với cái thân cô Kiều lúc ấy ! Có lẽ cũng vì Hoàng quân đã chịu ảnh hưởng của họ, nhất là ở chỗ họ thất giải điển Phiếu Mai trong Kiều ông không dùng điển ấy để tìm hiểu chữ nảy trong BC 260 chăng?

+ *Khuôn trời - khuôn duyên.*

Như ta đã thấy, với chữ *thung* trên đây, ô. HXH biết xử lí rất linh hoạt mềm dẻo chứ không lấy lí đời nay sửa cái nhầm lẫn của đời xưa; lại như đối với chữ *rèm* (BC 26:... trúc thưa rủ rèm), ông nhận xét rằng: "nay ta phân biệt *rèm* và *mành,* và nói rủ mành và trương rèm. Nhưng chính nghiã xưa hay lẫn hai ý ấy. Cho nên đây mới có dùng rủ rèm".

Linh hoạt như ông, không hiểu sao mỗi khi gặp chữ *khuôn* (khuôn trời, khuôn duyên) trong BC, ông lại "truy kích" nó đến cùng, luôn luôn cho đó là thoại viết sai, cần phải hiệu đính. Ví như BC 53, các bản nôm in đều chép là: "...dầu mặc có trời", mà PT (và TVG) chép là:"... khuôn trời", thì ta còn có thể không theo thoại *khuôn,* tuy Hoàng quân cũng nhận rằng thoại ấy vưà

đúng từ, vừa đúng tự dạng (chữ nôm có viết gần giống *khuôn*). Để bác thoại ấy, ông cho rằng "thật ra thành ngữ khuôn trời hình như không có điển". Lẽ này không đúng. Đến như BC 624 (Con chim bay mãi cũng trong *khuôn* trời), các bản nôm đều chép chữ *khuôn* hẳn hoi, mà ông cũng hiệu đính ra *khung* trời, thì tôi phải phản đối: tôi sẽ nương theo giải thích linh hoạt cuả ông về *rèm/mành*, nhận định rằng cổ nhân không phân biệt như ta; để hình tượng hoá quan niệm cuả họ về thuyết định mệnh, họ dùng lẫn lộn nhiều chữ mà ta nay muốn phân biệt: *khung, khuôn, vòng, vành*. Riêng về Hoàng quân, có một sự lạ là một danh từ phổ biến n khuôn khổ mà ông cũng viết là khung khổ (cf. bài Dẫn, trang XV, dòng 12, đếm từ dưới: "sống trong khung khổ nho...").

Khuôn, khung, vòng, vành (dùng để tượng trưng Trời - theo quan niệm Trời tròn Đất vuông - và bàn tay cuả trời an bài, và hạn định mọi sự, đặc biệt là tình duyên, theo quan niệm "giai ngẫu tự nhiên thành") đều gần như đồng nghiã, trỏ chung một vật tròn trĩnh có khuôn khổ nhất định.

Khuôn trời (BC 624) vừa có điển trong Hán văn vừa có điển nôm. Trong Hán văn, nó là chữ *hoàn* (cái vòng tròn), chữ *hoàn* (bầu trời); hai chữ này âm gần, nghiã gần (cf. BC 614: nhân hoàn); người ta cũng ví trời tròn như một cái *hồng quân* (cái bàn xoay hình tròn, BC 594), còn gọi là *thiên quân*, diễn nôm ra *khuôn trời* là đúng lắm. Điển trong thơ nôm thì có HT 1-2: "Trăm năm một sợi chỉ hồng / Buộc người tài sắc vào trong khuôn trời"; ca dao: "Trăm năm xe sợi chỉ hồng / Bắt người tài sắc buộc trong khuôn trời / Bao giờ tài sắc có lời / Thì ta lại cởi khuôn trời cho ra"(79).

Tình duyên vốn do trời định, nên gọi là *khuôn duyên* là đúng lắm. Ngoài BC 248,359, ta còn thấy chữ ấy trong HT 759 (Khuôn duyên trộm nghĩ linh đời / Dẩy dun báu nước hương trời sánh nhau), 1511 (Máy duyên nghĩ đã vào khuôn / Toan nài chỉ thắm cho tròn tuổi xanh(80)), 1788 (Vẹn tròn bên nghiã bên tình / Khuôn duyên kia đã chiều mình là hay). Cũng trong ý này mà thi nhân dùng *vành* và *vòng*, trỏ chung Trời, hoặc bầu trời-đất, và trỏ riêng chuyện tình mà không ai thoát khỏi (cf. BC 2, 207-208, 333-334, 430 - HT 1520, 1782 - Kiều 3172 - *Mai Đình* 2). Vì cái quan niệm như vậy về trời đất mà có những *khuôn thiêng, khuôn xanh*.

Tóm lại, *khuôn* hay *khung* đều đúng cả. Bản nôm ở BC 248 và 359 đã chép *khuôn duyên* thì ta cứ phiên âm như vậy, chẳng cần chưã ra *nhân duyên* (vả chữ *nhân* có bộ nữ bàng, chứ không giống hẳn chữ nôm đọc là *khuôn*). Thoại *khung* cuả Hoàng quân (BC 624) có thể là có điển trong chữ Hán. Nhưng tôi phải thú thật rằng tôi chưa hề thấy xuất hiện trong thơ văn nôm.

c) Bổ chính chú giải điển cố.

+ BC 69: "Lững lờ *chiếc lá duềnh Nhâm*", ông giải nghiã xuôi rất đúng là

(79) Tục ngữ Phong Dao, II, 211-212.
(80) nếu chưã khuôn ra khung thì lạc vần

"Tú Uyên không nghĩ gì đến chuyện nhân duyên; đối với con gái, chàng vốn thờ ơ...". Nhưng ông chưa tìm đúng điển nên tưởng rằng chữ *lá* là trỏ "chiếc thuyền lẻ loi trôi một cách vô định"; trong Tự vị, ông lại dặn ta chớ lầm điển dùng ở đây với điển *lá thắm*. Các bản BC khác cũng lầm như ông, hoặc bỏ qua, không chú giải.

Thật ra, lá ở đây là chiếc lá ngô đồng, gốc điển có từ đời nào thì tôi chưa biết, đây xin dẫn "thoại" kể trong Tình Sử của Phùng Mộng Long, theo bản dịch của Phan MDnh Danh:

(Danh sĩ Hầu Kế Đô) một hôm gió thu hiu hắt, tựa câu lan trên lầu chuà Đại từ, bỗng thấy một lá ngô đồng rơi xuống, Hầu công cầm lấy xem thì thấy một bài thơ viết trên cái lá ấy.

Sáu bảy năm sau công lấy một người họ Nhâm làm vợ. Lúc nhàn hạ, công đem bài thơ ấy ngâm chơi. Nhâm thị lấy làm kinh sợ mà rằng: "Bài thơ ấy là cuả thiếp, sao lại ở trong tay chàng ?" Hầu công nói: "Trước ta đứng trên gác chuà Đại từ thấy gió đưa đến. Thế mới biết vợ chồng là duyên số"(81).

Xem vậy ta thấy rằng, trái với ý cuả ô. HXH, điển này khá giống điển *lá thắm:* cả hai đều kể một chuyện kì ngộ liên quan đến một *chiếc lá đề thơ;* chính vì vậy mà đã gây ra đồng hoá (contamination) trong óc thi nhân ta; nhân *chiếc lá* hữu tình ấy mà kéo thêm ý *duềnh* là ý vốn không có trong điển Nhâm Thị nhưng lại có trong điển Vu Hựu.

Cũng nhân sự dùng điển như thế, ta có thêm một chứng (như đã thấy ở chữ cánh mây) để nghĩ rằng BC nôm là do ngòi bút cuả người trong nhóm Hồng Sơn: ngoài BC 69, tôi mới chỉ thấy duềnh Nhâm xuất hiện trong HT 324 mà thôi:" Lá ngô man mác duềnh Nhâm dập dềnh"(82). Phải chăng tác giả BC nôm đã mượn thẳng điển ở HT?(83)

+ BC 105:"Đưa tình một lét sóng đào", ông giải rất đúng là trỏ "ánh mắt lấp loáng trong khi liếc". Nhưng đào là gì thì, trong hiệu chú và Tự vị, lời giải cuả ông tuy xảo biện nhưng chưa đúng.

Đào đây phải viết hoa, vì nguyên là tên họ một mĩ nữ có sóng mắt đẹp.

---

(81) Cổ Thi Trích Dịch, Hanoi 1953, Thanh Hoa thư xã, trang 139.

(82) các bản chú thích HT đều không hiểu đúng điển, giải sai hoặc bỏ hẳn không chua gì cả. Chỉ có bản Dương Quảng Hàm (đăng dở trong Giáo Dục Tân San năm 1946) là giải chính xác. Bản Lại Ngọc Cang gần đây giải đúng hình như chính là nhờ có tham khảo bản DQH.

(83) Có thể mượn từ nguyên tác cuả Nguyễn Huy Tự, chứ không cần xuyên qua HT nhuận chính cuả Nguyễn Thiện. Câu này có y nguyên trong thoại nguyên tác (vế 326), phụ lục ở bản Lại Ngọc Cang, trang 273. (Phụ chú: Xét ra, ý kiến cuả tôi không đúng hẳn. trong Cung Oán, vế 319, đã có: "Duềnh Nhâm một dải nông nông" mà các nhà chú thích đều thất giải điển cố.)

Chương Nữ tử trong *Ấu Học* có câu tóm điển và tự chú giải như sau: "Hoàn nhạ Đào Diệp nữ, hoành ba nhãn tối hảo", nghiã là "lại lấy làm lạ về nàng Đào Diệp, mắt liếc trông tuyệt đẹp"(84). Nguyên chú nói: "Thiếp của Vương Hiến Chi (con thứ của Hi Chi, em Huy Chi) tên là Đào Diệp. Hiến Chi có tặng bài ca, có câu: "Lá đào, lại lá đào, qua đò chẳng cần chèo", ý nói *"sóng mắt đưa nhanh"*(85). Tra thêm các điều Đào Diệp và Đào Diệp Ca trong Từ Hải thì thấy quả đúng như chép trong *Ấu Học:* xưa có mĩ nữ họ Đào thật. Cứ theo mấy chữ *hoành ba nhãn tối hảo*, ta hiểu rằng cô gái có cái sóng mắt đẹp; do đó mà thi nhân gọi cái liếc mắt của bất cứ mĩ nhân nào là *sóng Đào.*

+ Điển *nhắn cá* (BC 253), phần Tự vị (trang 152) giải rằng đó là lấy "từ điển Cát Nguyên nhờ cá đem thư đến thần Hà Bá". Đúng lắm, tuy có chút lầm về tên người: người ấy họ Cát tên *Huyền* - một đạo sĩ nước Ngô, đời Tam quốc, nổi tiếng đắc đạo trường sinh. Các sách in trước đời Thanh, khi kể chuyện *Cát Huyền*, trong đó có tích *nhắn cá* đưa thư đều viết chữ *Huyền,* tỉ như truyện trong *Thần Tiên Truyện* của Cát Hồng và *Nhữ Nam Tiên Hiền Truyện* của Chu Phỉ.

Đời Thanh, vua Thánh Tổ (Khang Hi 1662-1722) có tên huý là Huyền Việp, khiến các sách quan bản có lệ kiêng, khắc chữ *Huyền thiếu một nét,* hoặc đổi ra chữ *Nguyên* (âm gần, nghiã gần)(86). Ý hẳn ô. HXH đã tra điển *Cát Huyền* trong sách in đời Thanh, chẳng hạn trong sách *Vận Phủ* (sơ ấn: 1711) nên mới lầm theo thoại huý của họ.

+ *Tăng Nhụ* (cf. trang 107, chú 36): đó là Ngưu Tăng Nhụ, người đời Đường, có gặp tiên, sau tự mình kể chuyện kì ngộ ấy trong bài "Chu tần hành kỉ" nay còn nguyên vẹn(87). Đọc toàn văn, không thấy Ngưu có "lộ chuyện" gì cả như Hoàng quân đã phỏng đoán: Ngưu chỉ làm thơ xướng hoạ với các tiên. Trong sách *Mạn Lục* cũng có nhắc đến sự tích này hai lần: đặc biệt là trong truyện "Tây Viên kì ngộ": "Từ đấy hai nàng sớm lại tối đi, ngày nào cũng vậy. Hà Sinh tự cho mình bình sinh được kì ngộ chưa dễ có ai hơn, có thể sánh ngang Bùi Hàng và hơn hẳn Ngưu Tăng Nhụ".

+ Chuyện *chàng Thẩm* (tr.111, chú 50). Xét điển *đài Tần* tức là *Phượng Đài* , do Tần Mục Công sai làm để cho con gái mình là Lộng Ngọc ở chung với Tiêu Sử cũng ở đó mà một hôm hai người này cỡi phượng bay lên cõi tiên,

---

(84) Tôi dịch hoành ba nhãn là "mắt liếc" là theo lời giải ở điều hoành ba trong Từ Hải: "trỏ mắt nhìn chệch như sóng nước đưa ngược" (ngôn mục tà thị, do thuỷ ba chi hoành lưu).
(85) nàng họ Đào tên Diệp, tôi giữ lối chơi chữ của họ Vương, nên dịch.
(86) Trần Viên, Sử Huý Cử Lệ. Bắc Kinh 1938, trang 169.
(87) có bản in trong Tùng Thư Tập Thành, tập 2733.

thì biết chắc rằng Thẩm đây là Thẩm Á Chi. Tương truyền Á Chi có lần nằm mộng, mơ thấy được Mục Công đem Lộng Ngọc - khi ấy đã goá chồng- gả cho mình.

Kì ngộ này chỉ là duyên trong mộng, cho nên thơ trong TK mới nói rằng một đêm hợp hoan cuả Tú Uyên là "vui hơn chàng Thẩm khi chơi đài Tần" (nguyên văn:"Tần đài lậu Thẩm nhi").

Chuyện Thẩm Á Chi cưới Lộng Ngọc nay còn thấy chép trọn vẹn trong *Thái Bình Quảng Kí*, quyển 282(88). Ở nước ta, truyện "Kim thoa thi thoại" trong tập *Mạn Lục* có chép câu thơ: "Như hà hậu nhật Tần đài mộng / Bất kiến Tiêu lang kiến Thẩm lang", và có nguyên chú nhắc vắn tắt sự tích ấy (cf. bản dịch cuả trúc Khê, trang 250).

d) Thương xác về cách hiểu ngữ khí, từ pháp và văn pháp.

+BC 63 mà bản HXH viết: "Giắt ngang lưng, túi phong tao" (để ý chỗ đặt dấu phẩy ngắt hơi ở giưã vế), và giải như sau: "các bản đều khắc *giắt nghiêng*; tuy ý "nghiêng" có thể trỏ rằng túi phong tao nặng, nhưng nó không ăn với tiếng "giắt", "giắt" nghiã là chêm vào giưã hai vật. Cái túi buộc vào dây thắt lưng, tức là giắt ngang lưng."

Ở BC 276, ta cũng thấy ông chua tỉ mỉ nghiã giắt là "nhét vật mỏng hay mềm vào chỗ rất hẹp". Giải như vậy thật là tinh tế, nhưng chỉ hợp với loại văn thực tả, thiết thực như trong câu ca dao:" *Ngang lưng t*hì giắt bao vàng / Đầu đội nón dấu, vai mang súng dài..." Còn ở đây thì văn hư tả, ví von rất giống Kiều 137: "Đề huề lưng túi gió trăng"; *lưng túi phong tao* là nưả túi phong tao, *lưng túi gió trăng* là nưả túi gió trăng (lấy từ chữ Hán *bán nang phong nguyệt*).

Lưng là nưả, như trong "Thơ một túi, gieo vần Đỗ, Lí / Rượu lưng bầu rót chén Lưu Linh" (thơ Nguyễn Công Trứ, theo bản Lê Thước(89), tr.100), "Được thua hơn kém: lưng bầu rượu" (thơ Nguyễn Khuyến), "Thơ *lưng lưng* túi, rượu vơi vơi bầu" (BC 76).

Giắt chỉ nên hiểu giản dị là "mang theo, đem theo", giống như đề huề trong Kiều 137. Chữ nghiêng cuả các bản nôm BC thật đúng ngữ khí: thật ra cả vế có cái khí nhất quán, không nên ngắt hơi chỗ nào cả, nhất là không thể ngắt ở sau chữ *lưng*. *Nghiêng* chứ không phải *ngang*: ở đây tả người tài hoa có cái phong lưu phóng túng, lúc nào cũng *ngất ngưởng lưng chừng*. Tỉ như trong BC 454 "Dốc chung Lí Bạch, nghiêng bầu Lưu Linh", hoặc như "Lắc đầy phong nguyệt lưng bầu rượu / Giắt lỏng giang hồ nưả túi thơ" (thơ mới phát hiện(90) cuả Hồ Xuân Hương), "Mở túi giang sơn cờ một cuộc / Nghiêng bầu phong nguyệt, rượu ba chung" (thơ Nguyễn Công Trứ, *idem*, trang 208),

---

(88) tái bản năm 1961 cuả trung Hoa thư cục, tập 6, trang 2248-2250.

(89) Hanoi 1958, nhà x.b. Văn Hoá.

(90) trong tập Lưu Hương Kí. cf. Trần Thanh Mại, Tạp chí Văn Học (11-1964), trang 75.

"Giắt lỏng giang sơn vào nưả túi / Rót nghiêng phong nguyệt cạn lưng bầu" (*idem*, trang 133).

Chính ô.HXH cũng không lạ gì lối nói "lưng chừng" như vậy cuả cổ nhân. Ta còn nhớ lời giải trong Tự vị (trang 150 và 155) về cách dùng tiếng *nưả* (nưả song, nưả mái, riêng nưả). Không hiểu sao đối với *nghiêng* và *lưng* ông lại thất giải như vậy?

+ *Giật tỉnh* hay *chợt tỉnh?* (cf. BC 289: Vội mừng giật tỉnh hồn hoa). Hoàng quân chọn đọc giật tỉnh, cho rằng "tứ đây là giật mình tỉnh giấc". Ông cũng dẫn Kiều: Giật mình thoắt tỉnh giấc mai".

Xét về từ pháp, thoại *giật tỉnh* là bất loại; tiếng đứng sau động từ *giật* phải là một danh từ, đúng như trong vế Kiều mà ông dẫn (giật mình); còn *tỉnh* thì không bổ túc được cho giật vì chính *tỉnh* cũng là một động từ. Đứng trước được động từ *tỉnh* chỉ có một tiếng thuộc loại phó từ mà thôi, như *thoắt* tỉnh (trong vế Kiều đã dẫn). Bởi vậy tôi đề nghị đọc *chợt tỉnh*, từ pháp giống như vế Kiều 224: "Nhà huyên chợt tỉnh hỏi cơn cớ nào".

Nhưng phải chăng Hoàng quân cũng cho rằng vế Kiều này phải đọc " Nhà huyên giật tỉnh..."!

+ BC 117: Giọng Kiều nghe *rót* vào tai. Tuy ông nhận rằng đọc lọt hay suốt cũng có nghiã, nhưng ông chọn rót như trong tục ngữ "lời ngọt như rót vào tai", cho rằng "hợp tứ hơn".

Thật ra, *rót* viết nôm với hài thanh *tốt* có chấm thuỷ, chứ không biết có ai dùng hài thanh *luật* không ? Vả, ông không phân tích thiệt hơn giưã ba thoại *lọt, suốt, rót*, khiến ta chưa hiểu tại sao rót lại hợp tứ hơn. Sự ông dẫn câu tục ngữ nói trên tỏ rằng ông hiểu vế BC 117 như có ẩn một ám tỉ, nghiã là có một tiếng *như* ngầm giưã hai tiếng *nghe* và *rót.*

Tôi đề nghị đọc *lọt,* vì theo tôi BC 117 là văn trực tả chứ không ví von gián tiếp, giống như *Quân Trung Đối* 159:"Thoạt nghe nàng đã lọt tình": *lọt tình* là hiểu thấu hết cả sự tình. Vậy *"giọng Kiều nghe lọt vào tai"* là đã nghe thấu hết tất cả các lời nói cuả cô gái".

d) Một vài phân vân.

+ *Xống Tương* (BC 96). Điểm phân vân cuả tôi không là *ở xống* mà tôi công nhận là ông hiệu đính rất đúng. Phân vân là chữ *Tương* mà ông cho là *tương có mịch bàng* (nghiã là "luạ màu vàng"), *mịch* viết nhanh thì rất giống *chấm thuỷ,* do đó mà bị nhận lầm với chữ *Tương* là tên một con sông; lầm này kéo thêm lầm *xống* ra *sóng.*

Về chữ *xống* tôi thì không cãi. Nhưng *Tương* đây là Tương nào ? luạ màu vàng hay tên sông ? Trong bài văn tả mĩ nhân Đào Hàn Than (truyện "Đào Thị nghiệp oan" trong Mạn Lục, bản in năm 1737, 11/22a) có câu: "Quần

phao Tương thuỷ / tằng tằng", phần nôm trong sách dịch là: "Bỏ quần trong (:trong trẻo) như nước sông Tương đòi lần", nguyên chú nói: "Tương thuỷ là nước sông Tương, trong trẻo từ trên tới đáy", lại dẫn hai câu trong bài "Sở Vu sơn mĩ nhân thi": "Quần phao lục bức Tiêu Tương thuỷ / Mấn ủng Vu sơn nhất đoạn vân" ("Quần ném sáu chiếc, trong như nước Tiêu Tương. Tóc mai vén chặt, quăn như mây non Vu").

+ BC 666:"Ba nghìn chín vạn cõi ngoài trường sinh".

Phải chăng đó là vì niêm luật bằng trắc nên có đảo vị ? Đảo từ *ba vạn chín nghìn*, một con số xuýt xoát với *ba vạn sáu nghìn*, nghiã là trăm năm, trăm năm là đời người trong cõi trần tục. Ở vế này, trỏ riêng đời Tú Uyên, từ khi đắc đạo thì thân thế chàng "tiêu dao trong tháng ngày trời", sống ở cõi trường sinh mà người trần gọi là *cõi ngoài.*

TRƯỚC KHI NGỪNG BÚT

Tôi còn định viết thêm một mục nưã, lược kê gần ba chục lỗi in chưa thấy cải chính trong tờ giấy in kèm theo bản BC/HXH. Nhưng bài này dài quá rồi, vưà khô khan, nếu tăng thêm phần đuôi vô vị ấy thì độc giả chắc phải nhức đầu lắm. BC là một truyện thơ êm dịu, vậy mà bài điểm sách này chẳng mát mẻ được tí nào. Lí do là từ sau khi nàng tiên BC nhập thế, trải qua hơn một thế kỉ, bộ mặt nên thơ cuả cô đã bị nhiều bàn tay bất thông mó vào làm sứt mẻ cả; muốn khôi phục cái tươi dịu nguyên sơ thì phải có (và may thay, đã có) bàn tay cao diệu cuả Hoàng quân. Công việc khử ngoa bổ khuyết cuả ông không đơn giản; chính văn giới hình như cũng chưa hiểu nó cho lắm. Bởi vậy mà kẻ điểm sách phải chật vật, vưà giới thiệu, vưà biện luận, vưà bổ chính, quanh co lằng nhằng. Nhưng có vậy mới bõ cái công cuả người hiệu đính.

Từ nay chúng ta đã có đủ dễ dàng để tìm đến "người ngọc trong sách". Nói riêng về Hoàng quân thì cuốn BC này cũng lộ cho ta thấyvài nét tâm tình và nghệ thuật cuả ông. Trước hết là bài Tựa duyên dáng, rồi đến phần bình giá văn chương, phần dịch nguyên tác TK, nhất là dịch các bài thơ và từ khúc: bên cạnh cái chín chắn nghiêm nghị cuả con người khoa học, ta thấy hiện ra một nhà thơ có tài, một nghệ sĩ tế nhị. Ông thật là xứng đáng với cái nên thơ cuả đề tài.(91)

TẠ TRỌNG HIỆP

---

(91) đăng trên tạp chí Bách Khoa 205 (15.7.1965), tr. 20-26; số 206 (1.8.1965), tr. 13-22; số 207 (15.8.1965), tr. 19-30; số 208 (1.9.1965), tr. 21-32.



phần thơ, văn
& các mục thường xuyên



CARL SANDBURG

những định nghĩa về thơ

1.thơ là dự phóng cắt qua sự im lặng của những
giòng nhạc được hòa phối để phá vỡ sự im lặng
với những dự tính phát ra âm vọng, âm tiết và
những độ dài sóng.

2. thơ là sự rút tỉa từ nghịch lý trái đất ru nôi
đời rồi an táng đời sống ấy.

3. thơ là những giải thích về đời sống, mờ nhạt vào
những vùng chân trời, quá nhanh để kịp
có những lời giải thích.

4. thơ là một bầu trời
tối sầm lại
với một đàn vịt trời một mùa thiên di.

5. thơ là một cuộc kiếm tìm cho những chữ những lời
hầu bắn vào tường cản giữa cái biết
và cái không thể biết.

6. thơ là một lời phơ phất giải thích những mống trời
làm sao đã được tạo thành và tại sao
biến mất đi.

7. thơ là sự nắm bắt một hình ảnh, một bài ca,
một vẽ sáng, trong một thấu kính của những chữ.

8. thơ là thành tựu của phép tổng hợp giữa hoa loa kèn
và bánh bis-qui.

THƯỜNG QUÁN *chuyển ngữ*



PHAN THỊ VÀNG ANH

HỌC TRÒ CƯNG



Trong đám trò nhỏ đó, cô thương nhất em. Cậu học trò ngồi dãy giữa, bàn hai, chỉ cần năm phút sau khi tiết một bắt đầu là dép đi đằng dép, chân đi đằng chân. Em nhỏ thó, tóc mỗi tháng mỗi kiểu có lẽ do bố em không chủ động được tay kéo. Mỗi sáng, em được bố chở đến trường, có bữa là mẹ em. Mẹ em đẹp người. Em giống mẹ. Em học lớp Ba.

Mặc dù đã luôn tự nhủ: "Phải yêu thương đồng đều" nhưng cô vẫn thương em hơn hẳn. Không chỉ tại em giỏi nhất lớp (năm nào mà chẳng có trò giỏi nhất lớp), còn tại một cái gì đấy không rõ làm cô luôn dịu xuống trước em. Em trả bài vấp (chuyện này hiếm) cô cứu em bằng câu hỏi giữa chừng vì cô nghĩ tối qua cúp điện, đến cô - người lớn chấm bài còn nhức mắt, làm sao bắt em còn bé mà phải học với đèn dầu. Em đi học trễ, cô nghĩ ra ngay chắc lại hỏng xe, thấy tội nghiệp em hớt hãi đi vào, cô chọn cái nhìn thật dịu dàng, biết chắc là khối đứa bạn em đang ganh tị.

Cô nhớ buổi sáng cái ngày ba em tự tử, đưa em đến trường, ba em mặc áo ca rô, thả em xuống xong còn đứng nhìn theo em xốc lại ba lô, vào cổng. Mẹ em khác, mẹ em không bao giờ nhìn như thế. Tự nhiên lúc ấy cô nghĩ, em học giỏi là di truyền từ bố em. Bố em tự tử vì chuyện gì không rõ, hình như nợ nần, vỡ hụi, hình như ông chủ đòi nhà...

Từ đó, em đi học một mình. Cô đi trên đường thấy em nhỏ thó, tóc cắt thật cao kiểu để dùng một lần cho mấy tháng, cứ đi một quãng lại xốc ba lô lên, những cái xe tải thỉnh thoảng chạy qua tung bụi mịt mù che cả em, cô sợ quá. Cô nói em ngồi lên cô chở, em ngồi ngoan như trong lớp vẫn ngồi. Cô hỏi các anh của em làm gì, em bảo một anh thì đi học, một người đi xây nhà. Thế còn mẹ em, cô hỏi, mẹ em nấu cơm với giặt đồ, còn ba em chết rồi, em nói ngây thơ, nhẹ nhàng như ba về quê Quảng Ngãi mấy bữa nữa về, thế nào cũng

mang theo đường phổi.

Nhưng từ đó, em học sút hẳn. Vẫn nhất lớp, nhưng cái cách của em không được như xưa. Hai tháng sau, dù thương, cô vẫn phải để em tụt xuống hạng hai. Họp phụ huynh, thay cho ba em nghiêm túc mọi khi là anh em mặt hiền lành nhưng non choẹt, cả buổi họp cứ nhấp nhổm nhìn ra hành lang có cô giáo mới về trường đi qua. Anh của em nghe thông báo em học kém đi rất chăm chú, đầu gật gật nhưng cô chắc là anh ấy chẳng nghĩ gì, cô sợ những người đi họp kiểu này, cô lại biết, đây là người học cao nhất nhà em, cô đâm lo, ai sẽ dạy em đây?

Cô quyết định, một chiều kia, đến nhà em. Có mình em ở nhà ngồi bệt dưới sàn, kê vở lên cái ghế con, làm toán. Em bảo cô đợi, em chạy đi gọi ầm trong xóm, mẹ em từ trong một nhà nào đó vội ra, ngồi ở đây cô còn nghe tiếng mẹ em dặn dò hàng xóm: "Cô giáo tới hả?... Đợi chút nha, ê... hay mày chơi giùm tao ván này đi!". À, cô ngồi lật loe hoe hai ba tờ báo cũ mèm, nghĩ, cô đến làm mẹ em dở dang buổi xòe bài cùng hàng xóm, cô nghĩ chắc tại ba em mất, mẹ em phải giải khuây... Chiều đó, mẹ em cho phép cô đón em về nhà cô một tuần ba buổi chiều, mẹ em hỏi em gọn lỏn: "Chịu không?", em ngượng nghịu nhìn cô cười, dựa vào mẹ, gật đầu. Khi cô ra về, mẹ em cùng em tiễn ra cổng, mẹ em hỏi: "Vậy là từ chiều mai hả cô?".

Thế là em đến nhà cô vào Ba, Năm, Bảy. Cô dạy em học. Cô biết thế là cô thiếu công bằng, những buổi học thế này, lẽ ra cô phải dành cho học trò kém. Nhưng, cô tự bênh vực mình, mình mới ra nghề, mình còn trẻ, phần bản năng trong mình còn lớn... Mình thích sao thì làm vậy, thế thôi. Cô nhìn em ngồi chênh vênh trên ghế ăn cơm với bà, hai chân đong đưa, quần tây củn cỡn... Buổi tối, cô chưa kịp nói, bà đã bảo để bà mua miếng vải may quần mới cho em, nhưng, bà dặn thêm, mình may chứ đừng đưa cho mẹ nó.

Khi em đã quen với nhà cô, quen với cả mấy con chó đến mức nó đùa được với em thì mẹ em đòi em lại. Một buổi chiều, mẹ em dẫn em đến nhà cô. Em trông khác hẳn, nai nịt gọn gàng, đầu đội cái mũ lưỡi trai tròn đã cũ, đeo bình nước chéo ngực, như sắp sửa đi dã ngoại. Mẹ em nói cảm ơn cô với bà bấy lâu cưu mang cháu, nhưng nhà túng quá, phải cho cháu làm gì thêm. Bà hỏi thế nào là làm gì thêm, em non nớt bảo: "Con đi bán vé số!". Cô nhìn em mà thương quá, em của cô sẽ đi giữa chang chang trưa nắng, la cà trong mấy hàng ăn giống những đứa nhỏ bán vé số cô vẫn thấy, đấy là chưa kể đến chuyện tranh giành khách, trông em hiền thế thể nào cũng bị giật bình nước, ném mũ, tát tai... Cô mới nghĩ đến đấy đã rùng mình. Cô nói mẹ em chịu khó vào phòng cho cô nói chuyện riêng một chút. Mẹ em vào trong phòng cô, nhìn tò mò những hộp phấn, những lọ nước hoa. Cô hỏi mẹ em nếu em đi bán vé số thì phụ được bao nhiêu, mẹ em nói có thể đủ tiền chợ. Cô nghĩ lại càng thương, em bé xíu thế này mà đã phải lo tiền chợ. Cô nói mẹ em để cô lo tiền chợ hộ em được không, còn xấp vé số chiều nay cô sẽ nói bà mua hết cho, cô

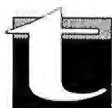
tin cô là con một, nói gì bà cũng chịu.

Rốt cuộc, em lại được về nhà cô tuần ba buổi. Bà thương em hơn sau một lần suýt nữa bị mất em. Tập vé số chiều hôm đó, bà trúng giải thấp nhất. Bà mua con heo đất bỏ vào hết cho em, bà định bỏ heo dần dần, khi em hết cấp một, em sẽ đập heo mua xe đạp nào em thích. Cô thì nghĩ chắc đến đấy em cũng chưa cao được bao nhiêu (cứ nhìn anh của em thì cô biết), cô nghĩ em đi xe mini an toàn hơn, bà lại bảo chắc em không chịu đâu vì xe mini là xe của con gái...

Lớp Ba kết thúc, em tổng kết lại vẫn nhất lớp. Cô nghe vài phụ huynh xì xào cô nâng đỡ, thêm điểm em. Oan cho cô vì thật ra càng ngày cô càng khắt khe với em. Cô bắt em học bài phải làu làu, cô bắt em làm thêm toán khó, em viết chính tả sai một tí cô cũng cau mày... Cô sợ sau này em đi lớp khác, qua cấp khác, đâu phải ai cũng thương em như cô, chừng đó những gì cô chiều em sẽ hại em, người ta sẽ phủi công em: "Thấy chưa, đúng ra có thông minh gì đâu!". Mà cô biết, em thông minh, và tình cảm.

Đúng ngày phát thưởng, hai thầy trò đang vui thì mẹ em lại nói định cho em làm con nuôi nhà ông cụ gần nhà. Ông cụ lâu nay sống bằng tiền con cái ở nước ngoài, ông chưa yếu lắm nhưng những việc quét vườn, rửa chén, lau nhà, giặt áo... (nhiều lắm, cô không nhớ hết) thì ông đau khớp, ông không làm được. Em qua đó sẽ được cơm ba bữa, một tháng vài trăm (hơn hẳn số tiền cô vẫn đưa). Cô vội hỏi thế sao mẹ em không xin ông cụ để mẹ em làm những việc ấy, còn tiền chợ cô hứa vẫn đưa, cần thì cô nuôi em ba bữa cơm. Mẹ em lúng túng nói: "Không được! Tui phải ở nhà làm công chuyện!". Cô bắt đầu nghi ngờ mẹ em, có cái gì đó vô lý trong sự tính toán này. Cuối cùng, cô hỏi ông cụ trả bao nhiêu... Và thế là em bắt đầu ăn cơm đều đặn ở nhà cô, mẹ em có thêm vài trăm, bà thì vẫn thương em nhưng đã bắt đầu khó chịu. Bà nói: "Sẽ còn nhiều trò!".

Tội nghiệp, em chẳng biết gì. Em nhổ tóc sâu cho bà, trẻ con trong xóm cô đã biết nhắn bà chút nữa em đến kêu em ra tạt lon. Ngày nào em đi chơi với anh em, bà đi ra đi vào: "Tối nó có về ăn cơm không?". Cô lại phải qua đón em sang. Em sang, líu tíu kể bà nghe hôm nay đua xe, xem khỉ... Rồi em ngủ gật, bà sợ chở về em ngồi sau xe, ngã; lại bắt cô sang xin mẹ em cho em ngủ lại một đêm... Ba tháng hè trôi qua, em có cao hơn, cô đã nghĩ với tốc độ này lớp sáu em không cần chạy mini, bà đi mua cho em cái cặp mới, bình nước mới để vào lớp Bốn... Đang náo nức đi học như thế, mẹ em báo cô cả nhà phải về quê. Bà dặn: "Con cứ lì ra đi, bảo về thì cứ về, xem mụ ấy muốn gì". Cô cũng nghe theo lời bà. Mẹ em nói muốn mời cơm bà và cô, sợ sau này không bao giờ gặp lại. Bà ra hiệu cho cô cứ bình tĩnh. Cô lại bình tĩnh nhận lời. Tối đó, cô tra hỏi, em bảo con ông chủ đòi nhà. Em vừa nói vừa nghịch con mèo, em non nớt như khi kể về bố em tự tử, em nghĩ về quê còn nhẹ hơn đổi lớp. Em bảo, mẹ em đã mua mấy cái bao để đựng đồ... Cô hỏi bà, thế là



ĐỖ THÌ KÊNH G

nửa đêm nghe nắng bến ninh kiều

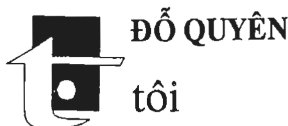
Bến Ninh Kiều trăng mua đêm
Nắng lên váy mát luồn thêm mưa phùn
Tay đêm mười ngón hoa bùn
Mắt đêm sóng vỗ cơn đùn lênh đênh
Ự mênh mông ứ mông mênh
Mưa đêm lôm lốp buồn tênh ơ mà .
Còn thương đêm kiếp la đà
Nghiêng nghiêng rãnh cỏ sơn hà chia hai
Khum khum gió hát run tai
Nắng thơm ngai ngái một mai theo chồng
Theo chồng biết nắng theo không?
Giường khuya trăng vỗ bờ sông mưa phùn

ĐỖ THÌ KÊNH G
(tháng Tám về bến Ninh Kiều
Cần Thơ sau 20 năm)

sao? Bà nói chắc chuyện này có thật nhưng đợi đến bữa cơm với mẹ em tính tiếp. Cô không chịu được, len qua hỏi trước, mẹ em nói không có tiền thuê nhà rồi nhìn thẳng mắt cô. Cô không dám nhìn thẳng mẹ em như những lần trước, cô biết lần này cô thua. Cô nghĩ mãi rồi rụt rè xin nhận nuôi em. Mẹ em nói, không, em phải ở cạnh gia đình. Cô lủi thủi ra về, xin chở em sang ăn cơm, mẹ em cũng chối từ, nói em phụ dọn nhà, xếp quần áo.

Hôm ấy, cô đưa em ra bến xe. Bà không dám đi, bà sợ người già hay khóc. Trên xe, em được ngồi gần cửa sổ. Học trò cưng của cô mặc áo còn đeo phù hiệu của trường. Cô nắm bàn tay em, từ trước đến giờ, cô nhớ ra, cô chưa bao giờ nắm tay em. Bàn tay em ấm và khô, nhỏ xíu...

PHAN THỊ VÀNG ANH



ĐỖ QUYÊN

tôi

Người hàng xóm bụng như trái bóng không biết bay
Nhận Trợ cấp xã hội đi buôn đồ cũ
với người tình hay ngửa mặt cười mây.

Cô giáo tiếng Anh dạy:
"Cộng đồng Việt Nam ở B.C. là 50 ngàn người
Cộng đồng Tàu ở Vancouver 150 ngàn
Cộng đồng nói tiếng Pháp ở Courteney: chưa thống kê nổi!"

Mẹ đã khóc những khi cha dốc ngược chai,
những buổi cháu ngoại mồ côi bỏ học,
trong pháo hoa "ngày 30.4" miệng gọi tên con trai
tay cầm phong thư gửi từ đường 9.

Bạn đồng sàng chắc còn mối hận dài
tưởng một người yêu cũ của mình cùng yêu hai đứa
Mười lăm năm thư còn sáng rỡ.

Nắng Paris không tắt trong đêm
Phố điếm đẹp trên lời ẩn sĩ
Một bất chợt trong bảo tàng
Nằm lại suốt đời ô địa chỉ.

Cháu gái không muốn bỏ quê nhà
(cột điện nào cũng là cột điện!)
Cắt bánh sinh nhật Hai Mươi Mốt
Dành cho những kẻ ra đi phần nhiều.

Bạn thơ đòi tiền
Vợ đi tìm tờ hôn thú
Con sắp thành cha
Chỉ còn lại mặt trời.

ĐỖ QUYÊN
Đảo vancouver 20.4.97



LÊ LẠC GIAO

GIÓ BỤI



Năm tôi mười hai tuổi cha tôi bỏ gia đình ra đi. Không biết ông đi đâu nhưng nếu có ai hỏi thì mẹ tôi bảo rằng cha tôi đi làm ăn xa ở tận vùng núi nào đó trên cao nguyên. Ông nội tôi thì thay vì phụ họa với mẹ tôi cho qua chuyện, ông chỉ nói với người trong làng thắc mắc rằng cha tôi là một thằng con bất hiếu, ngoài ra ông không hề giải thích cha tôi bất hiếu như thế nào dù họ muốn biết thêm chi tiết. Dư luận ít nhiều qua cái thông tin mà mẹ tôi và ông tôi cung cấp cho rằng cha tôi đi theo một người đàn bà khác mà bỏ bê gia đình. Có lẽ tôi còn bé quá để có thể hiểu được rằng chuyện cha tôi ra đi là một bi thảm cho mẹ tôi và ô nhục cho ông tôi, một người hay nói chuyện thánh hiền với người trong làng.

Chuyện cha tôi ra đi thực ra không làm cho tôi quan tâm nhiều lắm vì nếu một đứa trẻ cần tình yêu thương để có hạnh phúc trong quãng đời thơ ấu thì tôi đã quá dư thừa. Tôi không nói ngoa đâu. Nếu ông bà nội, mẹ và chị tôi đã là những chiếc bóng mát che chở cho tôi ngủ ngon giấc trong buổi trưa hè và nơi nương tựa ấm áp trong những tháng đông rét mướt thì tôi chỉ có thể nói với mọi người rằng tôi có một người cha, ngoài ra tôi không có một ý niệm nào khác về cha mình cả. Ông là một chiếc bóng mờ nhạt đối với tôi vì có lẽ trong suốt mười hai năm tôi chưa bao giờ sống với ông hơn hai giờ đồng hồ. Ông có đó rồi đi như những người khách trong làng và cái kẹo cái bánh ông cho tôi không khác những cái kẹo bánh của người hàng xóm láng giềng.

Đời sống nông thôn không làm rõ nét vai trò người cha cho lắm nên cái hạnh phúc tôi có nào khác những đứa trẻ có đủ cha mẹ trong làng. Năm cha tôi ra đi, ông tôi lên quận lỵ mua cho tôi một cây bút lông và một thỏi mực

tàu. Tôi hỏi ông mua để làm gì thì ông bảo, "Mua cho con viết chữ thánh hiền" và cây bút lông ấy cho đến ngày hôm nay đã hơn ba mươi năm tôi chưa bao giờ có vinh hạnh cầm đến. Năm ấy ông tôi cho tôi tập viết Tam thiên tự, Tam tự kinh bằng cây bút tre mà ông tự làm lấy và ông nói, "Khi nào chữ viết của con như rồng bay phượng múa ông mới cho con viết bằng bút lông." Bà tôi mỗi lần thấy tôi gò lưng trên phản nắn nót viết Thiên trời, địa đất, cử cất, tồn còn, bà chỉ nói với ông tôi rằng "Thời này học chữ nho làm nên ông nghè ông cống gì mà ông cứ bắt nó viết suốt ngày!" Mỗi lần nghe bà tôi nói như thế ông tôi không bao giờ trả lời. Hình như đối với ông, chuyện viết chữ không ăn nhập gì tới bà cả và chữ nghĩa chỉ độc quyền dành riêng cho đám đàn ông mà thôi.

Tôi không biết chữ rồng bay phượng múa là gì nhưng tôi biết ông tôi vẽ đẹp lắm. Cứ nhìn những con hạc, con rồng mà ông vẽ và sau đó chính tự tay ông khảm xa cừ trên đôi liễn óng ánh ngũ sắc thì biết. Những buổi sáng mùa hè, bà tôi và mẹ bán hàng xén trên chợ quận, chị tôi đi học dưới tỉnh và ông tôi trồng hoa sau vườn, tôi thường nằm dài trên tấm phản mun đen bóng lặng lẽ say mê ngắm những Tùng hạc, mai lan trúc cúc, cầm kỳ thi họa mà ông tôi đã khảm khắc trên ba đôi liễn treo giữa nhà. Những lúc ấy tôi quên mất thực tại mà đắm chìm trong một thế giới huyền hoặc kỳ bí mơ hồ.

Tôi muốn nói rằng tuổi ấu thơ của tôi là những chuỗi ngày dài say sưa trong đam mê của cái đẹp chung quanh mình. Cái vẻ đẹp ấy ngoài do ông tôi tạo nên nó còn là khung cảnh tĩnh lặng của một vùng quê hương êm đềm như chuyện cổ tích. Hàng cau xanh cao vút, rặng dừa rợp bóng mát, dậu dăm bụt dài thăm thẳm luồn sâu trong lũy tre làng ven sông. Rồi tiếng chim hót líu lo đầu chái nhà bên ngoài thấp thoáng mái trường đầu làng chìm trong cái rực rỡ chói chan đỏ thắm của màu phượng vĩ là cả một thế giới của riêng tôi.

Buổi chiều hôm ấy bà tôi và mẹ từ chợ quận về mua cho tôi hai tập truyện thiếu nhi bằng tranh. Bà tôi bảo, "Con phải ra chổ sáng mà đọc kẻo hư mắt." Bà nói thế vì thấy tôi thường chúi đầu mê mẫn đọc sách quên cả thắp đèn những khi chiều đã xuống từ lâu. Mẹ tôi xoa đầu tôi và dúi cho hai quả ô mai. Lúc dọn cơm ra bàn ngoài hiên nhà tôi nghe có tiếng trống đánh trên xóm chợ. Bà tôi bảo với ông tôi, "Lúc ở chợ về tôi thấy có một gánh hát cải lương mới đến làng. Gánh hát coi bộ lớn lắm đến ba chiếc xe vận tải chở đồ. Nhưng đến làm gì vào mùa này, mưa gió ai mà đi coi!" Ông tôi nói, "Bà khéo lo, tháng mười mới bắt đầu mưa. Họ có thể diễn tuồng trong hai tuần rồi đi. Có gánh hát nào ở lâu một tháng đâu."

Sáng hôm sau lúc đi học ngang chợ tôi thấy hội trường làng treo tấm bảng lớn "Đoàn hát Cửu Long" trên đầu mái hiên. Chung quanh hội trường treo đèn kết hoa rực rỡ. Thấp thoáng sau hội trường nhiều người ra vào tấp nập. Có lẽ là những đào kép hát, tôi nghĩ như vậy. Lúc vào lớp học, tôi nghe bạn bè kháo nhau về đoàn hát mới đến làng và trong giờ ra chơi, chúng nó đố

nhau xem đứa nào được đi xem ngày đầu tiên. Tôi yên chí vì ông tôi là một người thích đi xem hát, mà mỗi lần đi xem như thế không bao giờ thiếu tôi cả. Ông tôi đã truyền cho tôi cái máu thưởng ngoạn nghệ thuật từ thuở bé, vì mỗi lần xem hát hay vẽ tranh ông thường giải thích ý nghĩa của tuồng hát và nội dung của hình ảnh trong tranh dù rằng đầu óc non nớt của tôi làm gì hiểu hết được.

Tuồng cải lương đầu tiên "Tấm Cám" không làm cho ông tôi thích thú gì vì ông đã xem nhiều lần. Buổi chiều khi tiếng trống hội trường giục giã mọi người trong làng đi xem hát, tôi hỏi ông thì ông bảo rằng "Ông cháu mình đi xem tuồng này ba lần rồi, hãy chờ tuồng thứ hai ông sẽ cho con đi xem." Nghe ông nói, tôi không phản đối nhưng thấy lòng tiêng tiếc bởi trong tôi không những cái tuồng tích hấp dẫn mình mà còn cái khung cảnh trong rạp hát với bốn phía tranh vẽ sặc sỡ đủ màu thường làm tôi thích thú không kém. Lấy tập vở ra để lên bàn, trước ngọn đèn dầu bóng lớn, đầu óc tôi nghĩ ngợi mông lung. Tiếng người lao xao rủ nhau xem hát đầu ngỏ lẫn tiếng trống, tiếng chó sủa không làm tôi tập trung được đầu óc để giải bài toán đố cho ngày mai. Tay tôi nguệch ngoạc vẽ hai con hạc đang bay trên trời. Có một con trống và một con mái. Con trống có mào dựng cao và con mái đầu tròn thon nhỏ xoè cánh như một chiếc quạt lớn. Hai con quấn quít múa tạo thành một vòng tròn. Tôi say sưa vẽ thêm những chi tiết của đôi hạc từ chiếc móng nhọn co lại cho đến cái cổ hạc dài uốn cong như con rắn. Lúc ấy tôi bắt đầu quên hết chuyện xem hát mà chuyên chú vào việc vẽ. Tuy tôi vẽ theo qui ước như ông tôi thường dạy, đôi hạc múa khéo và linh động không kém ông tôi bao nhiêu. Đưa cho ông xem, ông gật gù khen:"Con vẽ không thua ông, vài năm nữa có thể con vẽ đẹp hơn ông. Nay mai ông sẽ dạy con vẽ mai lan trúc cúc."

Tôi yêu thích thiên nhiên nên tôi rất say mê thiên nhiên trong tranh mà đặc biệt là tranh thuỷ mặc tàu. Dù trong tranh Tàu thiên nhiên không có gì phức tạp, nhưng trong tranh luôn luôn hiện diện sự yên bình phẳng lặng. Nó còn mang cả cái không gian sâu thẳm như tấm lòng con người. Nhìn tranh thủy mặc tôi thật sự thấy hạnh phúc đôi khi còn có cả niềm an ủi một khi cảm thấy lòng mình trống trãi cô đơn. Cái cảm giác ấy không rời tôi dù ba mươi năm sau qua bao nhiêu chuyện vật đổi sao dời, nó vẫn trôi giạt theo ngày tháng dù yên vui hay đau buồn; nó quyện lẫn với bao kỷ niệm mà thăng trầm cuộc sống không hề làm nó tan biến đi mất.

Như lời hứa hôm trước, hôm sau ông tôi dẫn tôi đi xem vở tuồng "Hoa Mộc Lan". Hai ông cháu ngồi hàng ghế hạng nhất thật gần sân khấu. Tấm lòng hiếu thảo của Hoa Mộc Lan đối với gia đình và đất nước làm tôi cảm động. Nhưng có lẽ nét diễn tả độc đáo trên khuôn mặt gái giả trai kết hợp với câu ca lời hát làm tôi thích thú nhất. Cái nhăn mặt, liếc mắt, nụ cười pha lẫn chút khinh bạc của nàng khi uống rượu trong thân phận nam nhi làm tôi say mê. Tôi nghe tiếng vổ tay của tôi hòa lẫn với hàng nghìn tiếng vổ tay của khán

giả khi tấm màn đỏ vừa hạ. Ra khỏi rạp hát, chen chúc trong đám người ra về tôi nghe nhiều người bảo rằng Hoa Mộc Lan do cô đào Bích Thủy chỉ mới mười tám tuổi thủ vai. Trên đường về ông tôi bảo, "Xem tuồng con có thấy hay không?" Tôi trả lời, "Hay lắm ông ạ, nhưng Hoa Mộc Lan có thật hay không hở ông?" Ông tôi cho tôi biết đó là một nhân vật trong truyện tàu, tuy nhiên, trong thời loạn ly có nhiều những người con gái như Hoa Mộc Lan và cũng không thiếu những người đàn ông tệ hại hơn nàng.

Đoàn hát Cửu Long diễn đến tuần lễ thứ hai thì trời bổng dưng đổ mưa. Cơn mưa trái mùa cuối tháng chín làm rạp hát vắng tanh. Tuồng tích dù hay chăng nữa không hấp dẫn được người dân quê lội mưa mà đi xem hát. Đội áo mưa đến trường ngang qua hội trường, tôi thắc mắc không biết đoàn hát lấy gì mà ăn như mẹ tôi nói đêm trước, "Gánh hát nào cũng thế, diễn bửa nào ăn bửa nấy. Nghĩ diễn ba hôm là chết đói đấy!" Trong cái thắc mắc ấy, tôi còn có chút lo lắng khi nghĩ đến cô đào Bích Thủy với nụ cười khinh bạc khi nâng ly rượu lên môi và tự dưng tôi muốn biết khuôn mặt thật sự của người con gái ấy như thế nào. Đến lớp suốt buổi học tôi tẩn mẩn vẽ trên giấy nhân vật Hoa Mộc Lan mà tôi đã xem với ông tôi tuần lễ trước. Không biết tôi vẽ như thế nào mà khi bạn bè tôi thấy chúng nó bảo, "thằng Khoa nó vẽ một vị tướng quân đàn bà." Thế rõ là tôi vẽ chân tướng của Hoa Mộc Lan chứ nào phải Hoa Mộc Lan thật và cái chân tướng này đã ám ảnh tôi từ hôm tôi đi xem hát về.

Tan học tôi không về nhà bằng con đường trước chợ mà lại đi bằng con đường bên hông. Con đường này dẫn qua phía sau hội trường nơi đoàn hát đang tá túc. Liếc mắt nhìn vào trong cái hổn độn của bàn ghế chăn màn ngổn ngang là một đám người kẻ ngồi người đứng. Tôi cố hình dung ra Bích Thủy trong vai Hoa Mộc Lan là người như thế nào nhưng đành chịu. Trong cái hỗn độn của hậu trường và cái bối rối trong tâm hồn mình, những khuôn mặt trước mắt tôi chỉ là những hình ảnh chập chờn nhảy múa. Tôi không phân biệt được ngay cả họ là đàn ông hay đàn bà mãi đến khi có tiếng hỏi, "Em tìm ai vậy em bé" tôi mới giật mình bẻn lẽn ù té chạy một mạch về nhà.

Trưa hôm ấy, ngoài trời mưa bụi lất phất. Gió từng cơn hắt hơi lạnh qua khung cửa sổ làm bay đi những tấm giấy bồi viết chữ nho mà ông tôi xếp trên bàn cho tôi viết sau giấc ngủ trưa. Tôi ngồi trên ghế im lặng hồi tưởng lại giọng nói trong trẻo của người con gái ban trưa hỏi tôi mà lúc bấy giờ vì quá bối rối tôi không nhận ra. Trong lòng tôi hình như xác quyết rằng đó là cô đào hát Hoa Mộc Lan mà tôi muốn biết mặt. Tôi tiếc mình đã không có can đảm đứng lại mà nhìn và tự bảo mình kém cõi hơn Hoa Mộc Lan nhiều lắm. Khi ông tôi bước vào phòng học, tôi còn ngẩn ngơ với bao ý niệm xáo trộn trong đầu. Ông tôi bảo, "Hôm nay ông bắt đầu chỉ cho con cách vẽ mai lan trúc cúc." Cúi xuống nhặt những tờ giấy rải rác trên mặt đất ông tôi nói tiếp, "Con đi mài mực cho ông để ông vẽ cho mà xem. Lan khó vẽ nhất cho nên

ông dạy cho con trước. Vẽ lan xong ông sẽ dạy con vẽ trúc."

Ông tôi nói tôi nghe đấy nhưng tâm hồn như để đâu đâu. Mài mực xong, tôi vẫn tần ngần đứng cạnh bàn. Ông tôi vỗ vai tôi bảo, "Con phải tập trung chú ý, sao ngẩn ngơ như vậy." Tôi giật mình vớ cây bút tre nói,"con chuẩn bị xong rồi ông ạ". Ông tôi cúi xuống chấm mực bằng cây bút lông cũ cùn đầu của ông rồi đưa tay phát một đường cong trên tấm giấy bồi vàng. Vừa vẽ ông vừa nói, "lá lan luôn luôn giao hình mắt phượng, con nhớ đấy." Câu nói vừa dứt tay ông đã liên tiếp phác nét thứ hai. Tôi tập trung đầu óc nhìn nét vẽ bay lượn từ bàn tay tài hoa của ông. Bụi lan sắc nét, lá lan giao nhau như hình mắt phượng và nét thứ sáu ông đã chấm phá trên cành những nụ lan tuyệt đẹp. Tôi ngẩn ngơ và bằng cây bút tre của mình vụng về vẽ theo ông những đường cong của lá. Ông tôi giải thích, "Lan là loại hoa quí phái, tuy đơn độc nhưng lắm cá tính. Cá tính của lan là không sống tựa vào đất mà chênh vênh tỉnh táo bộc lộ thân phận mình dù là đá hay gỗ cũng phải xiêu lòng." Những lời ông nói tôi không vỡ được nghĩa nhưng phần nào tôi cảm nhận được. Suốt buổi chiều hôm ấy tôi giam mình trong phòng nắn nót vẽ lan. Thực ra tôi đang cố gắng tưởng tượng mình đang vẽ đóa hoa mộc lan qua một hình mẫu vô hình trong trí. Bên ngoài trời mưa lớn dần và đến tối biến thành cơn dầm tháng mười.

Bà tôi và mẹ về đến nhà ướt đẫm. Tôi xuống bếp đốt lửa cho bà và mẹ sưởi ấm. Ngồi trước ánh lửa hồng, bà tôi đưa cho tôi hai trái bắp luộc. Mẹ tôi nhìn màn mưa trắng xóa ngoài cửa sổ chép miệng, "Mưa thế này không khéo lụt mất." Mà lụt thật. Cơn mưa trái mùa kéo dài hai ngày. Nước sông dâng cao đến tận mép sân nhà. Nền nhà tôi cao hơn tất cả mọi nhà trong làng. Nước đến sân nhà tôi có nghĩa những nhà trong làng bị ngập đến nửa vách. Bà và mẹ tôi nghỉ bán. Hai người theo thông lệ trời mưa dầm xuống bếp xay bột và đúc bánh xèo cho cả nhà ăn. Ông tôi ngồi trong nhà nhìn mưa nhâm nhi tách trà tàu thơm, trong khi tôi chốc chốc lại chạy ra mái hiên nhà nhìn que cắm thăm dò mực nước lên xuống. Nước không lên cũng không xuống nhưng án binh bất động ở sân nhà cho đến ngày thứ hai mới bắt đầu rút dần.

Cơn lụt rút lui để lại trên mặt đất một lớp bùn mỏng. Khi ánh nắng bắt đầu trở lại, lớp bùn mỏng khô cong nứt nẻ kêu răng rắc dưới bước chân đi và làng tôi trông thật điêu tàn. Đầu trên xóm dưới nhà cửa xiêu vẹo, mùa màng hư hỏng và gia súc một số bị lũ cuốn trôi đi. Ông tôi đi thăm bà con hàng xóm láng giềng để an ủi họ. Cái không khí buồn rầu thảm hại ấy hình như làm mọi người quên mất đoàn hát đang tá túc trên hội trường làng. Mãi đến chiều khi mặt trời sắp lặn tiếng trống thùng thình quen thuộc cất lên thì mọi người mới giật mình nhớ lại đám nghệ sĩ hẩm hiu kia. Tuy nhiên sau cơn thiên tai nào ai còn lòng dạ mà đi xem hát. Tiếng trống ban đầu còn mạnh bạo đến khuya yếu dần rồi tắt hẳn. Đêm ấy tôi thao thức và tự nhủ có lẽ chỉ mình tôi là người duy nhất trong làng muốn đi xem hát mà thôi.

Trưa hôm sau khi tan học về, tôi cố ý đi ngang hông hội trường lần nữa nhưng lần này tôi chỉ nhìn thấy cái hậu trường vắng vẻ lạnh lẽo. Quần áo trang phục còn đấy nhưng mọi người như đi vắng cả. Không một bóng người và khi về đến nhà lúc ăn cơm ông tôi bảo rằng suốt buổi sáng ông phải đi quyên gạo cho đoàn hát. Nhưng vì làng bị lũ lụt nên số gạo quyên góp được không đủ nấu cháo cho đoàn hát đến hai mươi lăm người. Ông tôi chấm dứt câu nói của mình bằng ba chữ "thật tội nghiệp". Tôi hỏi ngay, "thế mình có cho họ hay không?" Ông tôi bảo gia đình tôi cho gạo nhiều nhất vì là gia đình may mắn không thiệt hại gì sau cơn thiên tai.

Tính tôi vốn nhậy cảm từ thuở bé nên tôi buồn lắm sau khi biết tình cảnh đáng thương của đoàn hát. Nhưng tôi cũng không biết làm gì ngoài cái đầu óc suy nghĩ vẩn vơ. Chiều xuống dần, tôi thủng thẳng đi ra đầu ngõ đón bà và mẹ từ chợ về. Trước nhà tôi cạnh con đường lên chợ là một con mương lớn. Nước sông được guồng xe nước múc lên đổ vào mương rồi từ đó dẫn đi tưới cho cánh đồng lúa một trăm mẫu trong chân núi. Cái mương lớn trước nhà tôi được dân trong làng khơi rộng vét sâu như một hồ nhỏ cho mọi người tắm và giặt giũ quần áo. Khi tôi bước lên bờ cỏ rạp xuống vì giòng nước lũ đầu nguồn cạnh bờ mương, tôi nghe có tiếng vổ đập quần áo sau bờ dứa gai. Tò mò tôi theo bờ đất đi đến nơi có người đang giặt quần áo. Quay lưng về phía tôi là một cô gái tóc dài nửa lưng đang ngồi cắm cúi vò chiếc áo trong tay. Hình như cảm giác có người sau lưng nên cô gái quay đầu lại. Một nụ cười tươi bật lên trên khuôn mặt xanh xao gầy ốm là hình ảnh mà suốt đời tôi không bao giờ quên được. "Em đi tắm phải không?" Cô gái lạ khoảng tuổi của chị tôi hỏi. Tiếng nói trong trẻo của cô làm tôi nhớ câu hỏi hôm trước tại hậu trường rạp hát. Tôi bẽn lẽn gật đầu nhưng vẫn chôn chân tại chỗ. Khi cô gái hỏi tôi lần thứ hai, tôi có được chút tỉnh táo và ấp úng nói dối, "Em định đi tắm nhưng trời lạnh nên em không dám xuống nước."

Lúc bấy giờ tôi mới lấy lại bình tĩnh mà quan sát cô gái. Có lẽ cô ta là cô đào Bích Thũy đóng vai Hoa Mộc Lan. Với tôi cô có nhiều nét quen thuộc nào đó. Ngẩn đầu lên thấy tôi nhìn chăm chú cô gái hỏi, "Em nhìn gì vậy, bộ em thấy lạ lắm sao?" Tôi buột miệng, "Chị có phải là Hoa Mộc Lan không?". Cô gái bật cười, "Hay thật, sao em biết?" Tôi lúng túng không biết trả lời thế nào thì cô gái hỏi tiếp, "Có phải em đi xem tuồng hát do chị đóng vai Hoa Mộc Lan phải không." Tôi gật đầu và vẫn không thốt được thêm tiếng nào. Cô gái đứng lên ôm đống quần áo giặt xong bước lên bậc thang bằng đất ra về. Lúc đi qua trước mặt tôi, thấy tôi vẫn tần ngần đứng đó cô gái đưa tay bẹo má tôi rồi bảo, "Con trai gì mà nhút nhát như con gái." Lúc bấy giờ tôi chạy theo và hỏi, "Chị ơi, tối nay chị có hát hay không?" Cô gái dừng lại quay nhìn tôi và buồn rầu bảo, "Không hát nữa em ạ, có ai đi xem đâu mà hát." Tôi đến gần cô và ngập ngừng hỏi, "Thế chị và đoàn hát lấy gì mà ăn." Nghe tôi hỏi như thế cô gái quay mặt đi và không trả lời. Tôi bước đến gần cô thì cô quày

quả bước đi. Tôi thấy rõ ràng là cô khóc. Lúc bấy giờ tôi không còn cảm thấy mình nhút nhát nữa mà chạy theo nắm lấy tay cô và bảo, "Chị ơi, chị cứ xuống nhà em mà ăn cơm. Ông em và em thích xem hát lắm." Cô gái dừng lại, trên khuôn mặt gầy ốm xanh xao ấy một nụ cười khinh bạc nở ra, nụ cười của Hoa Mộc Lan, "Cám ơn em, chị và đoàn hát vẫn còn sống được. Khi nào không còn gì để ăn có lẽ chị sẽ xuống nhà em vậy. Bây giờ em nên đi về nhà kẻo cha mẹ mong."

Cô gái đi đã xa mà tôi vẫn còn đứng cạnh bờ mương. Nước róc rách chảy, gió nhè nhè trong ánh nắng chiều và lòng tôi bâng khuâng lắm. Khi bà tôi và mẹ từ bến đò trở về gọi, tôi mới lặng lẽ theo hai người về nhà. Đêm hôm đó sau khi ăn cơm xong, dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu vàng úa, tôi không vẽ hạc hay trúc cúc mai lan mà vẽ đôi mắt to buồn rầu của cô đào hát nghèo đói. Thấy tôi cắm cúi vẽ mẹ tôi đến gần xem, mẹ không nói gì nhưng tôi cảm giác như mình đang phạm tội khi nghe mẹ nói, "mẹ không muốn con giống cha con." Khi tắt đèn đi ngủ, tôi nhớ lời mẹ tôi nói mà lòng ân hận vô cùng. Tôi thắc mắc và mơ hồ cảm thấy có gì liên hệ đến đàn bà tất tôi sẽ giống cha tôi mà cha tôi lại là một hình ảnh không đẹp đẽ gì đối với mọi người trong nhà. Cái cảm giác buồn khổ ấy làm tôi choàng dậy đi đến bàn vò nát tờ giấy tôi vẽ khuôn mặt cô đào Hoa Mộc Lan ban tối và ném vào giỏ rác. Đêm đã khuya mà tôi vẫn trằn trọc không ngủ được. Tôi lại nhớ đến cha tôi và cố hình dung ra ông nhưng vô ích vì ông không để cho tôi một ấn tượng nào mà thay vào đó là đôi mắt đẹp buồn của người con gái ban chiều và nụ cười khinh bạc trên môi cô.

Tiếng chó sủa lớn lẫn tiếng mõ đầu xóm trên đánh ầm ĩ làm tôi giật mình ngồi dậy. Làng tôi có lệ chỉ đánh mõ khi có trộm cướp. Bước xuống giường tôi chạy đi tìm mẹ tôi thì thấy mẹ và bà nội đang chốt cửa chính. Không thấy ông nội, tôi hỏi mẹ tôi, "Ông nội đâu rồi hở mẹ." Mẹ tôi quay lại trả lời, "Ông nội chạy lên xóm trên xem có chuyện gì. Con cứ vào giường ngủ đi khuya lắm rồi đó." Tôi leo lên giường trùm chăn kín đầu suy nghĩ. Ông tôi giỏi võ và gan dạ nên tôi nghĩ ông lên xóm trên bắt cướp vì tôi nghe nhiều người trong làng bảo rằng lúc còn trẻ ông tôi tay không đã bắt biết bao trộm cướp trong làng. Tuy nhiên tiếng mõ kéo dài chỉ trong dăm phút rồi ngưng hẳn. Khi ông tôi về tôi vẫn chưa ngủ được. Tiếng bà tôi hỏi, "Có chuyện gì vậy ông?" Ông tôi cười lớn trả lời, "Cũng là đoàn hát cải lương. Vì đói họ thắp đuốc đi soi ếch. Không báo trước cho làng biết mà lại âm thầm toán năm toán ba đốt đuốc lầm lũi theo bờ tre mà đi khiến nhiều người xóm trên sinh nghi mà đánh mõ. Nhưng tôi làm lạ là họ bắt ếch sao không xuống ruộng hay theo dọc bờ mương lại chui vào các lùm tre bụi rậm làm gì?" Bà tôi thay vì trả lời lại bảo, "Ngày mai nếu họ có hát cả nhà mình đi xem để giúp đỡ họ." Mẹ tôi nói tiếp,"Thằng Khoa nếu biết chắc nó thích lắm."

Nghe những lời nói chuyện của ông bà nội và mẹ tôi cảm động lắm. Cả

nhà tôi ai cũng có tấm lòng và tấm lòng ấy bao la không kém tấm lòng của những nhân vật trong "Tâm hồn cao thượng" mà mỗi thứ tư thầy giáo đọc cho chúng tôi nghe trong lớp. Hơn nữa điều tôi sung sướng và hạnh phúc vô vàn là tấm lòng rộng rãi của mẹ dành cho tôi. Tôi đã đi vào giấc ngủ trong cái bình yên về mình lẫn cho đoàn hát có cô đào Hoa Mộc Lan mà tôi đặc biệt chú ý.

Hôm sau tôi đi học sớm và lúc ngang hội trường, tôi xem tấm bảng trước thềm coi họ diễn tuồng gì nhưng không thấy nó đâu cả. Tấm bảng lớn trên cao với bốn chữ "Đoàn hát Cửu Long" vẫn còn đó nhưng gánh hát đêm nay hình như không diễn. Trưa về trong lúc ăn cơm tôi hỏi ông tôi thì ông bảo, "Hôm nay họ phải tập dượt và ngày mai mới có tuồng hát mới. Cả nhà mình sẽ đi xem." Như thế ngày mai tôi mới được xem hát và có thể xem cô gái diễn tuồng. Lòng tôi suy nghĩ không biết cô gái ấy đóng vai gì trong ngày mai. Buổi trưa im lặng lắm, xa xa vọng lại tiếng guồng nước quay trầm trầm êm ả. Tôi lấy tấm tranh lan mà ông tôi vẽ hôm trước ra ngắm nghía. Nhưng hôm nay sao tôi không cảm thấy thích thú gì cả và tôi xin ông tôi qua nhà bác Chín hàng xóm chơi. Lúc tôi đến, bác Chín đang nói chuyện với anh Cường, một thanh niên đánh xe ngựa trong làng. Rõ ràng họ cũng đang nói về đoàn hát cải lương.

Tôi nghe bác Chín hỏi,"Thật không?" Anh Cường đáp quả quyết, "Thật mà, chính mắt con thấy lúc đánh xe lên chợ quận sớm. Họ ngồi phía sau hội trường làm thịt rắn. Thật dễ sợ, có đến vài chục con. Con thấy có cả rắn hổ, rắn trun, rắn ráo, tất cả còn sống, nó ngo ngoe trong thau phát khiếp. Rắn mà họ làm như lươn vậy bác Chín ạ." Thấy bác Chín tròn xoe mắt nhìn, anh Cường dừng lại để thở rồi tiếp, "Chưa hết đâu, bên cạnh thau rắn là một thau cóc. Con nào con nấy như cái chén nhảy chồm chồm trong thau." Anh Cường vừa dứt lời, bác Chín mới từ tốn bảo, "Tao nghe nói người trong Nam thích ăn rắn và cóc. Có lẽ họ quen rồi nên không thấy dễ sợ. Tại xứ mình không biết ăn đó thôi, mà hoàn cảnh của đoàn hát cũng đáng thương. Nghỉ hát cả tuần lễ rồi lấy gì mà sống bây giờ." Anh Cường im lặng không nói gì trong khi tôi cũng ngẩn ngơ khi nghe hai người nói chuyện.

Câu chuyện đoàn hát cải lương Cửu Long soi cóc và rắn sau đó đồn ra khắp làng. Chiều hôm ấy tôi thơ thẩn ra bờ mương mong gặp mặt cô đào hát hôm qua nhưng chỉ có những người hàng xóm ra mương tắm giặt. Tôi tự nhủ có lẽ cô đang tập dượt để hát cho ngày mai. Nghĩ đến cô tôi lại tưởng tượng cô đang ăn thịt cóc, rắn mà rùng mình và nổi gai ốc. Nhưng tôi lại tự biện hộ rằng một người con gái như thế không thể nào lấy cóc rắn làm thức ăn được. Tuy vậy nổi ám ảnh ấy không rời tôi cho đến chiều hôm sau khi tiếng trống dục người làng xem hát cất lên từ xóm chợ. Ông bà tôi và mẹ dắt tôi đi men theo con đường mòn sau vườn đi lên hội trường. Tiếng trống vẫn dòn giã nhưng con đường chúng tôi đi vẫn quạnh quẽ làm sao. Mẹ tôi nói, "Xóm làng

sau cơn lũ lụt sao im lặng quá! Không chừng chỉ có chúng ta đi xem hát mà thôi." Đến hội trường, chúng tôi ngẩn ngơ vì cái trống trải vắng lặng của khu chợ chiều. Lác đác vài đứa trẻ gọi nhau trở về nhà ăn cơm trong khi trời bắt đầu bảng lãng tối. Người đánh trống già còm cõi đứng trước sân đang cố gắng giáng từng nhát dùi tuyệt vọng trên mặt trống da bạc thếch. Bên cạnh là tấm bảng vuông ghi tuồng còn để trống. Bà tôi và mẹ kéo tôi vào chiếc quán tạp hóa cạnh chợ đang dọn hàng vào trong khi ông tôi đi về phía hậu trường. Mẹ tôi hỏi, "Chị Tám không bán tối hay sao?" Cô Tám lắc đầu, "Tối nay chưa chắc đã có người xem hát. Tôi nghĩ là không có khán giả, bộ bác và chị đi xem à." Bà tôi gật đầu đưa tay giật lấy xâu kẹo gừng treo trên quầy hàng rồi đưa cho tôi và bảo, "Con ăn đi".

Trong lúc tôi ăn kẹo mắt vẫn đăm đăm nhìn về phía hậu trường. Ông tôi vẫn không thấy. Chúng tôi ngồi đợi ông trên chiếc ghế dài dựa vào tường trong quán tạp hóa. Lúc ấy mới có vài người lục tục kéo đến chợ. Tôi nghĩ có lẽ họ cũng đi xem hát như chúng tôi. Khi ông tôi từ hậu trường trở ra thì tôi đếm được tất cả có tám người đi xem chưa tính gia đình tôi. Ông tôi nói với chúng tôi rằng nếu đến bảy giờ tối mà không có hơn năm mươi người đoàn hát sẽ không diễn. Bà tôi đưa tay chỉ đám người lác đác đứng trước sân thở dài rồi nói, "Có lẽ chúng ta nên trở về nhà, không thể nào hy vọng đủ năm mươi khán giả đâu!" Ông tôi ngẫm nghĩ một chốc rồi bảo, "Thôi bà và các con về nhà trước, tôi đi có chút chuyện sẽ về sau." Trên đường về nhà mẹ tôi đốt chiếc đèn bão mang theo vì trời đã tối hẳn. Bà tôi nắm tay tôi và hỏi, "Không được xem hát con có buồn không?" Tôi lắc đầu, nhưng trong lòng cảm thấy thất vọng. Bà nội và tôi đi sau ánh sáng của ngọn đèn bão nhảy múa chập chờn theo bước chân đi của mẹ. Mọi ước muốn của tôi hoàn toàn không thực hiện được. Khi chúng tôi về đến nhà thì tiếng trống cũng vừa dứt hẳn. Sau đó tôi có cảm giác cái im lặng nặng nề ban chiều bao trùm. Bà tôi và mẹ sắp xếp thức ăn đem đi chợ cho ngày mai trong khi tôi ngồi vào bàn học lấy tập vở ra đọc.

Đêm trong làng yên tĩnh lắm. Tôi nhìn qua khung cửa sổ, bên ngoài tối mịt. Đêm tối mùa đông đối với tôi tràn ngập hình ảnh ấm cúng của một đứa trẻ có đầy đủ hạnh phúc gia đình. Nhưng đêm nay tôi cảm thấy quạnh hiu và thấm thía cho một kiếp sống giang hồ rày đây mai đó của một gánh hát rong. Bên trong gia đình và bên ngoài xã hội là hai khung cảnh tương phản mà với đầu óc non nớt của tôi mơ hồ cảm thấy có những bất ổn cho một kiếp người. Kiếp người đó là một cô đào hát bất hạnh dù cô lúc nào cũng có nụ cười khinh bạc trên môi. Tôi nghĩ đến chị tôi mà thấy rằng chị mình hạnh phúc hơn cô đào hát rất nhiều. Chị tôi đang được đi học và có một mái nhà ấm cúng trở về. Trong mái nhà ấy có bao nhiêu người đang lo lắng thương yêu và quan tâm cho chị còn cô đào hát kia dù có cái kiêu hãnh riêng của cô cũng chỉ là cái kiêu hãnh của một người đánh mất quê hương và người thân của mình.

Tôi tự nhủ tôi phải giúp đỡ cô cũng như giúp đỡ cho chính chị của mình.

Buổi sáng hôm sau là ngày chủ nhật, ông tôi dậy sớm ngồi uống trà trước hiên nhà. Bà tôi không lên chợ đang ngồi nói chuyện với ông. Hai người đang nói chuyện về cha tôi. Thấy tôi bà kêu tôi đến gần và ôm tôi vào lòng. Bà hỏi "Cha con viết thư về xin ông bà cho con lên cao nguyên học, con có muốn đi không?" Tôi lắc đầu. Ông tôi bảo với bà, "Dù nó có giàu cách mấy đi nữa thằng Khoa không thể sống với dì ghẻ được. Tôi không cho nó đi." Tôi không muốn nghe ông bà tôi nói nữa nên chạy ra bờ mương trước nhà và đứng đó im lặng sững sờ. Nước mắt tôi ứa ra dù tôi muốn ngăn chặn nó lại. Lòng tôi lúc ấy quặn thắt đau đớn khi nghĩ đến ông bà và mẹ. Người đàn ông tôi nghĩ rằng không có quan hệ gì đến tôi kia bây giờ lại là người làm cho tôi đau đớn thế này. Hóa ra bấy lâu nay tôi nghĩ sai về cha tôi. Không phải ông là chiếc bóng mờ nhạt mà là người có quyền uy đối với cuộc đời tôi, ông muốn quyết định cuộc sống của tôi hiện tại. Tôi chỉ còn mong ông bà và mẹ giữ tôi lại cái quê hương hạnh phúc này. Tôi khóc thoải mái như chưa bao giờ được khóc.

Tôi giật mình khi có người nắm nhẹ lấy vai tôi. Quay lại thì đó là cô đào hát hôm trước. Nụ cười của cô hiền lành xiết bao, cô đặt chiếc thau quần áo xuống đất rồi nắm lấy tay tôi hỏi, "Sao em lại khóc, con trai ai lại khóc than như thế này! Cha mẹ la rầy phải không?" Tôi chùi nước mắt lắc đầu không nói. Cô gái kéo tôi xuống cạnh bờ nước rồi nói, "Em rửa mặt đi, mặt mũi lấm lem xấu lắm." Cô nói rồi lấy tay phát nước rửa mặt cho tôi. Tôi nhớ đến chị tôi đang học dưới tỉnh lỵ và lại òa lên khóc nức nở. Lúc bấy giờ cô ôm tôi vào lòng và dỗ, "Em cứ kể cho chị nghe, chị sẽ giúp em không buồn nữa." Tôi lặng thinh quay mặt đi rồi nói, "Em không muốn xa ông bà và mẹ." Cô gái lên tiếng, "Ai bắt em phải xa ông bà và mẹ." Tôi trả lời, "Cha em chị ạ." Cô nói, "Em quay lại đây." Tôi bấy giờ mới quay đầu lại nhìn thẳng mặt cô. Cô gầy ốm hơn trước nhiều nhưng đôi mắt vẫn to và đẹp. Tuy nhiên vẻ mặt xanh xao của cô vẫn không che dấu được nét rắn rỏi, cương nghị. Sau này tôi nghĩ rằng chính cái rắn rỏi cương nghị đàn ông ấy tạo cho cô một nụ cười khinh bạc những khi gặp khó khăn hay thất vọng. Cô ôn tồn bảo, "Chị xa cha mẹ hơn mười năm rồi nên chị biết cái đau khổ khi phải sống xa người thân yêu của mình. Nhưng chị cho rằng ông bà và mẹ của em không bao giờ cho em đi xa vì cái đau khổ của ông bà và mẹ của em cũng không kém cái đau khổ của em khi phải xa gia đình." Tôi cảm thấy an ủi nhiều lắm khi nghe cô nói và lúc bấy giờ tôi mới nhận ra mùi nồng ấm từ người cô tỏa ra. Tôi bẻn lẽn gở tay cô và đứng lên. Cô nhìn tôi mỉm cười hỏi, "Em tên gì cho chị biết đi?" Lúc bấy giờ tôi trả lời và hỏi lại, "Em tên là Khoa. Thế tên chị là gì?" Cô vừa kéo thau quần áo xuống mé nước vừa nói, "Tên chị là Bích Thủy."

Đứng trên bờ mương nhìn thấy cô cắm cúi giặt những chiếc áo quần bạc màu tôi thấy lòng mình chùng xuống và quên ngay đi những buồn khổ vừa rồi của mình. Bờ vai gầy ốm của cô nhô lên khỏi chiếc áo bà ba màu xanh



HUỆ THU

hà nội ngàn năm

Hồ Gươm ừ nhỉ cũng Hồ Gươm
Ánh thép Quang Trung vẽ một đường
Lấp lánh mặt bia Văn Miếu dựng
Ngàn năm Hà Nội sáng văn chương!

nghĩ trong hà nội cổ

Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường
Mỗi lòng phố ấy một trời thương
Bạn xa mấy cũng tìm nhau gặp
Đuôi mắt dài hơn những dặm trường

hồng hà hai nhánh

Sông Hồng nước đỏ, máu ai tuôn?
Máu Tổ Tiên chăng thuở khởi nguồn?
nước chảy về đâu mà biển biếc
Về đâu mà đậm chữ yêu thương?

HUỆ THU

rộng thùng thình. Đời sương gió của kiếp hát rong sau này tôi đọc được trong những tác phẩm văn học chưa chắc gì đã điển hình trung thực hơn đôi vai gầy guộc của Bích Thủy, cô đào hát đóng vai Hoa Mộc Lan đến làng tôi hát trong mùa mưa lũ năm một nghìn chín trăm sáu mươi.

Ngày hôm sau khi đi học tôi mang theo một xâu bánh ú cho cô Bích Thủy thì chỉ thấy hội trường vắng ngắt lạnh tanh. Đoàn hát đã ra đi từ sáng sớm mang theo cô gái đã đặt trong tim tôi một chiếc ngăn kéo chứa bao tình cảm mơ hồ đầu đời. Tôi đứng chôn chân bên góc chợ nhìn theo con đường làng heo hút chạy xuyên qua chân núi. Con đường ấy dẫn đến một chiếc đèo dốc thẳm và bên kia là đại dương. Đâu đấy trong lòng tôi như có tiếng nói, "Cô Bích Thủy đã đi và sẽ đi mãi trên con đường gió bụi này."

LÊ LẠC GIAO



HUY TƯỞNG

đêm, mắt lục giác

Đêm
gối mộng dữ
những chuôm ao
núi đồi...

Đêm
tiếng kẹt cửa khoang thủng nỗi buồn
buồn tứa máu đỏ
cong những que thép nung...

Đêm
cơn gió thuồng luồng tráo trở
khóc man rợ
chao đảo khuôn mặt ướt nhòa
hiềm oan...

Đêm
gối mộng dữ
niềm vô ơn cạn đáy
chiếc lưỡi gió hớp từng ngụm hư phù...

*

Ai đã nhìn nhau mắt lục giác
Và dịu dàng đuôi bọ cạp.
Đêm!

Chú chó vàng sủa thống không
khạc nỗi sợ lên chuếnh choáng.
Đêm!
và đêm.

Lay thức hoài thảm thiết...

HUY TƯỞNG



BÙI HOÀNG VỊ

BẨY TRÍCH ĐOẠN MÙA XUÂN MẦU CAM



MÙNG MỘT

Chưa bao giờ đã có, và cũng sẽ chẳng bao giờ nữa, một mùa như thế. Nó ập đến (hay là giáng xuống?) đột ngột, khối kẻ chưa kịp chuẩn bị đối phó. Đêm trước Bà đã vật vã, trở mình suốt, nhưng chỉ ngỡ già, khó ngủ, thế thôi; chẳng ai ngờ đấy là đêm cuối cùng của mùa Đông. Giao Thừa, người ta nghe tắc kè chép miệng bẩy lần, sau đấy, thoang thoảng một hương lạ; đúng hơn, một thứ gì đó tự như pha trộn giữa mùi phân và nước tiểu, mùi nước hoa rẻ tiền, và mùi trăm thứ bà dằn thiu mốc lưu cữu. Rồi, khi thiên hạ vừa kịp chui ra khỏi cơn mê mùa Đông thì nó đã sừng sững đấy. Mùa! *Vo dvore uzhe stoit Vesna. Stenoy. Vot tak!*

Bố, hóa ra vẫn là người mẫn cảm nhất. Chẳng hiểu ông ấy quan tâm đến mùa màng tự bao giờ; mãi đến quá nửa đêm trước còn ngáy như gào, sớm hôm sau đã bật dậy, mắt nhắm mắt mở: *Cờ đâu?*. Ông gắt. Mẹ cuống quít bới trong tủ, trong rương, trong chạn, - mọi nơi. *Hết đời cũng chưa bỏ được cái thói bừa bộn*. Lại gắt. *Thôi, đưa cái khăn ăn đây tôi*. Ông giật phắt vuông giẻ mầu cam đầu chạn, tất tả bước ra đường. Mẹ không kịp cà nhắc với theo: *Kìa, cái dây khóa quần!* như bao lần. Ông ấy đến thẳng quảng trường, leo lên cái bục quen thuộc, buộc một góc cái vuông giẻ lên micro, rồi không để mất một

giây, đi thẳng vào bài diễn văn chào Xuân. Chưa bao giờ đã có, và cũng sẽ chẳng bao giờ nữa, một bài như thế. Một bài ra bài. Mùa!

Pháo chửa dứt, tiếng nổ còn inh tai, khói còn khét lẹt. Mẹ đã bảo: *Thôi, bà vào trong; ngoài này còn để khách khứa người ta đến bây giờ, bà nằm chả tiện đâu*. Rồi gọi: *Cậu đem chõng của bà vào giúp tôi, nhá*. Bà dân dấn nước mắt song vội lau ngay, vì Mẹ lại bảo: *Mùa Xuân rồi, phải vui*. Bà bỏ chõng, xuống đất ngồi, tựa lưng vào tường, thở: *Xuân đến thật, hử con?* Hai mắt Bà nhọc quá, và buồn quá. Bà trông ra quảng trường, nhợt nhạt; ở đấy, Bố, vừa kịp hoàn tất phần nhập đề, đang gầm lên lần thứ nhất: *Cuộc Xống là hài hòa, luôn luôn đi lên... Mùa Xuân, nói đại thể, là vui!*... Còn cài khóa dây kéo quần cũng vừa kịp trễ một quãng trên đường đi xuống, và đang rung lên bận rộn theo từng nhát chém điệu nghệ của diễn giả, vào không khí...

Mẹ cho khiêng tất cả các chậu cây ra đầu hè, *Nu! Pust rastvetut vse tsvety Vesny!* Nào! Hãy để cho tất cả các hoa Xuân nở ra xem nào! Bà run rẩy lùi vào: *Có lẽ tôi không qua khỏi mùa này*. Mẹ lườm: *Chỉ được cái nói gở*.

MÙNG HAI

Gần trưa, Cậu đã khăn gói xong. Mẹ chặn lại ở cửa sau, cố khẽ giọng:

Cậu đi đâu?

Suỵt. Chị biết rồi, đừng hỏi. Để yên tôi đi.

Chả còn chỗ nào là mùa Đông nữa đâu. Đừng có mà xuẩn. Cậu muốn di họa cho cả cái nhà này chắc?

Tôi chẳng muốn gì hết. Dù thế nào tôi cũng phải đi. Lần trước, bố đã không qua khỏi, chị biết rồi. Lần này, tôi cũng thế thôi. Xuân với chả xiếc. Để rồi xem, mấy chậu kiểng của chị sẽ nở ra cái gì.

Mặc xác tôi, cậu khỏi nhiều lời. Cậu chỉ biết cậu. Hèn lắm. Thôi, xéo đi đâu thì cứ việc. Nhưng phải hiểu, đừng có mà quay về cái nhà này, rõ chưa?

Đủ rồi, tôi đi. Chào mẹ giùm tôi. Bảo mẹ tôi đi buôn.

MÙNG BA

Mùa Xuân đã đẩy Bà cùng cái chõng lùi xuống nhà dưới. *Nó đi buôn thật, hử con? Nó có biết gì mà buôn?* Mỗi bận đi nằm Bà lại đờ đẫn hỏi. Nom Bà càng nhọc và buồn. *Tết nhất gì thật rủi*. Mẹ bảo. *Khách khứa chả có lấy một mống thế này*. Mẹ thì khéo lo, chứ có ai đến thật. Mẹ cũng không thể tiếp: Câu Lạc Bộ Những Người Yêu Mùa Xuân (còn gọi là Hội Yêu Xuân) đã

khẩn trương gửi giấy mời họp từ hôm qua; Mẹ chỉ kịp cắp cái nón lá, với cái cặp, rồi sấp ngửa đi. Ra cửa, còn dặn: *Con gái lo cơm nước, nhá. Để phần bố, rồi bà cháu liệu mà ăn trước đi.* Mẹ cũng lại khéo lo, chứ Bố nào được thư thả lấy một chốc để ghé về uống ngụm nước? Đã hơn hai ngày đêm còn gì! Vâng, Bố, diễn giả, đã mặc nhiên gắn chặt tồn tại mình với cái bục lẫn cái micro ấy mất rồi, ở đấy, toàn thân đỏ gay, ông đang phùng mang trợn mắt, nện những nắm đấm quyết liệt vào không khí, trong lúc sửa soạn gầm lên lần nữa cái điệp khúc kinh khủng: *Cuộc Xống là hài hòa, luôn luôn đi lên... Mùa Xuân, nói đại thể, là vui!...* còn cái khóa dây kéo quần thì, lẽ cố nhiên, vẫn chả biết làm sao hơn là tiếp tục nhích thêm một quãng, trên đường đi xuống, và cứ rung lên bận rộn...

Bà vẫn sợ nhất mùa Xuân. Phải. Mà trên hết là cái quảng trường: Trông ra đấy, Bà chẳng thấy diễn giả nào, hay nhà hùng biện nào hết, cũng chẳng nghe bài diễn văn mà gió cứ về từng trường đoạn một. Không, Bà chẳng thấy gì hết; trái lại, trước mắt Bà, ở chỗ ấy, chỉ độc một hình ảnh ông ngày trước, treo đong đưa lơ lửng trên cái cột (chỗ cái loa bây giờ), mình phủ một tấm vải thậm thượt màu cam, bên dưới là đôi ủng, đã ướt sũng phân cùng nước tiểu. Ấy là chuyện bẩy năm trước, vào một mùa Xuân hụt nọ. *Chúa Xuân đã treo ông lên đấy*. Bà vẫn bảo. *Để thị uy, trước khi bỏ đi.* Bẩy năm, Bà hầu quên; song lúc này, chả muốn cũng cứ nhớ lại. Mà tệ hơn, gió thốc lên từng đợt từ quảng trường, hôm nay, chỉ đem về cho bà rặt cái mùi ướt sũng ấy của một mùa Xuân hụt. *Giời ơi! Chúa Xuân!* Bà thảng thốt, như rên. Mỗi bận thế, cháu gái lại chạy lên, từ bếp: *Bà cần gì không?* Bà nhợt nhạt: *Sao ở đây cứ nghe cái mùi ấy, hử con?* Cháu gái chép miệng: *Vâng. Thôi để con thắp thêm hương bàn thờ ông.* Phải một lát, Bà mới nhớ sang việc khác, và ngồi lên, ĐỜ đẫn: *Nó đi buôn thật, hử con?*

MÙNG BỐN

Mẹ, vậy mà không tận tụy với Mùa bằng Bố, mặc dù luôn nói: *Đi họp Xuân cứ vui như đi trẩy hội ấy.* Mỗi ngày Mẹ ghé về hai bận. Thường thì câu đầu tiên: *Ở nhà có khách chứ?* Con gái lầu bầu: *Không.* Còn câu thứ nhì: *Sao Bà không ăn gì cả thế?* Trông Mẹ chả mấy vui.

Hôm nay, khác: mẹ về, hào hứng: cả một tủ lạnh to đùng, được khuân ì ạch theo về. Một cái tủ lạnh, thành quả của những mùa Đông nảo nào, mặc dù hơi cổ lỗ sĩ, cửa và một chân đã rụng rời bải hoải, lúc nào cũng chực ngã lăn, đóng mở phải hết sức gượng nhẹ. Nhưng mà, không thể phủ nhận ý nghĩa trọng đại của nó: Công lao họp hành của Mẹ những ba hôm đấy, không đùa.

Một cái họp ra họp. *Vui cứ như đi trẩy hội ấy*. Mẹ hào hứng tiếp: *Tôi sắp chính thức làm Thư Ký Câu Lạc Bộ đấy. Chả là người ta ai cũng tín nhiệm mình cả, không từ chối được.*

Cái tủ, sẽ kê ở nhà ngoài, chỗ hôm trước còn là chõng Bà. Sẽ chất chứa vào đấy đủ mọi báu vật: Gương lược kim chỉ phấn sáp, xà phòng nước hoa dầu nóng dầu hôi hồ dán giấy vụn giẻ vụn bản thảo Bố tiêu tỏi ớt đường muối mắm dưa cà khô mẻ... - Non một nửa thế giới! (Cái chạn, thế là thất nghiệp.) Từ nay, Mẹ phải ghé về ngày đến ba bận mất. Để chiêm ngưỡng. *Bố mà nom thấy thì phải biết. Lại chẳng ngã ngửa ra ấy à?!*

MÙNG NĂM

Mãi đến mùng Năm các chậu cây của Mẹ mới khởi sự ra hoa. Song, không phải hoa thật, mà hoa giấy. Mẹ đã có sáng kiến bảo con gái lấy giấy, cắt, dán lên các cành. Cũng không biết làm sao hơn, bởi lẽ đã dăm hôm nay, chịu, khắp nơi chả đào đâu được một cái hoa thật. Mẹ đổ lỗi cho Cậu: *Tại cậu mày. Mới mùng Hai đã khéo rủa*. Chỉ nhọc con gái, phải cắt, dán luôn tay, Mẹ có nhà hay không có nhà. *Mẹ nhớ mua thêm giấy mầu nào khác đi, nhá*. Trước lúc mẹ đi trẩy hội, con gái có dặn. *Cứ ba mầu này mãi trông phát sốt được*. Nhưng mẹ bảo không cần. *Dào, chỉ vẽ. Thế cũng tốt rồi. Bố thích thế*. Mà thật, Bố (và có lí gì Mẹ thì lại không?) chỉ vừa mắt có ba mầu này: Đỏ, Cam, và Vàng.

Đến trưa, tất cả các chậu kiểng của Mẹ đã rộ hoa mặc dù, cố nhiên, chỉ độc ba mầu nóng nhất, ba bước sóng dài nhất trong giải quang phổ của bức xạ mặt trời. Để cho thập phần hoàn hảo, Mẹ đem nước hoa rẩy lên hết thẩy. Kết quả, là cả nhà đã nhanh chóng sực nức một mùi nước hoa rẻ tiền.

Từng này đã đủ chưa? Con gái hỏi. *Chưa. Cứ dán nữa vào!* Ý Mẹ muốn các cành phải chi chít hoa. *Mà mày cứ hát cái gì thế, hả con điên? Cái nhà này phải ra ăn mày cả vì ba cái bài hát ấy của mày, mày mới vừa lòng, phỏng?* Con gái sụ mặt, song vẫn không chịu thôi ư ử trong mồm. Nó thì cứ thế, chỉ thích mấy bài tình ca ẽo ợt của mùa Đông. *Mẹ sắp là Thư Ký của Hội đến nơi, con cái trong nhà phải ý tứ chứ!* Mẹ lại lườm một cái.

Chiều tối, Bà vẫn không khỏe hơn. Bị mắc kẹt giữa hai thứ - mùi ướt sũng từ một mùa Xuân hụt và mùi nước hoa rẻ tiền - Bà kiệt lực, có lẽ. *sao bà không chịu ăn gì cả thế?* Mẹ hỏi, nhân khi ghé về bận thứ hai trong ngày. *Nó có biết gì mà buồn?* Bà lại trả lời một nẻo. *Nó có bảo bao giờ về không, hử con?* Lần này, rất tiếc, Mẹ không kiên nhẫn nữa: *Thôi, bà đừng nhắc. Cậu ấy xem như không có trong cái nhà này. Trong khi bao nhiêu người khác đây, - con, nhà con, cháu, - sao bà chả hỏi? Có ai bỏ mặc bà? Còn cậu ấy, nói ra thì xấu hổ,*

chứ thật, có nuôi được bà lấy bữa nào không? Dù sao, Bà cũng chẳng nghe hết câu, chỉ run rẩy, lùi vào chõng, đờ dẫn nằm xuống. Thì đấy! Mùa!

MÙNG SÁU

Im lặng. Cái loa trên quảng trường bỗng ngưng bặt: Bố, đã bất tỉnh nhân sự, sau một trường đoạn hùng hồn nhất, đẹp nhất: *... Mùa Xuân, thế, ai mà chả yêu? Nắng thì hồng này. Không khí thì ấm áp này. Cây cối thì đâm chồi nẩu lộc này. Hoa thì đua nở này. Phải, tôi nhắc lại, muôn hoa!... Đây, ong bay vù vù, kiếm mật. Đó, bướm nhởn nhơ khoe áo sặc sỡ thắm tươi. Mùa Xuân, là mùa mọi người thương nhau, lo cho nhau,... cùng nắm tay nhau đi trẩy hội, đi phố,... Ăn thì ngon, nhá? Mặc thì đẹp, nhá?... Ai nỡ chẳng yêu Xuân?...* Và, cố nhiên, không thể bỏ qua không gầm lên cái phần quan trọng nhất: *Cuộc Xống là hài hòa, luôn luôn đi lên, đi lên,... Mùa Xuân, nói đại thể, là vui!*

Một bài ra bài! Tuy nhiên, diễn giả thì đã bất tỉnh rồi. (Dễ thường phải vậy: Từ trên đỉnh cao của nghệ thuật này, người ta sẽ vừa hoảng sợ, vừa tự thán phục sâu sắc đến độ có thể ngất đi được!) Vâng, Bố, nằm vật nửa người trên diễn đàn, cạnh cái micro, mắt trợn ngược, râu ria tua tủa (đã không cạo từ mùng Một), trên vành tai có một con ruồi đậu, đăm chiêu và láo xược, còn bên dưới thì, ô là la, cái khóa dây kéo quần đã đi gần hết lộ trình; lúc này nó tạm nghỉ ngơi, và bắt đầu để ngỏ trước gió Xuân một mảng quần đùi mầu cam; (cái quần Mẹ mới may từ cùng một đoạn vải với vuông giẻ mà ông đã giật phắt ở đầu chạn và hiện thì đang phấp phới dưới cái micro).

Mẹ, đang ngồi cắt, dán, với con gái ở nhà ngoài, nãy giờ trông ra quảng trường, hết sức tự hào: Một tài năng, rõ ràng là lớn, lại thình lình đi ra từ ngôi trường, cũng không hề nhỏ, là cái giường còn nóng hổi của bà. *Con gái!* Mẹ xởi lởi. *Từ mai con cũng phải đi họp với mẹ mới được. Nhà ta, ai cũng trông vào, phải làm gương, con ạ. Với lại, người ta tham gia vào Câu Lạc Bộ của mẹ ngày một đông. Chỉ riêng hôm nay, con biết không, đã đăng ký thêm được bẩy người vào danh sách đấy!* Song, con gái chả buồn ừ hử, nó còn đang bận ư ử một bài tình ca ẽo ợt nào đấy, của mùa Đông.

Giời ơi! Chúa Xuân! Cũng lúc này, Bà lên cơn mê sảng đầu tiên. Khi Mẹ và con gái chạy xuống nhà dưới, Bà đang trông lên sà nhà, nói một mình: *Ông ấy vừa đến, bảo tôi sẽ không qua khỏi mùa này*. Cháu gái nắm tay Bà, lắc: *Bà ơi! Bà nói gì thế?* Song, Bà giật ra: *Để yên tôi kể nào! Ông ấy nom cứ như Đông Phương Bất Bại vậy; diện xiêm y mầu cam và thêu thùa, công phu thì kinh người: Một tay khung thêu, tay kia cái kim bé tí, đương đầu với bao nhiêu là cao thủ. Ấy thế mà hôm nay, ông ấy bảo tôi phải chết. Giời ơi!* Bà khóc. *Mà*

tôi có phải là cao thủ gì đâu cơ chứ? Mẹ: *Tại bà không chịu ăn uống gì cả đấy!*

MÙNG BẨY

Mùa, thế là lại đẩy Bà cùng cái chõng lùi xuống tận một góc bếp: Bà tiêu, tiểu không chủ động nữa. Mùi nước hoa rẻ tiền, nay phải tăng cường gấp đôi từ các chậu kiểng chi chít hoa ba mầu nóng, ba bước sóng dài nhất trong giải quang phổ bức xạ mặt trời của Mẹ, để hòng át đi cái mùi ướt sũng mà bây giờ chả riêng gì Bà mới cảm nhận được từ một mùa Xuân hụt, trái lại, cả nhà - Mẹ và con gái - cũng có thể nghe ra rõ ràng hiện thực khách quan. Không chỉ thế. Cái tủ lạnh: Từ đầu hôm, non một nửa thế giới, chất chứa trong đó, được phủ đều một lớp mỏng trắng nhờ, và sáng nay, từ tờ mờ, cũng đã kịp đưa ra một mùi chẳng vừa: Mùi trăm thứ bà dằn thiu mốc lưu cữu. Mẹ, để cứu vãn, đã phải động não; thay vì gương lược kim chỉ phấn sáp xà phòng nước hoa dầu nóng dầu hôi hồ dán giấy vụn giẻ vụn bản thảo Bố tiêu tỏi ớt đường muối mắm dưa cà khô mẻ..., thì nay đổi lại: mẻ khô cà dưa mắm muối đường ớt tỏi tiêu bản thảo Bố giẻ vụn giấy vụn..., - chẳng hạn. Dù sao, chưa kết quả nào được ghi nhận hết. Thế, đành phải cho nó lánh tạm xuống bếp, ở một góc, đối diện chõng Bà. *Kẻo nhỡ khách khứa có ai người ta đến*. Bao giờ Mẹ cũng khéo lo, thế thôi.

Bà, bây giờ, bị phong tỏa giữa ba cạnh của một tam giác mùi (các mùi đã tiên cảm được ngay từ khoảnh khắc thiêng liêng của Giao Thừa). Nhưng không khóc, cũng không rên lên thảng thốt nữa; chỉ thì thào (trước lúc Mẹ đi trẩy hội), mắt vẫn không rời sà nhà. *Nó không về, hử con? Không bao giờ về nữa à?* Mẹ lắc đầu, đi tìm cái nón lá với cái cặp. *Ở nhà, mày phải cố ép bà ăn một tí gì đi, Rồi nhớ rẩy thêm nước hoa lên mấy cái chậu cho mẹ*. Xong, đội nón, cắp cặp, sấp ngửa đi. Con gái xuống bếp: *Bà phải chịu khó ăn lấy một miếng, bà nhá*. Nhưng Bà vẫn chỉ trông cái sà nhà. *Không, Bà không đói. Chỉ tội nghiệp nó. Nó không về nữa đâu, con ạ. Chúa Xuân đã bắt nốt nó rồi*. Cháu gái ngồi thụp xuống cạnh Bà, sợ hãi: *Bà ơi, bà nói ai thế?*

Chỉ mãi đến chiều, con gái mới hiểu. Mẹ về, quẳng một mẩu giấy lên bàn: *Khốn nạn* Rồi ngồi phịch xuống ghế, hậm hực. *Đúng là nó di họa cho cả cái nhà này chứ!* Mẩu giấy, của một cha căng chú kiết nào không biết, vừa nhắn về. Tin Cậu: *Đã chết. Cách xứ sở của mùa Đông bẩy dặm*. Mẹ bảo: *Đừng để bà biết*. Nhưng con gái: *Con nghĩ, bà biết rồi*. Mẹ thừ người, một lát lại nhìn mẩu giấy: *Thế là hết Thư hết Ký. Rõ công cốc. Ai người ta tín nhiệm nữa*. Còn cái tủ lạnh, không khéo cũng phải đem trả đến nơi. Thì đấy, mùa Xuân (không như lời Bố): Người ta hay giận. Mà giận dai.

Mẹ có phải đi gọi bố? Con gái hỏi. *Không!* mẹ vẫn ngồi, thừ người. *Để làm gì chứ? Bố chả cần đâu*. Mà Mẹ lần này đúng: Bố, đã vùng dậy rồi, tự nảo nào,

và đang trong tư thế sẵn sàng. Con ruồi thì đã hốt hoảng vụt bay, còn ông ấy, chỉ cần một cái dặng hắng, là xong, không để mất thêm một sát na, lao thẳng vào bài diễn văn đang bỏ dở. Vẫn một bài ra bài! Chỉ khác ở chỗ, cái khóa dây kéo quần giờ chả phải nhích đi đâu nữa hết: Nó đã rơi vào tọa độ chết, dưới mảng quần đùi mầu cam, mặc dù, lẽ cố nhiên, lại rung lên hết sức bận rộn...

Tối. Mẹ cắp cặp lầm lũi đi rồi, Bà mới tắt nghỉ. Ở góc bếp. Mùa, cuối cùng, đã đẩy Bà ra khỏi ranh giới của tồn tại. Mà cũng là ra khỏi vòng kiềm tỏa của cái tam giác ba mùi. *Bà xin lỗi.* Giọng Bà khẽ, cháu gái phải cúi gần sát. Hai mắt Bà nom nhọc quá và buồn quá: *Bà có lỗi với tất cả. Xin lỗi tất cả*. Rồi đi, lặng lẽ. Tiễn Bà, là cả một điệp khúc long trọng của Bố, vang dội trên quảng trường đã sẫm lại trong tối, lẫn với tiếng pháo Xuân bỗng rộ. *Cuộc Xống là hài hòa, luôn luôn đi lên, đi lên... Mùa Xuân, nói đại thể, là vui!...* Và, cả tiếng con tắc kè, ở đâu đó, lại chép miệng bẩy lần, lạc lõng trong không...

Vesna. Ni kogda ne bylo by, da i ni kogda ne budet odnoy drugoy, pokhozhey na etu zhe. Da! Vâng. Phải vậy không, chưa bao giờ đã có, và cũng sẽ chẳng bao giờ nữa, một Mùa như thế?

BÙI HOẰNG VỊ
5-7/95

PHIẾU MUA BÁO

diễn đàn

Họ và tên..
địa chỉ..
....
điện thoại..
Mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số...
Kèm theo đây ngân phiếu..............................FF
để tên Diễn Đàn gồm.....................FF là tiền mua báo (Pháp nội địa 250FF; châu Âu ngoài Pháp 280FF; các tỉnh và lãnh thổ Dom-Tom của Pháp và các nước ngoài Âu châu 330FF. .... là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và sec (hoặc money order) về địa chỉ:
DIỄN ĐÀN
B.P. 50
92340 Bourg-la-Reine - FRANCE



NGU YÊN

phụ lòng ai?

nếu thượng đế hỏi tôi:
"ngươi chọn ta hay chọn vợ ngươi?"
tôi không biết làm sao để trả lời
quí vị nghĩ phải trã lời làm sao?

tôi biết
nếu chọn thượng đế
ngài có thể cho tôi trăm ngàn vợ đẹp và thơm hơn vợ cũ
hoặc vợ hiền hơn không nhì nhằn hờn giận theo dõi chồng
nhưng em yêu dấu
tôi nở lòng nào chối bỏ tình em

người khôn ngoan nói: nên chọn cả hai
người nghịch ngợm nói: đừng chọn ai chọn cô hàng xóm
người quân tử nói: thà chịu chết để tỏ lòng chính đạo
vợ tôi nói: anh mà dám chọn em sao?

vì em đã yêu tôi
vì em đã cùng tôi chia xẻ một đời thăng trầm hiểm họa
vì em đã cho tôi hạnh phúc dù hạnh phúc ấy phù du

vì thượng đế sẽ lấy hết những gì tôi có kể cả em và đời sống
vì thượng đế sẽ trừng phạt những kẻ chống đối ngài
tôi biết phải chọn ai ?

nếu thượng đế hỏi tôi:
"ngươi chọn ta hay chọn vợ ngươi ?"
hơn hai mươi năm nghĩ ngợi
đêm hôm qua   tìm ra câu trả lời
tôi chọn thượng đế với một điều kiện
xin ngài nhập vào cùng sống trong vợ tôi

NGU YÊN
New Hope, Mineapolis 23-02-97



HEINRICH BOLL

NGƯỜI CƯỜI



Khi ai hỏi tôi làm nghề gì, tôi cảm thấy xấu hổ, ngượng ngùng: tôi đỏ mặt, lắp bắp, trong khi tôi thật sự là một người đàng hoàng. Tôi cảm thấy ganh ghét với những người có thể nói: Tôi là thợ làm gạch. Tôi ganh tỵ với người thợ hớt tóc, kế toán và các nhà văn vì sự dễ dàng của nghề nghiệp họ, họ chẳng cần phải kể lể dài dòng gì trong khi tôi phải khó khăn lắm mới trả lời được: tôi là người cười. Sự thú nhận nầy sẽ dẫn đến sự thú nhận khác vì bao giờ người ta cũng hỏi tiếp: "Anh thật sự kiếm tiền bằng cách đó sao?", và tôi phải trả lời "Vâng, đúng vậy". Tôi thật sự đã kiếm sống - một cách thoải mái nữa là khác - bằng tiếng cười của mình, vì tiếng cười của tôi - nói một cách thực tế - là rất cần trong thời buổi thị trường. Tôi là một người cười giỏi, đầy kinh nghiệm, không có ai cười hay như tôi, không có ai đạt đến nghệ thuật cười như tôi. Có thời gian để tránh khỏi phải trả lời lòng vòng, tôi đã bảo tôi làm kịch sĩ nhưng tài nghệ diễn xuất cũng như giọng lưỡi của tôi quá xa vời với danh xưng đó, trong khi tôi là người tôn trọng sự thật, và sự thật là: tôi là người cười. Tôi cũng không phải là anh hề hay kịch sĩ hài. Tôi không có khả năng làm người ta cười, nhưng tôi tượng trưng cho niềm vui: Tôi cười như một ông Vua La Mã hay như một chú học trò dễ thương, tôi có cái cười của thế kỷ thứ 17 cũng như của thế kỷ 19, và nếu cần tôi có thể cười xuyên suốt nhiều thế kỷ, đủ mọi giai cấp xã hội, đủ mọi lứa tuổi: đơn giản là tôi đã học được kỹ xảo đó, cũng giống như kỹ xảo sửa giày của một người thợ sửa giày thôi. Trong lồng ngực tôi chứa tiếng cười của người Mỹ, tiếng cười của người Phi châu, tiếng cười của người da trắng, đen, vàng, đỏ - và nếu đúng giá tôi có thể sửa đổi cho nó đúng theo yêu cầu của đạo diễn.

Tôi trở nên tối cần thiết; tôi cười để thu dĩa, tôi cười để thâu băng, và các

vị giám đốc truyền hình đối với tôi đầy nể trọng. Tôi cười một cách buồn bã, một cách vừa phải, hay một cách thái quá; tôi cười giống như người điều khiển xe điện trên đường phố hay như một chú nhỏ học nghề trong tiệm bách hóa, tiếng cười vào buổi sáng, tiếng cười vào buổi tối, lúc canh khuya hay lúc trời chạng vạng sáng. Tóm lại: bất cứ ở đâu, và bất cứ cách nào, nếu cần, tôi đều có thể làm được hết.

Có lẽ cũng không cần phải nói là cái nghề nầy rất mệt, nhất là vì tôi cũng đã làm chủ luôn được nghệ thuật lôi kéo người khác cười - đây là chuyên nghiệp của tôi - điều này làm cho tôi trở thành tối cần thiết đối với các vị chọc cười hạng ba, hạng tư, những người sợ rằng - không hẳn là vô duyên cớ - khán giả của họ không thể cười vì lời chọc cười của họ, thành ra nhiều đêm tôi phải ở trong các chỗ vui chơi đóng vai trò cò mồi, lựa những chỗ dở nhất trong chương trình để cười và lôi kéo người khác cười theo. Tôi phải canh đúng lúc: tiếng cười hồ hởi, lớn tiếng của tôi không thể đến sớm hơn và cũng không thể trễ hơn, nó phải đến đúng cái lúc đã canh sẵn, tôi sẽ cất tiếng cười, và đám khán giả sẽ cười hùa theo, và thế là lời chọc cười đã thành công.

Nhưng còn đối với tôi, tôi phải lê thân xác mệt mỏi của mình ra cửa, thầm cảm ơn là đã trả xong nợ áo cơm. Khi trở về nhà, đã có những bức điện tín chờ đợi tôi với nội dung đại khái như: “Cần gấp tiếng cười của anh bạn. Sẽ thu âm thứ ba”, và vài giờ sau đó tôi lại phải giam mình trong các toa tàu nóng hâm hấp mà nghiền ngẫm về số phận của mình.

Không cần phải nói, những khi tôi được nghỉ hay lúc được lấy phép tôi không muốn cười nữa: giống như người kéo cày không muốn nghĩ tới con trâu cày, hay anh làm gạch muốn quên đi cái lò hầm gạch của mình, và các bác thợ mộc thường không đụng tới mấy cánh cửa lung lay ở nhà họ. Như người thợ làm bánh kẹo lại thích dưa chua, anh hàng thịt lại thích bánh hạnh nhân, và thợ bánh mì lại thích xúc-xích; kẻ đấu bò lại giải trí bằng cách nuôi bồ câu; anh đánh box lại xanh xám mặt mày khi con họ chảy máu mũi; tất cả những nghịch lý nầy đối với tôi đều có thể hiểu được, vì chính tôi, tôi không bao giờ cười ngoài giờ. Tôi là người rất nghiêm trang đến đỗi có người cho tôi là - có lẽ cũng không sai - một kẻ bi quan.

Trong những năm tháng đầu khi mới lập gia đình, vợ tôi thường nói với tôi: “Làm ơn cười lên một chút!” nhưng đã từ lâu rồi vợ tôi biết tôi không thể nào chiều ý nàng về chuyện đó. Tôi cảm thấy sung sướng được thư giãn những cơ bắp ở mặt của tôi, thư giãn tinh thần bị trói buộc của tôi trong sự nghiêm trang sâu lắng. Thật ra, ngay chính tiếng cười của người khác cũng làm tôi điên đầu, vì nó lại gợi tôi nhớ đến nghề nghiệp của mình. Vì thế cho nên cuộc hôn nhân của tôi rất yên tĩnh, lặng lẽ, vì vợ tôi cũng quên cười luôn: thỉnh thoảng tôi bắt gặp nàng mỉm cười, và tôi cũng mỉm cười. Chúng tôi trò chuyện nhỏ giọng, vì tôi đã quá chán ghét các tiếng ồn trong các nightclubs, trong các phòng thâu âm. Người không biết cho là tôi quá nghiêm nghị. Có



NGUYỄN NHƯ MÂY

quán khuya

quán khuya ngồi lại một mình
tôi nghiêng ly rượu để tìm bóng tôi
quán khuya ngồi đã cuối đời
tôi nghiêng tôi xuống để cười bóng trăng
quán khuya ngồi đến biệt tăm
một tên phiêu lãng trăm năm không về.

(Như Mây quán, Phan Thiết)

cảm ơn cát bụi

cảm ơn cát bụi vô danh
một ngày nào đó kết thành cõi ta
cảm ơn thân xác đã già
một ngày nào sẽ vì ta lìa đời
cảm ơn ta vẫn mỉm cười
gánh bao cát bụi để rồi về không.

NGUYỄN NHƯ MÂY
(Giêng 1996, Phan Thiết)

lẽ tôi như thế, vì tôi phải mở miệng cười quá nhiều.

Suốt cuộc đời, tôi mang một vẻ mặt không cảm xúc, thi thoảng tôi mới cho phép mình được mỉm cười, và tôi thường tự hỏi thật sự tôi có bao giờ cười không, tôi nghĩ không. Các anh chị em tôi đều bảo từ nhỏ tôi đã là một đứa trẻ lầm lì.

Thành ra tôi đã cười bằng qua nhiều kiểu cách, nhưng tiếng cười thật của chính tôi, tôi chưa bao giờ được nghe.

L. T. L *chuyển ngữ*
(dịch từ bản tiếng Anh "The Laughter",
truyện thật ngắn của tác giả người Đức HEINRICH BOLL)



BERNARD MALAMUD

NGƯỜI MẪU



Bernard Malamu bắt đầu viết từ những năm 1940, khi ông còn dạy ở các trường trung học. Mười năm sau các tác phẩm của ông đã bắt đầu xuất hiện trên các tạp chí văn học như Paris Review, Harper's Bazaar, Commentary. Năm 1959, ông được giải thưởng National Book Award cho tập truyện ngắn mang tên The Magic Barrel, và năm 1967 ông được cả hai giải National Book Award và giải Pulitzer cho quyển tiểu thuyết The Fixer. Ông mất năm 1986, tại thành phố New York.

*

Một sáng, Ephraim Elihu gọi điện đến Hội Sinh Viên Mỹ Thuật và hỏi người đàn bà trả lời điện thoại để tìm một cô người mẫu có kinh nghiệm làm mẫu khỏa thân. Ông nói là ông cần tìm một cô khoảng 30 tuổi. "Bà có giúp tôi được không?"

"Tôi chưa nghe qua tên ông", người đàn bà nói qua điện thoại. "Ông có từng giao dịch với chúng tôi trước đây chưa? Một số sinh viên ở Hội có làm người mẫu, nhưng chỉ cho các họa sĩ quen biết với Hội". Ông Elihu trả lời không. Ông bảo mình chỉ là một họa sĩ không chuyên, tuy trước đó cũng có ở trong Hội.

"Ông có xưởng vẽ không?"

"Tôi có một phòng khách rộng rãi, rất sáng sủa. Tôi không còn trẻ nữa", ông nói "nhưng sau nhiều năm, giờ tôi muốn cầm cọ trở lại và tôi muốn vẽ mẫu khỏa thân để quen dần trở lại với thể, khối. Tôi không phải họa sĩ chuyên nghiệp, nhưng tôi rất nghiêm túc trong việc vẽ tranh. Nếu bà cần biết thêm về thân thế của tôi, tôi có thể cho bà biết thêm".

Ông hỏi người đàn bà giá thuê một người mẫu bao nhiêu, và người đàn

bà sau một chút im lặng, nói "Sáu đô-la một giờ".

Ông Elihu đồng ý về giá cả. Ông còn muốn nói thêm nữa, nhưng người đàn bà chỉ trả lời nhát gừng. Bà ta ghi tên, địa chỉ của ông, và nói có lẽ ngày kia bà sẽ gửi một cô người mẫu đến. Ông cảm ơn về sự thông cảm của bà.

Đó là một ngày thứ tư. Cô người mẫu xuất hiện sáng thứ sáu. Cô đã điện cho ông đêm trước đó, và họ thỏa thuận giờ giấc. Cô gái nhấn chuông nhà ông lúc hơn 9 giờ một chút, và ông Elihu lập tức mở cửa. Ông là một ông già 70, tóc muối tiêu, sống trong căn nhà gạch nâu, gần đường số 9. Ông rất hào hứng với ý nghĩ sẽ được vẽ cô gái nầy.

Người mẫu là một cô gái trung bình, không đẹp, khoảng 27, 28 gì đó, ông họa sĩ nghĩ có lẽ điểm thu hút nhất ở cô là đôi mắt. Cô khoác áo mưa màu xanh, giữa một ngày mùa xuân trong sáng. Người họa sĩ già thấy cô gái dễ thương, nhưng ông không nói gì. Cô không nhìn ông khi bước vào phòng.

"Chào cô", ông nói, và cô trả lời "Chào ông".

"Mùa xuân rồi. Các cây foliage lại nhuốm nụ", ông già nói.

"Ông muốn tôi thay đồ ở đâu?" Cô người mẫu hỏi.

Ông Eliby hỏi tên cô gái, cô trả lời: "Cô Perry".

"À, cô có thể thay đồ trong phòng tắm đó cô Perry, nếu cần cô có thể thay trong phòng riêng của tôi - phía dưới kia, phòng trống, không có ai, hay cô có thể thay ngay tại đây. Ấm hơn trong phòng tắm".

Cô người mẫu nói đâu cũng được, nhưng thật ra cô nghĩ thay trong phòng tắm sẽ tiện hơn.

"Tùy cô", người đàn ông già nói.

"Vợ ông có nhà không?", cô gái hỏi, nhìn quanh phòng.

"Không, tôi góa vợ".

Ông còn nói trước đó ông có một cô con gái, nhưng cô đã chết trong một tai nạn.

Thật đáng tiếc, cô người mẫu nói. "Tôi vào đó thay đồ, rồi trở ra ngay".

"Cô cứ thong thả", ông Elihu nói, cảm thấy vui vì sắp được vẽ cô gái.

Cô Perry vào phòng tắm, cởi bộ quần áo, rồi trở ra ngay. Cô cởi áo choàng. Đầu, vai cân đối, nhỏ nhắn. Cô hỏi người họa sĩ già muốn vẽ cô ở tư thế nào. Ông đang đứng cạnh bàn ăn, bên một cửa sổ lớn. Trên bàn hai ống màu đã được mở, và ông đang pha trộn màu. Còn ba ống màu khác nữa, nhưng ông không đụng đến. Người mẫu, rít hơi thuốc cuối, dụi tàn vào nắp hộp cà-phê trên bàn ăn.

"Ông có phiền không, nếu thỉnh thoảng tôi phải ngừng lại hút thuốc".

"Không, khi ta nghỉ tay, cô có thể hút thuốc".

"Vâng, ý tôi là thế đó".

Cô đứng nhìn ông chậm rãi pha màu.

Ông Elihu không nhì thẳng vào thân thể cô, ông bảo cô đến ngồi ở ghế, cạnh bên cửa sổ. Trước mặt họ là một khoảng sân đầy cây ailanthus vừa ra

lá.

"Ông muốn tôi ngồi thế nào, tréo chân hay không?"

"Sao cũng được. Tréo chân hay không, không thành vấn đề với tôi. Cô ngồi sao thoải mái thì thôi".

Người mẫu có vẻ ngạc nhiên với câu trả lời đó, nhưng cô ngồi xuống chiếc ghế vàng, cạnh cửa sổ và tréo chân lên. Thân hình cô thật đẹp.

"Thế nầy được chưa, thưa ông?"

Ông Elihu gật đầu. Tốt. Rất tốt. Ông nói.

Ông nhúng cọ vào màu ông đã pha, liếc nhìn thân thể trần trụi của người mẫu và bắt đầu vẽ. Ông nhìn cô, rồi nhìn ra chỗ khác ngay như thể ông sợ xúc phạm đến cô. Nhưng vẻ mặt ông bình thản. Ông vẽ từ tốn, thỉnh thoảng nhìn người mẫu. Cô gái hình như không chú ý tới sự có mặt của ông. Có lúc cô quay người nhìn ra những cây ailanthus, trong một thoáng ông nhìn cô, tự hỏi không biết cô đang nghĩ gì.

Rồi cô bắt đầu nhìn ông chăm chú. Cô theo dõi mắt ông nhìn, tay ông vẽ. Ông tự hỏi không biết mình có làm điều gì sai không. Sau một giờ, cô đứng bật dậy khỏi chiếc ghế vàng.

"Mệt sao?" ông hỏi.

"Không hẳn thế", cô trả lời, "nhưng tôi muốn biết, nhân danh chúa, ông đang dở trò gì thế? Nói thẳng ra là ông chả biết tí gì về hội họa".

Cô gái làm ông bàng hoàng. Ông vội vã lấy khăn phủ lên giá vẽ.

Ngừng một chút, ông Elihu, thở hổn hển, liếm đôi môi khô, nói ông không bao giờ tự xưng mình là họa sĩ. Ông nói rằng ông đã khẳng định điều đó với người đàn bà tiếp chuyện ông ở trường Mỹ Thuật.

Rồi ông tiếp "Có lẽ tôi có lỗi trong việc nhờ cô đến làm mẫu hôm nay. Đáng lý ra tôi phải đợi thêm một thời gian nữa để tự luyện mình thêm, mà không nên làm mất thì giờ của ai khác. Có lẽ tôi chưa đủ tài để thực hiện điều tôi ao ước".

"Tôi không cần biết ông đã tự thử nghiệm trong bao lâu", cô Perry nói. "Nói thẳng ra là ông không hề vẽ tôi. Đúng ra, ông chẳng có hứng thú gì để vẽ tôi cả. Ông chỉ có hứng thú trong việc ngắm nhìn tôi khỏa thân để thỏa thích ý đồ riêng của ông. Tôi không cần biết về sở thích, nhu cầu cá nhân ông, chỉ biết rằng những sở thích, nhu cầu đó chẳng liên hệ gì đến vẽ vời".

"Có lẽ tôi đã hiểu lầm".

"Chứ còn gì nữa," cô người mẫu nói. Cô đã mặc áo choàng trở vào, cột chặt sợi dây lưng.

"Tôi là một họa sĩ", cô nói "và tôi chỉ làm mẫu vì đang khó khăn, nhưng gặp một kẻ đội lốt thì tôi biết tỏng ngay".

"Tôi thật tội, ông Elihu nói "nếu như tôi đã không nhọc công giải thích trường hợp của tôi với bà gì đó ở trường Mỹ Thuật".

Ông Elihu nấc lên "Tôi thật xấu hổ với mọi chuyện. Đáng lý ra tôi nên suy

nghĩ thêm về chuyện nầy trước khi bắt tay vào việc. Tôi đã 70 tuổi. Tôi luôn yêu thích phụ nữ và cảm thấy hụt hẫng, mất mát khi ở tuổi nầy mà không có người phụ nữ nào bên mình để làm bạn. Đó cũng là lý do tôi muốn trở lại với cây cọ, giá vẽ, dù rằng thú thật tôi cũng chẳng có tài cán gì. Có lẽ tôi chẳng ý thức được là tôi đã quên khá nhiều về hội họa. Cũng như về cơ thể phụ nữ. Tôi không ngờ rằng tôi có thể xao xuyến như thế khi nhìn cô, tôi nhớ lại thời tuổi trẻ, chợt nhớ rằng cuộc đời mình sắp đi qua. Tôi đã mơ ước là công việc vẽ giúp tôi tìm thấy cuộc đời có ý nghĩa hơn. Tôi xin lỗi đã làm cô phiền rộn, bực mình".

"Sự phiền rộn của tôi sẽ được trả giá", cô Perry nói. "Nhưng ông không thể trả cho sự sỉ nhục của tôi phải mang thân thể tôi đến đây để ông nhìn cho thỏa thích".

"Tôi không hề có ý làm nhục cô".

"Nhưng tôi cảm thấy thế".

Đoạn cô gái yêu cầu ông Elihu cởi đồ ra.

"Tôi?" ông hỏi, ngạc nhiên "Để làm gì?"

"Tôi muốn phác họa ông. Cởi quần áo ra".

Ông nói ông mới vừa vứt bỏ hết những đồ lót mùa đông nên không có mặc đồ lót, nhưng cô gái không hề mỉm cười.

Ông Elihu cởi đồ, cảm thấy xấu hổ về hình dạng mình trước mặt cô gái.

Với những nét vẩy, cô phác họa hình thể ông. Ông không phải xấu xí gì, nhưng cảm thấy bất an. Sau khi hoàn thành bản phác thảo, cô nhúng cây cọ của ông vào mảng màu đen mà cô vừa nặn ra từ ống màu, và quẹt tùm lum lên bức họa, để lại một đống màu đen sẫm.

Ông lặng lẽ nhìn cô biểu lộ tình cảm căm tức đối với ông, không nói lời nào.

Cô Perry vứt cây cọ vào giỏ rác, rồi quay vào phòng tắm thay đồ.

Người đàn ông già viết tờ ngân phiếu, điền vào giá tiền đã thỏa thuận. Ông hơi xấu hổ khi phải ký tên mình, nhưng ông vẫn ký và trao tấm ngân phiếu cho cô. Cô Perry nhét tấm ngân phiếu vào cái xách tay lớn của mình, rồi đi ra.

Ông nghĩ cô gái có vẻ đẹp riêng trong phong cách của mình, dù rằng cô không được tế nhị. Ông già tự hỏi "Cuộc đời mình có còn gì tốt đẹp hơn không? Cuộc đời còn lại của mình chỉ như thế này mãi sao?"

Câu trả lời không thể khác hơn. Và ông khóc vì sự già nua mau chóng của mình.

Sau đó, ông dở khăn ra khỏi giá vẽ, cố vẽ lại khuôn mặt cô gái bằng trí nhớ, nhưng ông đã quên khuôn mặt đó mất rồi.

LTL *chuyển ngữ*
(theo The Model)



THẬN NHIÊN

cuội

lẽ ra nguyệt ngủ trên trời
tội tôi mỏi cổ nguyệt rơi xuống trần
để đêm đẩy cửa ngó trăng
mới hay rêu phủ âm thầm gốc tôi

láng giềng

bậu ơi nhớ đứng nhớ ngồi
cái tâm lẩn thẩn nửa trong nửa ngoài
mưa chiều - mái lá - ngọn khoai
thì ca vọng cổ cho - mùi - giấc - nhau

dạ vũ

nhớ xưa bậu tóc bánh bèo
bồi hồi hội ngộ bậu đeo tóc xù
gió khuya xiêu dáng hát ô
một dòng sương đổ mịt mờ trước, sau

xàng xê

tít xa thấp thoáng cội đào
nghỉ tay dựa gốc phong cao mà ngồi
ngó mông cỏ bạt ngàn đồi
xé bì thuốc viết mấy lời xàng xê

THẬN NHIÊN



ĐÔNG HOÀNG

KỶ NIỆM VỀ BIỂN



Đôi chân Huyền lần bước chầm chậm trên mặt cát vàng. Bãi cát cứ trải ra, kéo dài đều đặn đến tận phía chân mây. Làn nước biển màu xanh ngọc bích chốc chốc lại tràn vào ôm lấy bờ, vỗ về nhè nhẹ chừng như mơn trớn. Mùi muối biển mằn mặn thoang thoảng, dây dưa đâu đây trong làn gió. Cái nham nhám, ran ran của cát cứ bay bay giữa không gian. Và nắng đổ xuống. Thứ nắng nhiệt đới sẵn sàng nướng sạm những thân hình trắng bệch trên bãi... Giữa khung cảnh nghỉ mát lý tưởng đó, bỗng từ đâu xuất hiện một thằng nhỏ cụt giò, mặt mày đen đúa như mọi. Nó chống nạng cà thọt từ chỗ này qua chỗ kia, tay chìa ra mấy xâu chuổi kết bằng vỏ ốc, miệng liên tục chào mời khách.

Huyền đến bên dưới chiếc dù to màu xanh và ngã người thoải mái xuống chiếc ghế bố. Bên nàng là một gã đàn ông trung niên bô trai. Trên thân thể vận động viên của hắn dường như không có một tí mỡ thừa nào cả. Thằng bé cụt chân đến bên người đàn ông, đưa mấy sợi chuổi ra mời khách mua. Gã cứ giả tảng như không nghe thấy. Thằng bé đứng xớ rớ, tay lủng lẳng mấy sợi chuổi như thể còn hi vọng khách sẽ đổi ý. Mắt nó hết nhìn gã đàn ông rồi lại nhìn Huyền.

- Thôi được rồi, lựa cho chị 3 xâu đi.

Một thoáng ngạc nhiên xen lẫn vui mừng hiện ra trên mặt đứa bé. Nó lanh lẹ đưa đủ ba sợi cho Huyền, lấy tiền bỏ vào túi rồi lật đật lủi nhanh như sợ bị nàng đòi lại.

- Huyền mua cho một đứa, chút nữa cả đám tụi nó kéo tới đây cho mà coi!
- Kệ! Lâu ngày mình làm phước chút mà!
- Lúc trước tôi cũng hay làm như vậy. Nhưng mãi đâm chán... Mình càng tốt bụng thì càng bị lợi dụng... Nhất là ở xứ này,... có khi còn nguy hiểm nữa...

*

Chiều hôm đó, gã đàn ông mời Huyền dùng cơm tại nhà hàng sang nhất trong thành phố. Hắn gọi rượu mạnh, còn Huyền chỉ uống nước ngọt.
- Huyền biết không, tôi đang viết một cuốn sách...
- Anh thật là tài! Đã thành công trên thương trường, bây giờ lại còn tín làm nhà văn nữa...
- Huyền nói làm tôi mắc cở quá! Trên thương trường thì làm sao bằng Huyền được! Còn trên văn trường... thấy thiên hạ ai cũng viết, chẳng lẽ mình cứ ngồi nhìn. Cũng phải góp mặt với đời chứ!
- Anh viết về đề tài gì?
- Thì đại khái... cứ tả oán, than thở, chê bai cuộc sống ở Mỹ cho mạnh vào. Đề tài này thì phong phú lắm! Lại thời thượng nữa! Cứ việc kêu toáng lên rằng thì là xã hội thiếu tình cảm, nào là lòng người đổi tahy, nào là đời sống cô đơn, nào là kiếp ăn nhờ ở đậu đầy tủi nhục, nào là cộng đồng không đoàn kết. Tha hồ...
Sau bữa ăn, hai người tản bộ bên nhau như đôi tình nhân rồi ghé vào vũ trường. Gã đàn ông dìu Huyền khéo nuh thể máu trong người hắn chảy theo dòng nhạc và tim của hắn cùng nhịp với điệu trống kèn. Có những lúc, không biết vô tình hay cố ý, hắn cho đôi môi chạm thật nhẹ vào tóc Huyền. Khi cuộc vui tàn, hắn tiễn nàng về tận khách sạn.
- Cảm ơn anh đã keep Huyền company ngày hôm nay...
Huyền mở khóa vào phòng. Gã đàn ông đẩy nhẹ cánh cửa bước theo. Hắn hạ giọng, gần như thì thào:
- You forget my good night kiss!
Nàng quay lại. Dáng điệu của hắn giống hệ như một tài tử Hồng Kông nào đó. Hắn cúi xuống áp lên môi nàng một nụ hôn thật cháy. Hai người hôn nhau y hệt như trong xi-nê Mỹ. Hắn kéo Huyền đến bên chiếc giường. Cả hai ngả xuống nệm. Hắc rúc đầu vào cổ nàng. Những ngón tay của hắn lần mò tìm chỗ mở nút áo.
- Stop it!
Giọng nói của Huyền lạnh như thép khiến gã đàn ông bị cụt hứng. Nàng đẩy hắn ra và đứng lên.
- Anh về đi!
Gã đàn ông tưởng nàng giỡn chơi. Hắn cười cười, chồm tới định nắm lấy tay nàng. Nàng lùi lại.

- Anh về ngủ đi. Khuye rồi!

Huyền mở toang cánh cửa bước ra ngoài. Mãi hồi lâu sau, gã đàn ông mới chịu đứng lên, thất thểu đi ra. Đến phía cuối hành lang, hắn còn quay đầu nhìn lại. Nàng mỉm cười đưa tay thổi cho hắn một nụ hôn cầu hòa.

Trở vào phòng, Huyền vặn vòi sen cho vừa mát rồi đứng dưới tia nước thật lâu, nhắm mắt tận hưởng cái hạnh phúc được tẩy sạch những lớp bụi và muối trên người. Tay nàng xoa xoa nhè nhẹ nơi vết thương vô hình giữa hai đùi, chỗ con gái nhất của thân thể nàng. Những giọt nước vừa mát vừa ngọt từ vòi sen vẫn xối xả tuôn xuống. Bàn tay nàng di động theo một nhịp điệu quen thuộc. Từng đợt cảm giác đậm đà tràn lên làm nàng ngây ngất. Chỉ giây phút sau, thân xaác nàng đạ chìm đắm trong một vùng sung sướng không tả. Huyền dừng tay, run rẩy tự ôm lấy mình...

*

Huyền đứng một mình trên mõm đá, mắt nhìn xa xôi ra khơi. Mái tóc dài hoe hoe nâu của nàng bung ra, rối bù, bay bay theo gió. Phía dưới chân nàng, từng đợt sóng trắng ào ạt nối nhau đánh vào bờ. Bãi biển chỗ này đầy đá lớn nhỏ nhấp nhô nên ít có ai thèm lai vãng đến. Huyền đứng một mình thật lâu rồi quay lưng, mon men leo trở lên chỗ con đường nhựa.

- Chị ơi chị! Mua dùm em vài sợi giây chuyền đi chị!

Trên con lộ vắng, đứa bé tàn tật mà nàng gặp hôm qua đang cà thọt tiến về phía nàng.

- Hôm qua chị mua cho em rồi, em không nhớ sao?

- Em nhớ chớ! Nhưng mà người sang trọng như chị chắc là phải có nhiều bạn bè lắm... Chị mua thêm về tặng bạn đi chị! Quà quê hương mà chị! Mai mốt về bên bển đâu còn nữa đâu!...

Huyền phì cười trước vẻ lanh lợi của thằng nhỏ.

- Chị ơi! Tụi em nghèo lắm... Chút bạc cắc của chị cũng đủ nuôi tụi em mà...

- ...

- Giúp em chút nghe chị!

- Thôi được rồi... chị sẽ mua hết cái giỏ này cho em! Chịu không?

Thằng bé trố mắt nhìn Huyền. Gương mặt nó chứa đầy những nét gian lao. Huyền mở bóp lấy tiền đưa cho nó.

- Chị em mình xuống kia ngồi nói chuyện chút được không?

Đứa bé nhìn Huyền nghi ngờ nhưng rồi cũng làm theo lời nàng. hai người tản bộ xuống phía bãi cát nhỏ nằm giữa những ghềnh đá.

- Nhà em ở gần đây hả?

- Hông! Em ở ngàoi chợ. Tại bữa nay lên chùa cúng ông bà già nên mới đi ngang đây.

- Em tên gì vậy?
- Hải...

Huyền ra dấu cho Hải cùng ngồi xuống. Nàng hỏi nó về những gì đã xảy ra trong mấy năm qua. Nó kể tràng giang đại hải đủ thứ chuyện. Chuyện đại ca xã hội đen, chuyện yên hùng xa lộ tái xuất giang hồ, chuyện Tây ba lô từ tứ xứ kéo đến. Nó lại bắt qua chuyện cán bộ nhà nước bây giờ khoái cất nhà ra sao, ăn nhậu, chi địa thế nào. Rồi chuyện kẻ ra đi người trở về rộn ràng cả xóm. Kể chán, nó hỏi hồi trước nàng ở đâu. Nàng bảo nàng cũng sinh ra và lớn lên từ thành phố này, nhưng bây giờ chẳng còn ai thân thuộc để mà thăm. Nó hỏi về nghề nghiệp của nàng bên Mỹ. Nàng bảo nàng làm địa ốc, nhưng mà kể chuyện làm ăn nghe buồn ngủ lắm. Nó hỏi về gia đình nàng. Nàng lắc đầu.

Tán dóc linh tin được chốc lát, hai người hết chuyện để nói, đành im lặng cùng nhìn ra biển xem sóng vỗ chim bay. Hai người ngồi đó cũng lâu lắm. Khi chiều gần tàn, Hải bắt đầu kể cho nàng nghe chuyện đi buôn với mẹ nó qua tận xứ Kampuchia, có lúc bị tụi Miên rình bắn xém chết. Huyền chẳng có gì để nói, đành kể về các loại hoa cỏ trong khu vườn sau nhà của nàng. Hải nhắc lại tai nạn mìn nổ cướp đi mẹ nó và tàn phá thân thể nó. Càng đi sâu vào câu chuyện, Hải kể càng hăng hơn, càng sống động hơn, càng chi tiết hơn. Nó tự nhiên trở thành người chủ động trong cuộc đối thoại. Nó tả lại chân nó bị cắt đứt ra sao, xác mẹ nó bị nổ banh phèo phổi ra sao, ba nó bị ho lao ra sao, đờm dãi lầy nhầy màu gì, lúc gần chết gớm ghiếc, thê thảm thế nào. Kể xong, nó đưa mắt nhìn Huyền. Nàng đang lơ đãng trông theo những gợn mây tím bay bay trên biển. Ánh nắng hoàng hôn làm mặt nàng rạng lên đỏ hồng và mắt nàng long lanh. Khi trời hơi sụp tối, Huyền rủ thằng nhỏ ra chợ kiếm chút đồ nhét bao tử.

Ngày hôm sau, Hải tìm Huyền ngoài bãi cát và đưa cho nàng một sợi dây chuyền.

- Đẹp quá! Bao nhiêu vậy em?
- Cái này em không lấy tiền. Em... tặng không cho chị...
- Cảm ơn Hải nhiều lắm nghe! Sao chị không thấy em bán loại này?
- Khó tìm vỏ ốc lắm!

Huyền đưa sợi dây chuyền lên mang vào cổ. Tay nàng mân mê những chiếc vỏ ốc mát lạnh lấp lánh ánh ngũ sắc.

- Hồi đó tới giờ em chỉ có làm hai sợi...
- Vậy sao? Em làm chị cảm động quá...

Hải nhún vai. Nó ngồi yên nhìn Huyền đang nâng niu, ngắm nghía sợi chuỗi.

- Nhưng chỉ có chị mới quí món đồ tầm thường của em, còn người kia...
- ...?
- Họ liệng vào thùng rác!

- Ai lại làm kỳ vậy?

Hải bắt đầu kể về một cô bé tên là Mai Linh. Hải và Mai Linh đã từng học chung lớp với nhau từ thuở nhỏ.

- Hải có thích Mai Linh không?

Hải đỏ mặt trước câu hỏi đùa của Huyền. Từ sau khi bị tai nạn, nó vẫn cố lẩn tránh không dám cho Mai Linh nhìn thấy thân hình tật nguyền của nó.

- Hồi nó mới 14 tuổi, đã có nhiều thằng bên xóm nó theo cua lắm... Vậy mà...

- ?

- Bữa tối kia... Em thấy nó thoa son đánh phấn, ngồi trong xe hơi với một ông thương gia Đài Loan mập bự. Rồi mấy tháng sau nó lên Sàigòn ở luôn...

- ...

- Hồi Mai Linh dọn nhà đi, có mấy đứa con nít lượm được sợi chuỗi ở trong đống rác sau nhà... Sợi chuỗi mà em cho nó hồi trước...

Dòng đời riêng tư, Hải kể ra cho Huyền nghe. Còn nàng thì vẫn giữ kín những chuyện của mình. Nàng không dám kể cho nó nghe về thảm cảnh trên biển. Hồi đó, chỉ vì sắc đẹp của mình, nàng đã bị hàng trăm tên hải tặc hãm hiếp. Sau mười ngày mười đêm dở sống dở chết trong địa ngục, nàng bỗng thấy vạn vật chung quanh trở nên yên tĩnh lạ lùng. Mọi nỗi đau đớn, nhục nhã, tức tưởi, điên dại đều biến mất khỏi xác thân nàng. Nàng trở nên dửng dưng. Nàng mở to mắt ra một cách thách thức, sẵn sàng đón nhận xem mình sẽ bị định mệnh chà đạp ra sao. Huyền thành như một người lính đã quá quen thuộc với tang thương, ngồi cạnh xác chết banh óc lòi ruột mà vẫn có thể ăn uống được như thường. Tất cả chỉ còn là một tuồng xi-nê đang được chiếu ra trước mắt mà nàng là khán giả bất đắc dĩ. Nàng thản nhiên đến nổi đã lè lưỡi chế diễu khi có gã tài công Thái Lan già khú đế tới hiếp nàng nhưng lại cương lên không nổi. Nàng lạnh lùng khinh khỉnh khi có đám nhóc tì 10, 11 tuổi cu chỉ bằng trái ớt mà đã bày đặt trèo lên đâm thụt vào cửa mình nàng. Và rồi, nàng không dám nhắc về Hùng, người con trai đầu tiên mà nàng đã yêu. Gia đình Hùng được xã hội trọng vọng. Nhưng có lẽ vì vậy mà họ thấy khó chấp nhận có một đứa con dâu với quá nhiều tì vết hải tặc. Nàng lại nhớ đến Công, người đàn ông có vợ còn kẹt ở Việt Nam. Công hay suy nghĩ nhiều. Anh không nỡ lợi dụng mấy cô con gái trinh nguyên vì sợ làm tan nát đời người ta. Anh không dám dính líu với đàn bà có chồng vì sợ phá gia cang thiên hạ. Công tìm đến với Huyền vì nàng chẳng còn trinh, cũng chẳng có chồng... có gì mà phải giữ! Và không hiểu tại sao, nàng cũng không muốn kể lại chuyện mình đã ngang nhiên bước lên đoạt giải hoa hậu Việt nam tại vùng nàng ở. Dưới ánh đèn màu, nàng đã nhìn quanh tự hào rằng mình không hề có chút mặc cảm, không hề có chút tự ti kia mà!

*

Những ngày sau đó, Huyền và thằng bé hay cùng ngồi im lặng bên nhau, nhìn ra biển hàng giờ. Nàng thầm cảm ơn Hải đã có kiên nhẫn để làm chuyện ruồi bu như vậy. Buổi chiều cuối cùng trước khi nàng trở về Sài gòn, Hải có vẻ buồn buồn.

- Không biết chừng nào mình mới gặp lại nhau hả chị?
- Chị cũng không biết nữa!
- Không hiểu tại sao, em chỉ mong được chiều chiều ra đây ngồi nói chuyện với chị...
- ...
- Em muốn được gần chị hoài hoài...
- ...

Huyền nhìn vào mắt Hải. Nó không dấu diếm những tình cảm đang chứa đầy trong đó.

- Chị đi rồi, có thiếu gì khách sẽ tới đây...
- Nhưng mà không có ai tử tế với em như chị đâu!

Thằng Hải chợt bật lên khóc. Nó đưa tay dụi mắt, miệng nghẹn ngào.

- Em thương chị lắm!
- ...
- Tạo sao người nào em thương cũng bỏ em đi hết vậy? Hết ba mẹ em, rồi Mai Linh, rồi chị...

Huyền ngồi im. Nàng chờ cho Hải hết thút thít.

- Em có muốn al em nuôi của chị không?

Hải không trả lời. Ánh mắt nó nhìn nàng làm nàng nghi ngờ.

- Em làm chị khó hiểu quá!
- Có gì mà khó hiểu?
- Em thương chị như một người chị, hay là...

Hải trả lời Huyền thật nhanh rồi nhìn đi nơi khác. Nó yêu nàng.

- Chị không biết phải nói gì hơn với em...
- Chị đừng nói gì hết...
- Em phải hiểu là tụi mình cách biệt nhau quá xa. Chị đã 30, em chỉ mới 16...
- Chị sang giàu, còn em nghèo mạt rệp! Chị đẹp như tiên, còn em xấu như quỷ! Chị ở Mỹ, em quê mùa! Sao chị không nói luôn đi!
- Không phải vậy đâu em à! Chị không bao giờ dám xem thường em. Chị hiểu là cuộc đời đã bạc đãi em, nhưng mà trong đời có nhiều điều bất ngờ lắm, biết đâu sau này...

Huyền vòng tay kéo Hải ngồi sát vào nàng. Nó dựa đầu vào vai nàng. Trời đã sụp tối từ lâu. Hai người ngồi im lặng bên nhau dưới ánh sao, cố quên đi thời gian.

- Rm ước gì mình cứ được ngồi đây hoài... Em không muốn về...
- Thôi khuya rồi, mình về đi... Nếu em muốn, tối nay em có thể ngủ lại ở

phòng chị...

Huyền dẫn Hải về khách sạn. Nàng bảo nó đi tắm và cho nó một chiếc áo thun để thay. Hải lấy gối định nằm ngủ trên sàn nhà nhưng Huyền bảo nó lên giường nằm cạnh nàng.

- Thôi. Ngủ ngon nghe em!

Nàng tặng cho nó một nụ hôn lên trán rồi với tay tắt đèn. Bóng tối tỏa ra tràn ngập căn phòng, chỉ còn ánh đèn đường lung linh ngoài khung cửa sổ. Hải hồn nhiên nhắm mắt và chìm vào giấc ngủ thật nhanh.

Quá nửa đêm, Huyền giật mình thức giấc vì tiếng nghiến răng kẽo kẹt của Hải. Nàng cố nhắm mắt nhưng không tài nào trở lại giấc ngủ được. Huyền đứng dậy, đến ngả người vào chiếc ghế mây ở góc phòng. Trên giường, thằng Hải vẫn đang ngủ say sưa như chết. Hết nghiến răng, nó lại ngáy pho pho như ống khói tàu. Ngáy kiểu này thì đố ai chợp mắt được! Nó mặc chiếc quần xà lỏn ngắn may bằng vải mỏng, khi nằm ngủ ống quần bị trật lên, để lòi dương vật đang cương cứng ra. Dương vật của nó cũng còm cõi một cách thảm hại y như thân hình của nó vậy! Huyền lắc đầu thở dài, miệng lẩm bẩm hát nho nhỏ:

- Đoàn quân Việt Nam đi, sao mà yếu thế! Dắt giống nòi quê hương vô cơn lầm than...

Nàng bật cười tinh quái rồi alị lim dim, đầu óc vẩn vơ những chuyện không đâu. Đột nhiên, ý nghĩ lạ lùng vụt qua trong đầu nàng. Ý nghĩ vô cùng cấm kỵ nhưng lại có sức hấp dẫn mãnh liệt làm máu nàng chạy rần rật. Nàng tưởng tượng ra cảnh thằng bé nghèo nàn, tàn tật, xấu xí nàng đang làm tình với một hoa khôi sắc nước hương trời mà bao đấng nam nhi vẫn hằng thèm muốn. Nàng có khả năng để biến chuyện đó thành sự thật! Nàng sẽ cho Hải được một lần ân ái với nàng! Nàng sẽ cho nó hưởng một đêm thật tuyệt vời! Một giấc mộng! Chỉ một lần! Một lần rồi thôi! Chuyện này chắc sẽ làm cho khối gã con trai phải tức lộn ruột lên nếu họ biết được! Một hành động để nàng trả thù cuộc đời! Một sự trừng phạt xứng đáng dành cho bọn đàn ông!

*

Huyền đứng lên, người nàng run run như bị cảm lạnh. Nàng bỗng thấy sờ sợ. Xưa nay nàng chưa bao giờ trao chữ trinh cho ai. Bọn hải tặc có thể xúc phạm đến thân xác nàng, nhưng chúng chưa bao giờ được nàng trao cho chữ đó! Chưa một người đàn ông nào! Huyền nín thở cởi quần ra xếp gọn gàng trên ghế rồi lặng lẽ trở lại giường, nhẹ nhàng nằm xuống bên cạnh Hải. Nàng hồi hộp chờ đợi. Nàng không biết có nên đánh thức nó dậy hay không? Nếu nó thức dậy, nàng sẽ làm gì? Làm sao để khởi đầu cuộc mây mưa? Nàng sẽ nói gì với Hải đây?

Bất ngờ, Hải xoay người về phía nàng, tay quơ lung tung, miệng ú a ú ớ.



PHẠM NHÃ DỰ

đôi

Giữa em là cái mơ mồ
Giữa ta là cái hồ đồ hỗn mang
Giữa trời đất cái mơ màng
Giữa chiêm bao cái địa đàng không tên

Giữa em, ta cái nào hên
Mà sao cái rủi triền miên đeo hoài

ta

Em phơi trần giữa dư ngôn
Để cho cái tỉu tục tồn ló ra
Em về hái bưởi cùng hoa
Đem ra chợ bán đời ta, lúa vàng.

PHẠM NHÃ DỰ

Huyền chết điếng cả người. Nàng cuống cuồng chụp vội lấy chiếc chăn kéo lên che kín phần thân dưới lõa lồ của mình. Mồ hôi trên trán nàng vã ra như tắm, tim nàng dập rần rần. Hải vẫn còn chìm đắm trong giấc ngủ một cách ngon lành, không mảy may hay biết chuyện gì đang xảy ra. Huyền thở phào như vừa trút một gánh nặng vạn cân. Nàng cuộcn chăn quanh mình, đứng dậy nhất lấy chiếc quần trên ghế rồi chạy vào nhà tắm, đóng cửa lại.

Sáng hôm sau, khi Hải thức dậy, Huyền đã chuẩn bị hành lý xong xuôi để về Sài gòn. Phút chi tay diễn ra thật nhanh. Hải không còn xúc động nhiều như hôm qua. Trước khi lên xe, Huyền lấy giấy viết ghi lại địa chỉ của nó.

Về đến Cali, nàng ra dịch vụ gửi cho Hải một số tiền lớn, đủ cho nó làm vốn và làm một cái chân giả...

ĐÔNG HOÀNG



QUẾ SƠN

chiều trên cảng copenhagen

Quán chiều bồng khói thuốc lá
Ngập ngụa men bia Tuborg
Chim hải âu vờn quanh cột khói đen
Còi tàu từng hồi về đêm giục giã.

chiều trôi bến cảng dâng đầy nước
Người ngồi quán lạ mặt héo hon.

Bao năm rồi tôi chưa về Nha Trang
Nỗi ngậm ngùi nào trên đầu lưỡi vẫn chưa tan.

Tháng mười về mang theo những hẹn hò muộn màng và chụp giựt
Mặt biển và da trời xám ngắt như thây ma
Thành phố thu mình chờ cơn bão rớt
Em co ro xe đạp và chiếc áo len đỏ
Gió ngược chiều mang về anh đôi ba giọt mồ hôi hồng hào hạnh phúc

Anh muốn nắm tay tình bạn - tình yêu
Trong quán nhạc rộn ràng bên bếp lửa lặng lẽ
Những sáng trời mù những đêm trăng tỏ
Trong vườn cây buổi trưa trên hè phố buổi chiều
Điều giản dị tột cùng sao lòng ta mãi xốn xang

Như sợi nắng mai mỏng manh cựa mình trên lá
Như khói lam chiều bị nghẹn bóng hoàng hôn
Có nỗi sợ hãi nào cứ lẫn quất sau câu cười tiếng nói
Như thể có một ngày máu chảy lạc đường tim

Khăn tay nhàu nát trong tay lạnh
Giọt nước nào âm thầm rơi trên ly bia.

Em còn đứng trên đồi nhìn máu chảy
loang những màu trăng thuở xuân thì.

Chiều chưa nghiêng mà tôi đã say mềm
Còn ai đâu nói chuyện hoài cố nhân.

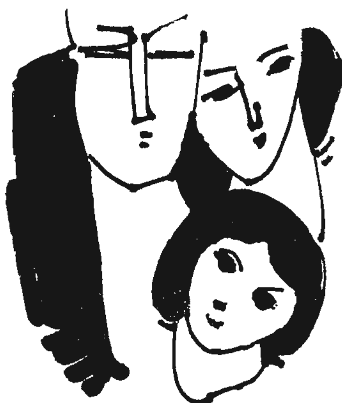
Bao năm rồi tôi chưa về Copenhagen
Tiếng còi tàu chiều nao lại rúc dậy trong hồn.

QUẾ SƠN



Y BAN

BÂY GIỜ CON MỚI HIỂU



Khoanh tròn trong chiếc kén thiếu nữ của ngày cuối cùng, tôi nhìn theo mẹ. Mẹ còn trẻ quá. Tóc mẹ chưa bạc sợi nào. Lưng mẹ thẳng và dáng đi nhanh nhẹn. Mẹ trân trọng bưng lễ vật để lên bàn thờ bố. Mắt mẹ dịu dàng vô biên. Và một nét cười bừng lên trong ánh mắt mẹ - "Con gái chúng mình đi lấy chồng rồi đấy". Rồi đột ngột nước mắt đã lại dâng đầy. Mẹ quay nhìn xuống ngực mình, rồi mẹ nhìn trải khắp căn phòng. Ngày mai, khi tôi chui ra khỏi kén, tôi thành ngài sinh con đẻ trứng, mẹ sẽ chỉ còn lại một mình với căn phòng trống vắng. Mẹ còn trẻ quá, nỗi cô quạnh sẽ trùm lên mẹ trong quãng đời còn lại. Ai sẽ làm thay đổi được điều đó?

Sẽ chẳng thay đổi được số phận đâu. Chiến tranh qua đi để lại muôn vàn những góa phụ như mẹ tôi. Nhưng có lẽ một đứa con, một giọt máu yêu thương để lại giữa hai điểm ngắm sẽ làm dịu bớt phần nào. Và chính tôi, một con bé bảy tuổi ngày ấy đã không mang lại cho mẹ một cơ may cuối cùng.

*

Bố nhập ngũ tôi còn bé lắm. Nỗi nhớ bố chỉ cất thành tiếng khóc chứ chưa biết nói nên lời. Người vợ trẻ nhớ chồng không biết san sẻ cùng ai cũng hòa thành tiếng khóc.

Hai mẹ con sống trong một căn hộ tập thể. Ban ngày mẹ đi làm, tối về hai mẹ con thủ thỉ nói chuyện về bố. Tôi lớn hơn một chút, mẹ thường mang tập Anbum ra chỉ cho tôi ảnh bố. Cứ như bố vừa sang hàng xóm và sắp về đó thôi. Sự thực thì hai mẹ con mang hai nỗi niềm nhớ thương bố khắc khoải.

Buổi trưa hôm ấy bố về nhà đột ngột. Hai mẹ con đang ngồi ăn cơm. Mẹ sững sờ buông rơi chiếc bát. Con trân trân nhìn bố một lúc. Thấy đúng bố rồi, òa reo lên nhưng vẫn bẽn lẽn nấp vào vai mẹ. Bố bế bổng con lên, quay cuồng:

- Chao ôi, lớn thế này rồi kia à? Mà bảy tuổi rồi phải không? Bố vẫn đếm mà!

Rồi bố ôm lấy mẹ. Bố hít mãi vào tóc mẹ, thì thầm - "Hai giờ thôi em ạ". Tàu đỗ ngoài ga hai tiếng nữa.

Mẹ rối rít chạy xung quanh bố. Mẹ bế lấy con rồi lại đưa cho bố. Ngoài cửa có mấy người đi qua thì thào:

- Hình như chú Quân nhà cô Nga về thì phải?

Mẹ như sực tỉnh. Mẹ chạy ra đóng chặt cửa.

Tôi ngồi trong lòng bố sung sướng. Nỗi sung sướng muốn trào ra ngoài. Tôi muốn chạy ra báo cho cái Hoa, thằng Tú biết rằng bố đã về. Tôi tụt xuống khỏi lòng bố. Tôi chạy ra mở cửa. Mẹ không bằng lòng kéo tay tôi lên. Mẹ bế tôi ôm chặt vào lòng ngồi xuống bên cạnh bố. Mẹ áp lưng vào bố. Bố ôm mẹ vào ngực. Mẹ thổn thức.

- Đừng khóc em ạ.

Tôi ngơ ngác nhìn mẹ. Sao phải khóc kia chứ. Vì sao lại đóng cửa thế kia. Mở to ra cho các bác hàng xóm vào chơi uống nước. Các bác ấy nói cười vui lắm, mẹ sẽ hết khóc ngay. Con sẽ ngồi vào giữa lòng bố thế này, cho cái Hương hết hãnh diện nhé. Nó làm như chỉ có mình bố nó về hôm nọ.

- Sao mẹ lại khóc. Tôi chạy ra mở cửa gọi các bác hàng xóm sang chơi cho mẹ vui nhé.

Xong tôi tụt ngay khỏi lòng mẹ chạy ra mở cửa. Mẹ chạy theo định nắm tay tôi lại - Đừng con! Rồi như mẹ chợt nghĩ ra điều gì đó:

- A, mẹ cho con năm hào này. Con sang rủ cái Hoa ra đầu phố mua kem mà ăn.

- Vâng ạ.

Tôi cầm tiền vung vẩy chạy. Cái kem trong phút chốc làm cho tôi quên mất bố. Tôi chạy ù sang rủ cái Hoa. Hai đứa vừa ra đến cổng gặp ngay bà bán kem rong. Tôi mua cho nó một chiếc, tôi một chiếc. Tôi đưa kem lên miệng rồi chợt nghĩ ra.

- Bố tớ về rồi đấy!

- Bố cậu về à? Sao không gọi cho tớ biết với.

- Vừa về xong. Sang nhà tớ đi.

- Để tớ về bảo cho mẹ tớ biết đã.

Thế rồi mồm nó hét toáng lên từ cổng.

- Mẹ ơi! Bố bạn Loan về rồi. Chú Quân đi bộ đội về rồi.

Tôi cũng chạy ào về nhà. Tôi muốn chạy vào lòng bố ngồi chễm chệ trước khi mọi người đến. Tôi muốn mọi người biết rằng, tôi có bố đây này, bố tôi

về đây này. Bao nhiêu lần tôi thèm cái cảnh cái Hương ngồi giữa lòng bố nó.

Cánh cửa đóng kín sững trước mắt tôi. Tôi đẩy cửa, cửa chốt từ bên trong. Tôi đẩy cửa sổ, cửa sổ cũng cài kín. Tôi căng mắt nhìn qua lỗ khóa. Trong nhà tối om, tôi không sao nhìn thấy gì. Tôi đứng im băn khoăn, hay là bố mẹ đi vắng. Tôi nhìn chiếc khóa vẫn lủng lẳng một bên. Nếu bố mẹ đi đâu sẽ phải khóa cửa chứ. Tôi áp tai vào cửa nghe ngóng. Chợt tôi nghe thấy tiếng mẹ nho nhỏ. Thế là tôi biết bố mẹ vẫn ở trong nhà. Một nỗi dỗi hờn con trẻ áp vào lòng tôi. Tôi bị bỏ rơi. Tôi đập vào cánh cửa.

- Mẹ ơi, mở cửa cho con vào với.

Im lặng.

Tôi đập mạnh hơn.

- Mẹ ơi, mở cửa cho con.

Im lặng.

Tôi gào lên và chợt nhớ ra có cả bố ở trong ấy nữa.

- Bố mẹ ơi, mở cửa cho con vào nhà với.

Cái Hoa đã đứng bên cạnh tôi từ lúc nào. Nó ngơ ngác nhìn tôi.

- Sao bố mẹ cậu lại đóng chặt cửa không cho "ấy" vào.

Loáng thoáng vài ba người hàng xóm đi qua trước cửa nhà xem có chuyện gì. Tôi uất ức trào nước mắt. Tôi khóc ầm lên.

- Bố mẹ ơi cho con vào với.

Bố chạy xô ra trước. Bố ôm lấy tôi, úp mặt vào bụng tôi cù. Tôi đẩy bố ra. Mẹ đang vấn lại tóc cho gọn, rồi mẹ chạy ra mở toang cửa. Mẹ nhìn thấy cái Hoa đang ngơ ngác nhìn mẹ và mấy người hàng xóm nhìn mẹ cười. Mẹ cáu bất ngờ. Mẹ xông vào tôi phát lấy phát để rồi òa khóc. Thế là hai mẹ con tôi cùng khóc. Cái Hoa thấy thế cũng chạy lại bên tôi khóc. Bố bật cười gỡ mẹ ra.

- Bình tĩnh lại nào, con có lỗi gì đâu.

Mẹ ôm mặt khóc nức nở. Tôi bỗng sợ hãi. Tôi không khóc nữa. Tôi ngước mắt nhìn bố. Mặt bố sạm đen sắt lại như đang dồn nén một điều gì đó. Bố bỗng nhìn ra xa, vụt ra khỏi cửa. Tôi khẽ kéo áo bố. Bố như bừng tỉnh. Bố cúi xuống cười với tôi.

- Con ngoan của bố, con có nhớ bố không?

- Con yêu bố.

Mẹ vẫn khóc. Bố quàng tay ôm mẹ vào ngực. Bố ôm gọn cả mẹ và tôi:

- Đừng khóc nữa nào. Em yêu của anh. Sắp đến giờ anh phải đi rồi. Đừng làm cho con sợ.

- Em mong anh từng ngày. Em muốn có thêm một thằng cu... bom đạn nhỡ anh có mệnh hệ nào. Con bé này lớn lên sẽ đi lấy chồng... Còn có một mình em...

Bố cười rất tươi, bố thì thầm rất nhỏ vào tai mẹ:

- Anh sẽ quay về khi em còn rất trẻ. Sẽ không lâu nữa đâu.

- Vâng, lần trước anh cũng bảo thế. Vậy mà đã năm năm rồi. Năm năm nữa em sẽ ba hai. Bố lại cười:

- "Gái ba mươi tuổi đang xoan".

- Anh, mẹ dúi đầu vào ngực bố cười.

- Nào chúng ta cùng vui lên chứ.

Bố vòng tay kéo đầu con, đầu mẹ vào đầu bố, ba cái đầu đập nhẹ vào nhau. Cả nhà phá lên cười. Như chờ có tiếng cười ấy, hàng xóm bắt đầu kéo nhau vào. Họ đã ngấp nghé cả ở ngoài. Phút chốc cả nhà đầy ắp tiếng cười nói vui vẻ. Mỗi người góp một câu. Mắt mẹ long lanh sung sướng.

Hai tiếng đồng hồ trôi qua như một cơn mơ. Mẹ thảng thốt không biết xếp thêm thứ gì vào ba lô cho bố. Bố bế tôi và hàng xóm đưa tiễn, cả một đoàn người dài. Mẹ con tôi đi với bố ra tận bến tàu. Bố cứ liếc mẹ như định nói một điều gì, mẹ lại đưa mắt nhìn tôi, nên bố chỉ cười. Lúc bố lên tàu mẹ lại òa khóc. Tôi an ủi mẹ:

- Mẹ khóc làm gì, bố không chết đâu.

- Em nghe thấy không? Anh không chết được đâu. Lời nói con trẻ như lời tiên tri em ạ. Chờ anh nhé.

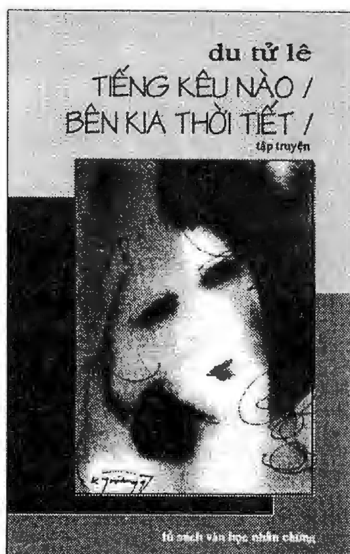
Rồi bố giơ ngón tay cái sát mặt mẹ:

- Một thằng con trai!

Chiến tranh không có ngoại lệ. Bố ra đi vĩnh viễn. Thế là đã ba lần năm năm bố không về nhà và đấy cũng chính là thời gian để tôi đã lớn khôn.

Sẽ trọn mười lần, hai mươi lần năm năm nữa, bố mãi mãi không bao giờ trở về để lại mẹ suốt đời với một niềm khao khát thiếu phụ dở dang.

Y BAN



ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

TIẾNG KÊU NÀO /
BÊN KIA THỜI TIẾT /

tập tryện mới nhất
của DU TỬ LÊ.

Bìa Khánh Trường

Tủ Sách Văn Học Nhân Chứng



NGUYỄN MẠNH TRINH

ở campus, buổi trưa

chú ơi, ác quá trời mưa
rơi rơi rụng ở giấc trưa chết người
rớt vào mái tóc ai xuôi
chung dù nhỏ, sao ướt trôi áo tà?

trêu ngươi mái ngói rêu pha
giọt thánh thót. giọt tà tà. ui ui.
tha hồ đôi mắt ngùi ngùi
ran lồng ngực chợt nỗi vui phập phồng

chú ơi, những chiếc lá tròn
quay quay mãi, tận đáy hồn nao nao
vì sao chẳng hiểu vì sao
thẳm thẳm lặng, mấy vì sao giữa giời

lạy trời, cửa kính nắng soi
ghế bàn quẩn một nửa vời tâm tư
nhớ quên lòng mãi thực hư
mốt mai. mai mốt. tạ từ với ai?

chú ơi, gió thốc trên vai
vuông ô gạch mải bước ngoài hư không
hồ nghi trang giấy trắng bong
nét mực vẽ, nếp mi cong. tháng ngày

mưa ướt ướt. mưa lay lay
trời và đất. đất và trời. quên quên
mưa trăn trở gõ niềm riêng
anh về. ngủ đỗ em miền hoang vu

NGUYỄN MẠNH TRINH
tháng 1.1997



PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

THẾ GIỚI HỖN MANG



Trên bục gỗ, như một khán đài tí hon, cô Hương kề miệng sát vào micro thổi tu huýt hoét hoét từng hồi ngắn chát chúa, nhịp ngắt đều đặn. Bên cạnh, cô Thảo, quần áo thể thao vận động viên, theo từng tiếng còi, giơ tay, giơ chân, quay trái, quay phải, đứng lên, ngồi xuống, vặn vẹo tấm lưng thon. Phía dưới, trên sân trường cứng đá xanh nhiều hơn nhựa, đứa giày, đứa dép, nhưng xếp hàng ngay ngắn, vẫn đồng phục áo bà ba trắng, quần trắng, lũ trẻ chúng tôi vài trăm đứa cũng nhất loạt làm theo như cái máy. Quay bên phải, tôi thấy chú Tám đứng ngay đơ bên cái trống to tướng vành đỏ treo trên giá gỗ. Quay bên trái tôi thấy cô Phương lớp tôi đứng lẩn trong hành lang với các cô lớp khác, tha thướt trong những chiếc áo dài đủ màu, thỉnh thoảng các cô lại giản ra, bước hẳn ngoài thềm lớp xuỵt xuỵt những con nhỏ rúc rích cười bạn lỡ đà loạng choạng hay quay ngược hướng. Chống tay bên hông, từ từ ngả đầu, uốn cong xương sống, trời xanh cao xoay chầm chậm, nửa vòng rơi xuống đất, ngoài cổng, những người bán quà vặt đứng chổng ngược, tay níu những song sắt nhìn vào. Và không còn gì để ngắm nghía sau mươi điệu múa đơn điệu chán ngắt. Vi đứng cạnh tôi, chăm chú theo dõi từng cử động của cô Thảo. Cô dạy lớp Vi. Những ngón tay của Vi cong lên. Như đưa cho tôi. Vi quay sang nhìn tôi nhoẻn miệng, dưới nụ cười, hai xoáy nhỏ xoắn lại thành đôi đồng tiền.

Mười năm sau, tôi nói Vi giống Angie Dickinson khi Vi cười.

Giờ thể dục hội đồng, chỉ một mình Vi mặc áo tay búp, cổ lá sen. Tôi nắm

cánh tay tròn và mát lạnh của Vi:

- Vi phải khép những ngón tay lại, như thế này..này...

Bàn tay Vi cũng có những đồng tiền nhỏ khi Vi khép song song những ngón mũm mĩm, móng hồng cắt sát,tròn theo đường cong của đầu ngón. Tôi xếp những ngón tay mềm của Vi. Tôi ghiền xếp những ngón tay Vi. Những ngón búp bê.

Như con búp bê Pháp nhà chú Tư, tóc nâu xoắn những vòng quí phái, mắt xanh với hàng mi cong dịu dàng khép xuống khi tôi xoay nó nằm ngang. Bảo vật của thím Tư để lại sau lần trở về giỗ ông nội, bằng sứ, nặng chịch, nhưng bù lại, mặc chiếc robe xoè tơ lụa mịn nhẹ như tiếng thở dài màu vàng rạ điểm những nụ hoa đỏ tí hon, váy lót nhiều lớp tuyn và đăng ten vàng nhạt. Những ngón tay múp míp xoè ra, những lõm đồng tiền không biến đi được như khi tôi bắt Vi nắm tay lại, dạy Vi cách tính những tháng đủ và tháng thiếu. Con búp bê quí phái, có những ngón tay cứng ngắt.

Mười năm sau, mỗi lần xem chỉ tay cho Vi, nói số Vi sẽ giàu vì những đồng tiền ở ngón tay Vi, ở khuỷu tay Vi. Vi cười rũ rượi, những ngón tay mềm rung nhẹ trong bàn tay khô, xương xẩu của tôi :

- Hôm nào Anh phải ghi trên giấy để sau này kiểm chứng nha!

Cô Hương hoét hoét một chùm liền. Và chú Tám sung sướng thẳng cánh nện dùi vào mặt trống. Thùng thùng thùng giục giả. Cả lũ học trò nhỏ rống cổ hát *khoẻ vì nước (bánh ướt tôm khô, chè đậu đen năm cắc một tô)* vừa ùn ùn, rần rần, đùn nhau, xô nhau vào lớp.

Vi và những đồng tiền. Buổi sáng thể dục như những nhánh phổi nở hoa và những nhịp trống tim thơ thới.

Buổi chiều, má tôi về, chân chưa bước qua ngưỡng cửa đã : Châu bắt nồi chè lên bếp bao lâu rồi hả con, tụi con ăn cơm rồi hả, Vui đi rửa chén đi nghe con, thằng Vẻ đưa sữa cho em bú chưa, bữa nay ba tụi con có phải trực gác gì không, nhớ để phần cơm cho ba, nghe, rồi hai đứa ngồi học bài, nghe. Rồi vừa dẹp quang gánh, vừa hôn nựng em bé. Bú sữa nhiều nè, mau lớn cho má nhờ nè. Rồi ngủ giỏi nè, anh Vẻ đưa võng em ngủ nha, ngủ ngon cho mấy chị học bài. Vui ghi sổ cho má, ông Tám Hưu thiếu thêm năm đồng, chú Năm ba bánh mới trà ba chục, còn thiếu mười lăm đồng. Trừ cho má một trăm mới mua đậu và một cà ròn than đước ở tiệm thím Xín...

Má làm tôi chóng mặt.

Vẻ xun xoe bên em, dựa dựa vào chân má, giọng nhão nhoẹt khoe hôm nay trả bài Quan sát được cô giáo cho chín điểm. Chị Châu chen vào nhờ con dò bài cho nó đó má. Má tôi ăn vội chén cơm, nêm nếm lại lần chót hai nồi chè, bỏ thằng Lượm vào giường, vừa hôn hít chụt chụt vừa xổ mùng, tấn kỷ bốn bên. Thằng nhỏ (sau này thì đến lượt con Rớt, con Rơi, thằng Ghen, con Ghét) ọ ẹ thức giấc thì má hắng giọng ru :

Âu ơ...con thỏ giỡn trăng, sơn băng, thủy kiệt
Ai ở hai lòng, nhựt nguyệt xét soi

Tôi úp chén vào rổ, tự hỏi sơn băng với thủy kiệt là cái gì. Má và gánh chè ra tới đầu xóm, chị Châu sửa soạn đi học luyện thi trung học ở ngoài cầu Sơn. Vẻ làm bài xong, ra ngoài sàn nước súc miệng, ngửa mặt cho nước nhảy rọt rọt qua cổ họng. ồn ào nhổ xuống sông. Rồi chụm hai tay đĂa lên miệng làm loa ò í o í ò như Tarzan : anh Miên ứa ừa..anh Miên ơi, ngày mai đi Đại Đồng...nhớ nghe. Quanh xóm ven sông cũng có những tác dzăng con ò í o í ò đáp lại. Tôi phải rầy cho mấy tiếng, anh nhỏ mới chịu lon ton chạy vào, nhảy tót lên giường. Thằng Thương giật mình lăn người ọ ẹ, bé Lượm khóc ré lên. Vẻ lính quính kêu chị ba, chị ba rồi ầu ơ...ngủ đi cưng, ngủ đi...ầu ơ...Tiếng khóc càng to, tôi phải chạy vào, kí cái cốc lên đầu tóc dày của Vẻ, vỗ vỗ lưng Lượm, bắt chước giọng rao chè của má :

Ầu ơ...bắp non sao anh nướng lửa già....

Vẻ bật cười chị ba hát không giống má, dở quá, má đâu hát sao anh. Chị Ba hát như má đi, hát *xưa kia ngọc ở tay ta* đi. Tôi giơ tay : thôi, ngủ đi, muốn tao đét đít hả, có giỏi thì hát một mình!

Cái thằng sợ ma, chiều nào cũng năn nỉ chị Ba vô nằm ầu ơ dỗ em bé. Nhưng hễ tôi cất giọng là nó cười khì khì.

Ầu ơ...ba bảy lá gan, lá tươi lá héo
Khúc ruột chín chiều, chiều quéo chiều ngay

Nhưng rồi Vẻ cũng lim dim, Lượm mút tay chụt chụt, những ngón tay bụ bẩm đầy những đồng tiền. A, tôi quên rồi cái áo tay búp.

Ầu ơ... (anh) ăn cơm ba chén lưng lưng...
Uống nước cầm chừng để bụng thương em.
....

Khi má lay tôi : dậy, dậy ăn sáng rồi đi học, nghe con...Tôi nghe như mình chưa ngủ được giấc nào. Má quảy đôi gánh chè đi về giữa mấy cơn mơ ngắn ngủi của tôi.

Không , hai cái nồi to đã được rửa sạch sẽ, treo gọn trên vách bếp. Má phân mỏng mớ than hồng, nhỏ lửa ghế nồi cơm tấm. Xong bà xoay qua lấy nước cơm vừa chắt, hơi nóng nghi ngút che mặt, đổ vào mấy bình sữa rồi, rồi đó Châu ơi, trút sữa Kim Cương vô đi con, tới vạch số 10, nghe con...Vui, sao nằm nướng hoài, dậy đi con, nghe. Vẻ ơi, dậy thay quần áo...nghe. Chị Hai

ơi, cái quần em đâu...Vui ơi, hôm qua ủi đồ xong, em để áo dài chị chỗ nào...

Ở phòng bên, ba tôi đập tay, dộng chân rầm rầm xuống giường, lên vách gỗ mỏng:

- Sáng sớm mà mẹ con reo hò như nhóm chợ ! Im coi...Chán cái nhà này !Ngủ không yên được...

Căn nhà sàn rung lên. Không còn một tiếng nói nào nữa. Cả em bé cũng không dám ơ a trò chuyện với má mỗi khi chờ bình sữa.

Tôi rón rén bò dậy, trong bụng không biết lúc nào nói được má may cho con áo ngắn tay búp cổ lá sen nhe má, mẹ Vi nói áo ngắn tay, tập thể dục cho gọn...

*

Xem xong danh sách thí sinh đậu đệ thất, Vi theo tôi về nhà, ăn xôi vò với cơm rượu.

- Sao bác Ba đoán biết hai đứa mình sẽ đậu?

- Má vái ông địa, cúng chè đậu với chuối, chị Châu nói ông này hảo ngọt lắm.

Vi chồm mình nhìn xuống nước:

- Dưới sông có cá không hở Ngọc Anh ? Hôm nào mình câu chơi nha?

- Ngoại nói lạch con, nước sình dơ cá không ở được. Mai mốt theo ngoại về quê, tha hồ...

- Ngọc Anh nhớ nha, nhớ nha...mai kia dẫn Vi về quê...

Vi lại hỏi:

- Sao bác Ba đặt tên em bé là Lượm?

- À, bữa nọ má bán chè ở ngoài Sài Gòn, lượm được nó dưới gốc me !

Vi cười ngất, những ngón tay che miệng, những đồng tiền reo vui :

- Thiệt không?

- Thiệt!

- Má Ngọc Anh dễ thương quá!

Một, hai năm sau Vi hỏi :

- Còn thằng Ghen?

- Đám đánh nhau ở xóm Bún, bà Hoạn Thư rượt Kiều, từ xóm trong qua xóm ngoài, chẳng rõ bà nào đã bỏ quên thằng nhỏ. Má thấy tội nghiệp má ẵm về nuôi!

Hai năm sau nữa, Vi nghoẻo đầu, cười cười:

- Còn hai con bé Rơi, Rớt?

- Hôm ấy nhằm ngày dương oai của tướng Nguyễn Khánh, súng bắn, xe tăng rầm rộ đe dọa chỉnh lý.. Cả chợ chạy tán loạn, quẳng cả hàng họ, túi xách. Mấy bà đang ngồi ăn chè, ăn bánh cuốn, thấy người chạy nhốn nháo,

cũng chạy theo, đánh rơi cả con. Má trút xuống cống hai nồi chè, lót lá chuối rồi đặt mỗi đứa ngồi vào một bên, gánh về nhà : chiến lợi phẩm một ngày thành con một đời.

Tôi quên khai chị Châu phải lo nghiền cơm cho thằng Lượm, tôi phải súc rửa gấp đôi những bình sữa và má phải tận dụng tài năng nấu nướng của mình, đổi thay, sáng chế những món mặn ngọt đổi thay hằng ngày, mười mấy giờ hành quân đôi ba lượt qua các đường phố quen thuộc. Thời khóa biểu buôn bán của má được chỉnh lý. Cuộc đời lại tiếp tục, như không. Như cuộc đời.

Vi bâng khuâng:

- Má Ngọc Anh hay quá !

Tôi thấy ba tôi cũng tài, chẳng nghe ông phiền hà gì chuyện nuôi con của má. Ông chỉ đùng đùng nổi giận khi chúng nó khóc nhèo nhẹo lúc sốt mọc răng, và tranh nhau hỏi, đáp mỗi khi má về.

Bình thường, ai cũng khen má tôi nuôi con khéo, đứa nào cũng mập mạnh, cao lớn, da bánh mật dòn dã, tóc đen dày và dợn sóng.

Vi chỉ lưu ý tôi một điều ngộ nghĩnh : cả đám chúng tôi, từ chị Châu cho đến Roi, Rớt và Út Thiệt, đều giống ba tôi như in từ một khuôn.

Vi giành lấy bình sữa vào buồng ba má cho Lượm bú. Vi hát véo von. Tôi nghe như nhà mình khác hẳn đi, lạ và dễ thương thiệt.

Chợt nghe Vi hét lên sợ hãi. Tôi chạy vào. Thằng Lượm nằm trên giường, một tay ôm bình sữa, một tay cố nắm lấy cán chiếc dao phay. Vi cắn những ngón tay mình ngăn tiếng kêu. Tôi chụp lấy con dao, đánh khẻ vào tay Lượm, thằng bé cười phì phì phun sữa.

- Má Anh để dao ...trấn ma Vi ạ!

- Bác Ba cũng sợ ma sao? Giống mẹ Vi ghê...nhưng mẹ Vi không biết rằng ma sợ dao phay. Vi cứ tưởng ma sợ tỏi với thánh giá!

- Ma cà rồng mới sợ những thứ ấy, ma Việt Nam chỉ sợ dao.

Vi hoàn hồn, giúp tôi lau mình, thay tả cho Lượm. Vi kêu:

- Em thơm sữa ghê!

Lượm cười sặc sụa vì những nụ hôn. Vi cũng nằm lăn trên giường, hai đứa tranh nhau hôn em, Vi hôn cả lên tay tôi. Và tôi lên tóc Vi. Mùi sữa, mùi xà bông cadum, thơm mềm da em bé. Chúng tôi đã quên con dao nặng chịch, bén ngời nửa cạnh. Tôi không sợ và không thích dao phay. Má tôi cát dao ở đàu giường. Ba tôi cũng không thích, đã hai lần tôi phải nhảy xuống sông, lặn mò vớt lên. Chỉ vì nó, trong một cơn say, ông rút súng lục bắn đùng đùng mấy phát, nòc mùng của má đến bây giờ còn ba bốn mụn vá tròn, trắng tinh.

*

Mỗi lần bà ngoại từ quê lên, Vi đến chơi thường hơn, chúng tôi và lũ nhỏ tha hồ hò hét, chạy giỡn : ba tôi, y như rằng, phải trực, phải gác trong suốt mấy ngày đó. Ông xách túi quần áo, phóng honda đi mất.

Bà ngoại vá áo đứa này, mạng quần đứa kia, hôn đứa này, hít đứa kia.. Ngoại hỏi Vẻ tối nào cũng nhớ đốt nhang trên bàn thờ ông thiên chớ, hả con. Dạy chị Châu xào nếp gói bánh tét. Cạo vẩy cá, khứa, ướp kho, chiên. Cắt cổ, vặt lông, luộc gà, chặt thịt vịt. Chị chăm chỉ, lập lại nguyên vẹn từng động tác.

- Giỏi ! cuốn chả giò hai đầu cho tròn như vậy mới phải, đó con. Bánh ít, gói lá cho gọn, đều góc, dây quấn cho đẹp, đánh dấu nhưn dừa, nhưn đậu....

Rồi bà chắc lưỡi :

- Khéo cho nhiều rồi lại khổ như con gái mẹ của bây !

Tôi được tha vì ngoại biết tôi chẳng cách nào làm chín một nồi cơm tấm và vô phương gánh một gánh chè, gánh cơm tấm hay bất cứ một thứ đồ ăn lỉnh kỉnh nào đó., dù ngồi bán một chỗ hay lưu động. Im lìm hay rao lãnh lót. Tôi không muốn giống hệt má. Không thể giống má.

Bà ngoại giống hệt má. Vi chữa : phải nói má giống ngoại. Ừ, thì má giống hệt ngoại. Nhưng tôi sẽ không giống má. Không đời nào. Có lẽ ngoại cũng không muốn tôi giống má.

Khi chị Châu ngồi nhẫn nại đổ từng cái bánh bèo, ngoại ngồi chải tóc cho Vi, Vi nũng nịu đòi ngoại chỉ cách xếp lá chuối gói bánh ít , tôi chỉ phải nằm gãi lưng cho Vẻ và đọc Kiều hay Lục Vân Tiên cho ngoại nghe.

Vi hỏi : ngoại ơi dưỡng bất giáo, phụ chi quá, giáo bất nghiêm sư chi đọa, tử bất học... phi ...phi ...gì nữa hở ngoại ...

Vẻ nói oang oang :

- Để em nhắc chị Vi : tử con tôn cháu, lục sáu tam ba, gia nhà quốc nước, tiền trước hậu sau, ngưu trâu mã ngựa, khuyển chó dương dê...

Vi cười :

- Khó quá ngoại ơi ! Chừng nào học hết ba ngàn chữ thì con nói chuyện với thím Xín được phải không ngoại ? Tử bất học...

Tôi đáp :

- Nhỏ mà không học...

Má tôi thở ra :

- Ráng học nghe tụi con. Nhỏ mà không học..

Tôi nháy mắt nói tiếp riêng với chị Châu :

-... lớn làm cảnh sát...

Chị lườm tôi, mặt sa sầm trách móc. Sau này, tôi chỉ nói tiếp với Vi điều đó. Mắt Vi long lanh, trong suốt rất biểu đồng tình.

Má nói tiếp :

- ... lớn biết làm gì ăn ? Các con phải ráng học...Đừng thất học như má...dễ bị...đời... gạt gẩm...

Về sau, Vi hỏi :

- Đời ở đây là ai, hở Vui?

Tôi không hiểu sao Vi thích đến nhà tôi. Nhà nhỏ chút xíu, bốn mươi mét vuông. Gian ngoài đã chật cứng với cái tủ thờ, bàn học cho mấy chị em, đến bộ ván gõ quí của ngoại rồi quang gánh, bàn bán cơm, những chiếc ghế thấp, cặp sách lũ tôi, nón lá, dép guốc...,. Hai buồng ngủ bên trong, một của ba má và bé Thương, trên giường, ban ngày treo võng cho bé Lượm, phòng ngủ thứ hai cho chị Châu, tôi và Vẻ. Những chiếc giường tre to đã chiếm hết phân nửa diện tích mỗi phòng, phần còn lại là rương, tủ quần áo, những lu, hũ gạo, đậu, đường...vv...Ở phía sau, nhà bếp với chén đũa, dao muỗng, nồi ơ xoong chảo, thúng mủng, , cái treo, cái máng, than củi, thùng dầu lửa, tĩn nước mắm ; sàn nước, nhà tắm với những lu nước mưa, nước phông tên... Không còn chỗ đặt chân, phải nhìn ra con lạch nhỏ, tìm một chỗ để phóng tầm mắt.......Sàn cây gập ghềnh, lạch cùn, sình nhiều hơn nước, rác nhiều hơn cá, mà Vi thích được à. Vi cười cười trả lời thích nhiều chứ. Nhà Vui luôn luôn có chuyện...vui vẻ. Bác Ba đặt tên con hay dễ sợ.

Tôi lại thích nằm nên nền gạch bông nhà Vi. Căn nhà rộng bát ngát yên tĩnh, êm ả, mát rượi như cánh tay Vi. Thỉnh thoảng nhằm giờ Vi phải tập violon, piano, tôi thích tiếng đàn nỉ non nhè nhẹ toả ra, bao trùm dễ chịu.

Vi trề môi, hai đồng tiền lúm vào :

- Ở nhà Vi, lúc nào Vi cũng phải học, học. Ở nhà Vi, Vi không biết nói chuyện với ai!

Lần đầu thấy Vi, ngoại kêu:

- Con nhà ai mà ngộ quá ! Tóc đen mun. Con nhỏ thiệt ngộ, tốt tóc, tốt răng. Ngồi xuống, ngoại chải cho. Tóc này xức dầu dừa...thì phải biết ...

Vi hỏi:

- Ngoại ơi, thái vi là người hái rau, tại sao tường vi lại là hoa hồng nhỏ ? Vi Chi là bạn của ông Lý Bạch, còn sào nam chi ?...Chị Châu là tại hà chi châu, còn Ngọc Anh là anh vũ châu....Sao ngoại đặt tên Ngọc Anh ở nhà là Vui ? Còn Vẻ, tên khai sanh là Anh Vũ, là tên chim hay tên đất, hôm nọ ngoại nói, con không ghi nên quên rồi... Trong nhà chẳng đứa nào biết hỏi ngoại như Vi. Ngoại, nhân chứng cuối cùng của ... ông cố cựu nho kiêm thầy lang vườn bất đắc chí, truyền vốn cho người con gái duy nhất một trong những nỗi buồn không tên của ông- Thơ Đường thuộc làu, múa bút lông biên toa thuốc Nam, thuốc Bắc mà ngày đi khai sinh cho con, nhân viên sổ bộ làng cười cười khi bà chỉ biết cầm viết lá tre ký dấu thập vào sổ bộ. Dấu khai tử cho một cuộc đời mới chớm, cho nên số má tôi chẳng khá !

*

Ngoại, má đều muốn con cháu học nhiều hơn ba nghìn chữ nhưng khi chị Châu ngỏ ý bỏ trường của lớp ngày, má tôi thở dài đồng ý. Chị nói con tiếp tục học Anh văn buổi tối , đi làm sở Mỹ mới khá, chứ má muốn con cũng vác một nồi chè đi bán sao?

Nhờ vậy, mấy đứa nhỏ đi học về có cơm ăn và má tôi có đầy đủ vật liệu hoàn thành những tác phẩm làm ngọt những xóm nhỏ.

Bá ngoại lo lắng căn dặn má

- Đừng để nó đi bán "ba" nghe con...Giấy rách phải giữ lấy lề...Học cái gì cũng được, đừng học chữ Nho...

Vi bỏ học chữ Nho với ngoại nhưng lén nhà đi học hát. Năm chị Châu thi bằng proficiency, chưa kịp vào sở Mỹ thì gặp anh Michael.

Vi thi rớt Tú tài một, phải ra học trường tư, . Khi má Vi biết chuyện thì Vi nổi tiếng như cồn. Tôi không đi đón Vi ở trường nữa.

Tôi hét Vi :

- Tại sao bỗng dưng lại chui vào lò ấy ?

Vi kêu:

- Có chỗ nào khác chỉ Vi đi !

- Thằng cha bầu bì gì mà coi dê dễ sợ !

Vi nũng nịu:

- Anh đừng lo, không ai " dụ dỗ" Vi được đâu, má Vi theo giữ Vi kỹ lắm.

Khi Vi còn trong dàn nhạc thính phòng thành phố, tôi thoáng thấy Vi qua vài chương trình nhạc cổ điển trên đài truyền hình.

Vi ngồi nghiêng đầu đàn vĩ cầm, áo dài trắng học trò, ngoan ngoãn, chìm lĩm giữa đoàn người ngồi im lìm ngay ngắn, những đàn sáo trống cũng uy nghi đứng đắn .

Nhưng từ khi Vi hát và nhất là tự đệm, hát những bài thơ Vi phổ nhạc, tôi nghe Vi vuột khỏi vòng tay mẹ.

Trong chương trình *những tài năng hôm nay*, tôi sững người nhìn Vi nhí nhảnh trong chiếc áo thun trắng ngắn tay, sọc xanh, mini jupe ngang đùi, nhí nhảnh tung tăng từng nhịp rock qua lại sân khấu. Đầu tóc ngắn nghiêng ngả đắm say theo nhịp đàn violon. Thỉnh thoảng, Vi buông đàn, chụp lấy micro. Giọng hát vui vẻ, nhí nhảnh đôi lúc buồn bã, nghiêm trọng như khi John Lennon hát Imagine hay give peace a chance.

Em đi qua chuyến đò
thấy con trăng đang nằm ngủ
Con sông là quán trọ
và trăng tên lãng du(1)

---

(1) *Biết đâu cội nguồn* - Trịnh Công Sơn

Giữa dòng nhạc dạo, Vi đặt micro xuống sàn, đến bên người đệm dương cầm, nghiêng mình đánh nhờ một đoạn. Tiếng vỗ tay rào rào che lấp nhịp đập tim tôi.

Tiếng ca bắt nguồn từ đất khô
từ mưa gió
từ vào trong đá khô (2)

Sau trận Mậu Thân, Vi tìm đến tôi, yên lặng suốt buổi, trước khi về thì thầm:

- Ba Vi còn sống !

Vi hát lấy tiền giúp đồng bào tị nạn trong thành phố. Miên rủ tôi đi phân phát vải vóc mùng mền, dọn dẹp, giở, quét những căn nhà cháy đen ở Chợ Lớn, ở ngã ba Hàng Xanh. Và tỏ tình bên này những đống gạch đá ngổn ngang. Bên kia, một bà già ngồi khóc lặng lẽ bên mớ nồi niêu cột kèo cháy đen, méo mó.

Nghe kể lại, Vi nhăn mũi :

- Thằng cha quê một cục!

Và hỏi :

- Vui có cảm động không?

Và trả lời:

- Phải loại ảnh hưởng ngoại cảnh, nhớ nghe ! Sao lâu ghê, không đến nhà Vi ?

Không đến Vi nên càng lúc càng nhớ Vi, càng lúc càng ghét ông bầu nhăn nhở của Vi, càng lúc càng nghe Vi xa vời theo những tin Vi sắp đính hôn với tài tử này, kép hát nọ. Càng lúc càng giận Vi bởi dư luận đồn Vi là đào nhí của một lão tướng, là vợ bé một người hùng Không quân hay Nhảy dù.

Một lần đến chơi, tôi chẳng đặng đừng nói mát:

- Báo Lá Cải loan tin mẹ Vi sắp gã Vi cho đạo diễn Kỳ Lâm.

Vi nhìn sâu vào mắt tôi:

- To bằng con vịt mà có đứa tin!

- Thằng cha cao lớn đẹp trai như Rock Hudson !...Với đôi con mắt...lim dim...

Vi bật cười:

---

(2) *Dấu Chân Địa Đàng* - Trịnh Công Sơn

- Và nhất là đôi con mắt lim dim!

Một lần Vi hỏi ngoại tại sao ngày xưa bà bằng lòng cho ba tôi cưới má tôi, bà lắc đầu:

- Ngoại đâu có cho phép, má con Vui mê...lậm đó. Ngoại coi tướng nó không được, đàn ông gì mà...hai con mắt lim dim, liếc đàn bà con gái nhấp nháy...Thiệt y như rằng...

Y như rằng... Nhưng má có lậm bùa đâu. Từ sau em Vẻ, thằng Hên, bị sốt xuất huyết chết năm lên hai, má tôi quyết định...ngưng đẻ con.

Bà không sử dụng nửa sau quyển sổ nợ nữa. Trong đó tôi có nhiệm vụ ghi nhiệt độ má mỗi sáng. Ogino coi bộ quá thanh nhã, không hiệu quả cho những ...con mắt lim dim, những quả tim không...điều độ.

Con dao phay mài bén, thay thế, dấu dưới đầu giường. Chưa bao giờ tôi tưởng tượng ra được mũi dao chĩa vào ai, mẹ hay con ? Đã hơn một lần, vì nó tôi đớn đau xấu hổ với Vi. Khi đó, tôi chưa tưởng tượng được rằng tôi sẽ còn có dịp đau đớn và xấu hổ hơn nữa.

*

Năm 70, chị Châu đưa anh Michael về nhà ra mắt. Má hoảng hồn. Nhưng anh chinh phục được cả nhà bằng quà cáp và cung cách trân trọng với chị Châu. Bà hoàn toàn tin tưởng sau vài lần anh đến nhà ăn cơm.

Chị Châu nói:

- Michael không nịnh đầm đâu má. Ở xứ sở văn minh, phụ nữ không còn là đầy tớ hoặc đồ chơi của đàn ông.

Bà ngoại nửa tin nửa ngờ.

Mười năm sau chị hét vào tai ngoại, nhân một chuyến về quê, từ Mỹ qua Bangkok, tới Sai gòn : với Michael, con không cần phải để dao đầu nằm, ngoại đừng lo.

Mười năm sau, Vẻ từ Boston về Cali ăn Tết, thắc mắc :

- Em nhớ má không tin chuyện ma cỏ, dị đoan...Bỗng nhiên, *một bữa* má tuyên bố nhà mình có con ma hộ pháp...

Chị Châu cười buồn:

- Vòng xoắn của má đó, archaic but very efficient !

Vi và tôi còn nhớ rõ '"*một bữa*" đó, nguồn cơn của chuyện mài dao dọa... ma . Hôm ấy, để (bí mật) đãi cả nhà, mừng thi đậu bằng Trung học-cuối cùng của miền Nam thời ấy- Vi và tôi đã lang thang suốt buổi sáng ngoài chợ Sài Gòn mua cam, táo, bún, bánh hỏi, thịt quay...hì hục mang vác về. Cả hai kín tiếng, lẻn vào nhà lúc má tôi đang hí hoáy đãi vỏ đậu sau sàn nước.

Trong phòng hai đứa tôi soạn thức ăn lên mâm, sắp mang ra thì tiếng xe honda ba tôi về tới trước cửa.

Tiếng chân ông làm rung cả sàn cây. *Em đâu rồi ? Bữa nay về sớm hả ?*

Mấy đứa nhỏ chưa về hả em? Rồi có tiếng cười cợt, tiếng thì thầm. *Nghe ! Nghe ! Nữa ! Thôi mà.* Lời phản đối yếu ớt của má tôi. Tiếng chân cả hai vào phòng. Sau đó mọi chuyện xảy ra (như cơn ác mộng . Cho Vi). Chứ với tôi...không nhìn tôi cũng thấy được diễn tiến cuộc...tình. Gấp gáp, hối hả, tưởng như nếu không được thực hiện ngay lúc đó, người đàn ông (Ba như một người đàn ông xa lạ.) sẽ ngả vật ra chết.

Người đàn bà (má là người im lìm xa lạ) bị đẩy ngã nửa người xuống giường, đôi chân còn đứng trên sàn. Bàn tay gân guốc kềm đè trên lưng (như sợ) con mồi (xổng dậy).

Tiếng lích kích của đầu sợi dây nịt đánh vào thành giường, gióng một, loạn đả cực kỳ . Rồi có tiếng những nan tre nghiến răng vì đến lượt ông lăn vật xuống giường, nhịp thở chậm lại, mệt mỏi và thoả mãn. Ngôi nhà sàn lại yên như không. Má tôi trở ra sàn nước, qua chỗ buồng tắm, tiếng nước xối xả mơ hồ khoả lấp tiếng thở dài. Tôi không dám nhìn Vi, nghiến răng đè nát những sợi bún nhão lên mặt bàn chi chít những vệt mực.

Vi không bao giờ nhắc đến chuyện chứng kiến ngày nọ.

Mười, mười một, mười hai năm sau, thư cho tôi, Vi kể chuyện những gã đàn ông theo đuổi Vi. Trong khi họ biểu diễn những quyến rủ, uy quyền thời chiến, thời bình,Vi nhìn họ như những con gà trống, trong sân sau chật hẹp, basse-cour tồi tàn riêng tư, dương mồng, ngẩng cổ, to giọng ò ó o, hiên ngang rượt vợ chạy bán sống bán chết, chưa hết vòng sân thì leo lên được lưng vợ, hùng hổ cắn cổ...Rồi trong khi gà mái ấp trứng (nấu xôi chè đem bán, ồ không, Vi muốn nói) và đào đất kiếm trùng nuôi con, gà trống lại uy vũ xoè cánh gáy, chạy vòng quanh một con gà tơ khác...Đừng hòng với Vi nha. Lâu lắm, Vi tưởng bố Vi là người ngoại hạng. Bỏ nhà, rứt vợ con ra đi kháng chiến...Hơn hai mươi năm sau, ông về, đem một đàn em đến cho Vi ...chia bớt nhà cửa. Mẹ buồn quá, đi tu rồi Vui ơi. Nhưng Vui ạ, hai mươi năm qua, bố có thì giờ nghĩ đến mẹ như mẹ nghĩ đến bố đâu. Vi bắt chước Vui, hứa với mẹ : con sẽ không giống mẹ (ở chuyện chồng con). Ô, vậy mà có "kẻ" còn nghi ngờ đấy Vui ạ !

Tôi vẫn tự hỏi về tình yêu má tôi dành cho người đàn ông có đôi mắt "lim dim" chan chứa tình để ban phát mà trách nhiệm thì thua xa Lạc Long quân. Mà nghĩ cũng tội, thời ngụy, làm cảnh sát, lương không đủ nuôi (năm) vợ, (mười) con, đến thời cách mạng, kỷ nguyên mới, thời đại anh hùng vô địch, bách chiến bách thắng....ông cũng chỉ tài đến mức đánh fax xin tiền các con xa để bà phi cuối cùng nuôi các con gần.

Má tôi thở dài bênh vực : ba con là người yếu đuối, nhẹ dạ. Tội lỗi là do những con "yêu tinh"

Tôi vẫn không hiểu má, hồi xưa ít nhất là hai ba con yêu tinh đã bồng con đến khóc lóc, kể lể. Chỉ độ vài giờ sau, tôi thấy hai nạn nhân (hoàng hậu và thứ phi) ôm nhau lã chã dòng châu...Trong khi đó, ở một nơi (nhân gian đàn bà) không thể hiểu, đôi mắt lim dim kia ngụy biện :

bông sứ cùng với bông lài
tui đây bẻ hết, khỏi ai cằn nhằn

tôi có thêm em để khuấy sữa và hát ru.

Má tôi nói với ngoại : bao nhiêu tui nuôi cũng được má à, coi như tui để phước cho con, bỏ viện mồ côi tội nghiệp lắm.

Bà ngoại tôi, giống hệt má (không, má giống ngoại, phải không Vi ?) nên cũng thương lũ cháu (không ruột rà). Chưa một lần tôi nghe bà than trách gì má tôi.

Để phước cho con ! Con càng đông phải càng cần nhiều phước, nên các bà phi ẵm tới hoài.

Tình yêu thuở ban đầu chắc bao la như tấm lòng má đối với những cô gái yếu dại và những đứa trẻ cùng (không) cha kia. Nhưng khi dì Út Mỹ Tho, má của Thiệt, trở lại tìm má tôi lần thứ hai, năn nỉ khóc lóc giao bé Thương, má tôi cũng sụt sùi nhận lãnh, lại móc túi cho dì nó mấy chục đi xe đò về quê, không lấy tui giận à nghen.

Tôi vẫn không hiểu má và cũng không hiểu chính bọn tôi : đứa nào cũng yêu bé Thương lắm, dù bé đen thui như Mỹ đen.

*

Năm 72, chiến tranh ác liệt nhưng ở Sài Gòn, tôi xem báo, chỉ để theo dõi bước chân Vi.

Vi phổ nhạc thơ mình, Vi hát, Vi đóng phim. Tôi mất Vi rồi. Càng nổi tiếng Vi càng bận.

Tôi ghé qua chia buồn với mẹ Vi hôm bà nội Vi mất.

Tuàn sau Vi nhắn tôi đến gấp.

Tôi dằng bàn tay Vi ra, những ngón tay mềm, móng đỏ, Vi đẹp dữ dội khi đôi mắt đen mở to giận dỗi, đôi đồng tiền xoáy sâu vì Vi nghiến răng, mím môi từng lời rời rạc:

- Sao không đến nhà Vi nữa ?
- Vi có mặt ở nhà bao giờ đâu?
- Khi Anh muốn Vi có ở nhà là Vi có ở nhà !
- Nghe nói tài tử Ngọc Tú rất mê Vi!
- Đừng đánh trống lãng, lão ấy đã ba vợ, chín con. Thứ bảy đến Vi nghe, Vi chờ...

Thứ bảy, lọt vào nhà Vi rồi mới biết đầy khách giai nhân, tài tử, nồng nặc những phấn son và những khuôn mặt của " nghệ thuật hôm nay " . Trong phòng riêng, Vi lộng lẫy trong chiếc robe nhung đen dài đến gót và hở cổ, hở lưng. Bờ vai tròn, gò ngực vun đầy, lõm lưng cong. Những đường kỷ hà tuyệt hảo. Tôi muốn giữ Vi lại thật lâu, tôi muốn đếm những những xoáy đồng tiền, muốn miệt mài trên những đoá hoa tay, những uốn lượn mềm mại mời gọi. Tôi tham lam níu giữ nhưng tôi chắc rằng tôi sẽ mất Vi. Người ta không ngừng gõ cửa kêu gọi Vi nhập tiệc. Mẹ Vi hé cửa gọi, đôi mắt nghiêm khắc và trách móc, sau đó đã không ngừng theo đuổi tôi trên đường về.

Vi nhìn tôi:

- Ngọc Anh đến chưa được mười phút !

- Phải về thôi Vi...Danh ca kiêm tài tử Thanh Quang sắp đóng phim gì với Vi đấy?

- À, còn đang điều đình với tác giả, ông đạo diễn muốn thay đoạn cuối...

- Giống Clark Gable... quá há!

Vi nhăn mặt:

- Vi đề nghị Ngọc Tú nhưng...Thanh Quang đang lên như diều, box office gần bằng...Steve Mc Queen. Ông ấy tưởng chỉ cần để ria mép, châu đôi đầu chân mày sâu rọm là đủ trở thành Rhett Butler .

- Thôi về...Vi nhé...

- Sao không tin Vi ?

Vi dằng tay tôi giận dỗi, vượt qua tôi, vùng vằng ra chặn cửa, xoay lưng lại tôi. Nắng chiều rơi nhẹ xuống mái tóc hớt ngắn, chớm vàng chiếc gáy trắng muốt, thon dài, dài thon, dài như nỗi nhớ bắt đầu từ giữa cái nắm tay từ biệt. Nắng nhuộm vàng lớp lông tơ mịn nằm nghiêng trải mượt tấm lưng ngà. Năm năm, mười năm, hai mươi năm sau, những đường cong của buổi chiều vẫn dịu dàng làm mềm những đắng cay ương ngạnh của đời sống này.

*

Anh Michael xin cưới chị Châu. Chú rể Mỹ cao lớn, mập mạp, mặc áo dài coi chẳng giống ai. Anh lạy bàn thờ tổ tiên, lạy bà ngoại coi thiện nghệ. Ba tôi càu nhàu nhưng từ hồi sau Tết Mậu Thân, ông đã không còn về nhà. Con dao phay trở về giắt vách nhà bếp.

Năm sau nữa Rơi, Rớt về với mẹ ruột. Chị Châu giao hẹn má chỉ nuôi Út Thiệt rồi thôi. Má hứa cho chị an lòng theo chồng về Mỹ. Trời thương chị nên sau đó chẳng còn bà bồ nào của ba mang con đến bắt vạ má tôi.

*

Vi hát trong các phòng trà lớn ở Sài Gòn, trên đài truyền hình. Đẹp và xa

vời, không thật như một giấc mơ. Mỗi lần nhìn Vi nghiêng đầu, những ngón tay thon bấm phím, bàn tay đưa nhẹ cần qua lại, rồi Vi hát, tôi rùng mình sởn óc.

Rừng thu phơi những cành khô
trăng về sau hè
Ngày thu xanh yếu làn da
em nằm ốm chờ(3)

Phải nhớ lại Vi nhỏ nhắn, tròn trịa như một búp hoa sen, tôi phải nhớ về Vi của những buổi tập thể dục, cố nhớ Vi véo von trong căn nhà rộng lớn, buồn rầu và tôi không còn nằm yên trên nền gạch bông mát lạnh.

Sau lần cứu trợ đồng bào chạy loạn từ Cao Miên về Sài gòn, Miên xin đem trầu cau đến nhà hỏi cưới tôi.

Đến nhà Vi, mẹ Vi cho biết Vi sang Nhật dự nhạc hội những nhạc sĩ Á Châu.

Ngày cưới tôi, Vi không hay. Nhưng nếu biết, Vi cũng không đến được vì Vi sang Pháp hát cho sinh viên , kiều bào ở bên ấy.

Những bài thơ Vi đã đưa tôi xem ngày xưa trở nên những bài hát top của một thành phần giới trẻ lúc bấy giờ :

Mẹ đi về những đường hẻm nhỏ
Gánh đời lặng lẽ đầy vơi
Con bay theo tiếng hát
Một nỗi đời chìm lặng

Có dịp là Vi về ghé thăm má tôi, đưa tặng những tập nhạc, băng nhạc của Vi. Vài năm sau, dạo không được phép buôn bán linh tinh, bà viết thư kể chuyện ngồi nghe hằng giờ tiếng hát Vi.

*

Đầu tháng tư năm 75, chị Châu từ Mỹ gửi tiền, đưa người đến hối thúc, phải đi khỏi Việt Nam. Bà ngoại nói Mỹ làm gì có trầu cau. Chị đánh điện đính chính. Bà ngoại lại nói còn mồ mả ông ngoại, ông bà cố ? Cái này thì cả châu Mỹ, châu Âu cũng đành chào thua.

Má nói bà ngoại ở lại, má làm sao đi được. Chị Châu một hai quyết sẽ đích thân về rước gia đình. Má phải nói ừ. Nhưng đến ngày, giờ và nơi hẹn lên

---

Góp Lá Mùa Xuân - Trịnh Công Sơn

đường, chỉ có tôi và gia đình Miên. Sáng sớm hôm trước, tôi đến tìm Vi.

Vi thì thầm:

- Bố cho người đến nhắn, bố sắp về. Mẹ Vi cũng không muốn đi.

Vi ngồi sát bên tôi, cùng giở xem những tấm ảnh học trò, những bức hình sau này của Vi, đẹp. Những ngón tay trắng thon, móng đỏ. Vi đẹp từ ngón chân đến đầu ngọn tóc. Tôi đưa Vi chiếc túi nhỏ. Quà mọn cho Vi đó. Thôi về nghe. Khoan. Để Vi mặc thử áo đã chứ. Áo nịt Dior phải đi với dầu thơm Chanel chứ. Bồ lão của Vi đang cùng gia đình xa chạy, cao bay. Tối qua, chàng đến tống tiễn, dâng hiến đền bù cho Vi bao nhiêu là thứ...

Ừ thì thử, để nhớ nhau suốt đời nghe Vi . Thôi về nghe Vi.

Vi oà lên khóc. Vi ôm cứng vai tôi. Sao đi làm chi vậy Ngọc Anh? Bỏ Vi được sao?

Mẹ Vi gõ cửa hỏi thăm. Ngọc Anh ơi, Miên gọi về cháu ạ !

Vi nức nở : hứa với Vi không phải là Anh đi luôn đâu nhé...Phải trở về thăm Vi, nghe. Để Vi thương nhớ hoài là Vi sẽ chết đó.

Ngực Vi tròn vun, vừa vặn, sóng sánh theo tiếng Vi cười dài át tiếng mẹ Vi đằng hắng sau cánh cửa.

Tôi rời căn nhà rộng, bỗng dưng linh cảm là lần cuối cùng còn thấy Vi. Bảo Miên về trước, suốt ngày ấy, tôi đi lang thang giữa những đoàn xe, người tất tả, trên môi còn thoảng vị mặn của nước mắt Vi, và mùi thơm của phấn, nước hoa. Năm năm, mười năm sau...mọi bất trắc, nguy nan, mọi cuộc vui trên đời này không ngang bằng, không khoả lấp được ngày lạ lùng đó, thơm tho và những cơn đau thòng lọng ở trong bụng.

*

Mối dây liên lạc chỉ giữ được vài năm, dăm ba thư dài, đầy ắp những hoang mang xen lẫn với phấn khởi, bỗng dưng Vi ngưng. Vi cũng không buồn trả lời khi tôi thư báo tin tôi trả tự do cho Miên không bao lâu sau khi cả hai dọn từ Texas về Cali.

Má tôi viết thư nói đàn ông Việt Nam qua Mỹ mà không thay đổi, thằng Miên kì quá hả con. Chắc mê con yêu nào hả. À, Vi vẫn đi hát, nhưng sao má thấyVi buồn quá con ơi...Ở bên này buồn quá, ai cũng đi tứ tán...buồn quá. Ngoại nhắc tụi con hoài. Ngoại biểu má đi qua bển với tụi con.

Khi chị Châu ly dị, má tôi mới bằng lòng rời Việt Nam. Sao thằng Mai cồ kì cục vậy hả con, má tưởng chồng Mỹ khá hơn chồng Việt Nam chớ. Sao tụi con không dọn về ở cùng một chỗ cho có chị có em?

Sao không đứa nào ở gần nhau hết trơn, lỡ khi tối lửa, tắt đèn....

Má hỏi sao trăm con của má tản lạc ra bốn phương.

Thế kỷ hai mươi nên không (kịp) cần (được) mẹ cha chia nhau dẫn dắt lên núi hay xuống biển. Chỉ cần mẹ khi những cuộc tình tới hồi gãy đổ.

Rơi ở Sydney, Rớt ở Toronto, Thương và Thiệt đứa ở Pháp, đứa ở Bỉ. Ghen, Ghét và một vài đứa em khác khác đi hoài không thoát, phải ở lại diễn biến hoà bình. Ba tôi, từ trại cải tạo về năm 78, qua năm sau lần mò xuống Cần Thơ, toan tính vượt đại dương mình. Mấy phen không xong, đành cưới một nàng hầu, sinh đâu được cũng năm mươi quả trứng khác. May quá, Cần Thơ với Sài gòn cũng xa như chợ Mỹ (Tho) nên má không phải ấp / nuôi đứa nào.

Má tôi sang Cali đoàn tụ với chị em chúng tôi năm 1981.

*

Mười năm sau, tôi đưa má tôi về Việt Nam thăm ngoại.

Má nhẩm tính một trăm đô một nhà, mười nhà hết một ngàn. Nhà nào đông con thì hai trăm. Bà con xa một chút thì năm chục...

Bà ngoại đã hơn chín mươi, mắt đã mù, trí nhớ đã đôi lúc lẩn lộn nhưng giọng vẫn còn sang sảng

...tại hà chi châu
yểu điệu thục nữ
quân tử hảo cầu...

và ngạc nhiên :

- Ủa Vui ở đây còn Vi đâu ? Sao lâu quá ngoại không thấy Vi tới thăm ? Con nhỏ thấy thương hết sức...

Bà nhắc đứa này, hỏi đứa kia, hết khóc lại cười.

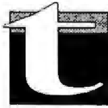
Má tôi kêu mấy đứa cháu ra phân phát tiền bạc, sụt sùi dặn dò phải thương bà cố, săn sóc bà cố. Ngọt ngào nhờ những người anh, chị họ, bạn dì, con chú, con bác trông nom mồ mả ông bà, lo chuyện ăn uống thuốc men cho ngoại.

Tôi lạnh lùng:

- Ngoại còn sống, má tôi mới gửi tiền về.

Giao (kèo) hẹn mỗi tháng gửi sang má một tấm ảnh ngoại đeo Ray Ban đen, ngồi ghế, tay cầm tờ báo Tuổi Trẻ chủ nhật. Khi bà cười, khi bà mếu. Mỗi năm mươi, mười hai lần, má tôi khóc ròng một trận trước mặt con cháu ở Mỹ. Má vẫn biết Ray Ban hay vòng cẩm thạch của ngoại vẫn được lũ cháu ngoan thay bằng ...các mác ..in China.

Chị Châu vẫn lén gửi tiền về cho ba tôi. Má tôi cằn nhằn lấy lệ nhưng tôi biết mỗi lần đứa con nào từ xa gọi điện thoại về thăm hỏi, bà đều dặn dò nhớ



HỒ MINH DŨNG

bốn mùa

Gió ghé đến hỏi vài câu nhân nghĩa
Giết bao nhiêu sinh vật để tế thần
Khi trăng lặng nói mấy lời thương tiếc
Dù đi xa cũng quay lại nửa chừng.

Tâm bất tại, tim vốn còn một mảnh
Gió hay trăng cũng chỉ ở ngoài thềm
Cây cỏ bấc leo nhanh vườn vô chủ
Em xa xôi chiếc bónh đọng rất gần.

Mây không có lòng anh thành sấm chớp
Bùa ngãi đeo lưng ngất ngưởng qua đời
Trôi nhiều phía, khi tấp về một phía
Đứng chờ mưa, nắng đổ phía sông người.

Em một góc thành vô vàn núi lớn
Một góc anh, tâm bất tại, rối bời
Cỏ không vườn leo nhanh bờ mới nhú
Yếm em quên Bay trắng xóa giữa trời.

HỒ MINH DŨNG

gởi tiền về cho ba má con nghe, đừng quên nghe, công cha như núi Thái Sơn.... Cho đến hết đời mình, tôi không thể hiểu má.

Tôi cũng không hiểu cuộc đời này, không hiểu thế giới này.

Cái thế giới hỗn mang vô thường và như không thật nữa kể từ ngày má tôi ngập ngừng con ơi, má nói cái này, đừng buồn nghe con, số mạng...Vi tự tử chết hồi năm...đừng buồn nghe con Vi thương con lắm, Vi thương má, thương ngoại...Má nói hoài... ăn ở hiền lành không ai hại được mình đâu ...Vi không nghe...má nói đời này vô thường... người đời tàn ác, nói này nói nọ, nhưng ăn nhằm gì, phải biết chấp nhận số mạng...Tội nghiệp quá.. má nói hoài Vi ơi, thương bác, thương Vui thì đừng nghĩ quẩn...

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Ngày 8 tháng 3-1997



PHAN NHIÊN HẠO

buổi chiều

Tôi nhớ là tôi đã đặt chân lên bàn
chiếc bàn hình lục giác và buổi chiều hình tròn
3 giờ 30 mùa xuân Los Angeles
không có chỗ nào đứng chơi
có chăng là tóc rụng
lên thảm màu lục
ở ngoài vườn những cây cúc non
màu vàng, và tôi ngồi nghĩ về tình dục
về tiền bạc và những nỗi trống không
mọi sự như bắt đầu giápnối
trong buổi chiều hình tròn sau những chuyến đi xa
ra khỏi những bầu trời ẩm thấp
ở biển những con chim còn trộm cắp dọc cầu tàu
và tôi tự hỏi người ta có hay giết người trong những giấc mơ
liệu người ta còn có thể yêu những con gà
sau khi vứt xương bữa ăn tối
vào chỗ khe núi mặt trời trốn xuống lúc hoàng hôn
liệu tôi còn tìm thấy chính tôi giữa hai cuộc phân kỳ văn hóa
một hột nút áo hóa giải và kết liên.

PHAN NHIÊN HẠO



NGỤY NGỮ

KHI VỀ



Với 4 chiếc giường tầng xếp thành hai dãy bàn dọc, căn phòng chỉ còn một lối đi nhỏ dẫn từ cửa ra vào đến cửa sổ, nhưng ngay lối đi này cũng không được trọn bởi tầng giường dưới ban ngày thường được dùng như ghế, người ngồi bên này có thể gác chân sang tận bên kia, và sát cửa sổ, cuối lối đi, là chỗ của chiếc bàn. Bên trên lối đi là những sợi dây phơi mắc chéo giữa các trụ mùng luôn có quần áo đang ướt, nhất là vào mùa mưa như bây giờ. Đây là nơi Vân sống chung với bảy cô bạn, một căn phòng chung chung như bao căn phòng khác trong khu cư xá dành cho sinh viên xa gia đình, nơi đã quá quen thuộc với Thái. Từ nhà ăn tập thể của đài phát thanh đến đây, chậm chạp tản bộ qua mấy góc phố yên tĩnh đầy cây già, Thái mất đâu chỉ chừng 15 phút.

- Ô, anh Thái, chúng em đang nhắc anh, ngỡ là anh không đến. Vân nó đang buồn đấy!

- Ngày mai anh cùng đi với chúng em chứ, anh Thái?

- Anh Thái, anh Thái...

Vừa bước đến khoảng thềm ướt át trước cửa ra vào, Thái đã nghe những cô gái trong phòng rộn lên chào đón. Người đang nằm ngồi nhanh dậy. Người đang duỗi chân gác chắn lối đi vội thu chân vào. Ở bàn, trước mấy chiếc bát úp, đang làm gì đó vân dẹp lại, quay ra hớn hở cười mừng. Sự chào đón đã bất thường, lại càng bất thường hơn nữa là từ cô dân Hà Nội, Hải Phòng cho đến cô dân Huế, dân Nha Trang, Đà Nẵng, tất cả đều nói giọng Bắc. Giọng đổi nhưng mặt vẫn tỉnh khô và rõ ràng tất cả đang tranh nhau nói, cố tìm ngay ra chuyện để hỏi và nói. Cả tám cô đều có gốc rễ ở thành phố này nhưng mỗi cô lại sinh một nơi và hầu hết nơi sinh thành của họ đều dính líu với tình trạng ly tán khuất khúc trong đời cha mẹ họ, dọc hằng chục năm chiến tranh

phân chia Nam Bắc đã qua. Qua thời gian lui tới thăm Vân, dù hờ hững tới đâu Thái cũng đã biết ít nhiều những chuyện đời từng cô và đồng thời chẳng còn lạ gì với những trò chơi tinh quái của họ. Gật đầu mỉm cười để giấu vẻ ngạc nhiên, tức khắc Thái nhập luôn vào trò chơi với họ, nhại giọng Bắc theo họ để đáp lại những câu hỏi chào và nhìn Vân, nhìn sang phần cơm trên bàn.

- Ai chưa ăn vậy. Vân? Sao chiều nay về muộn thế?

- Em... tan trường em còn phải họp lo chuyện...

Giọng Bắc của Vân ngắt quãng, nghẽn lại. Cô lúng túng tránh ánh mắt Thái để nói tiếp cho hết câu trả lời, răng cắn môi giữ tiếng cười lại. Nhưng rồi không được. Cô úp mặt vào cánh tay, đôi vai rung lên giữa cơn cười. Cùng lúc trên các mặt giường, như một ngọn nước lũ vừa tràn phá được bờ chặn, tiếng cười của mấy cô bạn Vân vỡ tan ra. Kẻ gập người ôm bụng, kẻ níu cột, thành giường, níu lấy nhau, họ ngặt ngoẽo cười. Thì ra cả tám vừa lãnh học bổng và vừa thống nhất cách tiêu tiền: khi phòng không có khách ai giọng nào cứ nói giọng đó, nhưng khi có khách cả tám cô đều phải nói chung một giọng, người nào cười trước tức thua cuộc, phải trả tiền yaourt cho cả phòng, dĩ nhiên mỗi người chỉ có quyền thua cuộc một lần. Hôm nay thứ bảy, theo chữ cái đầu tên thứ, họ nói theo giọng Bắc. Vân đã lãnh ngay phần người thua cuộc đầu tiên.

Những chiếc áo ấm, áo mưa trùm lên ngoài những bộ đồ ngủ, họ khép cửa phòng, kéo nhau ra quán yaourt đầu phố. Mưa, khoảng sân cư xá lu mu những giàn bầu bí, những luống khoai rau nhão nhoẹt đất bùn. Quãng đường tối lộng gió. Quán khá đông khách. Thùng lạnh chứa kem, mấy chiếc ghế đóng bằng gỗ, thùng đạn đại bác dài ngắn lổng chổng đặt vây quanh dưới hai tấm áo đi mưa nhà binh căng bám vào gốc cây già làm mái che, thêm sợi dây điện nối từ cơ quan thuộc loại không bao giờ bị cắt điện bên sau bức tường ven đường ra, quán đã được một người cán bộ tập kết về hưu dựng lên ngồi bán một thời gian ngắn, rồi giao lại cho cậu con trai là phế binh quân đội Sài Gòn trông coi, kiếm sống. Người con bày thêm bếp lửa, phin tách café, tủ thuốc lá lẻ. Thái uống café, hút thuốc. Vân và bảy cô bạn ăn yaourt. Vừa ăn xong đám bạn Vân giục nhau về ngay, người thì lo chắc đang có khách đứng chờ trước cửa phòng, cảnh thỉnh thoảng Thái vẫn gặp phải. Người bảo về tranh thủ ngủ sớm để dành sức cho cuốc xẻng ngày mai, người đùa Thái và Vân: "Chúng em về để còn phải dành đường phố lang thang lại cho anh chị". Họ cười nói, ra đường và qua đường. Vân và Thái ngồi lại. Người phế binh sau tủ thuốc nhoài ra tính tiền. Vân trả tiền, mua thêm cho Thái gói thuốc. Hết thảy vừa trọn món học bổng hàng tháng của Vân, loại học bổng cấp cho sinh viên không phải con em các gia đình có công với cách mạng.

Rời khỏi quán yaourt lướt thướt gió, hai người đến một quán ăn ấm áp khuất cuối đoạn hẻm sâu, vắng. Với Thái, quán yaourt là "quán của Vân". Với Vân, quán yaourt đó là quán thường xuyên, bởi thường có điện, hoàn

toàn khác với khu cư xá tội nghiệp của cô. Và quán ăn này là "quán của Thái", nơi thỉnh thoảng cô được Thái dắt đến "bồi dưỡng", "cải thiện" bù lại phần nào cho những buổi ăn thiếu thốn ở bếp cư xá. Quán thuộc loại quan "chui", không bảng hiệu, do người đầu bếp chính của một nhà hàng lớn trước đây kín đáo mở ra ngay sau khi nhà hàng trở thành cửa hàng ăn uống quốc doanh. Đã ăn tối ở bếp tập thể, Thái chỉ nhâm nhi chút món mặn, uống rượu, hút thuốc ngồi nhìn Vân ăn. Đang đói, Vân chẳng buồn giấu sự ngon miệng của mình, cô vừa ăn vừa chuyện trò. Chuyện của Vân vẫn chẳng có gì ngoài bạn bè, trường lớp, cư xá, những kẻ vô tâm, những người tốt bụng, những buổi học, những cuộc họp. Chiều nay cô về trễ khiến hồi nãy đám bạn cùng phòng phải chừa phần cơm lại, bởi là một "chức sắc" của lớp nên sau buổi học cô lại còn phải họp "để nắm chắc hơn nữa nội dung chương trình hành động trong ngày mai". Ngày mai, ngày toàn thành phố "ra quân hưởng ứng phong trào trồng cây". Cạnh các đơn vị thanh niên phường xã trồng ngay tại địa phương và cơ quan, tất cả thanh niên các trường đại học sẽ tập trung trồng cây phủ xanh vùng Tây Nam thành phố, nơi cách đây mấy chục năm vẫn còn là những cánh rừng già và rừng thông nhưng bây giờ đã bị chiến tranh và tình trạng phá rừng cào gần như sạch nhẵn. Không thấy khi còn rừng già và rừng thông thì như thế nào, nhưng cách đây chưa bao lâu, thời chiến tranh, lúc là lính quân dịch, lính lao công và nhất là lúc làm phóng viên của sư đoàn bộ binh đóng quân cạnh thành phố, Thái đã thấy vùng đồi ấy bị bom đạn cào xé ra sao. Những căn cứ mang tên nước ngoài. Những ngọn đồi ngạt giữa khói, lửa kéo dài hàng cây số cháy thâu ngày thâu đêm. Những kẻ vượt qua lưới lửa, thoát chết, ngu ngơ, mất trí. Những nấm mồ vô danh đã được vùi cao lại bị nát banh ra giữa những trận pháo sau hiệp định Paris. Những người bị thương ôm vết thương máu xối xả chảy, hốt hoảng nhìn cái chết bước đến nhưng không có thuốc cầm máu để chống lại... Tất cả đã qua. Nhờ "ngày ra quân" Vân đã được lãnh học bổng sớm hơn các tháng trước và Thái đã có món tiền nhuận bút các bài đăng báo tỉnh, bài viết thêm ngoài chỉ tiêu đọc trên đài tỉnh, đài thành phố. Một phần của các món tiền khiêm tốn đó đang biến thành bữa ăn "bồi dưỡng" cho Vân. Vân than phiền việc chuẩn bị quá rườm rà và hơi nặng phần hình thức ở trường mình (Đi trồng cây, chuyện giản dị đến ai làm cũng được vậy mà nghe nói tới cứ như nghe chuyện đại chiến, nào là chiến dịch, hành quân, mũi tiến công. Buồn cười ghê, anh thấy không?). Bên ngoài, lẫn trong tiếng mưa đều đều là tiếng người phát thanh viên của đài truyền thanh, từ chiếc loa gắn đầu một trụ điện nào đó đang đọc bài Thái viết về cây thông theo cuốn sách một người bạn kỹ sư lâm nghiệp cho mượn. Bài viết dứt, tiếng hát nhiều giọng gái ríu rít cao lên: "Về trong lớp ngồi, lần tay tính lại, 10 năm trồng cây lớn quanh đây". Bài hát được chọn làm nhạc nền cho các chương trình phát thanh đặc biệt, một trong hằng chục bài của hằng chục nhạc sĩ thành phố đã viết để tham gia đợt vận động sáng

tác kịp thời phục vụ phong trào.

Dai dẳng, miên man với hàng triệu tỷ giọt nước nhỏ mềm lất phất, mưa như một tấm chăn nước khổng lồ rười rượi trùm kín lên cả miền dân cư nhập nhòa những đoạn phố có điện, mất điện ở hai vùng bên này bên kia sông. Sông càng lớn tối thẫm. Những cây cầu rét mướt thưa người. Mưa bị gió hắt chùng vây trắng những bóng đèn đường. Dai dẳng chẳng kém gì mưa, rải rác đó đây ở những trụ đèn đường những chiếc loa truyền thanh vẫn không ngớt vỗ xuống những mái nhà sụt sùi câm cặm cam chịu những chương trình phát thanh, hết của địa phương đến của trùng ương cơ hồ như chẳng bao giờ dứt đi được. Nhưng rồi khuya tiếng loa cũng dứt và sáng sớm trời cũng ngớt mưa, đúng y như tin khí tượng thủy văn mà loa đã ra rả thông báo.

Và cũng đúng y như chương trình đã được vạch ra và phổ biến rộng rãi tại các trường đại học: trời chưa chớm sáng cả thành phố đã thức dậy với tiếng loa, và từ khắp mọi ngã đường trong ngoài thành phố, hàng ngàn sinh viên nam nữ, kẻ xe đạp, người đi bộ, đi xe lam, xe buýt, rộn ràng kéo về vùng đồi núi ở mạn Tây Nam, phía đầu sông. Ở đây, chuẩn bị cho ngày trồng cây mở đầu phong trào này, từ cả tháng trước nhân viên ngành lâm nghiệp đã đào hàng trăm nghìn chiếc hố và cào cỏ ủ xuống để làm phân xanh, hàng trăm nghìn cây thông con còn nguyên bầu ươm đã được chuyển đến đợi sẵn ven con đường sát chân vùng đồi. Theo từng lô đã được phân rõ cho từng trường, từng lớp, sinh viên đến là bắt tay vào việc ngay. Người dùng xẻng móc hố, người khuôn cây leo đồi lên đặt xuống, người xới đất lấp gốc lại. Và để thêm phần bảo đảm không khí hội hè của ngày ra quân, ngoài những bài động viên, biểu dương và những bài hát được liên tục phát qua chiếc loa gắn trên chiếc xe Jeep chốc chốc tới lui khắp vùng, hầu hết ban văn nghệ của các trường lớp đều có mang theo đàn, cứ nghỉ giải lao là sinh viên lại chụm lại từng cụm, đàn hát, vỗ tay...

Không được sinh viên đón tiếp ồn ào như hai người bạn phóng viên nhiếp ảnh của báo và phóng viên quay phim của đài truyền hình, với chiếc máy ghi âm Thái vồi vội ghé nơi này nơi kia đi làm công việc của mình. Công việc khá đơn giản nhưng anh lại còn phải chạy đua với thời gian. Để bài phóng sự truyền hình giữ được sự nghiêm túc không thể thiếu của một bài có tính chất tổng kết, Thái không thể làm phóng sự tại chỗ mà anh chỉ ghi âm một số lời phát biển rồi sau đó về viết thêm lời tả cảnh tả tình, đưa duyệt, truyền sang phòng ghi âm cho phát thanh viên đọc, ghép lời phát biểu vào. Đây là ngày đầu của phong trào và với nhiều bạn trẻ sinh thành ở miền Nam, đây là lần đầu tiên họ phải làm công việc này, Thái chọn hai câu hỏi để đặt ra với tất cả những người anh tiếp xúc, họ cảm thấy thế nào và họ nghĩ gì. Với hai câu hỏi ngắn, gọn dễ trả lời, chỉ một giờ Thái đã thu được hằng chục câu trả lời đủ giọng tứ xứ, không ít câu trả lời đầy chất bài bản trùng lặp và cũng không ít những câu khác sinh động, chân thành. Rồi Thái đến lớp Vân. Như đám

bạn chung phòng Vân, hầu hết các bạn trong lớp Vân chẳng còn ai không biết quan hệ giữa cô và Thái. Tất cả đều từ chối chiếc micro Thái đặt câu hỏi, đưa tới.

- Sao anh không hỏi Vân trước?

- Anh phải hỏi Vân trước. Anh cứ hỏi Vân đi - Chục miệng như một, họ cười bảo.

Thái đưa micro đến cho Vân. Cảm tưởng? Được thấy mình trực tiếp tham gia, được cảm thấy có ích... Vân trả lời chẳng khác gì bao nhiêu người khác. Nhưng sang câu thứ hai, nghĩ gì? Cô lại trả lời hoàn toàn không giống ai:

- Em nghĩ về anh!

Như người bồi bàn đã quen cam chịu đang phải đối mặt với tính khí thất thường của một thực khách giàu có. Thái mỉm cười giữa tiếng cười rộ của những người xung quanh, cúi xuống với chiếc máy, xem chừng đoạn băng còn lại rồi lại hỏi, đưa micro tới cho Vân. Lời đáp của Vân lại vẫn thế. Em nghĩ về anh. Cô nghiêm trang nói, nhìn Thái. Cơ hồ đã bị vẻ nghiêm trang và ánh mắt chân thành của Vân thuyết phục, những người bạn trai gái của cô không có cười nữa. Thái lặng lẽ cười gật gật đầu như đã chịu thua sự ngổ ngáo thực sự của Vân và lại đặt câu hỏi trả lời.

Dĩ nhiên trong số những câu trả lời được chọn đưa vào bài phóng sự không có câu trả lời của Vân. Buổi chiều, khi cuốn băng được nghe lại trong phòng ghi âm, là bạn Thái và đã biết rõ Thái và Vân, người ghi trương trình nhận ra ngay tiếng Vân, vui vẻ hứa sẽ lấy cuộn băng khác anh ta đang có để thay cuốn băng này tặng Thái sau khi đã xóa hết mọi câu trả lời khác trừ lời Vân. Đêm, khi toàn bộ loa trong thành phố phát bài phóng sự, ở căn phòng của Thái, căn phòng ở tầng hai hoang phế của một ngôi nhà lớn như lâu đài đầy mùi rêu mốc, giữa những mặt tường, mặt bàn trống trải, không sách vở, trong tiếng mưa thầm thì miên man bên ngoài và ánh néon trắng lạnh căm căm, Thái ngồi nhìn Vân, và Vân đang ôm chân ngồi nhìn ngọn lửa của chiếc bếp dầu hôi chập chờn bên dưới soong cháo nấu con cá cô mới đội áo mưa mang từ chợ đêm lập loè đèn đóm ở đầu phố về. Hai người chẳng ai nhắc tới vùng đồi mà cả hai đều vừa sống qua một ngày. Thái đang trong tình trạng chưa biết sẽ rời thành phố để về Nam lúc nào.

Vân bây giờ thì cô chẳng có chuyện gì để nói ngoài chuyện mà cô đã không nói với Thái. Hôm qua lúc Thái đến tìm cô ở cư xá là lúc cô vừa ở trường về, đang đọc bức điện của mẹ cô từ bên kia đèo gửi ra mà bạn cô đã nhận giúp. "Về gấp để kịp dự đám cưới cô Tâm". Cô Tâm một người cô họ của Vân, cùng tuổi Vân, đã đi từ cuối năm 75, đang ở Mỹ và vừa tới là người có mặt trong những người thân đón mấy người anh em của Vân ở Thái và ở Hồng Kông sang. Bức điện là một thứ mật hiệu của gia đình cô. Nếu vâng lời mẹ, hôm qua Vân đã lên tàu lửa về nhà và bây giờ hẳn đang ở trên một chiếc thuyền vượt biên nào đó lênh đênh giữa khơi. Lại thêm một chuyến đi nữa

cô trễ. Sắp tới cô lại phải chịu đựng bao nhiêu lời trách mắng của mẹ và sự lầm lì ngột ngạt của cha. Hôm qua như một người can thiệp kịp thời, Thái đã đến, và hai người có thêm một đêm như bao đêm đã có. Quán nước, quán ăn. Nhìn cây đèn đường xa gần. Những ngã ba, ngã tư phơi tênh dưới nền trời đêm. Con đường lấn ven bờ sông với cây lá nghiêng nghiêng kết thành vòm rười rượi xanh theo ánh đèn đường sang khuya, như một đường hầm huyền hoặc mê lú.

Với Thái, Vân đã có bao nhiêu ngày ngơ ngẩn mê lú trong thời xuân xanh ngắn ngủi của mình.

Mười năm cây lớn... Như lời bài hát sau mười năm trồng trừ những cây chết từ đầu, những cây bị nhổ chặt, những cây còn lại đã cao dậy, lớn lên, xòa thành tán, đan được cả bóng mát vào nhau trên vùng đồi trên mạn Tây Nam thành phố.

Thái đã rời khỏi thành phố trước cả ngày Vân đi, và sau hơn mười năm rời xa, có ngày Thái đã về lại vùng đồi ấy với một người đàn bà và một đứa bé mà hắn không bao giờ Vân biết. Thái lặng lẽ loanh quanh đi tìm những cây thông Vân trồng.

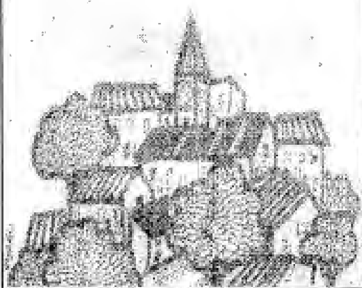
Chẳng hay biết gì về điều đó, vừa phải theo chồng vừa trông chừng sự nghịch ngợm thái quá của đứa con, vợ Thái bận rộn đến không còn thì giờ để trông cảnh đẹp đã nhiều lần nghe chồng nói. Chị chỉ muốn trở lại thành phố ngay.

Hơn mười năm sau ngày Vân đi, khi Thái về, phố đã khác.

NGỤY NGỮ

hoàng ngọc biên
uống trà sớm mai
những bài lục bát 1962-1996 còn lại
nhà xuất bản trình bày





UỐNG TRÀ SỚM MAI

những bài lục bát 1962-1996 còn lại

của HOÀNG NGỌC BIÊN

nhà xuất bản trình bày



NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT

gửi nhớ về anh

Nhớ anh, em không ngủ
Cứ hình dung ra con đường ta vẫn đi
Ngày nắng, ngày mưa
Giờ còn lại mình anh đơn độc...

Nhớ anh, em khóc
Thương căn phòng thui thủi mình anh
Đêm giật mình quờ tay sang bên
Chạm vào khoảng trống...

Chiếc tài điện leng keng phố vắng
Rạp chiếu phim tan buổi cuối cùng
Cái rét đầu mùa lạnh buốt sống lưng
Bếp vắng ngọn lửa reo ấm áp...

Anh ơi, làm sao mà quên được
Những ngày vàng bên nhau
Ngôi nhà như trôi trong chiêm bao
Đêm lại đêm - nồng thắm

Lúc tỉnh giấc thấy vầng trăng tròn trặn
Lung linh qua ô cửa vẫy chào
Xa anh rồi, gửi nhớ về đâu
Khi em hình dung ra con đường mỗi sớm

Anh đơn độc đứng chờ xe trên bến
Bác lái xe chắc cũng ngỡ ngàng
Khi thấy anh còn lại một mình
Ngơ ngác giữa những người xa lạ
Hành khách quen không ai ngồi vào chỗ
Nơi em vẫn ngồi bên anh...

Khoảng trống anh ơi - anh ơi - mông mênh
Làm sao lấp nổi
Chỉ khi nào chúng mình gặp lại
Mới khớp tròn hai nửa vầng trăng
ta sẽ lại đi trên phố của chúng mình
Phố của những ngôi sao
suốt đời...
lấp lánh...

NGUYỄN THỊ HỒNG NHÁT



VÕ ĐÌNH

"... RUỘT ĐAU CHÍN CHIỀU"



Một - Phần tư thế kỷ về trước, lưu lạc ở Pennsylvania, tôi nhận được một cuốn sách cha tôi gởi từ Việt Nam. Trong thư kèm theo, cha tôi viết: *"Con đọc mà xót thương quê nhà."* Ở trang trong cuốn sách, bìa đỏ (Xuất bản bởi Nhà Sáng Tạo) có dòng chữ đề tặng của tác giả: "Kính tặng Cậu Mợ với tất cả lòng thành của con." Ký tên : Phan Nhật Nam, 1972. Từ đó, bốn chữ "Mùa Hè Đỏ Lửa" đã đi vào mạch máu ngôn ngữ Việt Nam. Chúng ta nói "mùa hè đỏ lửa," tự nhiên như nói "mưa dầm gió bấc," như nói "nắng quái chiều hôm." Nhan sách trở nên thành ngữ, một điều hiếm hoi.

Mới đây, 1995, gặp lại Phan Nhật Nam ở Maryland, tôi đưa cuốn sách cũ, nói rằng... "sách xưa tặng Cậu Mợ, nay tôi thừa hưởng, xin tác giả một chữ ký mới cho một giai đoạn mới". Tác giả phóng bút liền liền. Quệch quạc, gân guốc. Ngắn gọn mà hàm súc. Giản đơn mà thân tình. Nét chữ góc cạnh, sắc bén. Bất cần mà dung dị. Xấu mà đẹp. Như thơ Phan Nhật Nam.

Thật ra, lời văn dáng chữ chỉ là phần nhỏ. Khổ quá, đau quá, không còn làm chi được nữa, mới "làm thơ". *Làm thơ để tự cứu* (chữ của PNN) Trước, cứu mình. Sau, cứu người.

Hai- Văn Học số Xuân Đinh Sửu (129&130), trong phần Tạp Ghi, ông Nguyễn Quốc Trụ viết: "Tác giả Adorno từng khẳng định, trong tiểu luận

"Chủ nghĩa phê bình Văn Hóa và Xã Hội", bàn về toàn thể "Nghệ thuật sau Auschwitz" rằng, sau Auschwitz, *"nếu cá nhân nào đó còn làm được thơ thì thật là dã man"* (sic), và *"mọi văn hóa sau Auschwitz chỉ là rác rưởi."*

Tôi chưa từng được quen biết trong lãnh vực văn học ông Adormo này, nên không lạm bàn dông dài. Chỉ "trộm" nghĩ rằng câu nói của ông có vẻ như ..."vung tay quá trán". Có thể đổi được chăng câu phê phán này thành... *"Sau Auschwitz mà còn làm được thơ... Trời ơi, tuyệt !?"*. Hay là, *"Mọi văn hóa sau Auschwitz là những nhánh kỳ hoa bung lên từ bãi dơ bầy nhầy, ruồi nhặng sâu bọ lúc nhúc, thối um ?"*

Đêm Tận Thất Thanh là một nhánh kỳ hoa đó. Sau Quảng Trị, Đại Lộ Kinh Hoàng, sau Đồng Xoài, sau An Lộc, Bình Long, sau trại Lam Sơn, trại Thanh Cẩm:

Mười bẩy năm rồi
Hơi máu còn rây
Giải lê lết qua Bình Dương, Lộc Ninh
Tận Bù Đăng, Bù Đốp ...

Tôi không may mắn (?) một lần đọc tác giả Adorno nói trên. Nhưng tôi từng được làm quen với chữ nghĩa của Henri James. Nhân nghĩ về chuyện nghệ thuật trong một thời đại hung hãn, nhớ tới câu "tâm sự" của văn hào thế kỷ thứ 19, thế kỷ chưa dịp chứng kiến Thế Chiến I, Thế Chiến II, chưa phải đẫm máu Cao Ly, máu Việt Nam. James thổ lộ: *"Chúng ta sáng tạo trong bóng đêm tăm tối. Làm được gì, ta làm. Có gì, ta cho. Nghĩ cho cùng, chính sự nghi hoặc của ta lại là nỗi đam mê của ta, và cơn đắm say của ta là công trình vất vả của ta. Cái còn lại là gì ? Nỗi điên dại của nghệ thuật đó thôi."*

Ba- Hôm xin Phan Nhật Nam chữ ký mới cho sách cũ, tôi có tặng họ Phan một bức tranh sơn trên gỗ, nhỏ bằng hai bàn tay. Tôi dặn dò: "Bỏ túi đeo vai được. Đi đâu đem theo cũng dễ." Tranh vô đề, không tên. (Đã lâu rồi, tôi không đặt tên cho tranh nữa. Chỉ ghi tháng, năm, rồi gọi như vậy.) Mới đây, được thư PNN, có câu : "Anh cho bức tranh, em để trước mặt và gọi đấy là Ruột đau chín chiều ... Sao phải đau đến "chín chiều" mà không hai, ba chiều để đỡ khốn khổ con người ?"

Nam ơi,

Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Ngó về quê mẹ ...



PHAN NHẬT NAM

bài học vần quốc ngữ

A
Ai thật thương yêu ai
Ân nghĩa sao cho đủ?
Ác độc quá cao dầy
Âm âm nguồn thống khổ.

B
Bỗng thấy suốt sự, vật
Bày ra như vết đau
Biết, lắm thêm bi phẫn
Bất ngờ mắt ứa cay.

C
Công nghiệp hẳn chỉ thế
Cầu, triệu vạn người mong
Có - Không... Lần xong cuộc?!!
Cầm bằng hơi rượu xuông!

D
Đũa, dùng gắp thức ăn
Đàn bà, ôm ấp ngủ
Đâu phải mối nguy nan
Đáng lao đầu tự tử!!

PHAN NHẬT NAM

Ngó về lâu quá, ruột đau đến nỗi chín (mười) cả (buổi) chiều đó, Nam à ...

VÕ ĐÌNH
Loxahatchee, Florida, 5-2-97,
24 tiếng trước Tết Đinh Sửu, ở Việt Nam. Võ Đình



ĐỖ QUANG NGHĨA

TÌNH YÊU



Đi ngủ, chồng tôi chẳng khác một đứa trẻ cứ phải sờ tí mẹ. Một lần, đang mân mê ngực tôi, bỗng anh thảng thốt: "Ngực em có cái gì như hạt nhãn thế này?" "Một cái u, mình ạ. BEm bị ung thư. Tháng sau mổ".

Đêm đó, chúng tôi nằm im lặng và không ngủ. Rồi mọi sự tuần tự diễn ra. Chồng tôi đưa tôi vào viện K, đón tôi ra, buồn bã, ân cần. Cái vốn còm của hai vợ chồng teo đi rất nhanh. Sau đó, chồng tôi xoay được suất thực tập sinh ở Đức. Chúng tôi chia tay nhau, đằm thắm, bình thản (về phần tôi). Tôi biết rằng chúng tôi sẽ không sống cùng nhau nữa. Tôi biết điều ấy vào hôm bỏ băng; mắt chồng tôi dại đi khi thấy một bên ngực tôi, đáng lẽ là bầu vú anh thường ve vuốt hằng đêm thì giờ chỉ là một mặt phẳng toàn sẹo.

Tôi ba mươi, kỹ sư hóa. Chồng tôi ba mốt, cũng dân tự nhiên như tôi. Sau khi anh đi, mẹ tôi bảo thu xếp về ở cùng mẹ. Con cái chưa có, chó mèo tôi ghét; nhà chồng ở tít Sàigòn, tôi chỉ bấm khóa tách một cái là căn phòng mười hai mét vuông - nửa căn hộ chúng tôi được phân - coi như an toàn. Mà nào nó thèm nhòm cái nhà chỉ có sách với mấy cái nồi rếch.

Nhà mẹ đẻ tôi ở cuối Trần Phú phía Phùng Hưng. Mẹ về hưu đã lâu, bảo buồn tay buồn chân nên làm nồi cháo sườn bán sáng cho bọn nhóc tì. Thế mà nuôi cả nhà, cả sau khi tôi và anh tôi đã đi làm. Mẹ sống cùng anh tôi, hơn tôi bốn tuổi, yêu bao bận chẳng biết nhưng chưa vợ. Buổi sáng, anh dậy sớm gánh nồi cháo ra đầu ngõ cùng mấy cái ghế nhỏ đỡ mẹ, xong quay vào ngồi dịch tài liệu. Từ hồi viện anh giải thể, các "viện sĩ" như anh giải tán về hầu hết sống bằng cách ấy. Tôi thì viện cho nghỉ dài hạn ăn bảy mươi phần trăm lương. Cũng muốn đỡ mẹ ra bán cháo rửa bát nhưng mẹ gạt phắt, bảo "tôi chả khiến chị". Xong lại hạ giọng "nghỉ cho chóng khỏe con ạ, rồi lên xin ông

viện trưởng việc gì vừa sức, không phải đi công tác mà làm. Rỗi việc quá cuồng chân cuồng tay hay nghĩ ngợi linh tinh lắm". Vậy là về với mẹ, tôi cơm ngày ba bữa, chẳng phải làm gì. Nhưng từ lúc còn tối đất mẹ dậy lục xục bắc nồi quấy cháo tôi cũng chả ngủ được. Vậy là cũng bò dậy cố tung tăng lên vườn hoa Chi Lăng để thở ra hít vào.

Ở Hà Nội có lẽ chỉ còn vườn hoa này với bãi cỏ trước lăng Bác là không bị dân bụi trấn. Có thể vì xung quanh vườn hoa toàn sứ quán với công sở của bộ quốc phòng, công an bộ đội tuần đêm tuần ngày, dân bụi chẳng dám bắc bếp nấu ăn nằm lăn đánh bạc tại đó. Hồi bé tôi rất thích buổi trưa lang thang ra vườn hoa này. Nói là vườn hoa nhưng ở đây chỉ toàn cây cao bóng cả. Trong trưa vắng Hà Nội mười mấy năm về trước, đi dưới vòm cây ấy, nhìn sang cột cờ Hà Nội, nghe tiếng ve sôi, lòng chẳng thể nào yên tĩnh được bởi bao nhiêu mê say dại khờ. Sau này người ta vạt hẳn một phần vườn, lát đá hoa cương, đặt vào đó một cái tượng Lê-nin to tổ bố, trồng quanh chân tượng thuần một thứ hoa thúy rực rỡ một cách vô duyên, tôi cứ thầm tiếc mãi. Ông Lê-nin được tạc trong tư thế một tay đút túi áo, một tay chỉ thẳng về phía trước, cái cằm lưỡi cày hơi hất lên đã khơi nguồn cảm hứng cho vô khối tác giả dân gian. Nào là "ông Lê-nin sang Hà Nội sợ ăn mày và kẻ cắp nên tay cứ phải đút sâu vào túi". Nào là "ông cau mặt ông chỉ tay. Bước đường quá độ nước này còn lâu". Cứ vào cữ 3.2; 1.5; 2.9 trước tượng - nay được tôn là quảng trường Lê-nin - lại lố nhố toàn học sinh. Bọn con gái thì ngượng nghịu trong những tấm áo dài ít khi được mặc; bọn con trai thì cóm róm trong những bộ comlê đi mượn xếp hàng hát ca ngợi Đảng Bác hay tình hữu nghị anh em với các nước, chủ yếu là với Liên Xô cũ dưới một bầu trời hoặc nắng như đổ lửa hoặc mưa dầm đến mềm cả đá. Tôi nhiều khi đi ngang cứ thấy thê thảm làm sao ấy và mừng thầm thời mình còn là học trò thì chưa có cái quảng trường này.

Dĩ nhiên là bây giờ khi tham gia vào câu lạc bộ "những người sợ chết" tôi chẳng hề lai vãng ra khu đất ấy. Nói là tham gia, nhưng tình thực tôi chỉ có mặt tại vườn hoa cùng thời điểm với họ thôi. Đi lang thang dưới những vòm cây cao vào lúc phố phường còn tĩnh lặng, nhìn sương lãng đãng, tôi thấy mình bình tĩnh, khác hẳn hồi mới biết mình bệnh trọng.

Buổi sáng, ở các vườn hoa Hà Nội thường có rất nhiều cụ già tập dưỡng sinh. Đất Hà Nội càng ngày càng kỳ. Tre thì trà lá già thì thể thao. Ở vườn hoa này cũng thế, nhưng thành phần phụ lão có vẻ rất chọn lọc. Anh tôi bảo đó là thành viên câu lạc bộ Ba Đình, toàn các vị có cỡ cả. Cụ ông cụ bà nào cũng to vật vã. Cụ ông nào trông cũng hao hao mấy tay lãnh đạo Trung Quốc, Triều Tiên, mặt đầy đặn kiểu mu rùa, mũi mật lợn - toàn tướng phát. Chả bù bố tôi hồi còn sống, mũi thì hơi nhòm mồm, người gầy xiêu vẹo hệt dấu chấm than trẻ vỡ lòng phết hỏng. Mẹ tôi bảo tướng bố là tướng phá của. Nhưng thực thì nhà tôi làm quái gì ra của để bố phá. Mẹ tôi người cũng nhẳng nhẳng

như bố, lúc nào cũng tiếc tiền, chẳng dám may quần áo, thành thử nhiều lúc lại thành moden: Cứ quần áo tôi thải ra là cụ đem diện ở nhà, trừ quần bò. Nhiều lúc nhìn mẹ anh em tôi vừa buồn cười vừa muốn khóc. Còn các cụ bà ở đây thì khác, ăn mặc rất hợp tuổi, rất đẹp, áo cánh quần thâm, nhưng là áo vải mút-xơ-lin, mỏng và anh ánh như phát sáng, quần thì là quần "xoa" hay "xít" gì đó, bóng nhoáng. Nhìn cụ nào cũng nhang nhác bà hàng vàng đầu phố Hà Trung. Có lần buồn tình tôi bò lên viện, kể chuyện cho bạn bè nghe, cái Phương cũng dân hóa như tôi bảo: "Ừ, mấy ông bà ấy ông nào bà nào cũng khấu lão cả. Nhà tao lên viện phải qua vườn hoa đó, nhìn cảnh các cụ tập dưỡng sinh cũng muốn về động viên bố mẹ đi tập để sống lâu cùng con cháu, nhưng sáng ra bò dậy thấy cụ đã rang cơm nấu mì cho cả vợ chồng con cái, tao lại mừng thầm là các cụ không ham tập tành gì!...

... Lang thang buổi sáng ở vườn hoa, tôi hay để ý một cụ bà nhất. Bà có lẽ ít tuổi hơn mẹ tôi. Đi tập bà hay cầm theo một cái gậy đánh véc ni bóng loáng nhưng tôi không thấy bà dùng như các cụ ông cụ bà khác. Bà không luyện võ, không múa gậy, chỉ đi bộ như tôi.

Đàn ông cứ nghĩ họ xét đàn bà tinh hơn đàn bà với nhau. Nhầm! Cũng giống đàn bà cứ hay tưởng bở rằng mình thông minh khi xét định đàn ông. Ôm sự tỉnh táo ấy, tôi cho cụ bà này chín (9) điểm trên mười (10). Nhìn một cái đã thấy ở bà cái vẻ sang cả, quyền thế. Trán rộng, miệng tươi, mũi thanh, tuy giờ có vẻ hơi kỳ cục trên một gương mặt núng nính, nhưng còn trẻ thế thì đẹp lắm. Bà không uốn tóc như nhiều cụ bà khác mà búi trễ sau gáy, búi tóc còn được quấn lẩn vào trong - Mốt của dân tư sản hồi hòa bình lập lại. Nói chung có vẻ cũ nhưng lại hợp tuổi bà. Bà thường mặc một cái áo cánh may bằng vải xoa hay xít gì đó màu vàng nhạt, giông giống lụa tơ tằm, không trong veo trong vắt để lộ "nét người nở nang" như nhiều bà khác; quần xoa ống rộng chùng gót cùng chất liệu và màu, và đi dép lưới. Mốt này thì lại giống các bà Sàigòn sau giải phóng mấy năm. Bà nói giọng Huế pha giọng Hà Nội. Thực thì vẻ ngoài của bà cũng chẳng khác mấy các bà ở Câu lạc bộ. Nhưng chẳng hiểu sao nhìn một cái tôi đã đoán ngay bà sang không hẳn do vị thế của chồng. Nhiều bà cũng béo tốt, diêm dúa y thế song nhìn kỹ thấy thiếu vẻ kín đáo, giản dị của dân sành chơi, dáng điệu thì lau tau, nói lẫn lờ, nờ (dấu hiệu xuất thân từ làng hay thị trấn là cùng), kênh kiệu mà không tự tin như bà này. Bà gây cho tôi nhiều thiện cảm. Khi đi bộ ngang qua tôi, bà hay mỉm cười trước, tựa như chào, lịch lãm và thân thiện; và quyền uy nữa. Giá tôi có dáng vẻ này, có lẽ chồng tôi sẽ không chia tay tôi dễ dàng như thế. Đằng này tôi chỉ có cái tính ngang ngạnh và thói lười nấu nướng mà anh ghét và nửa cặp vú mà anh mê...

... Một lần, vào tiết cuối xuân, chân mây tảng sáng đã ửng hồng, ngỡ trời sẽ nắng lên thì tự dưng mưa. Mưa cuối xuân êm như những ngày sương nặng. Đứng dưới vòm cây cao, chỉ nghe tiếng mưa tiếng lá thì thào như ở đâu xa

lắm. Bà hay mặc đồ màu vàng đứng gần tôi. Tôi lúng túng. Không lẽ lại chỉ chào nhau bằng cái cười một phần hai như mọi lần khi đứng sát nhau đến thế. May quá, bà mở lời trước:

- Nhà cô chắc cũng quanh quanh đây?

- Vâng! Cháu ở Trần Phú. Còn bác?

Bà khoát tay về phía lăng: "Tôi ở Phan Đình Phùng" và lại ngó tôi có vẻ ngạc nhiên:

- Cháu ở Trần Phú số nào? Tôi quen mấy gia đình ở 34 Trần Phú...

Tôi phì cười vì sự hiểu lầm của bà:

- Chắc chắn là bác không biết cháu đâu! Chẳng lẽ cháu lại có dáng con quan đến thế! Nhà cháu ở cuối Trần Phú sát đường tàu cơ. Nhưng cháu cũng biết số nhà ấy. Hồi trước lớp cháu có cái Vĩnh Linh con ông thiếu tướng gì ấy. Nó kể bố nó đặt cho tên thế vì có hồi bố nó chỉ huy lực lượng phòng không ở đó thời chiến tranh đánh phá.

- Phải rồi, cô ấy kém đứa út nhà tôi mấy tuổi. Bố nó là ông Phác. Ông ấy đã trung tướng, nhưng cũng hưu rồi...

Câu chuyện bâng quơ về mối quen biết chung hời hợt ấy hóa ra cũng đủ làm tôi và bà thân thiết. Tôi kể với bà là đang mong lại sức sau khi mổ, mổ gì thì không nói. Nói chung khi nghĩ là mình có thể chết nay chết mai tôi không sợ chết nữa, nhưng cũng chẳng muốn ai tò mò xuýt xoa thương cảm. Tôi vẫn làm việc ở nhà, (tuần viện trưởng cho phép chỉ lên trình một lần), dù 100% lương cũng chẳng dôi được xu nào y hệt 70% lương vậy. Công việc giúp tôi tiêu được những phút muốn hóa điên vì tiếc cuộc sống tôi không rõ lúc nào sẽ phải rời bỏ, và những phút thương mẹ thương anh thắt ruột thắt gan. Chẳng biết anh tôi rồi ra sẽ lấy được người vợ thế nào? Bà chị dâu tương lai của tôi sẽ chăm sóc mẹ tôi thế nào lúc mẹ không còn cất nhắc được như bây giờ? Còn chồng? Anh viết về là được kéo dài thời gian thực tập và được chuyển làm nghiên cứu sinh, gửi cho tôi 1000 "đê" nữa. Tôi mừng cho anh, biết ơn anh vì 1000 "đê", vì tình yêu anh đã cho tôi ngày trước, dù ngày đó thực ra tôi muốn anh yêu tôi một cách khác. Khác như thế nào chính tôi cũng không biết, nhưng cứ mơ hồ mong mỏi.

Bà Hoàng Cúc Hằng cũng không hỏi thêm về bệnh trạng của tôi (Bây giờ tôi đã biết tên người đàn bà mặc đồ vàng được tôi cho 9 (chín) điểm - nếu thi mẫu hậu - trên thang điểm 10 (mười). Bà tự giới thiệu với tôi trang trọng như thế, khác hẳn cách các bà khác khi nói về mình ("Tôi là vợ ông Mít, mẹ cháu Dưa" chẳng hạn) Bà Cúc Hằng bị bệnh gì đó không rõ, phải lọc máu tuần một lần. "Bệnh bác đích thực là bệnh của người giàu" - "Cũng phải cô ạ. Chứ cảnh nhà khác thì chắc chết ngày một ngày hai. Nhưng nghĩ cho cùng, chết trước hay sau vài ba năm thì cũng có là gì đâu. Biết đâu cái người được sống thật cuộc đời mình rồi chết ngay khi có bệnh chẳng là người sướng!"

Giọng bà Cúc Hằng bình thản, xa vắng. Tôi chẳng thể như bà, vẫn chưa

bình tâm được khi nghĩ về đoạn cuối cuộc đời mình như thế. tôi thích mùa hè, mê loa kèn nở vào lúc chớm hè. Tháng tư, tôi hay mua cho mình loa kèn, dẹp một khoảng nhỏ trên mặt bàn bề bộn sách và cả bát chén bẩn cho lọ hoa loa kèn đó và có thể ngồi nửa ngày để nhìn những cánh hoa trắng kiêu sa, cứng cáp, dịu dàng, hé mở. Và nghĩ lung tung. Mùa hoa năm nay, loa kèn nở sớm và lại có mặt trên bàn làm việc của tôi. Mẹ nhìn tôi ngồi ngắm hoa, lẳng lặng đi chặt sườn ninh để sáng mai quấy cháo bán. Phải! Tôi vẫn muốn sống, dù chỉ với mẹ, với anh, trong căn nhà ảm đạm này, dù sẽ không có chồng tôi hay một người đàn ông nào khác. Tôi không thể nghĩ như bà Cúc Hằng về sự chết. Nhưng giọng Huế bình thản xa vắng như một nỗi chán chường của bà khi nói về điều ấy đã ám ảnh tôi, giống mùi loa kèn phảng phất tháng tư Hà Nội.

Một buổi sáng như mọi sáng, tôi đang đi nốt vòng thứ hai quanh vườn hoa cùng bà Cúc Hằng (giờ tôi và bà không đi ngược chiều nhau nữa) thì anh tôi lao cái cúp-nghĩa-địa từ lề đường lên vỉa hè. Tôi ngỡ ngàng khi nghe anh "cháu chào bác ạ" và bà Cúc Hằng đáp "À, cháu Quang!" Mắt bà đầy vẻ dò hỏi. Tôi chỉ kịp nhận thấy thế là phai vội chào bà. Anh tôi đón tôi vào thẳng bệnh viện. Mẹ tôi buổi sáng đó mới bán được non non nồi cháo thì đau bụng và khi tôi vào tới chỗ mẹ thì mẹ chỉ sống thêm được hơn tiếng nữa. Mẹ bị viêm tụy cấp, đau quằn quại tới tận lúc đi. Anh em tôi tuổi đã quá ba mươi, có nghề có nghiệp mà vẫn như mất hồn sau ngày mẹ mất. Có lẽ vì chúng tôi toàn bám bên mẹ từ bé tới giờ, trừ tôi có hai năm ở với chồng và anh tôi có bốn năm làm nghiên cứu sinh ở Nga hồi viện anh chưa bị giải thể.

Sau bốn chín ngày của mẹ, lúc họ hàng đã về cả, tôi bảo anh tôi:

- Từ mai, em về nhà em đi làm lại như bình thường. Sống thế này em không chịu nổi. Mà có lẽ em chưa chết được đâu. Trước em cứ nghĩ em sẽ đi trước mẹ mà rồi chính mẹ đi trước. Nhà giờ chỉ có mình anh. Anh trai độc thân giờ vắng mẹ không được sống vạ vật để nhà lạnh lẽo. Rồi anh phải lấy vợ đi, không phải chờ đủ ba năm mãn tang mẹ, bố mẹ sẽ mừng không giận gì đâu. Lấy ai thì lấy anh ạ, nhưng tìm người nào hiền hiền. Để khi em không còn biết cậy vào đâu thì em lại có thể về nhà nương tựa vào anh.

Anh em tôi ngồi nhìn nhau. Trên bàn thờ bố mẹ hương đã tàn. Chỉ còn đôi ba sợi khói cố vươn lên. Vắng tiếng chổi tre quèn quẹt trên mảnh sân chung đầy nước thải. Những âm thanh ấy bị át đi từng chập bởi tiếng rú của những chiếc máy bị tháo ống xả do mấy thằng ông mãnh ngông cuồng.

Anh tôi đột nhiên lên tiếng:

- Em còn nhớ chị Cúc Thu không? Ngày đó anh đưa cô ấy về mẹ ưng ý lắm. Chuyện không thành. Tại anh cả. Chị Thu là con cái bà tập thể dục sáng cùng em đấy. Bà Cúc Hằng...

Chị Cúc Thu tôi lạ gì. Mẹ và tôi chẳng bao giờ dám hỏi lại anh về chuyện hai người. Tôi đồ là anh chị thôi nhau vì chị xấu. Đúng là buồn cười nếu chị

là con bà Cúc Hằng. Bà thì thế mà chị thì thế. Nhưng chị tốt tính. Đàn bà xấu nhưng tốt thì thường chỉ được quý chứ ít ai mê...

Nhưng không phải vậy. Anh tôi bảo hai người thôi nhau vì anh sợ lối sống của nhà chị. Bố chị là thứ trưởng, gốc người Quảng Trị. Mẹ chị con nhà dòng dõi ở Huế vào chiến khu làm y tá thời kháng Pháp. Bố chị mất một mắt, già hơn mẹ chị nhiều. Bố chị cưới được mẹ chị là nhờ "tổ chức", ở với nhau sinh bốn con. Mẹ chị sống có vẽ mãn nguyện cho tới ngày gặp một ông kỹ sư người cùng quê dân tập kết. Ông này dân kỹ thuật mà lại mê nhạc. Sau về Nam và là nhạc sĩ có tiếng "Em nhớ bài 'nay về với dòng Hương êm trôi, sao lòng anh vẫn nhớ... dòng sông nơi em mùa lũ, như em dữ dội âm thầm'. Bài gì ấy nhỉ, hồi học cấp III em thường hát ấy 'Những ngày xa nhau sóng có nhắc về anh - giữa khoảng cách nhớ quên bóng hình em ở đó - Chiều nhạt nắng trên dòng sông trở gió. Rừng nơi anh bỗng xao xác lạ lùng. Có phải em gọi anh không?'... (1) Đấy! Ông nhạc sỹ viết cho bà Cúc Hằng đấy! Hai người yêu nhau lâu lắm. Nhưng đứng đắn lắm. Kết cục là ông nhạc sĩ bị đưa vào đoàn cán bộ tăng cường cho miền Nam, cũng tiễn đưa ầm ỹ, nhưng đúng là bị đẩy đi, chứ lẽ ra năm ấy ông ấy đi làm phó tiến ở Nga cơ. May mà ông ấy không chết và lại nổi tiếng. Sau khi ông nhạc sĩ đi, bà Cúc Hằng đòi ly dị. Kể phụ nữ đứng đơn là O.K rồi. Mà chẳng hiểu sao tòa không giải quyết. Chỉ hòa giải, hòa giải rồi im luôn. Hóa ra là hồi ấy ông chồng đang ở diện được đưa vào trung ương. Bà ấy ly thân với chồng. Bốn con thì một con ông ấy đưa sang học thiếu sinh quân ở Nga, hai con gửi trường con em miền Nam, mỗi chị Cúc Thu ở với mẹ. Hồi anh biết chị ấy thấy hai mẹ con sống cũng trầy trật lắm. Sau giai phóng, bà Cúc Hằng còn lặn lội vào Sàigòn tìm ông nhạc sĩ. Độ mười năm trở lại đây bà mới trở về sống cùng gia đình. Là do áp lực của con cái..."

- Làm con mà cha mẹ chủng chẳng vậy thì khổ thật. Bà Hằng giờ bệnh nặng, giờ con cái gần gụi thì cũng đỡ - Tôi nói đưa đà.

- En không hiểu - anh tôi thở dài - Các anh chị ấy giờ thành đạt cả, ông đầu giờ lên vụ trưởng rồi. Ông bố giờ làm còn to hơn. Họ muốn tạo cảnh gia đình hạnh phúc, ép bà ấy về, sang sửa bà ấy thành mệnh phụ. Hồi xưa họ oán bà Cúc Hằng lắm. Chẳng rõ giờ họ có hiểu hơn về mẹ không?

- Cả chị Cúc Thu?

- Không! Thu thương bố, hiểu mẹ, kính trọng ông nhạc sĩ. Chị ấy kể hết cho anh, chị ấy muốn anh hiểu đúng điều ấy. Nhưng độ ấy anh biết mà không hiểu. Anh nhìn mẹ sống với bố, và anh không làm sao thông cảm được với bà Cúc Hằng. Còn bây giờ, khi thông cảm được với bà ấy, biết thương bà ấy thì anh lại sợ lối sống trong gia đình họ. Giá kể giờ chị Cúc Thu quay lại với anh, anh với chị ấy chắc vẫn chẳng đi đến đâu. Anh không hình dung nổi anh sẽ là con, là em trong gia đình ấy thế nào. Em thấy đấy, mọi sự ở nhà mình đều giản dị, cả lúc vô sự, cả lúc có sự không vui...

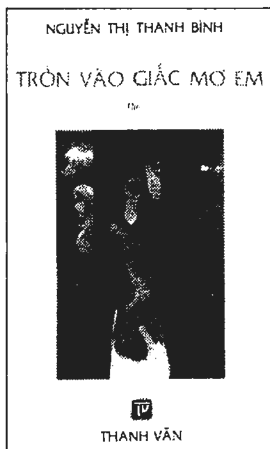
... Chị Cúc Thu không bao giờ trở lại với anh tôi. Sau khi anh tôi và chị thôi nhau, chị đi Nga làm nghiên cứu sinh rồi ở lại, đó là khi bà Cúc Hằng được mấy người con kia rước lại nhà. Cứ vào mùa hè, anh tôi lại nhận được một tấm thiếp từ chị. Tại sao lại vào mùa hè, tôi không biết. Một tấm thiếp khác với đúng nét chữ ấy mẹ tôi hay nhận vào dịp tết. Mười năm rồi như thế. Tôi cũng không biết trong đó viết gì. Mẹ đọc xong là cất đi chứ không đem gài lên cành đào như hay làm với những tấm thiếp "cung chúc tân xuân" khác.

Tôi không trở lại vườn hoa vào buổi sáng. Phần vì bây giờ tôi phải lên viện hàng ngày. Phần vì tôi ngại bà Cúc Hằng biết rằng tôi biết về bà nhiều hơn những gì bà để lộ: Một mệnh phụ sang cả, lịch lãm, mãn nguyện dường như suốt đời.

Thỉnh thoảng, khi đài Tiếng Nói Việt Nam phát lại những bài hát thời chống Mỹ, bất chợt gặp lại giai âm của bài hát về một dòng sông xa, về nỗi nhớ dòng sông Hồng mênh mông "Nay về với dòng Hương... anh vẫn nhớ dòng sông nơi em mùa lũ... Như em dữ dội âm thầm... Rừng nơi anh xao xác lạ lùng. Có phải là em gọi anh không?"... tôi lại nhớ tới bà Cúc Hằng. Tôi nhớ chồng tôi... Tôi - người đàn bà chỉ còn một nửa là đàn bà lại khao khát yêu. Không! Không phải là với chồng tôi. Bây giờ, hình như tôi đã mường tượng được tình yêu tôi muốn có.

Mới đây, tôi được tin bà Cúc Hằng mất. Trong lời cảm ơn của gia đình trên báo "Hà Nội Mới" tôi thấy mấy cột tên các cơ quan đoàn thể và các vị chức sắc đã tới phúng viếng: Bộ tài chính, Ban tổ chức trung ương, Ban đối ngoại... Ông X; ông H; Bà N... Sau mấy cột đó là dòng chữ: Chồng... và các con...

ĐỖ QUANG NGHĨA
Hà Nội 1991
Lim-burg 26.10.1995



NGUYỄN THỊ THANH BÌNH
trốn vào giấc mơ em
thơ
Đã phát hành khắp nơi. Giá 10MK

THANH VĂN 1997.



LÊ MINH HÀ

một chiều như nhiều chiều

Chiều chưa muộn mà mặt trời đã tắt.
Xe bus lừ lừ bò tới nuốt chửng đám người đứng đợi.
Mưa rất nhẹ tựa hồ mưa phùn.
Giờ này ở nhà bố đã thổi cơm?

Những chiếc lá sẫm màu chao đảo trong gió.
Gió kiểu này ở nhà là sắp tạnh mưa.
Những chiếc lá như những mảnh quá khứ nấn ná.
Nhớ biết bao nhiêu cho vừa!

Gió. Mưa. Những buổi chiều muộn.
Phố lên đèn. Mùa đông.
Em tái ngắt không quen mà nhớ
Khơi bếp nướng ngô bên hè phố
Những cẳng chân qua lại vội vã
Thờ ơ tiếng em rao mời.

Gió. Mưa. Những buổi chiều muộn.
Hình như ngày ấy cột đèn đầu phố
Có một người con trai đứng đợi.
Mưa đọng trên những chiếc lá bàng vừa rơi
Ta rón rén bước đi không dám dẫm
Những giọt nước trinh bạch giống như những con mắt người.
Người con trai ấy ở đâu bây giờ?

Buổi chiều mùa thu ở đây lạnh hơn buổi chiều mùa đông quê nhà.
Chiếc xe bus như một con bọ khổng lồ trờ tới.
Những chiếc lá phong đỏ sẫm ướt sũng như lá bàng mùa đông phố
Không thể cất mình bay lên
Bàn chân người vội vội
Những chiếc lá phong âm thầm nằm im
Những con mắt không đọng thành giọt nước
Những con mắt vỡ rồi.

Một cái gì trong mình đứt phựt.
Một cái gì trong mình dâng lên.

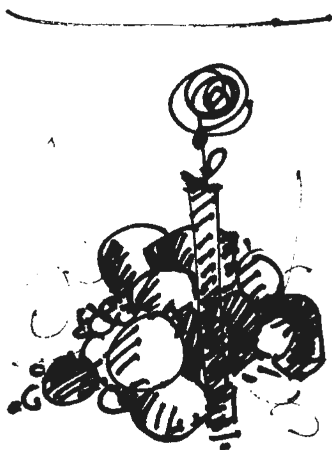
Một cái gì không tên.

LÊ MINH HÀ (30.10.97)



ĐINH LINH

BOO HOO HOO*



Đêm trước, thằng Paradox - tên thật của hắn là Dan Lowendowski , rớt mất tròng kính gắn mắt đâu đó ở New Haven. Hắn không cho ban nhạc biết. Hắn làm ông bầu của ban nhạc chuyên lưu diễn xa, và là chủ chiếc van thổ tả này. Chiếc xe củ xì, thường ngày hắn lái đi sửa nhà sửa cửa. Dó là nghề của hắn, dưới tên gọi "Dịch Vụ Sửa Nhà Paradox". Hễ mỗi lần hắn đổi lằn từ trái sang phải là cứ cắt ngang đầu xe người khác. Vừa rồi, một chiếc Honda bóp còi inh ỏi, thằng Frank ngồi ghế trước thò cánh tay thù lù ra ngoài làm dấu chữi thề con mụ tài xế da đen. "Ê quay cửa lên!" Con Karen ngồi ghế sau la.

Trời lạnh căm căm, thời tiết tháng mười một. Keren ngủ gà ngủ gật. Đầu ngả phía sau, má tựa sát cửa kính. Con nhỏ có đôi mắt buồn trên khuôn mặt vui; khi nó nhắm mắt, nét mặt trở nên tươi rói. Con Karen chơi ghi ta. Ngồi kề nó là thằng Tyler, ca sĩ chính của ban nhạc, rồi tới Orlando, đánh trống. Frank chơi đàn bass.

Paradox vẫn còn váng vất cơn say. Tròng mắt hắn lờ đờ. Mùi rượu phảng phất toát ra từ những lỗ chân lông trên làn da nhợt nhạt của hắn trộn lẫn với đủ thứ mùi trong chiếc xe van: mùi cái áo da mới của Frank; mùi dầu thơm của Karen xức nách thế cho thuốc thơm nách nó quên mang theo; mùi miếng pizza thừa, mua ở Scranton và bỏ dư trong hộp dưới ghế.... Mắt Paradox cứ láo liên từng hồi, chiếc răng vẩu chìa ra, hắn xổ mấy câu bâng quơ. Hắn thích lẩm bẩm: "Xin lỗi nhá!" Hoặc "Giởm thiệt! Hay là "Mày ngốc!" Hắn lái xe

cho ban nhạc đã nhiều chuyến, nên mọi người đều quen với cố tật này của hắn.

Tụi nó đi xa đã năm hôm, khởi hành từ Philadelphia rồi nhắm hướng Bắc, ghé Scranton, Newark, Hartford và New Haven. Năm đứa đều có bạn bè, bà con tại các nơi đó, có thể ngủ đậu được, trừ Hartfonrd không quen ai, nên phải mướn phòng Motel 6. Đêm trước, tụi nó dồn ngủ hết ở phòng khách nhà bà chị thằng Tyler. Bả có chồng và đứa con nhỏ bốn tháng, nhà thối khẳm mùi cứt mèo. Sáng dậy uống cà phê xong tụi nó dọt ngay. Giờ đang trên đường tới Northhampton, trạm chót trước khi quay về. Cả bọn cạn túi. Chuyến hát dạo này ế ẩm. Ở Scranton, bị đụng với một ban chuyên chơi loại rock bạo, bọn Valhalla, nên khách khứa lèo tèo chỉ độ 15 mạng. Chỗ ngon lành nhất là Newark, ở đó tụi nó được ra dô phỏng vấn.

Lúc đến Southhampton đứa nào cũng mệt nhoài và tinh thần xuống thấp. Trời chạng vạng tối. Tyler nói: "Mong tụi mình kiếm được chút chi bỏ bụng chỗ này." (Ai đời ở New Haven, chơi tại quán The Crypt, năm đứa chỉ được cho ăn hai lát thịt trâu với hai bình bia, trong khi ban nhạc Crucifux thì được đớp linh đình, vì chúng ngon lành hơn. "Ngày này năm tới hy vọng tụi mình được đãi món khai vị với xà lách." Tyler nói.)

"Club tên gì vậy?" Karen hỏi.

"Auto Da Fe" Paradox đáp.

"Tụi mình chơi với tụi nào?"

"Chicken Tampon."

Trừ thằng Paradox, 44 tuổi và sói đầu, toàn ban đều ở lứa tuổi cuối ba mươi, khá già cho nghề chơi nhạc.Mỗi đứa đã từng chơi lòng vòng đủ các ban, toàn vô danh tiểu tốt. Nhưng nay sự nghiệp coi mòi lên hương: tụi nó cho ra lò một số bài bản mới được báo nhạc Village Voice và Spin viết bài giới thiệu. Riêng thằng Tyler, nó rất thèm nổi tiếng. "Khi mình nổi danh thì thiên hạ sẽ bu lại cộng tác." Hắn thường nói. "Danh vọng sướng thiệt." Hắn tự nhủ.

Trong ban, Tyler là cây đinh nên hắm rất để ý đến việc đỏm dáng. Hắn khá đẹp trai, vẻ coi bụi đời với mớ tóc vàng dài thượt, mỗi khi trình diễn hắn thường lắc lư tạt mái tóc qua lại đong đưa. Có lần hắn thử chơi màn cạo trọc, nhưng thay vì giống thằng tù hay kiểu của bọn skin head, thì coi lại giống y chang một thầy chùa, hoặc tựa một thằng nấu bếp tiệm Tàu. Hắn để lại tóc, ráng nuôi tóc mọc dày ở giữa đỉnh đầu và mỗi sáng tập hít đất. Trên bắp thịt tay phải hắn chơi hình xâm một cái máy khoan đầu, và luôn mặc áo cánh ngắn cũn để khoe.

Paradox tìm được chỗ đậu xe trước tiệm Auto De Fe. Hắn buột miệng "Xin lỗi nhá!" Điều trước tiên đập vào mắt tụi nó là bên trong quán, trên bức tường phía sau, có bức hình vĩ đại vẽ cảnh làm tình, quay cuồng những thân thể đủ màu da, bên trên chạy một hàng chữ, sơn màu cờ: "Làm tình chớ đừng

gây chiến vì chiến tranh là xấu còn ái tình là đáng yêu."

Trong quán phân ra hai khu rộng: một bên có quầy rượu dài cỡ 50 phít, ngổn ngang bàn ghế, còn một chỗ trống chừa làm sân khấu. Chỗ này chứa tới hai trăm mạng, nhưng thời tiết kiểu này thì được 50 là may rồi. Đám khách sau một ngày ở sở, quây quần ở quầy, là đám khách sẽ về lúc ban nhạc trổi mở màn, đang dòm tụi nó xếp nhạc cụ: gắn dây điện vô loa, bày trống, thử dây đàn. Một khứa tóc đỏ mặc vét nào đó chào con Karen "Hi!" Tên quản lý quán Auto De Fe lùn tịt, vận áo da cụt tay, tóc nhuộm đen, đến chào và nói tụi nó có thể uống bia thả dàn (chơi nhạc xong còn lãnh 100 đô).

"Còn ăn thì sao?" Paradox hỏi.

"Đây không bán đồ ăn." Thằng cha lùn đáp.

"Chơi đỡ mấy bao khoai chiên được không?" Paradox nằn nì.

Tên quản lý quay về phía bọn pha rượu và kêu: "Ê, đưa mấy người này mấy bao chíp coi."

Khi ban nhạc đang thử âm thanh, thì có một khứa say từ quầy tiến tới hỏi Frank: "Ban nhạc tên gì?" Khứa say tuổi chừng 50, vận vét xanh dương, mặt bự tổ chảng với lỗ miệng há hoài.

Frank có tật bực mình nếu có người hỏi tên ban nhạc. Hễ vô đây rồi thì phải biết tên ban nhạc chớ. "Sluice Gate." Frank đáp.

"Ban nhạc mà lấy tên đó thì thối hoắc." Rồi khứa say bỏ đi.

"Tao cần đéo gì lời phê của mày, thằng chó đéo." Frank chửi vói theo. Điều chỉnh âm thanh xong, Orlando, Tyler và Karen rũ nhau ra xe phê vài hơi cần.

Paradox và Frank ngồi lại quầy. Trong vòi là bia Samuel và trước mặt mỗi đứa một ly.

"Quê tao ở vùng này." Frank nói.

*

Trong xe van, Karen đang say cần lướt thướt, nằm ngả người ở ghế sau, mắt nhắm, Tyler và Orlando ngồi ghế trước. Tyler nói: "Coi tụi nó viết sai tên ban nhạc mình trên tờ quảng cáo nè."

Orlando chồm tới: "Đâu đưa coi."

"Sluice Gait." Tờ quảng cáo in.

"Ờ, mà tao lại thích cái tên sai này." Orlando đưa ý kiến: "Tờ này báo ban nhạc tụi Throbbing Gristle đêm mai chơi ở đây."

"Vậy thì kẹt quá."

Một lát sau Karen cất tiếng, mắt vẫn nhắm: "Đứa nào biết vì sao tinh khí đàn ông có vị ngọt không?"

"Tao không biết." Tyler nói "Ê Oralando mày biết vì sao khí đàn ông vị ngọt chớ?"

Orlando là thằng lại cái. Có lần nó chơi trống cho ban Lavender.

"Vì nhờ chất bia." Karen nói.

Cánh cửa quán rượu mở, lão say bước ra. Khi đi ngang chiếc van, lão nhận ra Tyler và buộc miệng "Đụ mẹ mày." Rồi lạng quạng đi tuốt.

"Chuyện đếch gì vậy?" Orlando hỏi.

Karen cũng hỏi, mắt vẫn nhắm: "Cái gì, tại sao?"

"Có một khứa chửi Tyler đụ mẹ mày."

Cả ba cùng cười. Tyler nói: Thành phố này dễ thương."

Khách lục tục vô quán. Tại cửa, khách học trò từ đường Smith College mỗi đứa chìa sáu tì và thẻ căn cước cho người gác. Máy bỏ tiền nghe nhạc phát lên bản của ban Nirvana và The Doors. Frank tu liền hai hơi ly South Comfort. Một con bé mập tiến đến gần hắn. "Xin hỏi có phải anh chơi ghi ta trong ban Chicken Tampon?"

"Đúng đó." Hắn đáp.

"Em khoái nhạc của các anh. CD."

"Cảm ơn."

"Xin anh cho em chữ ký trong tờ quảng cáo này,"

"Được."

Nó chìa cho Frank cây viết.

"Tên em là gì?"

"Susan."

Frank quay sang Paradox bỏ nhỏ: "Ê mày biết tên thằng đánh ghi ta trong ban Chicken Tampon không?"

"Tao làm đếch gì biết."

"Tặng Susan. Tao làm đếch gì biết." Hắng ghi y chang câu đó trên tờ quảng cáo bằng lối chữ rất tháu.

Con bé quay đi rồi Paradox nói: "Ghệ đẹp hứ."

"Mày cởi nó đi." Frank đáp.

Ban Chicken Tompon vừa đến và sửa soạn âm thanh. Khứa say đã quay lại và ngồi tuốt ở ghế đầu quầy. Cứ chặp chặp lão lại liếc nhìn về phía Frank và Paradox rồi lẩm bẩm gì đó trong miệng.

Còn năm phút nữa trước khi tụi nó chơi nhạc tiếp, thì đột nhiên có mẹ của Frank tới. Bà ôm một bịch đồ ăn nào là bánh mì, thức ăn trưa, trái cây. Bà đưa cho ban nhạc. Tyler nói: Cảm ơn, bà Johnston." Frank kéo bà lại gần: "Mẹ làm gì vậy mẹ?"

"Mẹ tới thăm tụi con."

"Nhưng mẹ này, con là nhạc sĩ rốc mà."

"Con cần tiền không?"

Frank không đáp. Bà Johnston dúi 80 đô la vào túi áo con rồi bỏ đi.

Đến giờ chơi tiếp. Tụi nó mở đầu bằng bản "Blue Balls," rồi "Sucker Punch," "Sweet and Sour Sue" và "Sweeny Erect." Tyler là tác giả những bản

này. Người viết bài cho tờ Spin khen nó là một thi sĩ. Nhờ bài "Sweeny Erect" Tyler chôm chữ của Eliot rồi xếp lộn sòng thành một đoạn lung tung. Trong một bản khác, "Hyacinth Girl" hắn mượn y chang một đoạn trong bài Đất Hoang rồi hát ngược câu trở lại. Hắn mê Eliot.

Tụi nó trình diễn rất hứng thú. Đám khán giả đến đông, cốt để xem tụi Chicken Tompon, đợt ra đợt vô không dứt.

Paradox ngồi ở quầy rượu. Uống tì tì Wild Turkey. Kế hắn có một em. Có lúc mở lời làm quen, em hỏi: "Anh thích Sylvia Plath chớ?" Nhưng hắn không nghe em nói gì. Em gắn lông nheo giả thiệt dài, môi bôi son tím, hơi thở chua như chanh. Miệng hắn cứ ú ớ: "Giởm thiệt." rồi "Đồ ngốc." rồi cứ "Xin lỗi nhá!"

Khoảng nửa đêm, ban nhạc kết thúc bằng một đoạn khúc ban The Strapping Fieldhans "Boo Hoo Hoo" ở chỗ: "Boo HOO Hoo! Anh yêu em! Boo Hoo Hoo." Tyler gào lên, đầu tóc hắn lắc lư như đầu búp bê trong tiệm đồ chơi. Hắn quay lại thấy Karen cười với hắn. Hai đứa có lần đã bồ bịch với nhau. Mấy thằng cứ thay phiên cặp con nhỏ, Frank cũng thế. Boo Hoo Hoo! Boo Hoo Hoo! Đám khách thưa thớt hò theo. Tụi nó thu vén lẹ làng đồ nghề xong rồi dọt.

Khoảng hai giờ đêm thì chuyện xảy ra: người lái chiếc Lexus thấy chiếc van lấn ngang vào lằn xe mình nhưng chẳng biết làm sao hơn. Lạng quạng có mòi đi đong. Frank xì một tiếng: "Đồ quỉ!" Đầu Karen ngửa ra sau, má áp sát cửa kính xe.

ĐINH LINH

* Nguyên tác Anh ngữ. Bản dịch của Hợp Lưu.



TÂN THƯ đã phát hành

KHÁNH TRƯỜNG:

CÓ YÊU EM KHÔNG?
Tập truyện. Giá 16MK
Tái bản lần thứ nhất.

CHUNG CUỘC
Tập truyện. Giá 14MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK





DU TỬ LÊ

thư dặn dò con chưa có mặt

1.
đừng ngó lui / đừng tìm hiểu / nghe con
đời sống bố những ngày đầu tị nạn
(cách gì cũng đã trên hai mươi năm)
bố không muốn con mất tinh thần
con sẽ đặt lại vấn đề:
- mầu da của Thượng Đế

bố chỉ cần con nhớ
những lúc quá bơ vơ
đừng quên
dù sao,
con cũng còn có được một nơi để trở về
đó là Việt Nam
quê hương nguyên gốc
niềm hãnh diện ngậm ngùi duy nhất
bố để lại cho con
mà, không sợ ai tranh, cướp mất

2.
đừng ngó lui / đừng tìm hiểu / nghe con
đời sống ông, bà, chú, bác, cô, dì, anh, chị, em của con
những ngày đầu tị nạn
(cách gì cũng đã trên hai mươi năm)
biết bao người đã biến mất
và thịt, xương họ
không được quan tâm ngang bằng cát, bụi
bố không muốn con mất tinh thần
con sẽ đặt lại vấn đề:
- tại sao / vì đâu / cuộc di tản đó?

bố chỉ cần con nhớ
những lúc quá khổ, đau
đừng quên
dù sao,
con cũng có được một nơi để trở về
đó là Việt Nam
quê hương nguyên gốc
niềm hãnh diện ngậm ngùi duy nhất
bố để lại cho con
mà, không sợ ai tranh, cướp mất

3.
đừng ngó lui / đừng tìm hiểu / nghe con
quá khứ những mở đường
(cách gì cũng đã trên hai mươi năm)
bố chỉ cần con nhớ
dù có được sinh ra trên mảnh đất này
con vẫn là công dân hạng hai
và, một khi bị đẩy dạt qua bên lề xã hội
đừng quên
dù sao,
con cũng còn có được một nơi để trở về
đó là Việt Nam
quê hương nguyên gốc
niềm hãnh diện ngậm ngùi duy nhất
bố để lại cho con
mà, không sợ ai tranh, cướp mất

4.
đừng ngó lui / đừng tìm hiểu / nghe con
đời sống bố những ngày đầu tị nạn
(cách gì cũng đã trên hai mươi năm)
bố sợ con mất tinh thần
con sẽ đặt lại vấn đề:
- thực chăng con người tuyệt đối bình đẳng
lúc sinh ra và lúc nằm xuống?

một khi,
ngay lúc sinh ra và nằm xuống
cũng đã có biết bao khác biệt
do nơi mầu da, nguồn gốc, và, nơi chốn

bố chỉ cần con nhớ
dù sao,
con cũng còn có được một nơi để trở về
đó là Việt Nam
quê hương nguyên gốc
niềm hãnh diện ngậm ngùi duy nhất
bố để lại cho con
mà, không sợ ai tranh, cướp mất

5.
đừng ngó lui / đừng tìm hiểu / nghe con
đời sống đồng bào con những ngày đầu tị nạn
(cách gì cũng đã trên hai mươi năm)
bố chỉ cần con nhớ
một mai vào đời
nếu không chịu đựng nổi ánh mắt khi dễ
của đám đông quanh con
đừng quên
dù sao,
con cũng có một nơi để trở về
đó là Việt Nam
quê hương nguyên gốc
niềm hãnh diện ngậm ngùi duy nhất
bố để lại cho con
mà, không sợ ai tranh, cướp mất

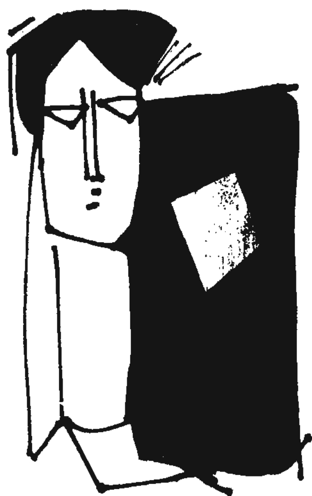
đó cũng là điều
bố được tự do chọn lấy cho mình
ngay những ngày đầu tị nạn
giữa khi còn rất trẻ.

DU TỬ LÊ
1997



NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

ÔNG CHỦ TỊCH ĐẢNG VÀ BỆNH TÁO BÓN KINH NIÊN



Ngày còn ở Việt Nam, quảng mắc bệnh táo bón. Thỉnh thoảng, nhất là những hôm rượu chè hay cà phê cà pháo, thuốc lá, chè tàu vào... là gã bị. Mỗi lần đi ngoài, Quảng vào ngồi trong hố xí, khổ sở, nhấp nhỏm rặn ì ì hàng giờ liền, xong việc đi ra, mặt mày đỏ gay, nhăn nhó vì đau đớn, trông thật khốn nạn.

May là những ngày ấy bà ngoại Quảng còn sống. Bà cụ rất thương cháu. Mỗi lần thấy Quảng mặt mày phờ ra, trán lấm tấm mồ hôi, hai tay bám vào dậu dâm bụt tìm đường từ hố xí về nhà, bà thường bảo gã:

- Lên giường mà nằm. Đợi đấy để bà làm cho bát nước rau má mà uống.

Xong bà cầm con dao cùn ra bờ ruộng, chọn đám lá má nào xanh non nhất, ngắt một rổ đầy, cả lá, lẫn cọng, lẫn gốc, rễ. Bà mang về nhà, rửa đi rửa lại thật sạch, xong cho vào cái cối đá giã nát, rồi vét ra cho vào tấm khăn vải thưa vắt lấy hơn bát nước. Hôm nào nhà có đường, bà xúc cho vào bát một thìa, nếu không thì chỉ cần một tí muối rồi quấy lên đưa cho cháu uống. Quảng nhắm mắt, (gã làm bộ vậy, chứ thực ra chẳng phải thế) làm một hơi, mát ruột, cái cảm giác đau như xé nơi hậu môn mất hẳn. Những hôm ấy, bên mâm cơm bao giờ bà cũng để cho Quảng một bát nộm bằng rau má bóp với

chanh, muối, nói gã cố ăn cho hết, tối đến trước khi đi ngủ, bà cũng lôi trong đống trấu dấm bếp ra một củ khoai lang nướng, bảo gã ăn đi cho nhuận tràng.

Ngày ấy, Quảng chưa có vợ, mặc dầu đã quá tam thập được vài nhát, gã đổ cho sự muộn mằn ấy là do nghèo đói, không có tiền. Mỗi lần bị bố, mẹ hay ai đó giục giã:

-Anh Quảng ! Lấy vợ đi thôi chứ, định ở không như vậy đến già à ?

Thì, tùy từng đối tượng mà Toản nổi khùng hay lấp liếm bằng một câu thành ngữ dân gian đã được gã xuyên tạc đi ít nhiều cho hợp cảnh:

-ốc không mang nổi mình ốc, làm sao mang cả cọc lẫn rêu.

Nhiều khi bố mẹ Quảng sốt ruột quá, làm toáng lên:

-Tiền ! Tiền ! Lúc nào mày cũng đòi phải có tiền mới lấy được vợ. Nhổ răng chúng tao ra cho mày bán nhé.

Những lúc ấy gã cười hề hề, đánh trống lấp:

- Không dám đâu ạ! Răng các cụ không sâu, thì cũng mòn hết rồi... Có muốn nhổ mang bán thì cũng chỉ tổ đau, mà chẳng chẳng ai rước đi cho.

-Sao mày cũng biết là không ai rước đi cho ? Các cụ nhìn cái mặt nhăn nhở của gã hỏi lại, rồi cáu sườn gắt lên:

-Hừ ! Gia tài họ nhà này chỉ còn mấy cái mả. Đấy, cho mày. Đào lên, mang đi mà bán.

Vậy mà Quảng vẫn còn đùa được. Gã nhìn bố mẹ, vái mỗi cụ một vái dài:

-Con không dám làm vậy đâu. Thất đức quá. Xong lại cười hềnh hệch:

-Nhưng giả sử có một phép lạ, biến mấy bộ cốt khô ấy thành xương của mấy thằng Mẽo lái máy bay, thì chẳng biết chừng với cái tay này đâu. Bố mẹ biết không ? Xương cốt của bọn ấy bây giờ là tiền, là vàng, là đô la, sự nghiệp, cơ đồ cả đấy.

Đến nước ấy, thì bố mẹ quảng chịu. Các cụ rũ áo đứng dậy, bỏ đi chỗ khác, mặc kệ gã nhắm mắt, ngẩng mặt lên trời cười như đười ươi.

Quảng làm thợ nề ở công ty xây dựng thành phố. Từ dạo phong trào đi lao động hợp tác với nước ngoài đã kịp tràn về đến cái thành phố nhỏ bằng bàn tay tay này gã đã rắp tâm bằng giá nào cũng phải làm một suất, đỏ thì đi Đức, đi Bun, mèng thì cũng đi Nga, đi Tiệp... Đi đâu thì đi, miễn sao *phắn* được ra khỏi cái mảnh đất nghèo khổ này ít nhất cũng là một thời gian dăm ba năm.

Chính vì thế mà Quảng chẳng thiết tha gì với công việc, lúc nào cũng nhấp nha nhấp nhổm. Đang làm cái gì, dù có quan trọng đến mấy mà nghe hơi từ đâu đó có tin chỉ tiêu đã về đến sở, đến công ty... thì gã cũng để đấy đã, đóng bộ cụ lúc nào cũng để trong túi ba đảm đang(1) vào rồi chạy ngay ra quán giật tạm mấy gói thuốc thơm để đi liên hệ.

Trong nhà, từ người già nhất là bà ngoại, đến người trẻ nhất là đứa cháu gái mới hơn năm tuổi, con ông anh ruột, ở cơ quan, từ ông đội trưởng, đến bà chạy hàng căng tin, mấy cô nuôi dậy trẻ, ai cũng bảo là Quảng phổi bò, loại người ấy chẳng làm nên cơm, nên cháo gì...

Vậy nên đến lúc nghe gã thông báo:

- Tôi được đi nước ngoài rồi. Đi Tiệp thôi...; thì ai cũng ớ ra, không tin.

Ở cơ quan: Ông đội trưởng, đại diện cho gần một trăm công nhân, nghe chưa hết câu đã gạt phắt:

-Mày nói láo. Chỉ được cái gây hoang mang... Tao chưa tính tội mày đang giờ làm việc bỏ đi đâu ? Trong đội này, thằng nào đi, thằng nào ở tao phải biết trước chứ.

Quảng bình tĩnh:

- Thì tôi chẳng mang quyết định từ trên công ty về là gì đây ? Và gã chìa cho ông xem bản danh sách.

Ông đội trưởng cũng có một danh sách khác, nhưng trong đó không có tên gã. Mặt ông hơi tái đi, xong vẫn cười ngay được. Ông cầm lấy tờ giấy, xem qua, thấy bên cạnh tên: Lê Văn Quảng có dòng chữ nhỏ cho chỉ tiêu bổ xung của sở mới rót về, và chữ ký tắt rất tháu của ông trưởng phòng tổ chức công ty thì đổi ngay thái độ, bỗ bã vỗ vai gã:

-Thằng này thế mà khá. Trước khi đi phải khao đấy nhé ! Mày ở đội này hơn chục năm rồi còn gì

Quảng định văng ra:

- ừ, hơn chục năm... mà vẫn trên răng dưới cát tút. Khao cái củ c...

Xong gã kìm lại được:

- Ông yên tâm. Trước khi đi thế nào tôi cũng khao.

Và ở nhà: Lúc Quảng chưa đưa tờ quyết định ra, từ bà ngoại, bố mẹ, mấy anh chị em, đến con cháu gái năm tuổi chẳng ai chịu tin. Đầu tiên, ông bố nói:

-Thôi đi ! Nghe mày đến đổ thóc giống ra mà xay. Bọn em gái cũng lau chau:

-Ông này nói dối mà không biết ngượng à ?

- Già rồi mà liến láu như khỉ ấy.

Chỉ có ông anh trai là không nói năng gì. Không phải vì ông tôn trọng gã, mà là vì ông không thèm chấp với một thằng lông ba lông bông.

Phải đợi đến lúc Quảng khua chân, múa tay, miệng úm ba la niệm thần chú rồi móc từ trong túi ra tờ giấy, có triện son hua qua, hua lại thì cả nhà mới thật bàng hoàng.

Trước tiên là bà ngoại. Vì không biết chữ, nên cụ phải bấm vai hai đứa cháu gái, hỏi:

-Có thật không, chúng mày. Cả hai đứa tranh nhau trả lời bà:

- Thật, bà ạ.

-Như nằm mơ ấy bà nhỉ... Rồi chúng nhảy cẫng lên, nắm tay nhau hát một bài của trẻ con trong thành phố đặt ra, chẳng theo một làn điệu nào:

- Đi Tây... Đi Tây...
Cuộc đời đổi thay từ đây.
Đi Tây... Đi Tây...
Đang từ dưới đất thăng lên mây...
Đi Tây... Đi Tây...
Từ nay hết hết cảnh đọa đầy.
Đi Tây... Đi Tây...
Ba năm thừa tiền lấy vợ... Hây...
Hây... Hây... Hầy...

Trong lúc bà cụ đưa tay lần tràng hạt tạ ơn Trời, Phật... thì bố mẹ Quảng hỏi gã:

-Chúng tao nghe nói đi Tây, đi Tầu bây giờ tốn kém lắm. Nhà này không có tiền, không có vàng... mày lấy cái gì đút lót cho người ta mà đi. Chả lẽ chỉ mấy gói thuốc thơm mà xong chuyện.

Quảng cười hề hề:

- Bố mẹ không biết chứ, con có võ riêng... Buổi tối hôm ấy, ông anh cả vốn cũng đang tấp tểnh chân trong, chân ngoài muốn bay từ lâu rồi nhưng vẫn chưa có dịp, gọi Quảng vào buồng riêng của hai vợ chồng. Ông kéo kín tấm ri - đô bằng vải hoa lại, thì thào hỏi rất chân thành:

-Chú nói có miếng võ gì đặc biệt, bảo cho anh với, chỗ anh em trai với nhau.

Quảng cười nói:

- Những lúc khác không có tiền thì chịu thật, nhưng riêng tối hôm kia thì tôi gặp may. Gặp đúng lúc trời để chim ra.

Ông anh sốt ruột, cáu:

- Mày cứ úp úp, mở mở..., khó chịu bỏ bà. Lúc nào cũng đùa được. Thế nào là trời để chim, để cò, nói thẳng ra xem nào.

Gã vẫn cười:

- Tôi nói thật, nhưng ông không được kể lại với ai nhé. Tối hôm kia, tôi đi xem chiếu phim về muộn. Lúc đi ngang qua bãi dâu cạnh khu tập thể công ty thì chợt nghe có tiếng sột soạt. Nghĩ là có thằng nào trong khu tập thể ra đấy ỉa bậy tôi mới chiếu đèn pin vào định trêu chúng nó chơi... chẳng ngờ bắt quả tang ông trưởng phòng tổ chức đang dần một con trong tổ sắt ra làm việc, nghe đâu con bé ấy cũng đi đợt này. Tôi cũng đã định chẳng nói gì đến cái chuyện con khỉ, con tiều thời buổi này xảy ra như cơm bữa, có ai thèm để ý đến ấy nữa. Nhưng ông ta cứ đạp xe lẵng nhẵng theo sau năn nỉ, bảo nếu hứa giữ im lặng thì sẽ ghi thêm tên vào danh sách đi Tiệp đợt này, không phải tốn kém gì. Vậy tội gì mà tôi không đồng ý... Đấy, không phải trời, nhưng là ông

trưởng phòng để cò ra. Thế thôi!

Trước ngày Quảng bay vài hôm, mẹ gã bán đi cái nhẫn một chỉ lấy tiền đưa cho hai cô con gái bảo đi chợ mua vài cân thịt lợn, thịt bò, mấy con gà, mớ cá, rau, dưa... về làm một bữa ăn tươi, gọi là khao mời họ hàng và cả ban giám đốc công ty lẫn ban chỉ huy đội gồm hai ông đội trưởng, đội phó và bà thư ký công đoàn, mấy ông tổ trưởng đến nhà đánh chén. Chiều, tối, khách khứa lần lượt về hết, cả nhà Quảng mới xúm lại mà khuyên bảo, dặn dò gã. Đầu tiên là ông bố vẫn còn hơi ngà ngà hơi men quán triệt :

-Hợp tác, hợp tung cái con mẹ gì ? Nói trắng ra là đi làm thuê, làm mướn cho người ta. Thằng nào khéo ăn thì no, khéo co thì ấm. Mày ở nhà lông bông đã chán ra rồi, sang đấy có ba bốn năm thì tu chí mà làm ăn, xác định là đi cầy, phải nai lưng ra mà làm... chứ không phải đi tìm chốn ăn chơi, đi du lịch như bọn nhà giầu hay mấy ông lãnh đạo đảng, nhà nước.

Xong đến lượt bà mẹ. Bà nói rất nhẹ nhàng, tuy có nhiều phần trùng lập với ý kiến của ông bố:

-Đã có công sang được đến đấy thì chịu khó mà lam, mà làm, đừng có đua đòi ăn chơi, đàn đúm với chúng bạn. Chắt bóp, tiết kiệm, giành dụm, để đến hết hợp đồng cố gắng đóng lấy mấy khối hàng rồi về, làm nhà, làm cửa, cưới vợ.

Một trong hai cô em gái góp ý với ông anh rất dân chủ:

- Ở nhà bọn em thấy anh hay vục vặc nhau với đám đội trưởng, đội phó lắm... Toàn những chuyện đâu đâu chẳng được tích sự gì, chỉ tổ chúng nó ghét, rồi trù úm, gièm pha cho đủ kiểu, không ngóc đầu lên được. Thôi sang đấy thì bớt mồm, bớt miệng đi nhé, một câu nhịn là chín câu lành...

Chưa đợi cho cô này nói xong, ông anh cả đã xen vào: - Mà mày không nhịn cũng không được chứ. Nhất là với đại sứ quán, người ta bảo gì thì cứ nhất nhất mà làm theo. Chống đối, nó kỷ luật, tống cổ về trước thời hạn thì chỉ còn có nước húp cám lợn mà ăn. Nhục.

Cuối cùng, đợi không còn ai có ý kiến gì nữa, bà ngoại Quảng mới nói:

-Cháu sang đấy, ăn uống phải giữ gìn cẩn thận. Chọn của mát mà ăn. Bia, rượu, thuốc lá, cà phê cà pháo thì bỏ đi..., không bệnh táo bón nó hành cho thì khổ. Bên ấy không như ở nhà mình, chẳng có bà nào đào lá má giã lấy nước cho mà uống đâu. Mà cũng chẳng có đâu mà đào.

Ai nói gì Quảng cũng gật, vâng tuốt. Mấy ngày sau lúc đã ngồi yên vị trên máy bay gã vẫn còn suy nghĩ trong đầu:

-Ba năm, quay đi quay lại chẳng mấy mà hết, thôi thì chịu khó một tí kiếm cái vốn ban đầu... Sau này về, có của ăn, của để rồi sẽ chơi bời cho bõ.

Nhớ đến lời bà ngoại, Quảng tỉnh bơ, xua tay lúc mấy cô chiêu đãi viên hàng không mang một khay vừa chè, vừa cà phê đến. Gã nói với con phiên dịch:

-Em bảo nó cho anh xin một cốc nước lọc.

-Sao anh không uống cà phê, uống chè cho tỉnh ngủ ? Con này hỏi lại.

-Không ! Quảng nuốt ực một cục nước bọt, kiên quyết:

- Cà phê của bọn này nhằng nhặng, đắng bỏ mẹ, mà cứ hôi hôi, không thơm như cà phê nhà mình, chè cũng vậy, đen đen...

Lúc máy bay hạ cánh ở sân bay Niudeli Ấn độ để lấy thêm dầu, mấy thằng xù(2) cũ xuống rồi lôi lên mấy chai rượu. Một thằng mở nút chai sâm banh rót ra, mời mấy thằng xung quanh, đến lần Quảng, gã nhấp một tí lấy lệ, rồi chun mũi chối khéo:

-Nó làm sao ấy, cứ chua chua như nước mía non ấy...; xong đưa qua tay thằng khác nhờ uống hộ.

Đến khi một thằng khác mở chai Vodka cũng vậy, gã chỉ ngửi qua xong trả lại ngay:

-Xóc lắm. Chưa chi đã xộc hết lên mũi...

Ở Tiệp, Quảng còn giữ gìn như vậy được một thời gian nữa. Gã mua thật nhiều lê, táo, chuối..., những thức ăn nhiều xơ, dễ tiêu hóa để thỉnh thoảng buồn mồm thì ăn, và toàn uống nước đun sôi để nguội. Gã cũng đổi nết, rất ngoan ngoãn, dễ bảo, tính hung dữ ở nhà mười phần giờ không còn lấy một. Thỉnh thoảng có việc gì phật ý, phẫn nộ lắm mới thấy mặt Quảng hơi đanh lại, đôi mắt xếch ngược hẳn lên, song gã kìm được ngay, không đứng lên đi ra chỗ khác thì cũng nói lảng sang một chuyện gì đó.

Ngày mới sang, Quảng bị ghép vào một tổ sáu thằng ở dây chuyền vận chuyển vật liệu xây dựng, ba ca thay nhau canh một cái băng tải tẻ ngắt chẳng có tí màu mè, đã không bán chác được cái gì, lại còn chẳng có ma nào mà nói chuyện... Không như dạo còn ở Việt Nam, Quảng không phá bĩnh, cũng chẳng làm toáng lên. Gã đấu tranh rất ôn hòa bằng cách tối tối lần sang phòng tay đội trưởng ngồi nói chuyện đến khuya, nỉ non, anh anh, em em thân thiết như con cái cùng cha mẹ vậy. Thế rồi nước chảy đá mòn, một thời gian sau tay này cầy cục xin đổi được cho Quảng sang làm ở một nơi khác, đã rất nhàn hạ lại lắm chồi chọet. Chốc lát đã thấy từng bọn tây tìm đến gã, đứa hỏi xem đồng hồ, dây chuyền, đứa đòi mua son, phấn, váy dài, váy ngắn... Bù lại Quảng chỉ phải bịa ra một ngày giỗ ông nội, ông ngoại làm một bữa cơm mời mấy anh trong ban chỉ huy đội sang dự.

Quảng giả ngây giả dại, gã nói với tay đội trưởng:

- Em chưa đi Praha bao giờ, toàn sợ lạc. Bao giờ có dịp các anh cho em bám càng với, chẳng gì cũng mang tiếng đi Tây, đi cho biết đây, biết đó, để ngày về Việt nam còn ó cái mà kể. Đừng ngại, vé tàu, vé xe em chịu cho.

Tay này cho Quảng đi cùng vài lần, mỗi lần đỡ tốn gần trăm Cu (3) tiền tầu cả đi lẫn về. Gã biết thêm nhiều thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa... của thủ đô Tiệp Khắc, trong số đó có cả căn biệt thự nho nhỏ lúc nào cũng sặc sụa mùi khăn khẳn của nước mắm, trên bờ sông Vntava mà ngoài cổng vào có tấm biển kim loại kẻ dòng chữ: lãnh sự quán của nước cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt nam.... Ở đấy gã làm quen được với một chú nhân viên của lãnh sự quán, và cũng biết thêm khối mánh mung khác.

Quảng nhớ lời bà ngoại gã vẫn hay nói: Dao năng mài năng sắc, người năng chào năng quen. Cứ gặp chú lãnh sự đâu là gã cúi đầu chào thật thấp, mãi rồi thành thân thiết, qua lại làm ăn với nhau, kết hợp chặt chẽ tưởng chẳng thể rời nhau ra được.

Chỗ chú lãnh sự có rất nhiều hàng, đủ các loại buôn từ Lào, Thái, Việt Nam, Nga, Hung, Bun... sang. Quảng cứ việc lên giất vào người khuân về chia cho bọn bạn bè cùng đội bán, hết đợt lại lên trả tiền lấy hàng khác về. Quảng trở thành ông chủ con con của một cái bít xù (4) hơn năm chục thằng. Bọn Tây ngoài công trường cần mua cái gì, nếu không có bọn này chỉ việc chạy sang gã là có ngay. Những việc khó khăn hơn, thủ tục, giấy má liên quan đến sứ quán, chúng cũng tìm gặp Quảng, chỉ mong gã ừ cho một tiếng là xong. Ai cũng bảo là Quảng làm ăn rất vào cầu, nhưng không ai biết nỗi khổ của gã. Ấy là từ dạo quen, thân rồi làm ăn, đi lại với chú lãnh sự được ít lâu bệnh táo bón của gã lại bị tái phát.

Chả là thỉnh thoảng vào những ngày thứ bảy, chủ nhật chỗ các chú hay tổ chức những bữa ăn tươi. Thường đấy cũng là những ngày Quảng lên lấy hàng, và thế nào gã cũng được mời vào dự luôn. Từ sâm banh đến rượu mạnh của các chú toàn một loại thượng hảo hạng cả, Quảng mềm môi uống tì tì. Mà giả sử rượu có không ngon đi chăng nữa, thì đến lượt gã vẫn cứ phải ngửa cổ nốc sạch, không thể chê: chua như nước mía non, hoặc: gắt, xóc bỏ mẹ, chưa chi đã xộc lên mũi như ngày đầu tiên còn ngồi trên máy bay được. Bản thân Quảng mỗi lần được mời dự gã cũng phải chuẩn bị một chai ra vấn đề, đâu ra đấy, nghĩa là: uống vào muốn rụt lưỡi lại luôn.

Quảng vẫn nhớ lời bà gã: Đừng ăn đồ nóng, đừng có uống bia, rượu, cà phê, cà pháo... nhưng không làm gì được. Gặp các chú gã phải tỏ ra ta đây là tay chơi, không chỉ có rượu mà đến bia, cà phê, thuốc lá... cái gì cũng hay hết. Quảng chỉ ngại nếu gã chối thì các chú lại chê là đồ nhà quê, nhà kệch, kẹt xỉ, tiếc chai rượu mấy chục, một trăm bạc.

Mỗi lần đi Praha ăn nhậu về Quảng lại ỉa không được, dần dần thành kinh niên, nhiều khi chẳng đi đâu, chỉ nằm nhà, chẳng bia rượu gì vẫn cứ bị. Mỗi lần thấy buồn, gã lại phải ngồi trong toilet rặn ì ì hàng tiếng đồng hồ, ra được tí phân khô như ngói thì rách toạc cả hậu môn, máu tươi chảy tong tong, đau, mệt không thể nào chịu nổi. Quảng đi bác sỹ, nhưng thầy ở đây cũng chịu, cho thuốc nhét, thuốc uống, kem bôi... đỡ được vài ngày rồi đâu vẫn cứ trở lại đấy.

Căn bệnh táo bón tai ngược còn bám Quảng lẵng nhẵng cho đến tận ngày sang Tây Đức xin tị nạn, trở thành thủ lĩnh của một đảng rất to..., vẫn chẳng đỡ, có phần còn nặng thêm. Tuy nhiên, ở bên này Quảng tự tìm được một biện pháp giảm đau tương đối hữu hiệu là mỗi lần đi toilet về gã lại triệu tập



NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

ngọn cỏ

tiếng nước đái
nhỏ giọt
trong bồn cầu tí tách
thứ nước ấm sóng sánh vàng
hổ phách
trong người tôi tuôn ra
phải rồi
tôi là đàn bà
hạng đàn bà đái không qua ngọn cỏ
bây giờ
được ngồi rồi trên bồn cầu chễm chệ
tương lai không chừng tôi sẽ to con mập phệ
tí tách như mưa
ngọn cỏ gió đùa

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

ban lãnh đạo đảng họp, bàn một vấn đề gì đó, thúc dục thu đảng phí, hay phát động một chiến dịch, tổ chức một cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành nào đó.

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

(1)- Tiếng lóng chỉ một loại túi bằng vải bạt đựng dụng cụ lao động của thợ nề, cũng là cái để chứa xi măng, sắt, thép, vật liệu xây dựng mà các vị ăn cắp ngoài công trường.
(2)- Tiếng lóng của người Việt ở Tiệp dùng để gọi nhau.
(3)- Curun, Tiền Tiệp khắc.
(4)- Chỉ nhà dành cho người Việt Nam ở.



QUỲNH THI

một địa chỉ ở garden grove city

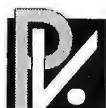
Trong ngăn kéo　　　tận cùng của tâm hồn
Garden Grove　　　nhịp cầu và nơi chốn
một địa danh thân thuộc
ôi　　　da thịt thân yêu
chuyển cuộc hình hài
những dư âm đơn độc　　　đơn độc đến phát khóc
của một thời và cả bây giờ
cho một lớp người nghiện ngập chữ nghĩa

những bóng ma của cuộc đãi ngộ　　　dã tâm
cố ý của một loại quỉ dữ
tùng xẻo những người lương thiện
chúng chỉ gặp những tiếng cười　　　tiếng cười bình thản
cơn bão táp đi qua
và gió nhẹ đang thổi riu riu trên những vạt lúc xanh con gái

Garden Grove thành phố tôi chưa bao giờ đi tới
không một chút hình dung
chỉ là nơi chốn　　　chỉ là địa chỉ thân yêu
ngưỡng vọng của lớp người thèm sống
những bài gửi đến　　　và tờ tạp chí gửi lại...

khát vọng điều kỳ diệu
minh triết nhận chìm phân ly
và tất nhiên như người liều lĩnh phó mặc
điều ước muốn đang ló dạng ở phía chân trời
và mỗi chúng ta
là người hiền Lành đi trồng cho đời những luống hoa thơm

QUỲNH THI
Houston apr. 5, 97.



NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*

NÓI CHUYỆN VỚI NHÀ VĂN DOÃN QUỐC SỸ



Doãn Quốc Sỹ qua Đinh Cường

- Xin anh cho một vài dòng về tiểu sử của mình?

- (Theo tạp chí *Văn Học* số 31 - tháng Tám - 1988, thêm một số chi tiết mới)

Sinh ngày 17-02-1923 tại xã Hạ Yên Quyết, ngoại thành Hà Nội. Thân phụ là một nhà tân nho, thân mẫu chuyên về buôn bán.

Về ngành giáo dục đã tuần tự dạy tại các trường Trung học và Đại học sau đây:

- Giáo sư Trung học Nguyễn Khuyến (Nam Định) 1952-1953
- Giáo sư Trung học Chu Văn An (Hà Nội) 1953-1954
- Giáo sư Trung học Trần Lục (Sàigòn), sau đổi là Nguyễn Khuyến 1954-1960
- Hiệu trưởng Trung học Hà Tiên 1960-1961
- Giáo sư Trung học Hồ Ngọc Cẩn (Sàigòn) 1961-1962
- Giáo sư Cao Đẳng Sư Phạm Sàigòn 1962-1975
- Giáo sư Đại học Văn Khoa Sàigòn 1962-1975
- Giáo sư Đại học Vạn Hạnh 1962-1975

Về việc bị giam giữ

- Bị tập trung cải tạo tại trại Gia Trung (Pleiku-Kontum) 1976-1980.

- Được trả về sống với gia đình 1980-1984.
- Bị bắt với tội danh viết văn chống Cộng.
* Bị giam tại Phan Đăng Lưu rồi Chí Hòa 1984-1988.
* Đưa ra tòa án Sàigòn năm 1988 và bị kết án 9 năm tù.
* Chuyển tới trại K3 Xuân Lộc lao động khổ sai cho đến ngày cuối cùng hết hạn tù - 11 tháng Hai 1991.
* Trở về đoàn tụ với gia đình.
* Cuối tháng Hai 1995 qua Hoa Kỳ theo diện ODP do cậu con trai trưởng bảo lãnh. Hiện ngụ tại Houston, tiểu bang Texas.

Những sáng tác phẩm đã được xuất bản:
- *Sợ Lửa* (tập truyện cổ tích) 1956
- *U Hoài* (tập đoản thiên tiểu thuyết) 1957
- *Gánh Xiếc* (tập truyện ngắn) 1958
- *Dòng Sông Định Mệnh* (tiểu thuyết) 1959
- *Gìn Vàng Giữ Ngọc* (tập truyện ngắn) 1960
- *Hồ Thùy Dương* (tập truyện cổ tích) 1960
- *Trái Cây Đau Khổ* (tập kịch) 1963
- *Khu Rừng Lau* (trường thiên tiểu thuyết) gồm 4 quyển:
* Ba Sinh Hương Lửa (quyển 1) 1962
* Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến (quyển 2) 1964
* Tình Yêu Thánh Hóa (quyển 3) 1965
* Đàm Thoại Độc Thoại (quyển 4) 1966
- *Người Việt Đáng Yêu* (biên khảo) 1965
- *Vào Thiền* (giai thoại) 1970
- *Sầu Mây* (tiểu thuyết) 1970
- *Trái Đắng Trường Sinh* (tập truyện ngắn) 1971
- *Đi* (tiểu thuyết) 1982
- *Dấu Chân Cát Xóa* (tiểu thuyết) 1995
- *Người Vái Tứ Phương* (tiểu thuyết) 1995
- *Mình Lại Soi Mình* (tiểu thuyết) 1995

Về những sách biên khảo giáo khoa đã được xuất bản:
- *Lược Khảo Về Ngữ Pháp Việt Nam* 1963
(Soạn chung với Giáo sư Đoàn Viết Bửu)
- *Văn Học Và Tiểu Thuyết*
- *Introduction to Literature and Fiction*

Ba tác phẩm trên đều là giảng khóa của tác giả khi phụ trách giảng dạy về bộ môn Văn Học tại *Cao Đẳng Sư Phạm Sàigòn, Đại Học Vạn Hạnh, Đại Học Văn Khoa Sàigòn*. Ngoài ba tác phẩm trên, trước đó ít lâu, tác giả cũng đã từng soạn những sách cho Trung học. Đó là những cuốn biên khảo về:
- *Đoạn Trường Tân Thanh*
- *Nguyễn Công Trứ*

- *Trần Tế Xương*
- *Tản Đà*
- *Nguyễn Khuyến*
- *Cao Bá Quát*
- *Tự Lực Văn Đoàn*

Và đặc biệt bộ *Tuyển Tập Văn Chương Nhi Đồng* đã cho in được những tập:

- *Ca Dao Nhi Đồng*
- *Ngụ Ngôn*
- *Thần Thoại*

* Xuất bản trong năm 1996:
Cò Đùm (tập truyện ngắn)
Và chuẩn bị kế tiếp là:
DOÃN QUỐC SỸ Toàn Tập
Chừng ba cuốn, mỗi cuốn khoảng 6 hay 7 trăm trang, gồm toàn thể những sáng tác của tác giả từ trước tới nay.

*

- Là nhà văn và nhà giáo, anh có thấy hai công việc này hỗ tương với nhau không? Và, có gì trái ngược giữa hai công việc này?

- Tôi vẫn nói đùa với anh em là có hai tay phục vụ hai ngành: một tay cầm phấn và một tay cầm bút. Với tôi hai ngành đó có ảnh hưởng hỗ tương với nhau. Tôi nghĩ ảnh hưởng hỗ tương đó đã giúp tôi đạt được thái độ trung dung trong việc xây dựng tình tiết truyện, nhân vật truyện...

- Cuộc đời anh đã trôi nổi theo cùng với các biến cố của dân tộc Việt Nam. Tác phẩm của anh cũng gắn bó nhiều với thời sự. Vậy, theo anh, con người thật ở ngoài đời và con người trong tác phẩm có liên quan gì với nhau?

- Trong văn học có những tác phẩm phản ảnh bằng cách này hay cách khác đời sống riêng tư hoặc cá tính của tác giả, nhưng cũng có những tác phẩm không hề như vậy - tỉ như đời sống tác giả thì hiền hậu trong khi các nhân vật trong tác phẩm thì tinh ma quỷ quái - hoặc ngược lại!

- Tác phẩm đầu tay của anh là một truyện cổ tích. Tại sao anh lại viết về đề tài này và có những kỷ niệm gì với tác phẩm đầu tay này?

- Tôi còn nhớ trước năm 1954 - thuở còn ở ngoài Bắc - tôi đã sớm có khuynh hướng viết văn và đã hoàn tất được một truyện cổ tích đầu tay - truyện "Sợ Lửa". Di cư vào Nam năm 1954 tôi mang theo bản thảo "Sợ Lửa" và cho đăng vào tập *Xuân Lửa Việt* của *Đoàn Sinh Viên Hà Nội Di Cư* - anh Trần Thanh Hiệp là chủ tịch, tôi và Thanh Tâm Tuyền là đoàn viên, kế đó

gặp thêm Mai Thảo, thế là chúng tôi xúm lại làm tờ *Sáng Tạo* và thành "nhóm Sáng Tạo" kể từ đấy. Âu cũng là may mắn gặp được đủ cơ duyên để bước vào lãnh vực sáng tác. Nếu như không di cư vào Nam gặp được anh em khích lệ, hoàn cảnh vùng đất mới khích lệ, thì làm sao tôi dám ti toe viết lách trước một rừng tài năng cổ kính ngoài Bắc đó.

- Khi cầm bút, anh có mục đích gì? Làm đẹp đời sống, nêu cao tinh thần dân tộc, cổ võ nền giáo dục nhân bản...? Hay chỉ có một mục đích thích là viết, còn những yếu tố kia đến sau?

- Đã đành có thích mới viết, nhưng khi đã cầm bút viết, tôi vẫn có khuynh hướng muốn làm đẹp đời sống, nâng cao tinh thần dân tộc và cổ võ nền giáo dục nhân bản.

- Anh là chủ nhiệm tạp chí "Sáng Tạo" và giám đốc nhà xuất bản "Sáng Tạo". Anh có nghĩ tạp chí "Sáng Tạo" có một vị trí quan trọng trong nền văn học miền Nam 1954-1975?

- Tôi không dám có ý kiến chủ quan về vai trò của nhóm Sáng Tạo chúng tôi trong nền văn học miền Nam 1954-1975. Xin để quý vị ngoài nhóm cho lời nhận xét khách quan hơn.

- Vị trí và công việc của anh như thế nào trong nhóm "Sáng Tạo"? (Xin anh kể nhiều chi tiết để độc giả có thể mường tượng được một thời kỳ văn học rất hào hứng và nở rộ).

- Vị trí của tôi trong nhóm - riêng bản thân tôi thôi - chỉ là đừng đưa bài muộn quá để việc sắp chữ và trình bày báo không gặp trở ngại.

- Có người nhận xét, nhóm Sáng Tạo đã mở một con đường mới cho văn chương với các triết thuyết về hiện sinh và văn phong ảnh hưởng bởi các nhà cầm bút phương Tây. Theo anh, nhận xét này có chính xác không?

- Toàn thể anh em Sáng Tạo chúng tôi từng đã ghi nhận những ý kiến đó, còn việc nhận xét và đánh giá xin được nhường lời quý vị bên ngoài.

- Nhà văn Mai Thảo đã mô tả nhóm Sáng Tạo đã đi vào văn chương với một tiền trường trống vắng nên chiếm lĩnh văn đàn dễ dàng. Anh có đồng ý như vậy không?

- Tôi còn nhớ lời anh Mai Thảo phát biểu trong một buổi họp mặt thân tình. Anh nhấn mạnh một trong những nét đặc biệt của chúng tôi là luôn luôn biết kính trọng lăng kính suy tư cá biệt của nhau. Chúng tôi tìm thấy sự phong phú đến từ những khác biệt đó!

- Công việc làm báo, dù là báo văn chương, có ảnh hưởng gì đến công việc

cầm bút của anh?

- Công việc làm báo quả thực không hề cản trở gì tới công việc cầm bút của tôi. Đôi khi tôi còn nghĩ việc làm báo đã kích thích việc cầm bút, cung cấp bối cảnh, gợi hứng xây dựng cốt chuyện cùng các nhân vật trong tiểu thuyết của tôi nữa!

- Tương tự, vai trò nhà giáo cũng có ảnh hưởng gì đối với công việc cầm bút của anh? Được biết anh đã xuất bản 8 cuốn sách về khảo luận văn chương?

- Tôi chưa có thì giờ đắn đo suy nghĩ thật kỹ xem vai trò nhà giáo có ảnh hưởng gì tới công việc cầm bút của tôi không? Tuy nhiên tôi tin rằng cốt truyện, tình tiết truyện cũng như hình ảnh các nhân vật trong tiểu thuyết có chịu ảnh hưởng những suy nghĩ thầm lặng riêng tư của tôi. Tôi vốn hết sức tránh những gì là cực đoan!

Thuở dạy tại trường Sư Phạm Sàigòn tôi có soạn một số sách mang tên chung "*Tuyển Tập Văn Chương Nhi Đồng*" gồm:

- Ca Dao Nhi Đồng Việt Nam và Quốc Tế
- Truyện Ngụ Ngôn Việt Nam và Quốc Tế
v.v.

Nhưng công việc chưa hoàn tất thì đã xảy ra biến cố 30 tháng Tư 1975.

- Văn chương phản ảnh thời thế, anh có nghĩ như vậy không?

- Vâng, thường thì chẳng gần thì xa, chẳng trực tiếp thì gián tiếp không nhiều thì ít - văn chương có phản ánh thời thế!

- Nhưng có người nghĩ trái ngược lại, thời thế chỉ ảnh hưởng nhất thời còn mô tả chính con người mới là đề tài sống trường cửu của văn chương. Anh có ý nghĩ gì về vấn đề này?

- Tôi vẫn nghĩ là văn chương tuy có phản ảnh thời thế, phản ảnh con người thời đại, nhưng vẫn qua thời thế đó, con người thời đại đó ngòi bút còn cho thấy con người muôn thuở luôn luôn khát khao hướng về Chân - Thiện - Mỹ!

- Anh trải qua một thời gian quá dài cầm bút. Vậy, mục đích cầm bút có thay đổi tùy theo từng thời kỳ mà anh đã sống không?

- Tôi xin được nhắc lại đại ý những gì đã nói ở câu trả lời trên: Ngòi bút vẫn phản ánh thời đại, đồng thời vẫn hướng về khát vọng muôn đời của Chân-Thiện-Mỹ!

- Năm 1961 trả lời cuộc phỏng vấn của nhà văn Nguyễn Ngu Í, anh có nói về quan niệm sáng tác của mình "Tôi bắt đầu đi từ cuộc đời, kế nhân vật, còn nghệ thuật thêm sau". Tới bây giờ, anh còn ý nghĩ như trên hay không lúc cầm

bút?

- Ngày nay đọc lại câu trả lời của tôi khi được anh Nguyễn Ngu Ý phỏng vấn vào năm 1961, tôi muốn hiểu câu trả lời đó như sau:

Nghệ thuật không đơn thuần, không trừu tượng! Nghệ thuật có đối tượng là cuộc đời, là con người trong cuộc đời. Ngòi bút hãy lột tả cảnh đời và con người trong cảnh đời đó bằng nghệ thuật - nghĩa là có công phu ghi nhận, có công phu suy tư và được thể hiện bằng nghệ thuật của bút pháp!

- Anh viết khá nhiều vở kịch, vậy, anh có ý nghĩ sẽ dựng được những vở kịch ấy khi sáng tác để trình diễn?

- Trong số tác phẩm của tôi có một tập kịch mang tên *Trái Cây Đau Khổ* được ấn hành vào năm 1963, gồm 3 hay 4 vở kịch ngắn - (hiện giờ chính tôi cũng không có tập kịch đó trong tủ sách gia đình). Tôi nghĩ những vở kịch của tôi tuy nặng màu triết lý với nhiều hình ảnh tượng trưng, nhưng với kỹ thuật ngày nay thì việc trình diễn trên sân khấu cũng dễ thôi!

- Anh có nghĩ kịch sẽ nói và chuyên chở nhiều điều hơn là văn xuôi hoặc thơ? Và anh nghĩ thế nào về từ "Kịch tượng trưng"?

- Kịch, thơ và văn xuôi - mỗi thể loại có cách chuyên chở riêng của nó, có những nét đẹp riêng của nó. Chỉ nên đặt câu hỏi: ngòi bút có thành công trong thể loại đó hay không!

Còn về kịch tượng trưng - hẳn là thể loại này đòi hỏi nhiều hơn về trình độ thưởng ngoạn của độc giả, cũng như của khán giả.

- Anh hay viết những truyện cổ tích. Anh có mang theo những luận đề nào khi viết loại truyện này?

- Truyện cổ tích của tôi trong hai tập *Sợ Lửa* (1956) và *Hồ Thùy Dương* (1960) đều là những truyện cổ tích *hàm ngụ* - ý tôi muốn nói có *hàm ngụ* một ý nghĩa nào đó với những gì *đã* hay *đang* xảy ra trong hiện tại. Truyện cổ tích của ta xưa cũng có hàm ngụ một dụng ý nào đấy chứ, nhưng hồn nhiên hơn, không chủ tâm liên hệ tới hiện tại như trong những truyện cổ tích của tôi.

- Anh nghĩ thế nào về sự thực và hư cấu trong văn chương? Có liên hệ với nhau không và như thế nào?

- Xin nhắc lại đại ý những gì tôi đã nói trên đây: Hư cấu cũng là bắt nguồn nơi thực tại, lấy chất liệu nơi thực tại, nhưng qua nghệ thuật và lăng kính suy tư của từng tác giả.

- Trong văn học Việt Nam trước 1975, bộ trường thiên "Khu Rừng Lau" được kể là một thành tựu. Vậy anh đã hoàn thành bộ trường thiên này như thế nào? Thời gian hoàn tất ra sao và tại sao anh lại chọn thể loại viết như vậy?

- Bộ trường thiên *Khu Rừng Lau* của tôi gồm bốn cuốn:
1. Ba Sinh Hương Lửa (1962)
2. Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến (1964)
3. Tình Yêu Thánh Hóa (1965)
4. Đàm Thoại Độc Thoại (1966)
Quyển 4 *Đàm Thoại Độc Thoại* của *Khu Rừng Lau* gồm 2 phần:
Phần Một: *Những Ngả Sông Trên Dòng Đời*
Phần Hai: *Ba Bài Thơ Thay Cho Lời Bạt Khu Rừng Lau*
21/ *Những Ngả Sông Trên Dòng Đời* đã xuất bản năm 1966, nhưng phần Hai gồm ba bài thơ thay cho lời bạt còn thiếu. Xin đợi *Doãn Quốc Sỹ Toàn Tập* ấn hành trong một ngày gần đây quý vị sẽ có được *Khu Rừng Lau* đầy đủ, trọn vẹn.

Cũng vẫn là trong ý đồ thể hiện thực tại đất nước dọc theo thời gian cuộc chiến toàn dân kháng Pháp mà tôi viết Khu Rừng Lau. Bộ trường thiên này đã tuần tự xuất hiện tự nhiên như vậy theo niềm hứng khởi của ngòi bút tôi thôi!

- Tới giờ này, vẫn còn có nhiều người băn khoăn thế nào là một bộ trường thiên tiểu thuyết? Có phải gồm nhiều cuốn truyện dài hợp lại, hoặc phải mô tả được không gian thời gian rộng lớn như bộ "Chiến Tranh và Hòa Bình" của L. Tolstoy. Theo anh, định nghĩa đúng nhất về bộ trường thiên tiểu thuyết sẽ như thế nào?

- Trước đây tôi có ý muốn phân biệt *trường giang tiểu thuyết* với *trường thiên tiểu thuyết*. Tôi muốn hiểu *trường giang tiểu thuyết* là một tập gồm nhiều truyện dài bên nhau, nhưng tình tiết và cốt truyện của những truyện dài này ít có những chuyển tiếp chặt chẽ để liên kết tất cả thành một khối chặt chẽ như ở *trường thiên tiểu thuyết*. Nhưng rồi về sau tôi đơn giản hóa vấn đề: chỉ còn *trường thiên tiểu thuyết* mà thôi!

- Có người nhận xét anh mô tả và phác họa những mẫu nhân vật ở tuyến thiện khá linh động, trong khi mô tả những nhân vật ở tuyến ác ít linh động hơn. Theo anh, điều ấy có đúng không?

- Nhận xét đó thật tri âm tri kỷ đấy anh ạ.

- Anh đã từng phát biểu điều anh sợ nhất là chính mình ăn cắp của mình và nhai lại những gì mình đã nói. Bây giờ, khi hoàn tất "Mình Soi Lại Mình", "Người Vái Tứ Phương", "Dấu Chân Cát Xóa", anh có thấy mình đã viết khác trước, so với "Khu Rừng Lau", "Dòng Sông Định Mệnh", "Gìn Vàng Giữ Ngọc"...?

- Gần đây tôi đã trình diện 3 tác phẩm mới *Mình Lại Soi Mình, Người Vái Tứ Phương, Dấu Chân Cát Xóa* vẫn là văn phong quen thuộc của tôi xưa. Khi

phát biểu "Sợ nhất là chính mình ăn cắp của mình" ý tôi chỉ muốn nói nên tránh sự vô ý cẩu thả lắp lại những lời văn, những tình tiết từ truyện này sang truyện khác mà không biết.

- Hình như anh có nhiều suy tư về triết lý trong những tác phẩm của anh như "Sầu Mây" (hiện sinh), "Vào Thiền" (thiền), "Đi" (thiền). Anh có nghĩ sự suy tư ấy phản ánh từng giai đoạn của đời sống anh?

- Việc thẩm định những quan điểm triết lý qua từng tác phẩm của tôi hoàn toàn là vấn đề tự do qua lăng kính thưởng ngoạn của từng độc giả. Đám tác giả chúng tôi chỉ nên lắng nghe, ghi nhận và cám ơn mà thôi!

- Trong phỏng vấn của nhà văn Nguyễn Ngu Í, anh có thú nhận về những "phiêu lưu tình cảm". Đó là một điều rất ngạc nhiên ở con người anh (nghiêm trang, đứng đắn, mô phạm). Vậy, bây giờ, ở tuổi cổ lai hy, anh có thể kể một vài chi tiết về những cuộc phiêu lưu ấy?

- Có lẽ tuổi trời và với nếp sống khinh an bình lặng theo thiền học chăng, tôi ngày nay không bận tâm gì đến những vang bóng tương tự của một thời xa xưa.

- Anh có hay làm thơ không? Và có hay đọc thơ không?

- Tôi rất thích đọc thơ, còn làm thơ thì - chỉ trong trường hợp viết truyện đến đoạn nào cần một vài câu thơ đối cảnh sinh tình của nhân vật chẳng hạn, tôi mới sáng tác đôi vần thích nghi cho quãng đó của câu chuyện. Tuy nhiên một lần - tôi còn nhớ chị Nguyễn Thị Vinh có ý định ngộ nghĩnh xuất bản một tập thơ gồm những bài thơ của những nhà văn chuyên viết văn xuôi: truyện dài, truyện ngắn, kịch... Lần đó tôi có đóng góp ba bài thơ. Tôi đã dự định sẽ dùng ba bài thơ đó thay lời bạt cho tập trường thiên tiểu thuyết *Khu Rừng Lau* của tôi khi cho ấn hành *Doãn Quốc Sỹ Toàn Tập* một ngày gần đây.

- Tại sao, trong tác phẩm của anh có rất nhiều nét thơ và nhiều bài thơ như thơ trong "Dòng Sông Định Mệnh" chẳng hạn?

- Cũng tùy hứng thôi và âu đó cũng là một nét cá tính của từng tác giả mà thôi!

- Khi chủ trương nhà xuất bản "Sáng Tạo", anh có in nhiều tập thơ. Vậy tiêu chuẩn thế nào để anh chọn lựa?

- Khi chủ trương nhà xuất bản *Sáng Tạo*, tôi đã ấn hành nhiều tập thơ mà tôi thấy là hay nên được phổ biến. Chỉ đơn giản có vậy thôi, anh ạ.

- Anh có thích thơ tự do mà những nhà thơ trong nhóm Sáng Tạo như Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Người Sông Thương... khởi xướng?

- Thơ tự do của các bạn tôi trong nhóm Sáng Tạo cũng chỉ là một thể loại thơ với những nét đặc sắc riêng của nó. Thuở ban đầu khai phá đòi hỏi chúng tôi phải nỗ lực, nhưng rồi sau đó khi thơ tự do đã là một sự kiện bình thường trong văn học rồi thì còn có điều gì phải nói nữa đâu?!

- Anh có phát biểu "Thơ không thể nói hết những tình ý của mình? Và đó có phải là lý do anh không làm thơ? Dù bằng thơ, Nguyễn Du đã nói và nói hết nhiều điều...?

- Tôi không nhớ là mình đã phát biểu câu trên vào dịp nào, dù sao thì cũng xin lưu ý là câu trên chỉ áp dụng cho chính tôi mà thôi. Vì quả thật là "dù bằng thơ, Nguyễn Du đã nói và nói hết nhiều điều..."

- Thường thường, anh dựng một truyện dài như thế nào? Khởi điểm nào: đề tài, nhân vật, bố cục,...?

- Đã đành khi dựng truyện bao giờ trong đầu tác giả cũng đã phác sẵn những nét đại cương về đề tài, bố cục, nhân vật, tình tiết... Nhưng kinh nghiệm bản thân cho tôi hay không khí trong truyện linh động chẳng kém gì cuộc sống thực bên ngoài, do đó đề tài có thể chuyển hướng, bố cục có thể chuyển đổi, nhân vật và tình tiết có thể thêm bớt. Vào trường hợp này, nhân vật quả thực có cuộc sống riêng của nó và đôi khi thực sự có uy quyền với tác giả!!

- Kỹ thuật dựng truyện dài của anh có khác khi viết truyện ngắn, hoặc trường thiên tiểu thuyết?

- Tôi nhớ trong tập biên khảo *Văn Học và Tiểu Thuyết*, tôi đã phân tích rõ đặc tính từng thể loại truyện dài, truyện ngắn, kịch... Thể truyện ngắn đòi hỏi công phu nơi người viết nhiều nhất: không một chi tiết nào thừa! Nhất cử nhất động của từng nhân vật trong truyện ngắn đều vụ một tác dụng nào đó: soi sáng câu chuyện, gây không khí câu chuyện, sửa soạn những biến chuyển mới... Những bận tâm phải tùy nghi đối phó đó - thoải mái hơn nhiều khi viết truyện dài.

- Anh nghĩ thế nào về cuộc chiến đã qua? Suy nghĩ này có khác với những thời gian trước không?

- Cuộc toàn dân kháng Pháp sau Cách Mạng Tháng 8-1945, cuộc chiến Nam-Bắc sau cuộc di cư 1954, những cuộc vượt biên sang thế giới tự do từ sau 1975... mỗi biến cố đó dĩ nhiên đều đem lại cho chúng ta những sắc thái suy tư khác nhau.

- Hậu quả của cuộc chiến là sự căm hận. Nhưng, anh có nghĩ đến một tương lai hòa giải và hòa hợp không? (Ở vị trí của người cầm bút).

- Lằn ranh Quốc-Cộng, theo anh, bây giờ còn hiện hữu không?

- Đối với thế giới, vai trò của VNCH khá mờ nhạt trong cuộc chiến vừa qua, kể cả trên phương diện văn chương. Theo anh, đó có phải là một hình thức bất công không? Và, anh có cố gắng nào, để trả lại vị trí xứng đáng cho vai trò VNCH?

- Hậu quả của cuộc chiến nào mà chẳng bàng bạc căm hờn. Người Việt nào mà chẳng muốn hóa giải căm hờn để cùng xây dựng đất nước muôn đời. Nhưng hòa hợp hòa giải ra sao đây? Ai phải bày tỏ thiện chí trước v.v... Vấn đề là ở đó! Giải quyết được vấn đề này là đã mở rộng đường để dễ dàng giải quyết những vấn đề nêu lên trong hai câu hỏi 35 và 36.

- Trong văn chương, anh có nghĩ có biên giới giữa những người cầm bút Việt Nam ở trong nước và ở hải ngoại? Hoặc giữa những người ở miền Nam và ở miền Bắc?

- Văn chương Việt Nam là văn chương Việt Nam! Đơn thuần chỉ có vậy! Những người Việt miền Bắc, người Việt miền Nam, người Việt quốc nội, người Việt hải ngoại phản ánh những gì đã xảy ra qua lăng kính *cá-tính-văn-chương* của từng người. Cả nền văn chương Việt Nam nói chung do đó mà có được sắc thái lung linh phong phú. Tôi hiểu *biên giới* trong câu trên là như vậy.

- Anh đã cầm bút ở cả hai thời kỳ trước 1975 ở miền Nam và sau 1975 ở hải ngoại. Vậy anh có thể cho một vài nhận xét cũng như so sánh về 2 nền văn học này?

- Tôi cũng có dự định viết hồi ký đấy, nhưng cũng chỉ mới là dự định thôi!

- Có người cho rằng văn học Việt Nam ở hải ngoại là nền văn học miền Nam trước 1975 nối dài. Theo anh, nhận xét này có chính xác không?

- Chỉ biết là hiện giờ hãy tạm nghỉ ngơi một thời gian. Rồi sau này nếu có đề tài, nếu có cảm hứng thì viết. Nhưng tôi vẫn nghĩ là với những gì mình đã viết xong trước đây, với tuổi tác này - trên thất thập cổ lai hy rồi - thì nên nhường môi trường cho tuổi trẻ là đúng!

- Anh đã có một thời gian ở trong nước khá lâu. Vậy, xin anh cho một vài nhận xét về văn học ở trong nước sau 1975 với bộ môn văn xuôi, thơ, biên khảo...?

- Vẫn như trên đã nói, nếu điều kiện thuận tiện tôi viết *Tùy Bút Hồi Ký*.

- Anh có băn khoăn nào về tương lai của văn học Việt Nam ở hải ngoại? Sẽ suy tàn dần, biến dạng thành một nhánh khác viết bằng ngôn ngữ bản xứ hoặc hội nhập với dòng văn học ở trong nước?

- Với giới trẻ Việt Nam ở đây, ngoài giờ học hỏi hay làm việc, nên tìm hiểu thêm đất nước Việt Nam - lịch sử, danh lam, thắng cảnh quê hương mình và cố gắng tối đa trong việc duy trì được ngôn ngữ Việt Nam.

- Một ngày của nhà văn Doãn Quốc Sỹ?

- Một ngày của tôi gồm: đi đây đi đó thăm cảnh, thăm bạn; nếu ở nhà thì đọc báo, đọc sách, hoặc vui với con cháu.

48/ *- Hồi trẻ anh rất nhiều mơ ước. Qua cuộc đời biến động đổi thay, anh còn mơ ước nhiều không?*

- Hồi trẻ thì mơ ước đội đá vá trời, về già thuần thục hơn biết vui với những gì mình có - vẫn mơ ước đấy nhưng với những gì vừa tầm tay của tuổi già. Khi cần thì đóng góp lời khuyên, đóng góp kinh nghiệm, thiện chí, nhưng biết nhường quyết định tối hậu cho giới trẻ hăng say và sáng suốt hơn mình.

- Sau cùng, nhà văn Doãn Quốc Sỹ có muốn nói thêm điều gì với độc giả?

- Trả lời gần hơn 40 câu phỏng vấn trên, tôi như một cầu thủ quá già bao một vòng sân quá rộng! Cạn lời hết ý rồi, chẳng còn gì để nói thêm nữa anh bạn trẻ ạ!

NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*

THẾ KỶ 21
tạp chí ra hàng tháng

Chủ nhiệm: PHẠM PHÚ MINH
Chủ bút: VƯƠNG HỮU BỘT

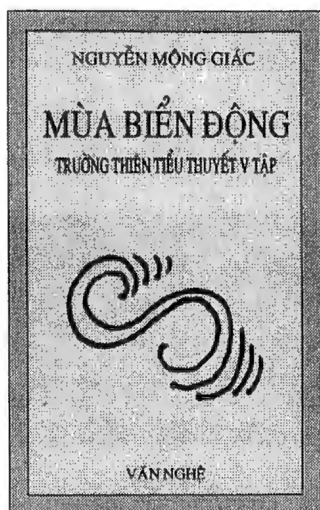
Nhóm chủ trương:
đỗ quý toàn. đỗ ngọc yến. hà tường cát. hoàng ngọc tuệ
lê đình điểu. lý văn chương. ngô mạnh thu. phạm phú minh
phan huy đạt. tống hoằng. trần đại lộc. trần văn ngô

11022 Acacia Pkwy # A, Garden Grove, CA 92840
Tel: 714-638-9510. Fax: 714- 638-1944
E-mail: theky21@kicon.com
WWW homepage: http://kicon.com/theky21



NGUYỄN HỮU LÊ

CẢM QUAN LỊCH SỬ TRONG MÙA BIỂN ĐỘNG CỦA NGUYỄN MỘNG GIÁC.



Nói đến cảm quan lịch sử người ta thường hay liên tưởng đến tư duy chính xác, khách quan trong cách tiếp cận những sự kiện lịch sử của chủ thể sáng tạo. Tuy nhiên, cảm quan lịch sử không thể đánh đồng với những kiến thức xã hội-sử bằng tư duy chính xác mặc dù tư duy chính xác là điều kiện cần có của một tác phẩm văn chương được sáng tạo trên cơ sở một "phông" lịch sử . Dựa vào tư duy chính xác thuần túy "sử quan" tác giả bước đầu xác lập được trong công chúng độ tin cậy của những điều được trần thuật kể cả dưới dạng hư cấu. Chính Nguyễn Mộng Giác đã ý thức rất "chín" về vấn đề này nên ông đã bỏ nhiều thời gian và công sức cho những thao tác chuẩn bị "ngoài văn chương". " ...khi viết cuốn 3 *Mùa Biển Động* (Tác giả viết) tôi đã phải dựa rất nhiều vào cuốn "*Battle For The Tet 1968*" của Keith William Nolan cùng tài liệu quân sử Việt Nam cộng hòa. Đọc sách sử để viết sử khác với đọc sách sử để viết tiểu thuyết. Điều tôi cần không phải chỉ là các sự kiện, diễn tiến của lịch sử, mà quan trọng hơn cho tiểu thuyết là các chi tiết của đời sống con người lúc đó, cái không khí tâm tình lúc đó. Những chi tiết tầm thường bị sử gia vứt đi, nhiều lúc lại cần cho tôi." (1858) Những *chi tiết tầm thường* chẳng hạn như cách trang phục của các loại binh chủng Việt Nam cộng hòa, cách xưng hô theo quân lệnh. các thang chức cấp hàm của hệ thống quân sự và dân sự vv... đều được tác giả đặc biệt chú ý.Tóm lại , đó là những kiến thức của tư duy chính xác trong quá

trình hư cấu nghệ thuật những sự kiện lịch sử.

Tuy nhiên, những loại kiến thức lấy theo tiêu chuẩn chính xác kể trên không thay thế được khả năng khái quát tổng hợp, hư cấu các nhân vật và bối cảnh lịch sử của chính tác giả và vì thế nó sẽ chẳng là gì cả nếu thiếu vắng vai trò của chủ thể sáng tạo. Trong *Mùa Biển Động* có một loại "kiến thức" khác,quan trọng hơn nhiều, đã tạo nên được sức hấp dẫn và lôi cuốn đặc biệt của tác phẩm, đó chính là cảm quan lịch sử của chủ thể sáng tạo. Chính cái cảm quan này đã tạo ra được hiệu ứng thẩm mỹ nhiều chiều của tác phẩm.

Chiều thứ nhất: Từ tính cách ứng xử và hành vi của những nhân vật trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào tiến trình lịch sử để làm nổi bật diện mạo, thần thái lịch sử của một thời đại.

Chiều thứ hai: Đến lượt mình , các sự kiện lịch sử là phép thử chuẩn xác nhân cách của con người, là điều kiện để nhân vật bộc lộ hết tính cách. Từ đó làm nổi bật lên ý tưởng nhân văn mà tác giả tâm đắc.

Việc chia tách kể trên là thao tác bất khả kháng và vì thế không thể không thừa nhận tính tương đối. Trong thực tế, có những cấu trúc thẩm mỹ của tác phẩm khó lòng chia tách một cách giản đơn.

*

Bắt tay vào thiết kế bộ trường thiên tiểu thuyết này, Nguyễn Mộng Giác buộc phải đứng trước những thao tác lựa chọn và phân biệt: Đó là sự lựa chọn và phân biệt giữa *sự kiện lịch sử và sự kiện văn học.* Sự kiện lịch sử thường được khai thác ở khía cạnh *tính trọng đại*, ở khía cạnh *cắm mốc.* Trong khi đó , sự kiện văn học lại thường được khai thác ở tính *chi tiết, tiểu tiết*, nhưng nêu bật được sắc thái nhân cách , cá tính. Đó là sự lựa chọn và phân biệt giữa *nhân vật lịch sử và nhân vật văn học*. Một bên thường được khai thác ở vai trò thúc đẩy lịch sử, ở vị trí đóng vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử và bên khác là con người được đặc tả ở khía cạnh đời thường, nhưng đồng thời là con người biết nghiền ngẫm đánh giá các vấn đề lịch sử thông qua thước đo của ý nghĩa nhân bản. Và cuối cùng là sự phân biệt giữa những *vấn đề lịch sử và vấn đề nhân bản.* Một bên hướng về sự phân tích rành rẽ nguyên nhân thành công thất bại theo lý lẽ của nhà chép sử và bên khác triệt để khai thác *tính không rành mạch , tính nghịch lý, tính không cắt nghĩa nổi* của các hiện tượng lịch sử.

Sự lựa chọn này chịu sự ràng buộc không thể khác được của *ý tưởng nhân bản* mà tác giả tâm đắc. Ý đồ này lộ rõ trong cách lựa chọn nhân vật trung tâm của bộ trường thiên tiểu thuyết. Nhân vật chính không phải là một nhân vật *đóng vai trò lịch sử quan trọng* ngoài đời mà chủ yếu là nhân vật có khả năng *nghiền ngẫm sự thế nhân sinh* . Ngữ, một nhà văn, một người cầm súng bất đắc dĩ đã đóng xuất sắc vai trò này.

Khi nhìn vào các biến cố lịch sử, ngoài việc tô đậm, kéo dài số trang cần thiết cho những sự kiện đặc biệt như sự kiện Mậu Thân ở Huế, Đà Nẵng, cuộc rút chạy thê thảm năm 1975 của quân lực Việt Nam cộng hòa, tác giả đặc biệt chú ý đến *những bí ẩn lịch sử* không thể cắt nghĩa một chiều. Cái trắc ẩn nhân sinh có trong sự giằng xé giữa cái lầm lạc đớn đau của kinh nghiệm chiến trường lẫn khí thế kiêu hùng trong các cuộc phối hợp quân lực Việt Mỹ để chiếm lại cố đô Huế. Cái chết thê thảm của những thường dân Huế trong tết Mậu Thân được tác giả đặc tả và phân tích một cách sâu sắc. Phía *bên kia* chẳng ai xa lạ mà là những Tường, những Ngô, những *du kích* quê mùa hiền lành. Họ không phải là những tên giết người chuyên nghiệp theo quan niệm của các nhà *tâm lý chiến* đương thời. Nhưng làm sao cắt nghĩa nổi cái nghịch lý: - Chính họ chứ không phải ai khác đã xả súng vào đám đông bị lừa hoặc cố ý làm ngơ trước hành vi man rợ đó.

Cái nghịch lý đầy bí ẩn có trong cuộc suy sụp khổng lồ của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa năm 1975. Trên cửa biển Thuận An, cuộc tranh chạy cầu sống một cách ngu xuẩn của quân đội khác nào bầy kiến vô tri trong lòng chảo nóng.Cái binh chủng kiêu hùng nhất của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, binh chủng Thủy quân lục chiến, lại nhân danh binh chủng để cướp đi mạng sống của đồng đội vì vị trí "ưu tiên" rút chạy. Họ thản nhiên nã súng vào gáy những người lính *ngoài binh chủng*. Hành động tuyệt vọng đó chỉ đạt được một điều duy nhất là để có được cái chết chậm hơn sau đó chút ít. Tranh nhau sống để rồi buộc phải chết, cái đám đông cuồng loạn đó quên đi một điều giản đơn: Thay vì xả súng vào nhau họ có thể kề vai sát cánh làm thay đổi cục diện cuộc chiến. Nhưng giả định có khả năng trên đã không xảy ra. Rốt cuộc, sau khi đã bị giết thê thảm, hoặc tự sát tập thể, những kẻ sống sót mới phát giác ra rằng những con người làm mưa làm gió bên kia chiến tuyến trang bị sơ sài và có số quân ít hơn họ h chục lần.

Những trường hợp tương tự như thế đã xẩy ra trong cuộc rút chạy khỏi cao nguyên của các binh chủng chính quy bị cấp chỉ huy cao nhất phản bội. Nguyễn Mộng Giác đã tỉnh táo mổ xẻ phân tích tâm trạng và hành xử đầy mâu thuẫn của đội quân khổng lồ thất trận. Trong cuộc tranh chạy, cướp sống, có cái hèn hạ bên cạnh cái hy sinh cao cả; cái hỗn quân hỗn quan bên cạnh khả năng tổ chức kỷ luật; cái cạnh tranh sinh tồn bên cạnh cái đùm bọc sẻ chia đầy nhân tính.

Nhìn vào đâu , trong những trang viết bi thương và kiêu hùng của Nguyễn Mộng Giác ta cũng thấy hiển hiện những nghịch lý lịch sử. Nghịch lý lịch sử có trong những người lính nã súng vào nhau tranh sống cũng đồng thời là những đồng đội ôm vòng tay nhau cùng chia một quả lựu đạn trong phút lâm chung. Nghịch lý lịch sử có trong nỗi cô đơn của đại úy Thường, của đại tá Thanh, của Ngữ... trước tệ tham nhũng đang từng bước làm rệu rã suy sụp chế độ. Nghịch lý lịch sử có trong cái chết của thượng sỹ Hạp, chết vì tình

thần trách nhiệm mà oan khuất đau đớn vì không hứng đạn từ kẻ thù mà là từ phía đồng đội phản bội. Nghịch lý lịch sử có trong Tường, một con người phải trả giá đớn đau cho sự ngộ nhận lý tưởng... Còn vô số những ví dụ khác không thể kể hết trong một bài báo.

Nghịch lý lịch sử có trong những kẻ nhân danh "chiến thắng", có thể nói như thế nếu Nguyễn Mộng Giác không kết thúc bộ trường thiên ở tập 5.

*

Nhìn từ lát cắt ngược lại, ta sẽ thấy ý đồ sử dụng "phông" lịch sử để đặc tả cá tính nhân vật trong bộ trường thiên của Nguyễn Mộng Giác. Một hiện tượng đáng chú ý là sau khi bộ trường thiên lần lượt ra mắt công chúng, Nguyễn Mộng Giác đã nhận được rất nhiều lời *chỉ trích, chửi bới*. "Ngay tại nơi tôi ở (lời tác giả) một tờ tuần báo mở chiến dịch công kích tác phẩm và tác giả suốt nhiều tháng liền, vị hoạ sỹ tổng thư ký còn vẽ tranh biếm họa nhiều kỳ in ngay trang bìa. Một dịch giả lão thành viết hai bài chỉ trích tác phẩm..." Lý do , theo tôi không chỉ ở chỗ Nguyễn Mộng Giác đã vô tình *bôi xấu thần tượng của họ*. Chính Lỗ Tấn cũng đã từng bị quy kết và cũng phải "thanh minh" là những nhân vật biếm hoạ của ông không nhằm ám chỉ một ai khác ở ngoài đời. Phạm Thị Hoài bị chửi vì các vị *"trí ngủ"* soi thấy quá rõ chân dung biếm họa của mình. Điều quan trọng không phải ở vài chi tiết trùng hợp ngẫu nhiên của tên tuổi nhân vật, thời điểm xảy ra sự kiện v.v... mà cái lý do chủ yếu nằm sống của nhân vật hư cấu. Nhân vật hư cấu khi đã được xây dựng thành đạt về mặt cá tính thì rất nhiều tầng lớp độc giả khác nhau hoặc ít hoặc nhiều đều soi thấy bóng mình trong đó. Hơn thế nữa bối cảnh lịch sử và những kinh nghiệm xã hội, kinh nghiệm tâm lý có trong *Mùa Biển Động* đều là những kinh nghiệm sống đau đớn còn nóng hổi trong tâm khảm của hàng triệu ngườiViệt di tản.

Chính hoàn cảnh bắt buộc sự lựa chọn bất khả kháng đã làm bật nổi cá tính nhân vật.

Công bằng mà nói, bối cảnh 20 năm lịch sử mà tác giả lựa chọn cho các nhân vật của mình hoạt động không phải lúc nào cũng là biến cố đặc biệt. Có những khoảng êm đềm của xã hội miền Nam trong thời kỳ phôi thai nền cộng hoà trẻ tuổi. Dân chúnghồ hởi xây dựng cuộc sống mới. Những thay đổi nội các từ bên trên qua các đời tổng thống chỉ như những tiếng sấm âm ỉ báo cơn giông, không gây xáo trộn lớn trong cuộc sống thường nhật.

Những đợt sóng ngầm chưa làm nên *mùa biển động*, nhưng mầm tai hoạ đã hé ra từ đó. Những cuộc tranh chấp trong nội bộ các giáo phái miền Nam đã có bàn tay lông lá từ bên ngoài vỹ tuyến 17 thò vào. Thời điểm đó, những Tường (người hùng của Phật giáo), những Nam, Ngô, Ngữ... chưa ai kịp nhận ra những thế lực chính trị đen tối đằng sau các sự kiện ngẫu nhiên.

Cuộc sống thanh bình tạm thời bị đe doạ thôn tính bởi mầm mống chiến tranh ý thức hệ. Đơn vị gia đình, đơn vị huyết thống bền vững của cộng đồng người Việt ở miền Nam có nguy cơ bị băm xé vì chiến tuyến ý thức hệ. Trong 3 gia đình có quan hệ thân hữu với nhau mà Nguyễn Mộng Giác lựa chọn đã chứa mầm tai họa, ly tán từ những thành viên trong nhà. Tường đã chia tay quan hệ huyết thống, tình yêu để chọn lý tưởng. Ngô và phần nào đó là ông Bổng trở thành đối tượng *giác ngộ cách mạng*. Ngữ là người lính cầm bút, là đối tượng nguy hiểm theo cách nhìn của *cách mạng*. Diễm em Ngô trở thành loa phát ngôn của phía Quốc Gia. Nói tóm lại mỗi con người trong Mùa Biển Động không nhiều thì ít đều có một *thân phận lịch sử* và một con người *đời thường*.Cuộc xung đột trong mỗi con người, mỗi gia đình, dòng họ trong thế lựa chọn lịch sử đã góp phần làm nổi bật cá tính của từng nhân vật.

Con người ý thức hệ đã trói con người huyết thống, đạo lý của Tường trong Tết Mậu Thân trước cái chết được báo trước của ông Văn. Tường đã hèn hạ tự dối lòng để viết những bài báo chửi tác phẩm của Ngữ để lấy lòng cấp trên. Cả Tường và Ngô trở thành đồng lõa cho những kẻ giết người đồng loạt ở miền Trung. Tường vô trách nhiệm trước người yêu và con. Cuối tác phẩm, người hùng năm xưa trong Tường đã biến mất, nhường chỗ cho một Tường khác vừa nhút nhát vừa yếu đuối. Trong một hoàn cảnh đưa đẩy khác, Diễm có sự giằng xé tay ba giữa con người cơ hội, lý trí và con người tâm hồn, yêu hết mình, một con người vừa tôn thờ vật chất, tiền bạc vừa biết khinh bỉ và ngạo nghễ trước tiền bạc. Trong cuộc đời Diễm luôn chịu sự thách đố giữa cái được và cái mất. Con người luôn ngạo nghễ trước chiến tích ấy đã nuốt nước mắt tuyệt vọng trước con số không của đời mình trên đường lưu lạc viễn xứ.

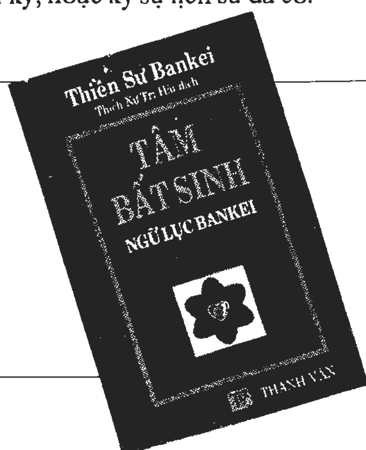
Ngữ thuộc loại nhân vật có tính cách khá khép kín, ổn định trước sự đưa đẩy của thời cuộc. Dường như Nguyễn Mộng Giác tỏ ra tâm đắc với cái nhu mì hồn hậu, ít thích biểu lộ ra ngoài của nhân vật này. Ngữ biết yêu nhưng không cuồng nhiệt đến mức cần có. Vừa phải lòng người yêu vừa phải lòng vợ và sợ vợ. Say nghiệp văn nhưng không cay cú ăn thua trước danh vọng. Kém thích nghi trước biến đổi thời cuộc nhưng lại có cách nhận thức phân tích thời thế khá sắc sảo. Đặc tính thụ động và *chịu đựng* lịch sử của nhân vật trung tâm này một mặt làm tăng sức thuyết phục của độ tin cậy trong quá trình *phân tích* những biến cố lịch sử, mặt khác làm hạn chế khả năng "soi mói", "thóch mách" những tầng sâu kín bí ẩn của thế giới đời thường. Ngữ chỉ đủ sắc sảo để triết lý những vấn đề chung cuộc nhưng lại tỏ ra vụng dại trước "chợ đời". Anh ta chỉ là con người sinh ra để được "bao cấp" nên chỉ sâu sắc sau khi đã gặt hái hậu quả và nghiền ngẫm thất bại. Vì thế Ngữ là loại nhân vật mang tính lưỡng đôi, mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực làm phương hại đến khả năng khám phá chiều sâu của cuộc sống của tác phẩm. Ngược với tính cách của Ngữ, cậu em trai bán trời không văn tự có tên là Lãng

thường thích nghi rất nhanh trước mọi tình huống. Hắn có cái phong thái giang hồ hảo hớn, lãng tử của các tay chơi đầu gấu. "Là lính cựu nhưng không cấp bậc gì vì bị phạt qúa nhiều" nhưng trong đơn vị Lãng "được những bạn đồng ngũ xem như anh cả". Thời thế cùng quẫn, Ngữ loay hoay không tìm ra kế sinh nhai trong khi đó Lãng đã ngông nghênh lên mặt anh chị ở chợ trời Sài Gòn, kiếm được đồng ra đồng vào rủng rỉnh.

Nếu như các tập trước, chiến tranh và loạn lạc đã đặt con người trước sự lựa chọn căng thẳng giữa cái sống và cái chết nhưng ít ra ngoài những khoảnh khắc đó họ vẫn có cơ hội để sống như là những con người. Sang tập 5 , tập *Tha Hương* một loại tai họa mới đã trùm lên toàn xã hội: Đó là không khí ngột ngạt, căng thẳng của các chiến dịch thanh trừng *độc hại* củacái gọi là *sản phẩm văn hóa đồi trụy*. Chiến tranh bằng quân sự đã kết thúc nhưng những đòn thù về ý thức hệ mới chỉ bắt đầu. Một không khí nghi kỵ lẫn nhau, cảnh giác lẫn nhau truyền nhanh như bệnh dịch. Người dân đã bị tước hết kế sinh nhai lại còn bị khủng bố về mặt tinh thần. Các loại nhân vật "chỉ điểm" văn hóa trong giới trí thức không chỉ quan tâm đến những địch thủ cũ kiểu Ngữ, Diễm mà còn không kiêng tha ngay cả những kẻ có công với họ như Tường, Ngô... Đến đây cá tính của các nhân vật đành chịu bị đè bẹp, nhường chỗ cho lối sống "mặt nạ" của con người *công cộng*. Đến đây con người bị đẩy đến một tình thế lựa chọn bi đát nhất nhưng không thể khác được: đó là làm mồi cho cá mập hay được tự do. Nguyễn Mộng Giác đã kết thúc bộ trường thiên bằng cái chết của Ngữ, nhưng không phải làm mồi cho cá mà vì những viên đạn hận thù từ tay những kẻ nhân danh "chiến thắng".

Đọc ngót 1800 trang của bộ trường thiên, khi đã rời các con chữ, nhân vật, cái sâu lắng còn lại trong tôi chính là cách *nghiền ngẫm sự đời, biến cố bể dâu thăng trầm* của chính tác giả. Đó chính là *cảm quan lịch sử* nhìn từ phía *nhân bản* của Nguyễn Mộng Giác. Từ cách nhìn đó, diện mạo lịch sử không những được tái hiện sống động dữ dội mà còn *thật* hơn cả những trang hồi ký, hoặc ký sự lịch sử đã có.

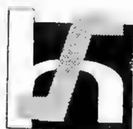
NGUYỄN HỮU LÊ



THIỀN SƯ BANKEI
(Thích Nữ Trí Hải *dịch*)

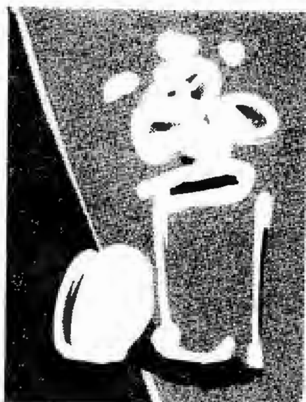
TÂM BẤT SINH
NGỮ LỤC BANKEI
Giá 12MK. Đã phát hành khắp nơi

THANH VĂN 1997.



NGUYỄN TRẦN PH.

TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



NHÀ VĂN ÚC ĐÓI THÊ THẢM

Năm ngoái, Hợp Lưu đã tường trình về hoàn cảnh tài chánh của các nhà văn Mỹ. Và bây giờ thì biết được thêm rằng nhà văn Úc như dường còn sống khốn khó nhiều lần hơn, theo tường thuật dưới đây của Jane Sullivan, người viết trên Global rằng: "Các nhà xuất bản đang phát triển thêm. Nhưng ai đang kiếm ra tiền? Chắc chắn không phải bọn nhà văn chúng ta."

Gabrielle Carey là một nhà văn toàn thời gian, thành công và được ngưỡng mộ. Bà đang viết cuốn thứ năm. Bà đã có hình in trên các báo: ai cũng nghĩ rằng bà phải giàu lắm. Nhưng năm ngoái, bà chỉ kiếm được có 10,000$.

Mới đây, bà viết thư cho các ông chủ xuất bản, yêu cầu gửi về tiền họ còn nợ bởi vì con bà đang đói và cô con gái lớn phải đi kiếm thêm với việc chùi ống khói. Vâng, bà đang đùa—nhưng không chỉ có thế.

Bà nói, "Có nhiều tuần lễ tôi không hề đi ra mua sắm gì, và chúng tôi sống với tất cả những gì còn chứa trong tủ nhà bếp, chờ đợi chi phiếu sắp tới. Người ta nghĩ rằng nhà văn có một nguyồn thu nhập thường xuyên bí mật và bất cứ gì chúng tôi thu về với tác quyền là bề mặt của nó. Họ không hiểu rằng một chi phiếu tác quyền phải gồng gánh chi phí cho nửa năm."

Carey cũng sống sót được. Phần thừa kế từ ông bố cho bà mua một căn nhà ở Sydney. Người bạn tình Max lại có nhiều khả năng trong việc đi tìm và sử dụng lại những thứ hàng đã quăng bỏ. Nhà cầu của họ phải chế lại từ một lối sau. Mọi thứ trong văn phòng và cả trên người bà đều mua về từ tiệm bán đồ cũ; chỉ có đôi giày là mua mới. Bà nói, "Tôi cứ phải mặc trang phục cũ mèm sửa lại với những đôi giày tử tế thôi."

Rồi thì bà làm cả những việc khác như nghề giáo, làm nghiên cứu viên hoặc đôi khi ký giả. Bà đã biên tập và có bài cho các tập tuyển văn chương. Bà lộ căm thù thấy rõ với nhân viên các hãng đòi nợ, bực dọc kỳ kèo các ông chủ xuất bản phải trả cao hơn và thực hiện điều bà xem như là các thương lượng tử tế. "Khi còn trẻ, tôi đã có thể ký vào bất cứ thứ gì. Bây giờ thì tôi phải tính toán và chiến đấu tới cùng."

Chiến đấu dĩ nhiên có giá của nó. Carey nổi tiếng vào năm 20 tuổi với cuốn Puberty Blues, đồng tác giả với Kathy Lette. Gần 2 thập niên sau, bà đã có đủ gánh nặng để phải chạy theo tiền và đang phải nghĩ tới kế đi tìm việc văn phòng bán thời gian.

Điều làm bà mệt mỏi nhất là phải giải thích cho mọi người rằng khi một cuốn sách tung ra thị trường thì người kiếm về ít nhất chính là tác giả. "Khi bạn đang vật vã kiếm tiền để sống còn, và bạn nghe rằng các nhà xuất bản mở thêm các văn phòng mới với bản ghế đủ kiểu đẹp đẽ và các ông giám đốc lương cao đi ăn tiệm xa hoa, điều này làm bạn điên tiết lên được."

Người ta còn ưa nói đùa rằng bạn không nên mời bọn nhà văn tới dự bữa tiệc ấn hành sách—bởi vì bọn nhà văn sẽ ngốn hết thức ăn và sẽ nốc sạch rượu vang. Carey nói, dĩ nhiên là phải ăn uống hết mình chứ, bởi vì đó có thể là cơ hội cuối cùng họ có thể có.

Khi David Malouf thắng giải Dublin Literary Award 200,000$ (LND: bản tin không ghi rõ là Mỹ Kim hay Úc Kim) hồi năm ngoái, ông được tờ Business Review Weekly đưa vào danh sách những nghệ sĩ lương cao. Thu nhập của ông năm 1996 được ghi là 500,000$, vượt xa Tim Winton (250,000$) và Thomas Keneally (200,000$). Trên tận cùng thang lương, nhà văn kiếm tiền nhiều nhất ở Úc là Bryce Courtenay, người kiếm được 1.2 triệu.

Những trường hợp lương cao như vậy đã đưa tới một huyền thoại phổ biến rằng viết sách, ngay cả khi viết thứ tiểu thuyết văn chương nghiêm chỉnh, là một nghề hốt bạc. Nhưng Kate Veitch, một tư vấn tại National Books Council, nói rằng các nhà văn làm giàu nhờ nghề viết thì rất hiếm. Người ta ước tính rằng hầu hết nhà văn Úc kiếm được khoảng từ 5,000$ tới 11,000$ một năm nhờ tác phẩm—và không phải năm nào cũng vậy, bởi vì hoàn tất một cuốn sách nhiều khi phải tốn nhiều năm.

Veitch nói, "Đấy là những nhà văn thiện chiến, không phải thứ dởm tay ngang tay trái. Đó là những người mà đất nước chúng ta đang nương tựa vào cho tài sản văn hóa."

Câu chuyện bây giờ đang tệ hơn nữa. Một trong những nhà văn được kính trọng nhất của Úc, Frank Moorhouse, nói rằng nền kinh tế văn chương đang gặp khủng hoảng. Mười năm trước, mỗi năm có khoảng 1,500 tựa sách xuất bản tại Úc, bây giờ con số này là 4,000. "Như vậy sẽ tốt cho độc giả và các nhà xuất bản và cho tất cả mọi người liên hệ—chỉ trừ tác giả. Mặc dù thương vụ sách nhìn chung rất lớn, nhưng thương vụ cho từng cá nhân một lại

xuống."

Trong khi đó thì chính phủ cũng không chịu nương tay cho giới cầm bút. Nhà nước đã cắt ngân khoản 1.2 triệu trong 2 năm tới từ ngân sách Public Lending Right (PLR), một cơ quan trả tiền cho các nhà văn để được sử dụng tự do tác phẩm của họ trong các thư viện công cộng.

Các nhà văn trước giờ vẫn nổi tiếng là những công nhân thiếu các hoạt động công đoàn. Nhưng đôi khi họ không chịu đựng nổi nữa. Mới hôm thứ tư cuối tháng 4.1997, khoảng 100 nhà văn (gồm cả những tác giả số một như nhà thơ Judith Wright và Dorothy Hewett) đã kéo tới National Press Club ở Canberra để bày tỏ phẫn nộ trước việc cắt quỹ PLR. Họ cử hành một lễ ném sách vào các thùng rác để cho thấy cách nhà nước cư xử tệ hại với nhà văn và văn học.

Với giá khoảng 1$ một cuốn sách, cơ quan PLR không làm ai giàu được, nhưng nó có thể góp tới 1/3 mức thu nhập một nhà văn. Nhưng điều xúc phạm các nhà văn nhiều nhất chính là quy định mới, theo đó PLR sẽ không còn trả tiền cho những cuốn sách có ấn bản đầu in từ 25 năm trở về trước. Có nghĩa là những nhà văn cao niên như Ruth Park và Thea Astley sẽ không còn nhận được tiền thư viện từ các tiểu thuyết cổ điển của họ. Nghĩa là mức thu nhập dựa vào PLR sẽ cứ từ từ teo lại.

Còn về tác quyền thì, cứ mỗi cuốn sách bán được, nhà văn nhận khoảng 10% giá bán (thấp hơn cho loại bìa mềm). Các chi phiếu tác quyền được trả 2 lần một năm, thường là nhiều tháng sau khi cuốn sách bán được.

Như vậy cũng được đi, nếu bạn là nhà văn bán chạy. Nhưng một tác giả của một cuốn tiểu thuyết mà nhiều người ca ngợi với giá bán 25$ có thể hy vọng bán tối đa 5,000 cuốn—nghĩa là sẽ kiếm tiền tác quyền khoảng 12,500$.

Một mức thu nhập nhỏ có thể đến từ PLR, nhưng lại có nhiều cách sử dụng sách mà nhà văn không kiếm được xu nào: cho gia đình và bạn hữu mượn đọc, hoặc bán ra tiệm sách cũ.

Còn một huyền thoại phổ biến nữa là các tác giả trúng lớn nếu tác phẩm của họ được quay thành phim. Đó cũng là chuyện hiếm hoi. Nhà đại lý văn chương Fran Bryson vùng Melbourne nói rằng nếu một nhà sản xuất chọn một tiểu thuyết, nhà văn có thể kiếm vài ngàn đồng. Và nếu phim thực sự được quay, tác giả có thể nhận trong khoảng từ 20,000$ tới 400,000$. Nhưng thường thì cứ mỗi 50 sách được chọn thì chỉ có một cuốn trở thành phim.

Điều kỳ dị còn là, người ta thường sẵn sàng trả tiền cho các nhà văn nổi tiếng cho đủ loại hoạt động—chỉ trừ chuyện viết sách.

Frank Moorhouse nói, "Nghịch lý chính là nếu tôi bỏ nghề viết sách và chỉ làm những chuyện liên hệ tới việc viết sách, tôi sẽ kiếm tiền khá hơn nhiều. Người ta liên tục cứ mời tôi diễn thuyết, viết những bài ý kiến, biên tập các tuyển tập và đủ thứ linh tinh khác mà tiền lương cao hơn nghề viết xa. Và cứ vậy, những chuyện này chiếm hết thì giờ và ngăn chặn những gì tôi

nên làm."

Cũng may còn tiền tài trợ. Cơ quan Australia Council tặng thưởng và công nhận những nhà văn xuất sắc bằng cách giúp họ có thì giờ để viết. Năm ngoái, cơ quan đã chi tổng cộng 1.2 triệu tiền hiến tặng cho 38 nhà văn và vẫn đang yểm trợ 68 nhà văn khác xuyên qua các khoản văn bổng (fellowship) nhiều năm. Các tiền hiến tặng năm 1996 ấn định từ mức 5,000$ cho tới 6 văn-bổng mới 80,000$ trải dài trong 2 năm.

Frank Moorhouse nói rằng cái quan điểm "méo mó"—rằng bất kỳ tác giả nào thắng giải hay được hưởng văn bổng thì phải là khấm khá—vẫn còn thấy bày tỏ. Nhà thơ hàng đầu Les Murray than phiền trong liên hoan Mildura Writers Festival mới đây rằng người ta cứ nghĩ rằng ông có bạc triệu. Thực sự, ông chỉ nhận một khoản tối đa 25,000$ một năm trong thập niên vừa qua.

Đại đa số các nhà văn thì chẳng thắng giải nào cả, và còn có một truyền thống lâu dài tấn công những người trúng giải. Cơ quan Australia Council vẫn thường bị chỉ trích là cứ trao các giải và văn bổng cho phe cánh (mặc dù không ai có ý kiến nào hay ho hơn).

Thiệt sự, khoản văn bổng khổng lồ 80,000$ lại không lớn lao như vậy. Nhà văn Beverley Farmer vùng Victoria đang phải sống tằn tiện, hy vọng khoản văn bổng này sẽ xài đủ cho 6 năm. Hai phần ba khoản tiền nhận được năm nay sẽ phải nộp cho sở thuế bởi vì phần thuế năm ngoái bà còn nợ cộng với phần năm nay rơi đúng vào năm ngân sách này.

Một lần, bà làm việc hầu bàn cho tiệm ăn từ nửa đêm tới sáng, hy vọng có thì giờ ban ngày để viết, nhưng rồi phải bỏ sớm. Bây giờ thì bà phải kiếm sống với diễn thuyết, tiền tác quyền tuyển tập, và tiền bản quyền. "Đây không thực sự là chuyện kiếm sống... Tôi mang ơn khi được xuất bản, ngay cả khi mọi người trong kỹ nghệ xuất bản ai cũng kiếm tiền hơn mình, kể cả cô thư ký pha trà trong văn phòng."

Một nhà văn nổi tiếng, chuyên về truyện trẻ em vừa có một tác phẩm thành công lớn và nhiều tựa sách được ưa chuộng khác, một lần được hỏi về hoàn cảnh tài chánh. Bà nói, "Cũng khá lắm. Tôi có lẽ đang kiếm tiền nhiều tương đương với các lao công dọn vệ sinh trong ngôi trường tôi vừa tới hôm qua."

HỘI THẢO VỀ CUỘC CHIẾN VN

MỘT NHÀ BÁO BỊ CẤM THAM DỰ

Nhật báo New York Times số thứ hai 28.4 đã viết về gián điệp đôi Phạm Xuân Ẩn, người được mời tham dự cuộc hội thảo của Asia Society tại New York vào thứ hai này với tư cách một cựu phóng viên, nhưng đã bị Hà Nội

lặng lẽ từ chối chiếu khán xuất cảnh với không một lý do nêu ra.

Ẩn đã tốt nghiệp đại học ở California và nhiệt tình của Ẩn đối với Hoa Kỳ như dường vô tận. Ẩn đã quen lớn và quen nhiều đến nỗi một vài phóng viên nghĩ rằng Ẩn hoạt động cho CIA. Và tạp chí Time, nơi Ẩn làm việc 10 năm, đã bổ nhiệm Ẩn vào ban phóng viên thường trực, đó là người Việt Nam duy nhất giữ được vai trò như vậy trong một hãng tin lớn của Mỹ.

Một lần, Ẩn đã bí mật thu xếp giúp thả một phóng viên Mỹ bị bắt tại Cam Bốt. Và khi Bắc Quân tới gần Sài Gòn năm 1975, Ẩn đã gửi vợ và 4 con sang Mỹ, và liều lĩnh đưa những người Việt từng hoạt động cho người Mỹ lên chuyến trực thăng cuối cùng rời mái Tòa Đại Sứ Mỹ. Nhưng Ẩn ở lại.

Tới sau cuộc chiến thì Frank McCulloch của tạp chí Time, Stanley Karnow của tờ Washington Post, David Halberstam của tờ New York Times, Morley Safer của CBS News, và các phóng viên khác mới biết rằng người bạn phóng viên của họ, Phạm Xuân Ẩn, trước giờ là điệp viên của Hà Nội: một đại tá CSVN.

Ba thập niên sau một cuộc chiến mà những đam mê trong đó đã giảm trừ tất cả những hiểu biết chỉ còn đen và trắng, một vài cựu phóng viên hôm thứ hai sẽ họp mặt với nhiều cựu chiến binh và nhà ngoại giao tại Asia Society ở New York để thảo luận về di sản Việt Nam. Ẩn, 69 tuổi, hiện là một viên tướng CSVN hồi hưu ở Sài Gòn, sẽ không có mặt ở đây. Ẩn đã chấp thuận lời mời, nhưng hôm chủ nhật đã nhắn ra rằng Ẩn không có thể tham dự.

Trong lá thư gửi ban tổ chức, Ẩn nói về nhu cầu hàn gắn những vết thương thể chất và tinh thần và về nỗi tiếc nuối của Ẩn vì không có thể gặp gỡ những người mà xưa kia ông từng làm việc. Thư không nói tại sao Ẩn không đến. Nhưng ban tổ chức nói rằng họ biết hồi cuối tuần rồi là Ẩn đã bị chính phủ Hà Nội từ chối chiếu khán xuất ngoại.

Karnow, người thắng Giải Pulitzer năm 1990 về lịch sử với cuốn sách "In Our Image: America's Empire in the Philippines," nhận xét như sau: "Ẩn bị xâu xé bởi 2 lòng trung thành. Ẩn trung thành với các bạn phóng viên của Ẩn. Và Ẩn cũng trung thành với đất nước Việt Nam. Ẩn cảm thấy đang thi hành nhiệm vụ yêu nước qua công tác điệp viên, nhưng chúng tôi là bạn của Ẩn, và Ẩn thì ngưỡng phục nước Mỹ. Tôi nghĩa là Ẩn bị xâu xé nội tâm."

Safer đồng ý, và nặng lời chỉ trích Hà Nội—một chế độ mới đây đã có bình thường quan hệ với Mỹ, nói rằng muốn hòa giải và tích cực đi tìm đầu tư, kinh doanh và du lịch từ Tây Phương—vì đã từ chối chiếu khán cho một người từng liều thân nhiều năm để cung cấp tin tức bí mật về các hoạt động quân sự và chính trị Sài Gòn.

Safer, người viết một chương về Ẩn trong cuốn năm 1990 "Flaskbacks: On Returning to Vietnam," công kích CSVN: "Bi hài chính là Ẩn là một nhà yêu nước. Ẩn đã tận lực làm theo lương tâm, và vì vậy họ đã xem Ẩn như một nhân vật nguy hiểm."

Như đã tính nhiều tuần trước, Karnow và Safer, cùng với nhà báo-nhà văn Halberstam, người đã thắng Giải Pulitzer 1964 nhờ các tường trình về chiến trường Việt Nam và đã rời N.Y. Times năm 1967, và Robert Muller, Chủ Tịch Hội Vietnam Veterans of America Foundation, theo chương trình sẽ cùng Ẩn tham dự một diễn đàn về tương lai và di sản Việt Nam trước 300 quan khách vào thứ hai tại Asia Society, trên đường Park.

Cuộc thảo luận là một trong nhiều sự kiện, gồm cả chuyến trao đổi viếng thăm giữa các bác sĩ Mỹ và Việt mùa hè này, và một chuyến đi xe đạp 17-ngày từ Hà Nội tới Sài Gòn cho hàng trăm người đạp xe quốc tế, nhiều người trong này là phế binh Mỹ từ cuộc chiến Việt Nam, vào tháng giêng tới, được bảo trợ bởi World Team Sports, một tổ chức quốc tế có trụ sở chính ở North Carolina.

Stephen Whisnant, giám đốc điều hành World Team Sports, nói rằng một vé máy bay đã gửi tới cho Ẩn và mọi chuẩn bị đã xong, để cho Ẩn tới New York. Nhưng Whisnant nói rằng ông được thông báo tuần trước rằng Hà Nội từ chối cấp giấy xuất cảnh. Không nêu lý do.

Karnow, người giữ nhiệm vụ điều hợp, nói rằng Đại Sứ CSVN tại Liên Hiệp Quốc, Ngô Quang Xuân, đã đồng ý ngồi thế chỗ cho Ẩn, và có thể được hỏi về lý do từ chối xuất cảnh.

Lúc đó là năm 1944, khi mới 16 tuổi, Ẩn và các bạn học gia nhập Việt Minh. Ẩn làm giao liên. Khi người Pháp thua trận năm 1954, và Việt Nam chia đôi, Ẩn tham dự quân đội Miền Nam và sau đó được đưa làm việc chung với Đại Tá Edward Lansdale, viên chức CIA đang chỉ huy chiến dịch bí mật của Sài Gòn chống Hà Nội. Ẩn trở thành gián điệp đôi, nhưng trung thành với Miền Bắc.

Năm 1956, Ẩn rời quân ngũ và tới California, ghi danh học Đại Học Fullerton với học bổng Bộ Ngoại Giao Mỹ. Ẩn làm cho tờ báo sinh viên trong trường, sau đó thực tập ở báo Sacramento Bee và đi vòng quanh nước Mỹ.

Trở lại Sài Gòn năm 1957, Ẩn làm phóng viên bán thời gian cho hãng AP và sau đó cho Reuters. Ẩn cũng tiếp tục hoạt động cho Miền Bắc. Ẩn kể cho Safer: "Công tác thực sự có từ 1960, khi tôi làm cho Reuters. Tôi giữ chức tương đương trung đoàn trưởng. Dĩ nhiên, tôi chưa bao giờ mặc đồng phục và chưa bao giờ mang vũ khí."

Vào giữa thập niên '60, khi người Mỹ đổ quân vào Việt Nam đông hơn, lực lượng báo chí cũng nhiều thêm. Ẩn được thuê bởi McCulloch. McCulloch kể lại, Ẩn có phong thái của một người Việt rất bảo thủ, được hưởng nền giáo dục Mỹ—nguyên thuộc một gia đình địa chủ vùng Cửu Long đã bị Cộng Sản tịch thu ruộng đất.

Ẩn sau đó, đôi khi biến mất trong nhiều ngày nhưng thực sự là đi tường trình tin tức cho các điệp viên CSVN tại Sài Gòn và ở Hố Bò, 10 dặm Tây Bắc cách Sài Gòn. Ẩn nói rằng Ẩn gợi thêm lời đồn Ẩn làm cho CIA để ngụy

trang thêm. Nhưng một lần Ẩn gợi nghi ngờ khi thu xếp để trả tự do cho một phóng viên báo Time người bị bắt bởi CS ở Cam Bốt. McCulloch nói rằng một phóng viên bị bắt và được thả ra, nhưng vai trò của Ẩn không bao giờ được minh xác.

Vào những ngày cuối cuộc chiến, khi Cộng Quân tới gần Sài Gòn, Ẩn với trợ giúp của báo Time đã gửi gia đình sang Mỹ, và chính Ẩn thu xếp cho nhiều người Việt từng làm việc cho người Mỹ trốn thoát, trong đó có cả Bác Sĩ Trần Kim Tuyến, một điệp viên CIA người từng chỉ huy mật vụ. BS Tuyến đã lên chuyến trực thăng cuối cùng từ mái Tòa Đại Sứ Mỹ.

Nhưng Ẩn ở lại. Ẩn kể cho Safer, trong một năm kế tiếp Ẩn phải vào học tập chính trị trong một trại gần Hà Nội dành cho những người Việt có thể "đã bị nhiễm độc vì quá thân cận người Mỹ." Khi Ẩn trở về Sài Gòn, thì vợ Ẩn và các con đã từ Mỹ trở về Việt Nam theo yêu cầu của Ẩn.

Ẩn, một đại tá khi cuộc chiến tàn, sau đó được thăng cấp tướng. Hoàng, người con trưởng, đã học Anh văn tại Pushkin Institute ở Moscow, và trong nhiều năm đã học tại University of North Carolina ở Chapel Hill, với học phí được âm thầm trả bởi một số bạn phóng viên cũ của Ẩn. Hoàng bây giờ là một viên chức Bộ Ngoại Giao CSVN.

Ẩn viết trong thư cho Whisnant về nỗi tiếc nuối không tham dự được: "Tôi nhận thức rằng dự án của quý vị là một điều tốt đẹp giúp chữa trị các thương tật vật chất và tinh thần cho các nạn nhân chiến tranh..." Một thương tật đã tồn tại nơi Ẩn suốt 45 năm. Ẩn chỉ yêu cầu trong thư một điều rằng lời chúc mừng của Ẩn được chuyển tới tất cả, "đặc biệt những người đã quen biết với tôi trong thời chiến và cả thời hậu chiến."

NEA TÀI TRỢ VĂN CHƯƠNG

CỘNG HÒA GÂY SỰ, ĐÒI CẮT TIỀN

Nhà xuất bản loại văn chương tiền phong Fiction Collective 2 (FC2), cũng là nơi nhận tiền tài trợ mới nhất từ cơ quan National Endowment for the Arts (NEA), đã bị lôi ra tấn công trước Quốc Hội Mỹ trong cuộc tranh luận về vấn đề có nên lấy tiền công quỹ tài trợ cho nghệ thuật không. FC2 nhận từ NEA 25,000$ (Mỹ kim) hồi năm ngoái, cũng như một phần trong khoản tiền trợ cấp NEA 524,000$ dành cho Illinois Arts Council.

Dân biểu Peter Hoekstra (CH-Michigan), cũng là chủ tịch Tiểu Ban Điều Tra của Ủy Ban Nhân Lực và Giáo Dục Hạ Viện, chỉ trích 4 cuốn sách mới của nhà FC2 trong một lá thư ký ngày 6.3 gửi cho Chủ Tịch NEA Jane Alexander, nói rằng 4 sách có nội dung tíng dục không thích nghi. Những cuốn này là *S&M* của Jeffrey DeShell, *Blood of Mugwump: Tiresian Tale of*

Incest của Doug Rice, *Mexico Trilogy* của D.N. Stuefloeten, và *Chick-Lit 2* biên tập bởi Cris Mazza, Jeffrey DeShell, và Elisabeth Sheffield.

Thư của Hoekstra trích dẫn một số đoạn từ ba trong các cuốn trên, kể chuyện tra tấn một người bán dâm nam giới, chuyện hiếp một bé gái bởi ông anh và bà chị của chính em, và chuyện hai phụ nữ làm tình bằng mồm. Hoekstra tố cáo rằng bốn cuốn này, nguyên in với khoảng 2,000 ấn bản mỗi cuốn, là "xúc phạm tới cảm thức... của những người dân đóng thuế đã bị buộc tài trợ cho loại văn chương này."

Bà chủ tịch cơ quan văn chương NEA Alexander đã bị gọi ra điều trần trước Hạ Viện để giải thích lý do tài trợ cho kiểu văn chương cấp tiến này. Phát ngôn nhân Cherie Simon của Sở NEA đã khen ngợi FC2 như "một nhà xuất bản uy tín với những tiểu thuyết sáng tạo, phẩm chất văn chương cao. Một lần nữa, người ta lại chỉ trích một nơi đang tạo một diễn đàn cho những người kém thế, gồm cả dân thiểu số và phụ nữ."

Đồng giám đốc FC2 Curtis White kêu gọi Quốc Hội đừng chơi trò kiểm duyệt sách và ông trùm văn hóa: "Vấn đề nơi đây là quyền tự do phát biểu."

PHIM "THƯƠNG NHỚ ĐỒNG QUÊ"
ĐOẠT GIẢI NHẤT TẠI ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH NEWPORT

Phim do đạo diễn Đặng Nhật Minh hợp cùng tác giả Nguyễn Huy Thiệp viết phân cảnh và đối thoại.

Hình ảnh tuyệt đẹp, diễn viên được chọn lựa phù hợp với vai trò. Theo nhận xét chung của khán giả và của các nhà phê bình thì *Thương Nhớ Đồng Quê* đã đạt được tiêu chuẩn quốc tế về văn phạm và ngôn ngữ điện ảnh. Đó là lý do phim được chấm giải nhất trong đại hội điện ảnh Newport trong phân bộ Á châu, đồng hạng với một phim khác của Trung Hoa).

Chúng tôi sẽ trở lại với bộ phim này, chi tiết hơn, vào một dịp khác.

HOA THỊNH ĐỐN:
GIỚI THIỆU HAI TÁC PHẨM MỚI CỦA DU TỬ LÊ

Vào lúc 2 giờ chiều ngày Chủ Nhật 11 tháng 5 vừa qua, tại khiêu vũ trường Galaxy ở Hoa Thịnh Đốn, với sức chứa 300 người, sẽ có một buổi sinh hoạt đặc biệt, chủ đề: *Mùa Xuân, Đọc Thơ, Nghe Thơ và Hát Nhạc Du Tử Lê.* Có tất cả 5 diễn giả sẽ nói chuyện, phân tích về thơ Du Tử Lê, từ cấu trúc văn chương cho tới nội dung tư tưởng; và những nỗ lực cách tân thể lục bát và chủ

trương Hoán Vị một chữ, một nhóm chữ của nhà thơ này qua phương cách xử dụng dấu gạch chéo / slash.

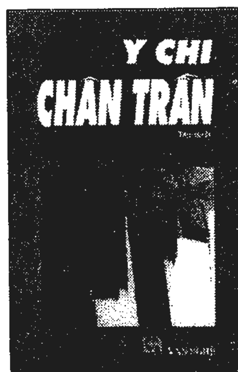
Đặc biệt trong số 5 diễn giả vừa kể, có Khoa học Gia Nguyễn Xuân Vinh, Giáo sư Đại học Michigan, đến từ Michigan. Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh sẽ phân tích về vai trò của dấu gạch chéo / slash của Du Tử Lê, trong nỗ lực để người đọc thực sự trở thành tác gỉa thứ hai. Nhà báo Hoàng Dược Thảo, đến từ Nam Ca Li. Hoàng Dược Thảo sẽ nói về đời sống bằng hữu, mặt khuất lấp, thuộc đời sống riêng, nhưng cũng rất quan trọng trong sáng tác của Du Tử Lê. Nhà báo Trần Văn Thế sẽ nói về dấu phết và những chữ và trong thơ văn của tác giả có những câu thơ đã trở thành ngạn ngữ như Ở chỗ nhân gian không thể hiểu với hay Đi với về cũng một nghĩa như nhau...

Ban tổ chức cũng cho biết thêm, sẽ có tất cả 6 bài thơ và 7 bài thơ phổ nhạc của các nhạc sĩ như Phạm Đình Chương, Anh Bằng, Từ Công Phụng, Hoàng Quốc Bảo, Đăng Khánh và Ngô Tín phổ từ thơ của nhà thơ này được trình diễn.

Trong buổi sinh hoạt này, ba tác phẩm của Du Tử Lê sẽ được giới thiệu đó là các cuốn: *Thơ Tình / Love Poems,* in lần thứ tư; *Tiếng Kêu Nào / Bên Kia Thời Tiết/* tập chuyện; và, *Chỉ Như Mặt Khác Tấm Gương Soi / Reflection In The Looking Glass* (tuyển tập thơ song ngữ,) bản dịch của Phạm Trọng Lệ. Tập chuyện *Tiếng Kêu Nào /Bên Kia Thời Tiết/* và tập thơ *Chỉ Như Mặt Khác Tấm Gương Soi / Reflection in The Looking Glass* là hai sáng tác mới nhất của Du Tử Lê và, Hoa Thịnh Đốn là nơi phát hành đầu tiên.

Tưởng cũng nên lập lại rằng, đầu tháng tháng 4 vừa qua, Hội Lyon Texas và một số tạp chí ở Dallas-Fortworth cũng đã tổ chức buổi giới thiệu thi phẩm *Thơ Tình / Love Poem*s của Du Tử Lê. Và, sau đó, khu học chánh Dallas đã đặt mua 15 cuốn *Thơ Tình / Love Poems* để giảng dậy cho sinh viên theo học Ban Văn Chương nằm trong hệ thống đại học Khu Học Chánh Dallas.

NGUYỄN TRẦN PH.



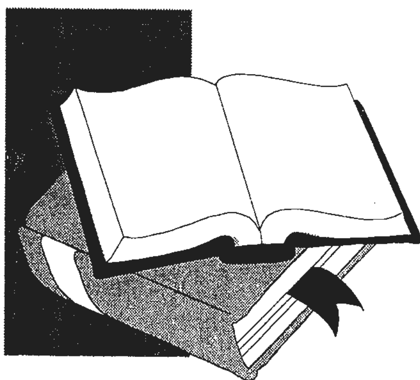
VĂN GHỆ giới thiệu

CHÂN TRẦN
tập truyện Y CHI
Bìa Khánh Trường.
Giá 14MK.
Mua tại các tiệm sách hoặc liên lạc với Văn Nghệ:
P.O.Box 2301 Westminster, CA 92683. USA



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



LỤC BÁT HUỆ THU, thơ Huệ Thư, bìa thử thư pháp Lan Hinh, trình bày Huệ Thu. H.T. xưat bản và phát hành . Giá 10MK.Liên lạc: Nhà xuất bản H.T. 548 Bryan Ave. Dunnyvale, CA 94086. USA.

Trên một trăm bài lục bát in trên giấy màu mỡ gà nhạt có hoa vân, khổ sách dài so với size sách bình thường. Lạ, trang nhã, mỹ thuật.

Trong "lời tựa" Huệ Thu giải thích: lý do bà làm thơ, và lại làm thơ lục bát, khởi nguồn từ tình yêu bà dành cho mẹ. Trong trí nhớ Huệ Thu, lời ru của mẹ, qua những đoạn ca dao, đã thấm đẫm tâm hồn bà. Có lẽ vì vậy, thơ Huệ Thu, phần nào, gần gũi với ca dao. Mộc mạc, hiền lành, gợi cảm.

Em về tưởng ánh trăng tan
Để cho thắt ruột quặn gan một lần
Ồ kìa trăng vẫn trong ngần
Ồ kìa câu hỏi dễ chừng ai quên?

Hay:

Em đi kệ nắng bên đường
Có cay mắt nhớ. Có buồn kệ em!
Có chìm những dấu chân chim
Những khi hờn giận đừng nhìn bữa nay

Những đoạn thơ như thế, đầy rẫy trong thi tập lục bát này. Nó buồn,

nhưng đó là một nỗi buồn nhẹ nhàng, man mác. Và lạ chưa, nó làm cho cuộc sống trở nên thơ mộng, huyễn hoặc như ca dao.

TRỐN VÀO GIẤC MƠ EM thơ Nguyễn Thị Thanh Bình. Bìa Đinh Cường. Phụ bản Đinh Cường, Ngọc Dũng, Võ Đình, Thái Tuấn, ký họa chân dung Khánh Trường. Phụ bản nhạc Phạm Duy. Thanh Văn xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: tổng phát hành Văn Nghệ: P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683. USA.

Hình thức đẹp, cũng in trên giấy màu mỡ gà nhạt. Trên 130 trang với trên trên 100 bài thơ.

"Thơ Nguyễn Thị Thanh Bình mang nỗi đau về những cõi không biết của con người; cõi ấy mênh mông, vô tận, và cũng là con đường của nghệ thuật: con đường tìm tòi, nhưng không biết thực hiện như thế nào? Bản chất nó là gì? Vẽ thế nào? Viết thế nào? Thế nào là thơ? Là không thơ? Là hội họa? Là dòng sông? Là con người? Là cuộc tình?

Em biết vẽ thế nào về một dòng sông ngồi khóc
Những giọt nước mắt sám hối
Điều đó mặc cả từng niềm đau đá cuội
Vâng em biết tô màu thế nào cho hài hòa với hạnh phúc bèo trôi
Khi những hạnh ngộ rồi cũng trăm nhánh chia phôi
Khi những đam mê rồi cũng trơ lòng như nước cạn
Khi anh là những đám rêu rong dật dờ trong mùa tình hạn hán
(Vô ảnh)

Cũng có khi Nguyễn Thị Thanh Bình tìm cách giải thích những câu hỏi về tình yêu, cuộc sống, nhưng rồi sự trả lời hiện đến chỉ là đêm tối. *Đêm* là cứu cánh, là tình yêu, là vũ trụ của Thanh Bình:

Phải không anh rồi em cũng yêu đêm
Em khát đêm như môi hôn bóng tối
...
Đêm càng sâu em càng không thể sờ chạm nắm với
(Ngụ ngôn)

Trong lời tựa, Thụy Khuê đã viết về thơ Nguyễn Thị Thanh Bình như thế.

TÂM BẤT SINH (NGỮ LỤC BANKEI) của Thiền sư Bankei, Thích Nữ Trí Hải dịch từ bản dịch Anh ngữ của Peter Haskel. Thanh Văn xuất bản. Giá 12MK. Văn Nghệ tổng phát hành.

"... Tôi phải làm sao với những nỗi giận dữ, ghen tuông, thù ghét, sợ hãi, buồn sầu, tham vọng, si mê trong tôi - tất cả những rắc rối thường xâm chiếm tâm tư con người? Tôi phải cư xử với công việc, cha mẹ, con cái, vợ hoặc chồng, tôi tớ, xếp của tôi như thế nào, tất cả những tương giao làm nên đời sống ấy? Thiền có cách nào giúp tôi không?

"... Bankei, con người đã giác ngộ, chia sẻ với chúng ta kinh nghiệm của ngài với tư cách một con người bằng máu thịt và nói lên những lời chân thực từ kinh nghiệm riêng ngài. Lời khuyên của ngài đi thẳng vào tim người, đấy là những lời nhắm thẳng vào con người trước mặt chứ không phải là thuyết lý trừu tượng..." (Mary Farkas - Lời Nói Đầu)

Một cuốn sách rất cần thiết cho tất cả mọi người. Nó hóa giải ược nhiều áp lực đang đè ép chúng ta, trong cuộc tranh đua dể sống còn trong xã hội hiện tại.

ÔNG KỲ LÂN, tập truyện ngắn Trần Long Hồ. Bìa Nguyễn Quốc Tuấn, phụ bản Đinh Cường. Minh Văn xuất bản. Giá 11MK. Liên lạc: nhà xuất bản Minh Văn, 2808 Graham Road, Fallịch sử Church, VA 22042. USA.

Gồm năm truyện ngắn trong số gần 40 truyện lấy cảm hứng từ huyền sử, cổ tích mà tác giả dự định sẽ hoàn tất trong thời gian tới. Một vài truyện độc giả đã có dịp tiếp cận trên tạp chí Hợp Lưu, như *Ông Kỳ Lân*. và gần đây nhất, *Ma Vương*. Mượn chuyện xưa để nói chuyện nay, lấy cái cũ để soi cái muôn đời. Đó là mục đích cả tác giả. Bằng văn phong sáng sủa và cấu trúc truyện hấp dẫn, trong giới hạn nào đó, Trần Long Hồ đã thành công. Mỗi truyện ngắn của ông đều có một "cửa khác", ngoài cánh cửa mà nội dung câu truyện đã dẫn ta đến.

Trong giới cầm bút hải ngoại, Trần Long Hồ là một trong số vài tác giả có sức sáng tác mạnh nhất. Người ta vẫn thường ngạc nhiên: làm sao, với công việc bề bộn của một bác sĩ chuyên khoa nội thương, Trần Long Hồ lại có thì giờ dành cho sáng tác nhiều đến vậy.

LÍNH THỢ O.N.S, tiểu thuyết của Đặng Văn Long, bìa Văn Sáng, nhà xuất bản Lao Động, Việt Nam. Giá 39.000$VN.

Tình nguyện đăng vào lính thợ sang Pháp thay cho một người bạn, rời quê hương ngày 19/11/1939, đến Pháp này 18/4/1940, làm việc tại nhiều trại lao động của lính thợ Việt Nam, từng tham gia các cuộc đấu tranh chống bọn chỉ huy Pháp.

Giải ngủ năm 1947, ở lại Pháp làm việc qua đủ các nghề lao động chân tay. Nghỉ hưu tháng 9/1979, tiếp tục hoạt động trong các hội đoàn của người Việt Nam tại Pháp.

Tuy gọi là "tiểu thuyết", nhưng cuốn sách gần với một hồi ký hay tự truyện hơn. Qua *Lính Thợ O.N.S.*, độc giả sẽ hiểu khá tường tận sinh hoạt

của 19.272 lính thợ Việt Nam làm việc tại Pháp từ những ngày đầu của cuộc chiến tranh Việt-Pháp.

Đây là một tư liệu lịch sử rất quí cho những ai muốn tìm hiểu về những người lính thợ, đặt dưới quyền Sở Nhân Công Bản Xứ của Pháp (Main d'oeuvre indigène), gọi tắt là MOI, và người Việt nam đã đọc chệch thành SỞ MỌI.

UỐNG TRÀ SỚM MAI, tranh bìa Đỗ Trung Quân, tác giả trình bày, nhà xuất bản Trìng Bầy. Không ghi giá bán và địa chỉ nhà xuất bản.

Gồm những bài lúc bát sáng tác trong khoảng thời gian 1962-1976 còn lại của tác giả Hoàng Ngọc Biên, một cây bút khá quen thuộc với độc giả Việt Nam thời trước 1975. Ông là tác giả của *Mười Nhà Văn Hiện Đại; Đêm Ngủ Ở Tỉnh; Marcel Proust, Con Người xã Hội; Tĩnh Vật Và Những Bài Thơ Khác; Marcel Proust (dịch) của Samuel Beckett...*

Tác giả đã giải thích lý do sự có mặt của những bài lục bát này bằng một lời rất ngắn và rất gọn: "những tiếng thở Kiều của bà nội tôi và âm nhạc đã làm nên những bài lục bát này".

Lời thơ nhẹ nhàng (như... lục bát), ý tình tha thiết, đằm thắm. Đó là cảm tưởng của người đọc khi đến với *Uống Trà Sớm Mai.* Một tập thơ rất nhã về hình thức, và rất sâu lắng trong nội dung.

BÊN BẠN BÊN THÙ, thơ Phạm Kim Khôi, bìa Minh Tuyền, tác giả xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: Nguyễn Thị Việt Nga, 7891 e. 23th Rd. St., Westminster, CA 92683. USA.

Thơ "chiến đấu", xác định chiến tuyến rõ ràng: "bên bạn bên thù".

DẶM XƯA, thơ Nguyễn Đăng Hưng, bìa tác giả, nhà xuất bản Trẻ, Sàigòn 1997. Không ghi giá bán.

Tác giả là giáo sư tiến sĩ tại đại học Liège, Bỉ. Trưởng bộ môn Cơ Học Phá Hủy thuộc Khoa Kỹ Thuật Hàng Không Không Gian (LTAS).

Một khoa học gia làm thơ, "một đam mê của tuổi trẻ đã trở thành một nghiệp dư của tuổi tráng niên tại hải ngoại..."

HỒI KÝ CỦA ĐẠI TƯỚNG WILLIAM C. WESTMORELAND hay **BẢN TƯỜNG TRÌNH CỦA MỘT NGƯỜI LÍNH.** Nhà xuất bản Thế Giới, 2471 Alvin St., San Jose, CA 95121. USA. Giá 18MK.

Từ trước đến nay, qua rất nhiều cuốn hồi ký đề cập đến chiến tranh Việt Nam của những tác giả Mỹ, chúng ta thường tiếp cận với những cái nhìn "tiêu cực" về quận đội và chính sách của Mỹ tại Việt nam: Đó là một cuộc chiến "phi lý và phi đạo đức".

Nay, qua cuốn hồi ký này, tướng Westmoreland, người trực tiếp chỉ quân

đội Mỹ tại Việt Nam, đã bằng một cái nhìn khác, ông muốn giúp mọi người nhận rõ "nỗ lực chiến đấu của quân đội Hoa Kỳ mang nhiều lý tưởng, với mục tiêu muốn dùng sức mạnh để ngăn chặn làn sóng xâm lăng của cộng sản..."

Tất nhiên, như bất cứ cuốn hồi ký nào, của bất cứ ai, cũng đều mang nặng tính cách chủ quan. Điều này không quan trọng. Cái quan trọng là qua đó, sau này, các sử gia và các nhà nghiên cứu sẽ có thêm nhiều tư liệu, dưới nhiều hướng nhìn khác nhau, để có thể vẽ lại trung thực hơn, một giai đoạn lịch sử.

Bằng đánh giá ấy, hồi ký của tướng William C. Westmoreland là một cuốn sách rất nên đọc.

ĐÊM GIỮA BAN NGÀY, hồi ký của Vũ Thư Hiên, Bìa Khánh Trường. Giá 28MK. Ngoài Mỹ thêm 4MK. Văn Nghệ xuất bản.

Dày trên 750 trang. Một cuốn sách có lẽ "hót" nhất trong năm, được nhiều người trông đợi từ lâu.

Trong "Tự Bạch" in ở đầu cuốn sách, tác giả Vũ Thư Hiên đã giới thiệu cuốn hồi ký này, như sau:

"Ba mươi năm đã trôi qua kể từ khi miền bắc Việt Nam mở ra một vụ án lớn, cho đến nay vẫn còn là chuyện khó hiểu đối với nhiều người.

"Trong nhân dân, vụ án này có tên là vụ "Xét lại chống Đảng". Tên chính thức của nó ít ai được biết, kể cả các đảng viên CS, là "Vụ án tổ chức chống Đảng, chống Nhà Nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài." Đây là tấn bi kịch lớn nhất trong hàng ngũ những người Cộng Sản ở Việt Nam, từ nhà cách mạng lão thành suốt đời đấu tranh cho độc lập dân tộc cho tới đứa trẻ vừa lọt lòng mẹ trong nền độc lập đã dành được."

Là con của Vũ Đình Huỳnh, bí thư của chủ tịch Hồ Chí Minh, Vũ Thư Hiên cũng đã bị bắt sau bố một thời gian ngắn, cùng với rất nhiều nhân vật khác, từ quyền cao chức trọng đến vô danh tiểu tốt, và đã bị giam chín năm tại Hỏa Lò. Cuốn hồi ký ghi lại rất nhiều sự kiện lịch sử quan trọng.

THƯ GỬI BẠN TA tập III, Bùi Bảo Trúc. Nhà xuất bản Văn Nghệ, giá 16MK.

Vẫn tài hoa, thông minh và quảng bác, Thư Gửi Bạn Ta tập III, về mặt nội dung, vẫn là một cuốn sách đáng đọc. Đọc, để tìm cho mình những nụ cười. Đọc, để thấy thế giới này đa dạng, phong phú, và do đó, đáng sống biết bao nhiêu.

Trong thể loại này, Bùi Bảo Trúc xứng đáng là một "độc cô cầu bại". Thật khó có ngòi viết nào viết hay hơn.

YÊU CON DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT của Đỗ Quí Toàn, bìa Khánh

Trường, Văn Nghệ tái bản lần thứ nhất. Giá 8MK.

Như nhan đề của cuốn sách, đây là một tác phẩm rất cần cho các phụ huynh muốn dạy dỗ con cái để chúng trở thành một "người Việt" như mong muốn.

TIẾNG KÊU NÀO / BÊN KIA THỜI TIẾT / tập truyện, bìa Khánh Trường và **CHỈ NHƯ MẶT KHÁC, TẤM GƯƠNG SOI (REFLECTION IN THE LOOKING GLASS,** thơ, song ngữ, bìa Hồ Thành Đức. Tác giả: Du Tử Lê. Tủ Sách Văn Học Nhân chứng xuất bản.

Hai tác phẩm mới của một ngòi viết cũ.

Bằng một ngôn ngữ rất riêng, truyện và thơ của Du Tử Lê không lẫn, và không thể lẫn, với bất cứ tác giả nào khác. Chính sự cá biệt này đã tạo cho Du Tử Lê một chỗ vững vàng trong dòng văn học Việt Nam hiện đại.

Độc giả nào đã yêu Du Tử Lê, đã có cho mình một sưu tập những tác phẩm của Du Tử Lê, nên tìm mua ngay hai cuốn sách mới này.

CÓ YÊU EM KHÔNG?, tập truyện, bản tiếng Việt, Tân Thư tái bản lần thứ nhất, giá 16MK; **EST-CE QUE TU M'AIMES?**, bản tiếng Pháp, dịch giả Phan Huy Đường, nhà xuất bản Philippe Picquier, giá 125F (mua tại các nhà sách tại Âu châu và các nhà sách ngoại văn trên thế giới, hoặc liên lạc với nhà xuất bản Philippe Picquier: Mas de Vert, 3200, Arles. France) & **CHUNG CUỘC**, tập truyện, Tân Thư xuất bản lần thứ nhất, giá 14MK. Tác giả: Khánh Trường.

Sách in đẹp, mỹ thuật. Muốn mua sách có chữ ký của tác giả (thêm 2MK cước phí trong nước Mỹ, 5MK cước phí máy bay - kể cả Úc, Á châu - ngoài nước Mỹ), gửi Check hay Money Order về địa chỉ: Truong Khanh Nguyen, P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA.

THƠ THẨN, thơ Võ Phiến, phụ bản màu của Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Nguyễn Nhật Tân. An Tiêm xuất bản. Giá 10MK. Văn Nghệ tổng phát hành.

Trong lời đầu tập, nhà văn Võ Phiến viết:

Thơ vẫn lắm loài. Về một phương diện, ít ra có thể phân biệt một loại là thơ thơ, và một loại khác là thơ thẩn.

...

Thơ thẩn không phải làm, tự nhiên mà có. Bất cứ ai, không cứ là thi sĩ, không cần đến tay nghề tay nghiếc gì cả, đều có thể có thơ thẩn...

Trong tinh thần đó, chúng ta sẽ bắt gặp trong *Thơ Thẩn* của Võ Phiến nhiều điều lý thú.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



VỚI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC



Cô **H.A.** (TX): Lẽ ra, phải có thư riêng đến cô như yêu cầu. Nhưng thời gian gần đây, vì lý do riêng, tôi không thể thực hiện được nhiều việc như ý muốn. Sau đây, xin vắn tắt trả lời các câu hỏi của cô:

Yếu tính của truyện ngắn là ngắn. Càng ngắn mà càng chở được nhiều tình ý thì càng thành công. Qui luật này xem ra khá khó khăn với những người mới cầm bút. Nhưng phải tập, phải luyện, phải có đủ can đảm tướt, lóc, gọt, tỉa, chặt, bỏ từng câu, từng đoạn văn, sao cho không thể nào cắt, lóc, gọt tỉa, chặt, bỏ được nữa, mới thôi. Tôi có một người bạn, đã là nhà văn. Rảnh, ông ta ghi danh học thêm cách viết văn tại đại học. Buổi đầu, ông viết một tạp bút 10 trang, thầy đề nghị ông rút còn phân nửa. Ông làm, thầy lại bảo tìm cách chỉ giữ 1/3 số trang vừa rút, mà vẫn không mất hết ý nghĩa của bản văn đầu tiên... Cứ thế, cho đến lúc cái tạp bút của ông chỉ còn lại chưa đầy trang, mà lạ chưa, điều ông muốn nói vẫn nói được, trọn vẹn. Từ đó ông phát hiện ra một sự thật buồn bã: ông đã là nhà văn, nhưng chỉ là "nhà văn có trọng lượng" mà không phải là "nhà văn có chất lượng".

Điều thứ hai: Chúng ta đang viết văn bằng tiếng Việt, cho người Việt đọc. Trừ những trường hợp chẳng đặng đừng, nên tránh dùng ngoại ngữ được chừng nào tốt chừng đó. Đành rằng nhân vật ấy là người Mỹ, nhưng không phải vì thế mà cô bắt chị ta đấu hót linh tinh từ đầu chí cuối bằng tiếng Mỹ, khiến người đọc, dù hiểu rành ngôn ngữ ấy, cũng phát cáuvì cái món "giả cầy" tây ta tạp chủng họ buộc phải nuốt. Huống chi, độc giả Việt Nam lại sống rải rác trên khắp thế giới, nói bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, và nhất là độc giả ở nội địa. Cô tưởng tượng xem, họ có chịu khó theo cô cho hết câu chuyện chăng, khi mà, từ những dòng đầu, họ đã bị những câu văn Mỹ dài lê

thê của cô làm cho mịt mù nhân ảnh!

Hoặc viết thuần bằng ngoại ngữ, hoặc chỉ sử dụng tiếng mẹ đẻ. Cô nên dứt khoát chọn lựa, trước khi đặt bút xuống trang giấy. Chọn lựa được rồi, mới có thể nói đến chuyện khác, rất nhiều chuyện khác, của nghề văn. Mong cô không nãn và thành công ở các sáng tác mới. Thân mến.

Ông **LNH** (Đức): Những "tấm giấy" ấy đã đến nơI an toàn, và qua trị giá tương đương, chúng tôi vừa gửi đến ông một ít báo cũ. Hy vọng chúng sẽ đến tay ông sớm. Những số còn lại, ông cứ tiếp tục order theo phương thức cũ, ngoại trừ các số 1, 4, 6, 8 và 12, đã tuyệt bản. Thân kính.

Ông **LMB** (Canada): Hai số báo vừa qua, vài nhà sách bên ấy đã không nhận được, chúng tôi phải gửi bù bằng phương tiện nhanh, có nghĩa cước phí tăng gấp 4 lần. Và độc giả dài hạn, cũng thế, nhiều tờ bị trả lại (mỗi số báo bị trả lại, chúng tôi phải đóng thêm một số tiền đương đương như lúc gửi đi cho bưu điện, mới lấy về được), hoặc bị ném vào hư vô! Một điều đáng ngạc nhiên hơn: những gói sách gửi bằng đường bộ, thì nhân viên bưu điện lại khuyến khích nên gửi bằng máy bay, vì giá cả cước phi đường bộ chỉ chênh lệnh vài mươi cent so với giá gửi máy bay! Nói tóm lại, nhà nước Canada vừa áp dụng các luật lệ... không giống ai: đánh thuế sát sạt mọi loại văn hóa phẩm, và giá cả bưu điện thì "trời ơi" như đã dẫn trên.

Từ lâu, *Hợp Lưu* chịu phần thiệt thòi khi cố duy trì giá báo dài hạn cho các độc giả cư ngụ tại Canada tương đương độc giả ở Mỹ. Nhưng với tình trạng cước phí và thuế má hiện nay, có lẽ chúng tôi phải có biện pháp khác

Đã gửi bù đến ông HL số 34. Kính.

Bà **HN** (Cali): Vâng, chúng tôi vẫn cố gắng thực hiện các số chủ đề. Nhưng không thể thường xuyên như bà muốn được đâu. Có quá nhiều khó khăn, từ nhân sự đến tư liệu. Làm được như đã làm, là đã nỗ lực đến mức tối đa có thể. Ghi nhận và cảm ơn ý kiến của bà. Kính

Anh **THLV** (Cali): Xin anh xem phần trả lời cô HA bên trên. Mến.

Cô **PMHA** (Cali): Mỗi tờ báo có một khuynh hướng chọn lựa bài vở riêng. Tuy nhiên vẫn không ra khỏi qui luật chung: đến gần nhất sự hoàn thiện, về tư tưởng lẫn văn chương. Riêng chúng tôi, không vụ vào những cái name. Một ngòi bút mới toanh, viết hay, và một tác giả đã nổi danh, viết dở. Chúng tôi chọn ngòi bút mới, không lưỡng lự nửa giây. Thân mến.

HỢP LƯU

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của ông bà Trương Đình Nho, giám đốc nhà xuất bản Đại Nam
báo tin sẽ tiễn đưa thứ nữ là

cháu TRƯƠNG KHÁNH LINH

về nhà chồng vào ngày 10 tháng 5 năm 1997

Ban chủ trương Hợp Lưu chia vui cùng ông bà Trương Đình Nho và chúc cháu TRƯƠNG KHÁNH LINH hạnh phúc mãi mãi.

CHÚC MỪNG

Hợp Lưu vừa nhận được hồng thiệp báo tin lễ thàng hôn của

anh BÙI VĨNH PHÚC

sẽ kết duyên cùng

chị VŨ HOÀNG KIỀU

Hôn lễ sẽ được cử hành tại
Thánh đường ST. POLYCARP, Stanton, California. USA
vào lúc 12 giờ trưa ngày 21/6/1997
(tức ngày 17 tháng 5 năm Đinh Sửu)

Ban chủ trương Hợp Lưu thành thật chia vui
và chúc anh chị trăm năm hạnh phúc



Nhà xuất bản TÂN THƯ giới thiệu

CHUNG CUỘC

tập truyện ngắn KHÁNH TRƯỜNG

Bìa tác giả trình bày

Giá 14MK.

KHANH TRƯƠNG

CHUNG CUỘC

tập truyện

TÂN THƯ

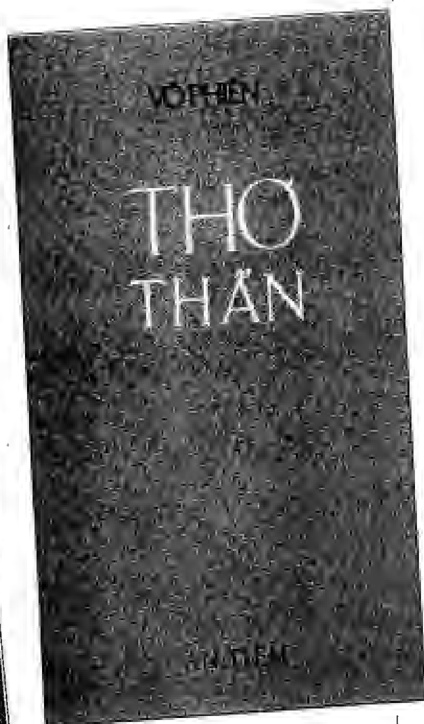
Nhà xuất bản VĂN NGHỆ giới thiệu

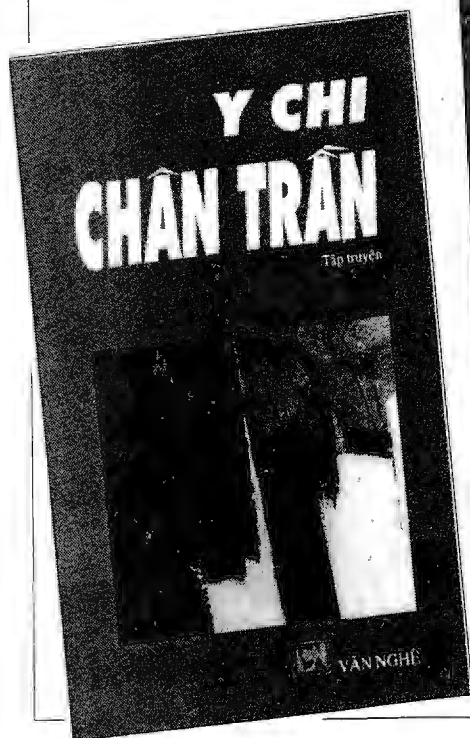
THƠ THẨN

thơ VÕ PHIẾN.
phụ bản Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Nguyễn Nhật Tân
AN TIÊM xuất bản
Giá 10MK.

CHÂN TRẦN

tập truyện Y CHI
bìa Khánh Trường
VĂN NGHỆ xuất bản
Giá 14MK





minh văn

NHÀ SÁCH • NHÀ XUẤT BẢN • PHÁT HÀNH

2808 Graham Road, Falls Church, CA 22042

ĐT: (703) 698-8490 / 698-8491 Fax: (703) 204-9239

Mở cửa: 10AM đến 07PM, 7 ngày trong tuần

E-mail: qttran@mindspring.com

URL: http://www.saigonnet.com/books/minhvan/

MỜI QUÍ VỊ TÌM ĐỌC

tuyển tập truyện ngắn huyền thoại

ÔNG KỲ LÂN

của TRẦN LONG HỒ

Sách đã phát hành khắp nơi. Xin liên lạc với MINH VĂN hay các nhà sách trong vùng

nhà sách Minh Văn

SÁCH - TẠP CHÍ: Đầy đủ tất cả các loại sách và tạp chí

TRÀ - BÌNH TRÀ: Đủ loại trà, bình trà đẹp, hiếm, quí.

NHẠC: Video, CD, cassettes,... Nhạc mới về hàng tuần, giá rẻ.

TRANH: Nhiều tranh của Việt Nam và Âu Mỹ.

TƯỢNG, HÒN NON BỘ: Đủ loại, có suối chảy, khói sương

SÁCH ĐƯỢC SẮP XẾP NGĂN NẮP, VỪA ĐẸP MẮT, VỪA DỄ TÌM.

QUÍ VỊ CÓ THỂ MUA HÀNG QUA BƯU ĐIỆN



Yêu Văn học, mời đọc

Khởi Hành

Tạp Chí Sáng Tác Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật Xuất Bản Hàng Tháng

Khởi Hành 1, 11-1996: PHÙNG CUNG: Dạ Ký viết từ Hà Nội (đặc biệt của KH). LÊ TRỌNG PHƯƠNG: W. SZYMBORSKA, Nobel Văn chương 1996. NG. TÀ CÚC: Vụ Ám Sát nhà thơ Nhượng Tống. NGUYỄN HỮU HIỆU: Thế giới Bên Kia. G.de MAUPASSANT: Truyện Ma do các Văn hào viết. NG. SỸ TẾ: Triết Lý Thực Dụng. TRẦN HỒNG CHÂU, HUY TRÂM, SONG HỒ: Thơ.

Khởi Hành 2, 12-1996: ĐỖ KHÁNH HOAN dịch M. de ASSIS: Lễ Đêm. NG. HIẾN: Lịch sử bản Đêm Thánh Vô Cùng. VŨ ĐÌNH TRÁC: Huyền Thoại Dựng Nước. TRẦN LAM GIANG: dịch thơ chữ Hán Nguyễn Du. HOÀNG NGỌC LIÊN: Cái chết của sử gia Phạm V Sơn. TRẦN VĂN NAM: Nghĩ về Trường Sa Hành của Tô Thuỳ Yên. CHARLES DICKENS: Truyện Ma do các Văn hào viết. NGUYỄN HỮU HIỆU: Thế giới Bên Kia. TÌNH SỬ: Thôi Hộ, Chúc Anh Đài...CUNG TRẦM TƯỞNG, HOÀNG XUÂN SƠN, NG ĐỨC VINH, HẢI PHƯƠNG: Thơ. MARK TWAIN: Lời Tác Giả.

Khởi Hành 3, 1-1997: PHÙNG QUÁN: Di Cảo (đặc biệt của KH). VIÊN LINH: Chiêu Niệm Phùng Quán. TRẦN TRỌNG SAN dịch thơ Đào Tiềm. HỒ TRƯỜNG AN: Ăn Mắm Thấm Về Lâu. TRẦN ĐÌNH NGỌC: Ăn Tết Thôn Quê. G. B. SHAW, OSCAR WILDE: Lời Tác Giả. TR.V. NAM: Thanh Nam và bài Thơ Xuân Đất Khách. Truyện Ma do các Văn hào viết. Thế Giới Bên Kia...MẶC THU, CAO TIÊU, PHAN NHẬT NAM, LƯU NGUYỄN: Thơ. Minh hoạ: PHẠM HOÁN. Cùng tin tức hình ảnh sinh hoạ văn nghệ thế giới.

Khởi Hành 4, 2-1997: Ký Giả LÔ RĂNG: Chiêu Niệm Nhượng Tống. PHÙNG CUNG: Ván Cờ Khai Xuân (đặc biệt của KH, chưa từng đăng báo kể cả ở trong nước). ĐỖ KHÁNH HOAN dịch ISABEL ALLENDE. PHAN LẠC TIẾP: Hoá Vàng. BÙI BÍCH HÀ: Đi Nhà thờ ở Las Vegas. LUÂN HOÁN: Kỷ niệm với Phan Như Thức. ĐOÀN THANH LIÊM, NG H. HIỆU: Kỷ niệm, hình ảnh với Trần Dần. TẠ TY, HOÀNG LẬP NGÔN, HUY TRÂM, HOÀNG LỘC, PHẠM NGŨ YÊN, VƯƠNG NGUYỆN, TRẦN LỘC, THUÝ SƠN: Thơ.

Khởi Hành 5, 3-1997: MẶC THU: Đinh Hùng, Những Đêm Hà Nội. THÁI VĂN KIỂM: Sáng Tạo Trước Vận Hội Mới. ĐÀO MỘNG NAM: Thơ Tình Hải Thượng Lãn Ông. VIÊN LINH: Niềm Tin Sao Chổi. HỒ TRƯỜNG AN: Náo Nức Xuân Dài. HOÀNG PHONG LINH: Mẹ. Đặc Biệt Kỷ Niệm Bình Nguyên Lộc với TRỌNG MINH. TRẦN BÁT NHÃ: Đoản Văn. Cùng các mục thường xuyên: Tình Sử Trung Hoa, Thế Giới Bên Kia. CUNG TRẦM TƯỞNG, HOÀNG HƯƠNG TRANG, NGUYỄN ĐẠT, NGỮ AN, HÀ QUỐC HUY: Thơ.

Khởi Hành 6, 4-1997: VƯƠNG ĐỨC LỆ: Thơ Làm Ở Cửa Bắc Hà Nội. PHAN LẠC PHÚC: Ba Cái Chết Sau 30 Tháng Tư. MẶC THU: Những Ngày Cuối Cùng của Chu Tử. VIÊN LINH, TRẦN DẠ TỪ: Kỷ Niệm Với Chu Tử. CHU TỬ tự thuật: TT Tâm Ấn và La Fontaine, Tắm Truồng. VŨ THƯ HIÊN: Đêm Giữa Ban Ngày: Nơi Bà Hồ Chí Minh Bị Ném Xác. (Và huyết thư về vụ thủ tiêu ba chị em Bác Gái). Cùng các mục thường xuyên: MARK TWAIN (NG HỮU HIỆU dịch): Truyện Ma do các Văn hào kể. Tình Sử Trung Hoa.

Giá 2 mỹ kim một số gửi tới tận nhà, 24 mỹ kim một năm 12 số. (Ngoài HK thêm 1.50 mk tem một số). Chi phiếu đề Khởi Hành và gửi về KHỞI HÀNH, P.O. BOX 670 MIDWAY CITY, CA. 92655.

đã phát hành:

- THƠ TÌNH / LOVE POEMS,
thơ, in lần thứ tư, 200 trang, giá 12 mỹ kim

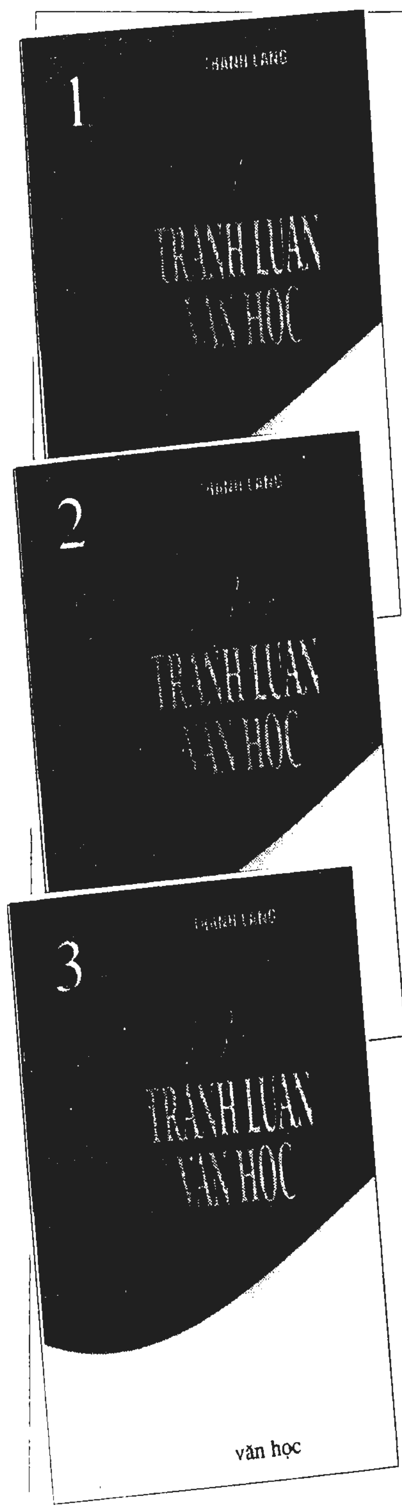
- TIẾNG KÊU NÀO/
BÊN KIA THỜI TIẾT/
tập chuyện, 180 trang, 12 mỹ kim

- EM VÀ, MẸ VÀ, TÔI LÀ MỘT NHÉ
tùy bút, 130 trang, 7 mỹ kim

- CHỖ MỘT ĐỜI EM VẪN ĐỂ, DÀNH
tùy bút, 200 trang, 12 mỹ kim

- CHỈ NHƯ MẶT KHÁC
TẤM GƯƠNG SOI/
EFLECTION
IN THE LOOKING GLASS
thơ, 104 trang, giá 8 mỹ kim.

Có thể hỏi nơi tiệm sách, hoặc liên lạc với
Nhà phát hành Văn Nghệ: (714) 527-5761.
Đại Nam: (818) 244-0331.



ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

13 NĂM TRANH LUẬN VĂN HỌC

của giáo sư THANH LÃNG

Một bộ sách bổ ích và cần thiết đối với công việc nghiên cứu, tìm hiểu một thời kỳ văn học (1932 - 1945).

Trọn bộ 3 cuốn,
tổng cộng trên 1,600 trang.

Giá 50.00MK.
(Sách in giới hạn, chỉ bán trọn bộ)

VĂN NGHỆ *tổng phát hành*
P.O.Box 2310 Westminster, CA 92683.
USA
Tel: (714) 527-5761

DÂN CHỦ & PHÁT TRIỂN

TẠP CHÍ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ VÀ VĂN HÓA

ZEITSCHRIFT FÜR POLITIK, WIRTSCHAFT UND KULTUR
ZUSAMMENFASSUNG IN DEUTSCH

SỐ 9 ♣ 5. 1997

NỘI TÌNH Ở TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CSVN SAU ĐH 8

- Phe Lê Khả Phiêu công khai tấn công Võ Văn Kiệt
- Nội tình phe bảo thủ: Đồng sàng dị mộng
- Thế của Võ Văn Kiệt
- Đổi mới: Kinh tế thị trường và tư bản đỏ
- Ngoại giao cho đảng không nhất thiết là ngoại giao của quốc gia
- Tại sao lại không được quyền về thăm nhà ?

Cùng nhiều bài nghiên cứu khác

HIỆP HỘI DÂN CHỦ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
GESELLSCHAFT FÜR DEMOKRATIE UND ENTWICKLUNG VIETNAM
ASSOCIATION FOR DEMOCRACY AND DEVELOPMENT OF VIETNAM

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

hân hạnh giới thiệu
hai tập nhạc Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ **Lê Văn Khoa*** biên soạn





Giá: US$12.00 mỗi tập (kể cả cước phí).
Nếu mua cả hai tập: US$22.00 (kể cả cước phí).

Liên lạc: VAALA
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840 USA
ĐT (714) 537-8352 • FAX (714) 638-1944
E-mail: vaala@kicon.com • Web : http://kicon.com/vaala
Hoặc: Người Việt,
14891 Moran St., Westminster CA 92683 USA
ĐT (714) 892-9414 • FAX (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com • Web: http://kicon.com/nguoiviet

*nhạc sĩ Lê Văn Khoa hiện là Phó Chủ Tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA)

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi rõ bằng CHỮ IN)

Tôi tên ______________________________

Địa chỉ ______________________________

Điện thoại ______________________________

nhận mua dài hạn tạp chí *Hợp Lưu* bắt đầu từ số ______ theo giá biểu sau đây (cho một năm):

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư (Four class): 40MK ☐ • Hạng nhất (First class): 50MK ☐

Âu châu:

Đường thủy (Surface A.O.) 50MK ☐ • Máy bay (Air mail): 70MK ☐

Úc, Á châu:

Đường thủy (Surface A.O.) 50MK ☐ • Máy bay (Air mail): 80MK ☐

Nội địa Hoa Kỳ và Canada trả bằng **Check (Mỹ kim).**
Ngoài Hoa Kỳ và Canada trả bằng **Money Order International**, về:

HỢP LƯU
P.O.Box 277
Garden Grove, CA 92842. USA

• Cho tòa soạn biết ngay (bằng thư hoặc điện thoại) nếu gặp các trường hợp sau: 1) Đổi địa chỉ (nhớ ghi cả địa chỉ cũ) - 2) Không nhận báo đúng thời hạn - 3) Báo hư, rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ gửi bù trong thời gian nhanh nhất (không cần trả lại số báo hư).

• Chúng tôi sẽ có thư báo hết hạn kèm trong số báo cuối cùng của chu kỳ mua dài hạn, xin lưu ý đừng để thất lạc (có thể xem hàng đầu trên label để kiểm chứng).

• Độc giả ở Âu châu có thể trả tiền cho đại diện tại Pháp:

Mr. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013, Paris, France.



Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2310, Westminster, CA 92683. USA
Tel: (714) 527-5761

Trân trọng giới thiệu:

ĐÊM GIỮA BAN NGÀY

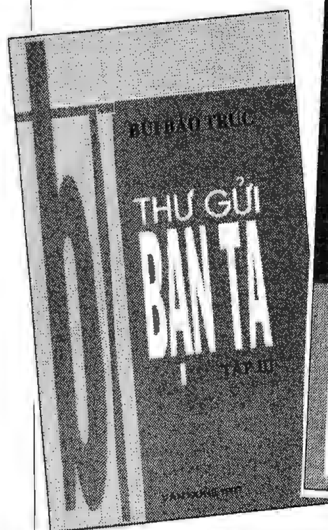
Hồi ký của **VŨ THƯ HIÊN**
Bìa Khánh Trường. Dày gần 800 trang.
Giá 28.00MK. Ngoài Mỹ 32.00MK

YÊU CON DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT

Của **ĐỖ QÚY TOÀN**
Bìa Khánh Trường
Tái bản lần thứ nhất. Hơn 150 trang.
Giá 8.00MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK

THƯ GỬI BẠN TA tập III

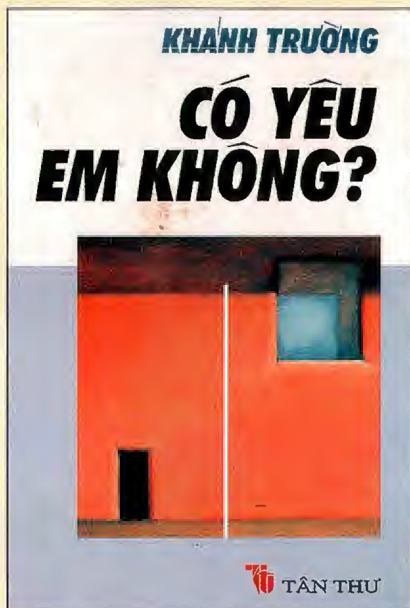
Của **BÙI BẢO TRÚC**
Bìa Khánh Trường
Chân dung tác giả: Ký Giả Hạng Bét (Ngô Vương Toại)
Dày trên 350 trang.
Giá 16.00MK. Ngoài Mỹ thêm 3.00MK







ĐÃ PHÁT HÀNH



truyện ngắn
khánh trường

Tác giả trình bày bìa
Bản tiếng Việt tái bản lần thứ I
Giá 16MK. Ngoài Mỹ 19MK.

Liên lạc:
Nhà xuất bản TÂN THƯ
P.O.Box 277
Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714) 537-5229



est-ce que
tu m'aimes?

Dịch giả PHAN HUY ĐƯỜNG

Bìa Trần Văn Cẩn
Giá 125F.

Liên lạc:
Éditions Philippe Picquier
Mas de Vert, 13200, Arles
France